THERAVADĀ

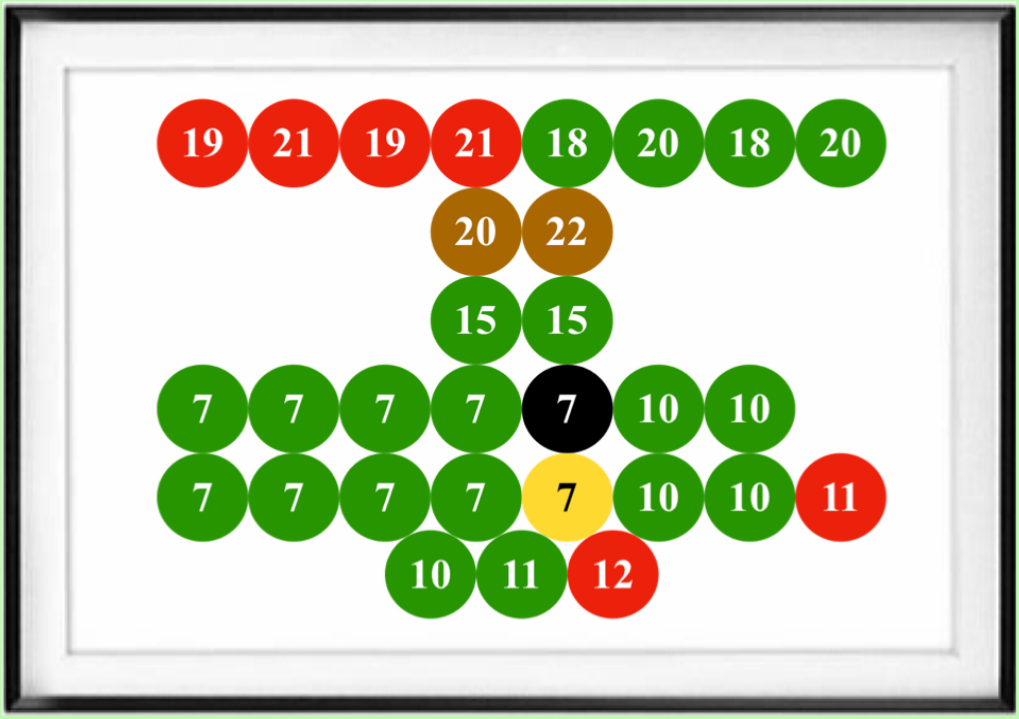

GIÁO TRÌNH

VI DIỆU PHÁP

SƠ ĐẲNG TẬP III

Hòa thượng Tiến sĩ Bửu Chánh biên soạn
Nguyên Như biên tập

Lời nói đầu,

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā đó, Ngài là bậc Arahan cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.

Những loài hữu tình được sanh ra trong ba cõi với thiên hình vạn trạng, khác nhau hết thảy về mọi mặt từ thân, khẩu cho đến ý. Trong thế gian, việc thuận lòng thì ít mà việc bất toại nguyện thì lại quá nhiều. Người thành công thì chẳng được bao nhiêu, mà người bất đắc chí thì hằng hà sa số. Vì sao sự thành công, thất bại, danh thơm, tiếng xấu, khen ngợi, chê bai, hạnh phúc và khổ đau của mỗi con người khác nhau? Làm sao chúng ta có thể thoát ra được cảnh trầm luân sanh tử?

Để lý giải những vấn đề trên, chúng ta không thể bỏ qua môn học Vi Diệu Pháp, một trong ba tạng thánh điển mà Đức Thế Tôn đã truyền lại cho hàng hậu bối chúng ta. Môn học nầy hết sức uyên thâm và khó hiểu, cho nên rất nhiều người đã bỏ cuộc.

Hoà Thượng Tiến Sĩ Bửu Chánh sau chuyến đi hoằng pháp tại Hoa Kỳ mùa đông năm 2019. Ngài đã về lại Việt Nam

và tập trung giảng dạy liên tục nhiều tháng liền tại Thiền Viện Phước Sơn trong mùa COVID, và quyển **GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP SƠ ĐẲNG** này do nhân duyên đó đã ra đời.

Hiểu được tạng Vi Diệu Pháp thì những kiến thức nhân sinh quan của chư vị sẽ được thay đổi rất nhiều. Quý vị sẽ không thấy Đạo Phật là một tôn giáo nữa mà thật ra đó là một khoa học tân tiến nhất của loài người. Sử dụng được những kiến thức Vi Diệu Pháp sẽ giúp đỡ cho quý vị rất nhiều trong pháp hành thiền Tứ Niệm Xứ. Có thể nói một cách khiêm tốn, quý vị đang từng bước đi trên con đường Bát Thánh Đạo.

Chúng con kính dâng món pháp bảo này đến Sư Phụ Bửu Chánh, đến Chư Tăng và Giáo hội Tăng Già cao quý.

Nguyên Như kính bút
Tháng Sáu 2023, Virginia

Lời tri ân,

Chúng con thành kính tri ân Sư Phụ Bửu Chánh - Người đã biên soạn bài giảng trong bộ **GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP SƠ ĐẲNG** này,

Chúng con thành kính tri ân cô Tu nữ An Nhiên và quý cô Tu nữ đã gửi bài đánh máy đến chúng con. Chúng con kính tri ân Tina Nguyễn đã phụ với chúng con dò lại từng chi pháp và lỗi chính tả cũng như quý bạn đạo đã hết lòng ủng hộ tinh thần cũng như khuyến khích và nâng đỡ chúng con trong quá trình hoàn thành bộ sách.

Chúng con mong rằng sự đóng góp nhỏ bé này có thể giúp cho những vị có lòng muốn nghiên cứu về Tạng Luận có thể đến gần hơn với môn học Vi Diệu Pháp uyên thâm của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Nguyên Như kính bút
Tháng Sáu 2023, Virginia

Hồi hướng,

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc, trầm luân.

Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.
Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất cả sanh linh.

Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đồng đều nhau cả thảy.

Những việc thiện lành do chúng con làm nơi đây tuy kẻ nhiều người ít, kẻ trước người sau, song về phần phước thiện thanh cao, tất cả chúng con nói chung, mỗi người

trong chúng con nói riêng phước thiện đồng đều nhau cả thảy.

Sadhu! Sadhu! Sadhu!

SÁCH THAM KHẢO

* Bản Giải Siêu Lý Tiểu Học - Ngài Hoà Thượng Tịnh Sự
* Vi Diệu Pháp Nhập Môn - Ngài Hoà Thượng Giác Chánh
* Triết Học A Tỳ Đàm - Sư Giác Nguyên
* A manual of Abhidhamma (Abhidhamma Sangaha) - Narada Maha Thera
* A Comprehensive Manual of Abhidhamma - Bhikkhu Bodhi

ABHIDHAMMA

THỌ HỶ
THỌ XẢ
THỌ ƯU
THỌ KHỔ
THỌ LẠC

CITTA - TÂM VƯƠNG

54 TÂM DỤC GIỚI

12 TÂM BẤT THIỆN
→ THAM
→ SÂN
→ SI

18 TÂM Vô NHÂN
→ QUẢ BẤT THIỆN
→ QUẢ THIỆN
→ DUY TÁC

24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO
→ THIỆN
→ QUẢ THIỆN HỮU NHÂN
→ DUY TÁC

15 TÂM SẮC GIỚI
→ THIỆN
→ QUẢ
→ DUY TÁC

12 TÂM Vô SẮC GIỚI
→ THIỆN
→ QUẢ
→ DUY TÁC

40 TÂM SIÊU THẾ

ĐẠO
← SƠ ĐẠO → SOTĀPATTIMAGGACITTA (TU ĐÀ HƯỜN ĐẠO)
← NHỊ ĐẠO → SAKADĀGĀMIMAGGACITTA (TƯ ĐÀ HÀM ĐẠO)
← TAM ĐẠO → ANĀGĀMIMAGGACITTA (A NA HÀM ĐẠO)
← TỨ ĐẠO → ARAHATTAMAGGACITTA (A LA HÁN ĐẠO)

QUẢ
← SƠ QUẢ → SOTĀPATTIPHALACITTA (TU ĐÀ HƯỜN QUẢ)
← NHỊ QUẢ → SAKADĀGĀMIPHALACITTA (TƯ ĐÀ HÀM QUẢ)
← TAM QUẢ → ANĀGĀMIPHALACITTA (A NA HÀM QUẢ)
← TỨ QUẢ → ARAHATTAPHALACITTA (A LA HÁN QUẢ)

CETASIKA-TÂM SỞ

13 SỞ HỮU TỢ THA
7 SỞ HỮU BIẾN HÀNH: XÚC, THỌ, TƯỞNG, TƯ, NHẤT HÀNH, MẠNG QUYỀN, TÁC Ý
6 SỞ HỮU BIỆT CẢNH: TẦM, TỨ, THẮNG GIẢI, CẦN, HỶ, DỤC

14 SỞ HỮU BẤT THIỆN
SI PHẦN (4) (SỞ HỮU BẤT THIỆN BIẾN HÀNH): SI, VÔ TÀM, VÔ QUÝ, PHÓNG DẬT
THAM PHẦN (3): THAM, TÀ KIẾN, NGÃ MẠN
SÂN PHẦN (4): SÂN, TẬT, LẬN, HỐI
HÔN PHẦN (2): HÔN TRẦM, THỤY MIÊN
HOÀI NGHI (1): HOÀI NGHI

25 SỞ HỮU TỊNH HẢO
19 SỞ HỮU TỊNH HẢO BIẾN HÀNH: TÍN, NIỆM, TÀM, QUÝ, VÔ THAM, VÔ SÂN, HÀNH XẢ, TỊNH THÂN, TỊNH TÂM, KHINH THÂN, KHINH TÂM, NHU THÂN, NHU TÂM, THÍCH THÂN, THÍCH TÂM, THUẦN THÂN, THUẦN TÂM, CHÁNH THÂN, CHÁNH TÂM
TIẾT CHẾ (GIỚI PHẦN) (3): CHÁNH NGỮ, CHÁNH NGHIỆP, CHÁNH MẠNG
VÔ LƯỢNG PHẦN (2): BI, TÙY HỶ
TRÍ TUỆ (1): TRÍ TUỆ

RŪPA SẮC = 28 {12 SẮC THÔ + 16 SẮC TẾ}

TỨ ĐẠI: ĐỊA, THỦY, HỎA, PHONG → ĐẠI CHỦNG (SẮC TỨ ĐẠI)

24 SẮC Y ĐẠI SINH
THẦN KINH NHÃN, THẦN KINH NHĨ, THẦN KINH TỶ, THẦN KINH THIỆT, THẦN KINH THÂN → TỊNH SẮC CĂN (5 SẮC THẦN KINH)
CẢNH SẮC, CẢNH THINH, CẢNH KHÍ, CẢNH VỊ → HÀNH CẢNH (4 SẮC CẢNH GIỚI)
TÍNH NAM, TÍNH NỮ → (2 SẮC TÍNH)
Ý VẬT, MẠNG CĂN, VẬT THỰC, HƯ KHÔNG
THÂN BIỂU TRI, KHẨU BIỂU TRI → 2 SẮC BIỂU TRI
KHINH, NHU, THÍCH NGHIỆP → 3 SẮC ĐẶC BIỆT
SINH, TIẾN, DI, DIỆT → SẮC TỨ TƯỚNG

NIBBĀNA
CHƠN ĐẾ VÔ VI

NĀMAPAÑÑATTI - DANH CHẾ ĐỊNH

DANH CHƠN
PHI DANH CHƠN
DANH CHƠN PHI DANH CHƠN
PHI DANH CHƠN DANH CHƠN
DANH CHƠN DANH CHƠN
PHI DANH CHƠN PHI DANH CHƠN

ATTHAPAÑÑATTI - NGHĨA CHẾ ĐỊNH

HÌNH THỨC
HIỆP THÂNH
CHÚNG SANH
THỜI GIAN
HƯ KHÔNG
PHƯƠNG HƯỚNG
HÌNH TƯỚNG

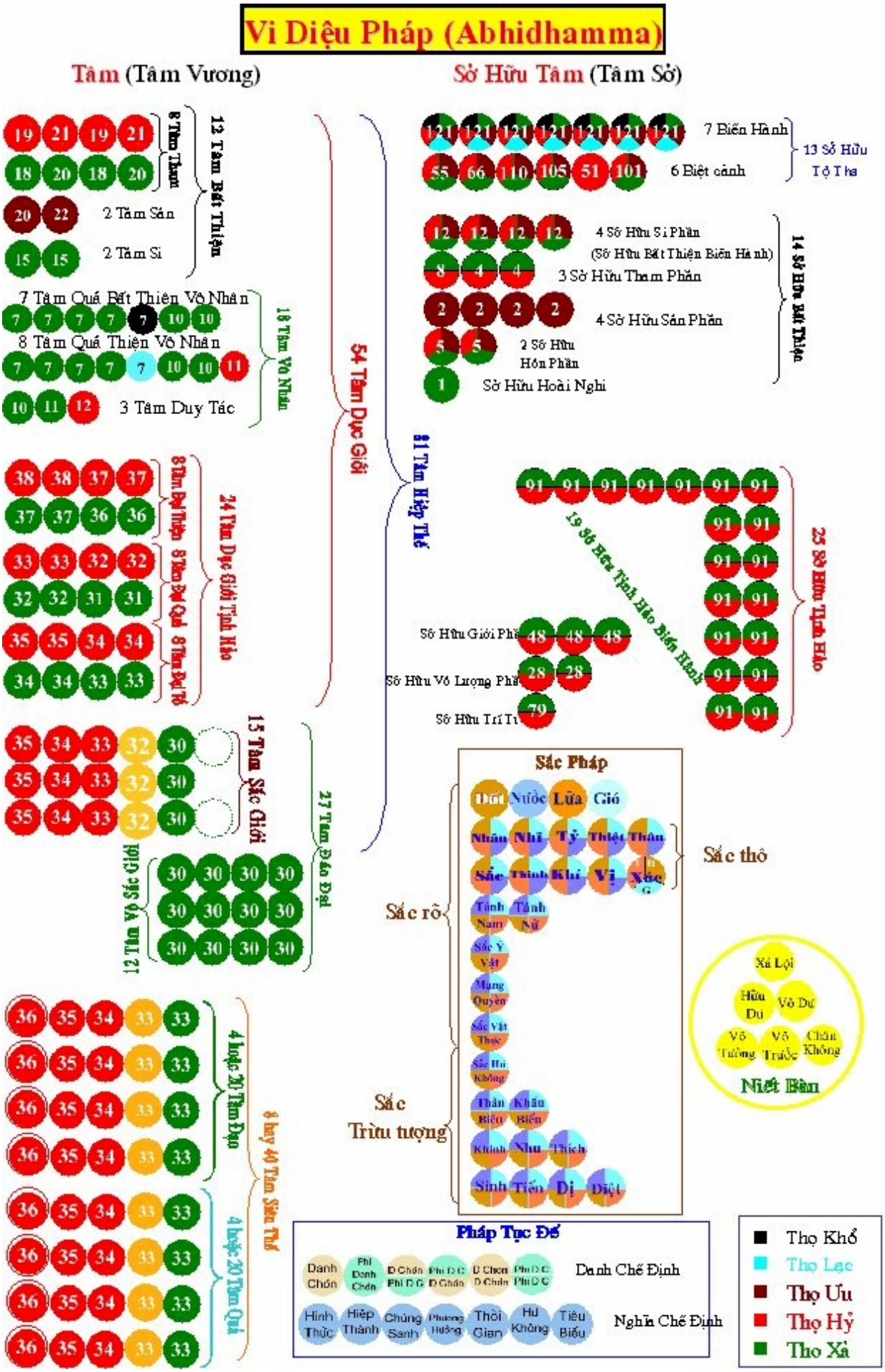
Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)
Tâm (Tâm Vương)
Sở Hữu Tâm (Tâm Sở)
12 Tâm Bất Thiện
8 Tâm Tham
2 Tâm Sân
2 Tâm Si
7 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân
8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân
3 Tâm Duy Tác
18 Tâm Vô Nhân
54 Tâm Dục Giới
8 Tâm Đại Thiện
8 Tâm Đại Quả
8 Tâm Đại Tố
24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo
15 Tâm Sắc Giới
12 Tâm Vô Sắc Giới
27 Tâm Đáo Đại
4 hoặc 20 Tâm Đạo
4 hoặc 20 Tâm Quả
8 hay 40 Tâm Siêu Thế
11 Tâm Hiệp Thế
7 Biến Hành
6 Biệt cảnh
13 Sở Hữu Tợ Tha
4 Sở Hữu Si Phần
(Sở Hữu Bất Thiện Biến Hành)
3 Sở Hữu Tham Phần
4 Sở Hữu Sân Phần
2 Sở Hữu Hôn Phần
Sở Hữu Hoài Nghi
14 Sở Hữu Bất Thiện
19 Sở Hữu Tịnh Hảo Biến Hành
Sở Hữu Giới Phần
Sở Hữu Vô Lượng Phần
Sở Hữu Trí Tuệ
25 Sở Hữu Tịnh Hảo
Sắc Pháp
Đất
Nước
Lửa
Gió
Nhãn
Nhĩ
Tỷ
Thiệt
Thân
Sắc
Thinh
Khí
Vị
Xúc
Tính Nam
Tính Nữ
Sắc Ý Vật
Mạng Quyền
Sắc Vật Thực
Sắc Hư Không
Thân Biểu
Khẩu Biểu
Khinh
Nhu
Thích
Sinh
Tiến
Dị
Diệt
Sắc thô
Sắc rõ
Sắc Trừu tượng
Xá Lợi
Hữu Dư
Vô Dư
Vô Tướng
Vô Tướng
Chân Không
Niết Bàn
Pháp Tục Đế
Danh Chế Định
Nghĩa Chế Định
Thọ Khổ
Thọ Lạc
Thọ Ưu
Thọ Hỷ
Thọ Xả

ABHIDHAMMA

Created by: Bhikkhu Tịnh Sự

Computer Design by: Jean Dan 04/04/2000

CHƯƠNG I
(BÀI 15)

6 NHÂN

I. Định nghĩa:

Nhân Là nguyên nhân, gốc rễ của các thiện pháp và các bất thiện pháp. Nhân có 6 loại: nhân tham, nhân sân, nhân si, nhân vô tham, nhân vô sân, nhân vô si.

Nhân tham, sân, si là gốc rễ, nguyên nhân của các pháp bất thiện. Nhân vô tham, vô sân, vô si là gốc rễ, nguyên nhân của các pháp thiện.

Nhân vô tham, vô sân, vô si trong tâm quả và tâm duy tác được gọi là nhân vô ký tức không thiện, không bất thiện.

II. Phân tích chi pháp:

1. Nhân tham: là sở hữu tham. Nhân tham là cội rễ của các pháp bất thiện khi khởi lên có lòng tham muốn là nguyên nhân chính.

   Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm đồng sanh, phối hợp cùng với nhân tham:

   a. Tâm: 8 tâm tham (thọ hỷ, thọ xả, hợp tà, ly tà, vô trợ, hữu trợ).

   b. Sở hữu tâm: 21 sở hữu tâm đó là:

   - 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành gồm có xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành,

mạng quyền, tác ý; 6 sở hữu biệt cảnh gồm có tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục)

- 4 sở hữu bất thiện biến hành tức si phần (si, vô tàm, vô quý, phóng dật)
- 2 sở hữu tham phần (tà kiến, ngã mạn)
- 2 sở hữu hôn phần (hôn trầm, thụy miên)

2. Nhân sân: là sở hữu sân. Nhân sân là gốc rễ của các pháp bất thiện khi khởi lên có nhân sân là nguyên nhân chính.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm đồng sanh, phối hợp với nhân sân:

a. Tâm: 2 tâm sân (thọ ưu hợp phấn vô trợ, hữu trợ).

b. Sở hữu tâm: 21 sở hữu tâm đó là:

- 12 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành; 5 sở hữu biệt cảnh trừ hỷ)
- 4 sở hữu bất thiện biến hành tức si phần (si, vô tàm, vô quý, phóng dật)
- 3 sở hữu sân phần (tật, lận, hối)
- 2 sở hữu hôn phần (hôn trầm, thụy miên)

3. Nhân si: là sở hữu si. Nhân si là gốc rễ của các pháp bất thiện khi khởi lên có si là nguyên nhân chính.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm đồng sanh, phối hợp với nhân si:

a. Tâm: 12 tâm bất thiện.

b. Sở hữu tâm: 26 sở hữu tâm đó là:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến; 6 sở hữu biệt cảnh)
- 13 sở hữu bất thiện trừ si đó là:
  - 3 sở hữu si phần (vô tàm, vô quý, phóng dật)
  - 3 sở hữu tham phần (tham, tà kiến, ngã mạn)
  - 4 sở hữu sân phần (sân, tật, lận, hối)
  - 2 sở hữu hôn phần (hôn trầm, thụy miên)

4. Nhân vô tham: là sở hữu vô tham. Vô tham là gốc rễ của các pháp thiện khi khởi lên có trạng thái vô tham là nguyên nhân chính.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm đồng sanh phối hợp với nhân vô tham:

a. Tâm: 91 tâm tịnh hảo đó là:

- 24 tâm Dục giới tịnh hảo:
  - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
  - 8 tâm quả dục giới tịnh hảo
  - 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo

- 27 tâm Đáo đại:
  - 15 tâm sắc giới
  - 12 tâm vô sắc giới
- 40 tâm siêu thế:
  - 20 tâm đạo
  - 20 tâm quả siêu thế

b. Sở hữu tâm: 37 sở hữu tâm đó là:
- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh)
- 24 sở hữu tịnh hảo (trừ sở hữu vô tham).

5. Nhân vô sân: là sở hữu vô sân. Vô sân là gốc rễ của các pháp thiện khi khởi lên có trạng thái vô sân là nguyên nhân chính.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm đồng sanh, phối hợp với nhân vô sân:

c. Tâm: 91 tâm tịnh hảo giống như nhân vô tham.

d. Sở hữu tâm: 37 sở hữu tâm đó là:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh)
- 24 sở hữu tịnh hảo (trừ sở hữu vô sân).

6. Nhân vô si: là sở hữu trí tuệ. Vô si là gốc rễ của các pháp thiện khi khởi lên có trạng thái vô si là nguyên nhân chính.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm đồng sanh, phối hợp với nhân vô si:

a. Tâm: 79 tâm:
- 12 tâm dục giới tịnh hảo hợp trí (thọ hỷ, thọ xả, vô trợ, hữu trợ)
- 27 tâm đáo đại (15 tâm sắc giới, 12 tâm vô sắc giới)
- 40 tâm siêu thế (20 tâm đạo, 20 tâm quả siêu thế)

b. Sở hữu tâm: 37 sở hữu tâm đó là:
- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh)
- 24 sở hữu tịnh hảo (trừ sở hữu trí tuệ).

III. Kết luận:

Bài học giúp thấy rõ: Gốc rễ nguyên nhân của các pháp thiện và bất thiện để tìm cách ngăn chặn

từ đầu các bất thiện pháp cũng như phát huy phát triển các thiện pháp

- Một nhân bất thiện khởi lên là kéo theo cả một hệ thống pháp bất thiện gồm 12 tâm bất thiện, 13 sở hữu tợ tha, 14 sở hữu bất thiên.
- Hành giả tu thiền Tứ Niệm Xứ nhờ học bài này mà thấy rõ những pháp nào thuộc thọ uẩn, pháp nào thuộc tưởng uẩn, pháp nào thuộc thức uẩn. Thấy rõ các đề mục thọ, tâm, pháp. Đồng thời thấy rõ sự sinh diệt của các pháp đó như kinh pháp cú đã nói:

“Ai sống một trăm năm
Không thấy pháp sanh diệt
Không bằng sống một ngày
Thấy rõ pháp sanh diệt”

CHƯƠNG II

SƠ ĐỒ NHÂN

Phân tích chi pháp:

1. Nhân tham: là sở hữu tham. Nhân tham là cội rễ của các pháp bất thiện khi khởi lên có lòng tham muốn là nguyên nhân chính.

   Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm đồng sanh, phối hợp cùng với nhân tham:

   a. Tâm: 8 tâm tham (thọ hỷ, thọ xả, hợp tà, ly tà, vô trợ, hữu trợ).

   b. Sở hữu tâm: 21 sở hữu tâm đó là:

   - 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành gồm có xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 6 sở hữu biệt cảnh gồm có tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục)
   - 4 sở hữu bất thiện biến hành tức si phần (si, vô tàm, vô quý, phóng dật)
   - 2 sở hữu tham phần (tà kiến, ngã mạn)
   - 2 sở hữu hôn phần (hôn trầm, thụy miên)

NHÂN THAM

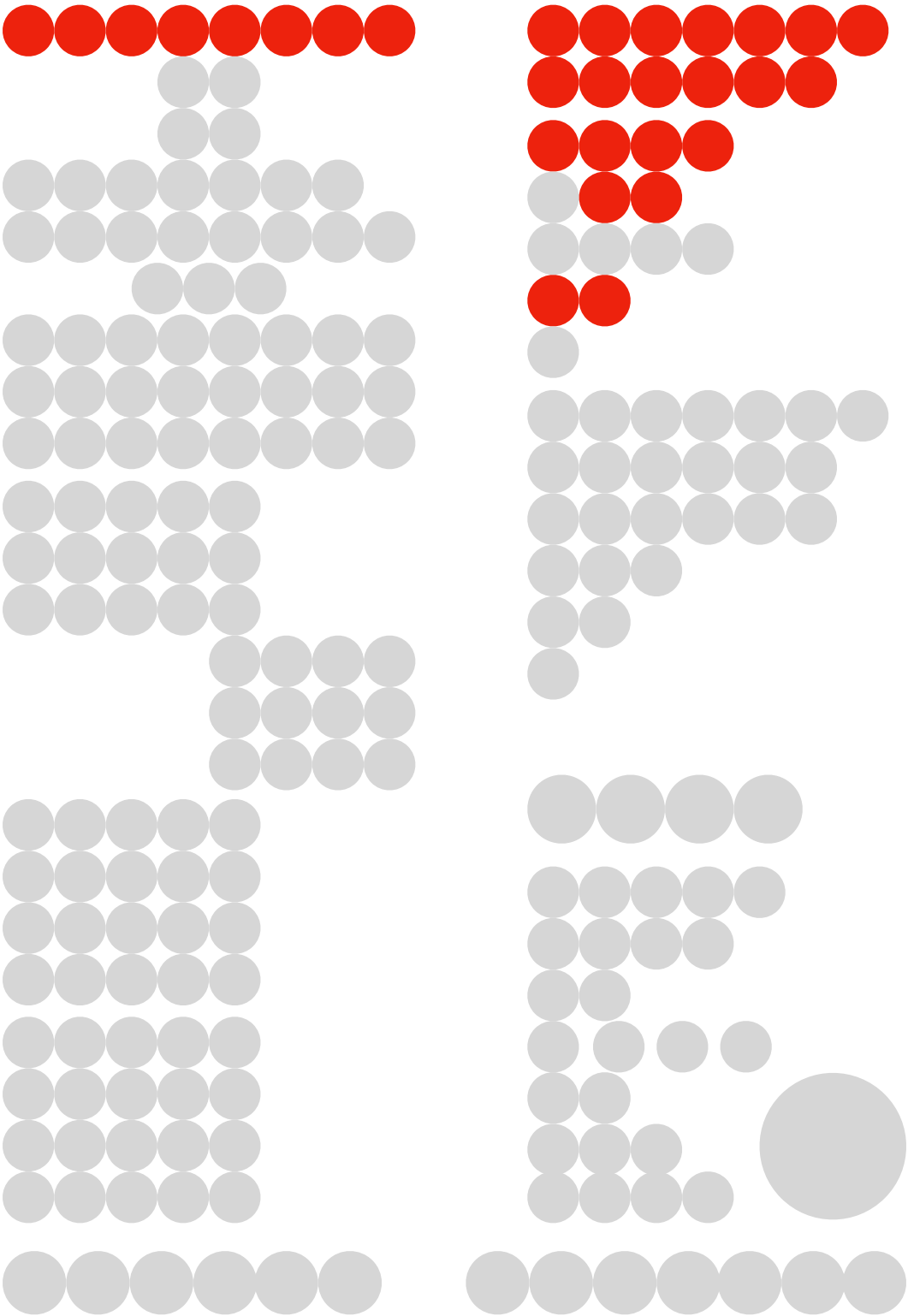

2. Nhân sân: là sở hữu sân. Nhân sân là gốc rễ của các pháp bất thiện khi khởi lên có nhân sân là nguyên nhân chính.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm đồng sanh, phối hợp với nhân sân:

a. Tâm: 2 tâm sân (thọ ưu hợp phấn vô trợ, hữu trợ).

b. Sở hữu tâm: 21 sở hữu tâm đó là:

- 12 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành; 5 sở hữu biệt cảnh trừ hỷ)
- 4 sở hữu bất thiện biến hành tức si phần (si, vô tàm, vô quý, phóng dật)
- 3 sở hữu sân phần (tật, lận, hối)
- 2 sở hữu hôn phần (hôn trầm, thụy miên)

NHÂN SÂN

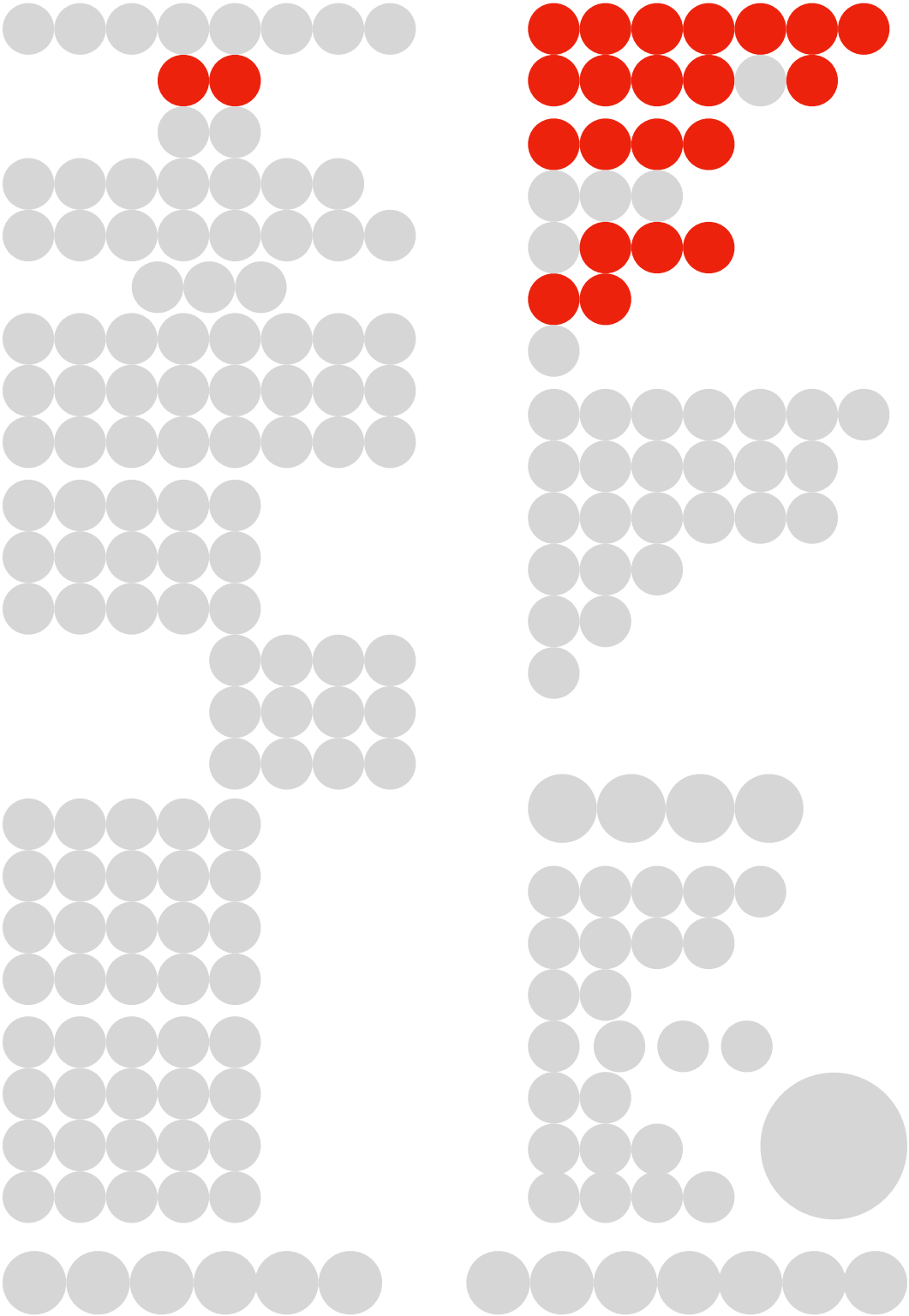

3. Nhân si: là sở hữu si. Nhân si là gốc rễ của các pháp bất thiện khi khởi lên có si là nguyên nhân chính.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm đồng sanh, phối hợp với nhân si:

a. Tâm: 12 tâm bất thiện.

b. Sở hữu tâm: 26 sở hữu tâm đó là:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến; 6 sở hữu biệt cảnh)
- 13 sở hữu bất thiện trừ si đó là:
  - 3 sở hữu si phần (vô tàm, vô quý, phóng dật)
  - 3 sở hữu tham phần (tham, tà kiến, ngã mạn)
  - 4 sở hữu sân phần (sân, tật, lận, hối)
  - 2 sở hữu hôn phần (hôn trầm, thụy miên)

NHÂN SI

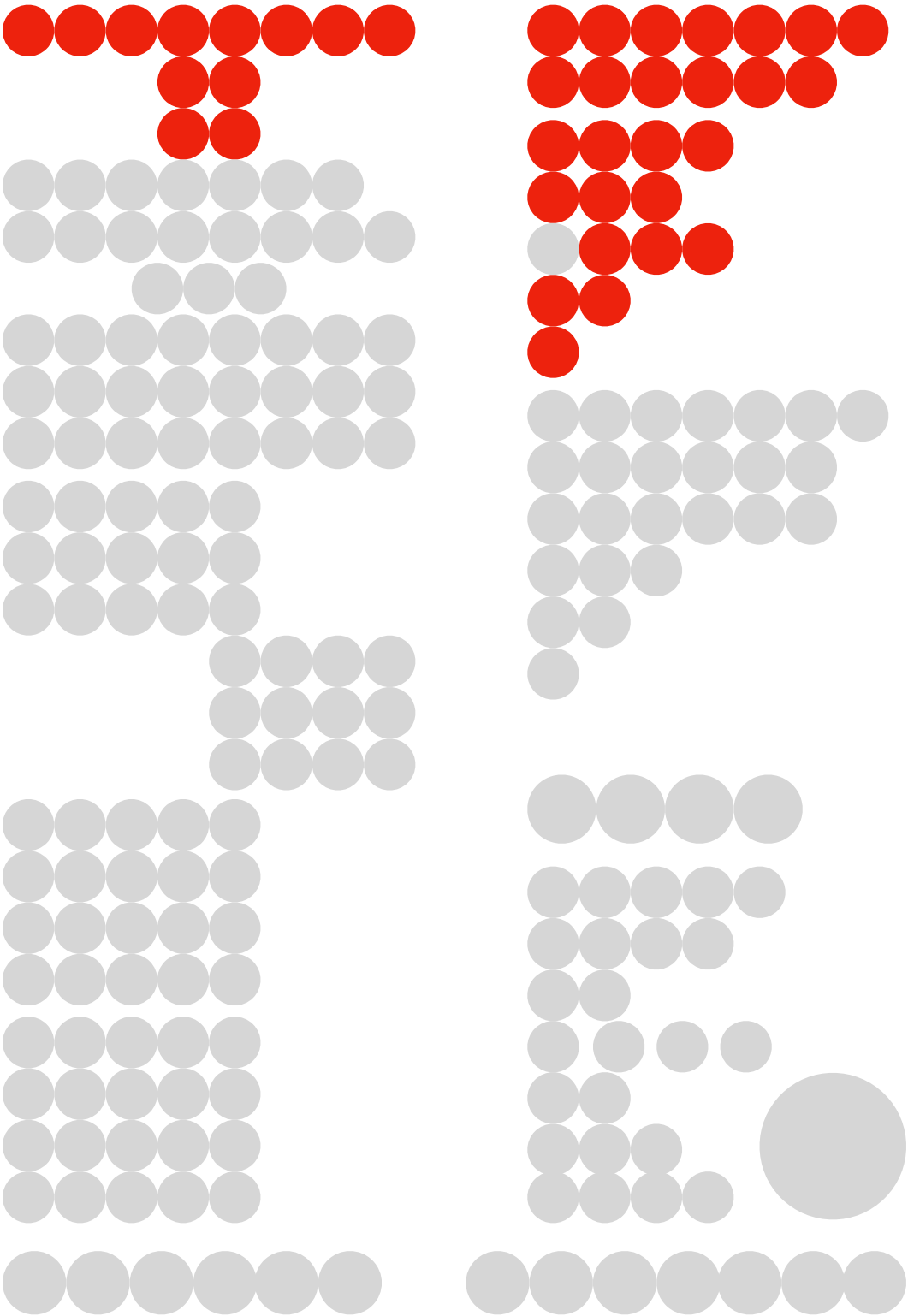

4. Nhân vô tham: là sở hữu vô tham. Vô tham là gốc rễ của các pháp thiện khi khởi lên có trạng thái vô tham là nguyên nhân chính.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm đồng sanh phối hợp với nhân vô tham:

a. Tâm: 91 tâm tịnh hảo đó là:
   - 24 tâm Dục giới tịnh hảo:
     - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
     - 8 tâm quả dục giới tịnh hảo
     - 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
   - 27 tâm Đáo đại:
     - 15 tâm sắc giới
     - 12 tâm vô sắc giới
   - 40 tâm siêu thế:
     - 20 tâm đạo
     - 20 tâm quả siêu thế

b. Sở hữu tâm: 37 sở hữu tâm đó là:
   - 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh)
   - 24 sở hữu tịnh hảo (trừ sở hữu vô tham).

NHÂN VÔ THAM

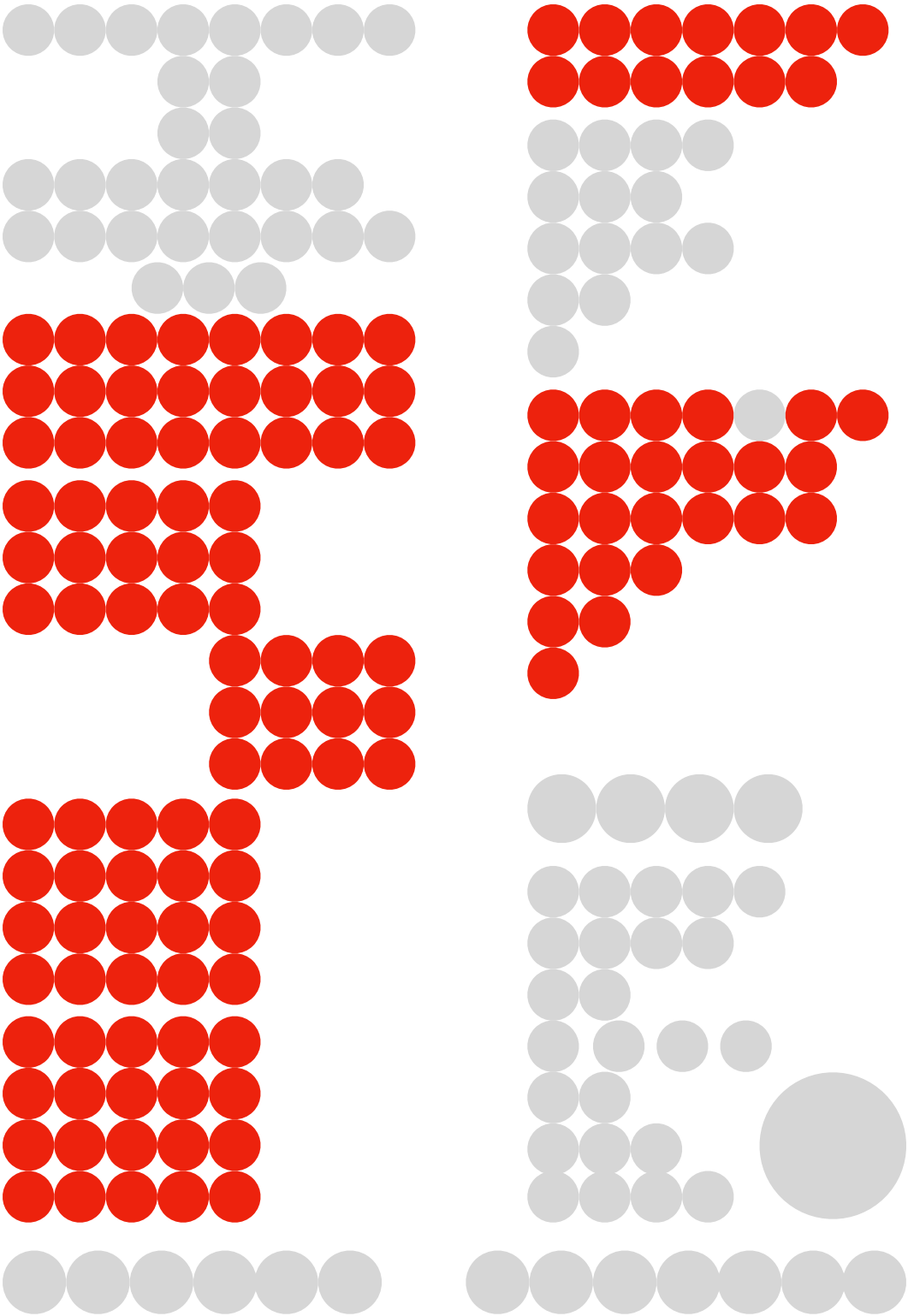

5. Nhân vô sân: là sở hữu vô sân. Vô sân là gốc rễ của các pháp thiện khi khởi lên có trạng thái vô sân là nguyên nhân chính.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm đồng sanh, phối hợp với nhân vô sân:

c. Tâm: 91 tâm tịnh hảo giống như nhân vô tham.

d. Sở hữu tâm: 37 sở hữu tâm đó là:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh)
- 24 sở hữu tịnh hảo (trừ sở hữu vô sân).

NHÂN VÔ SÂN

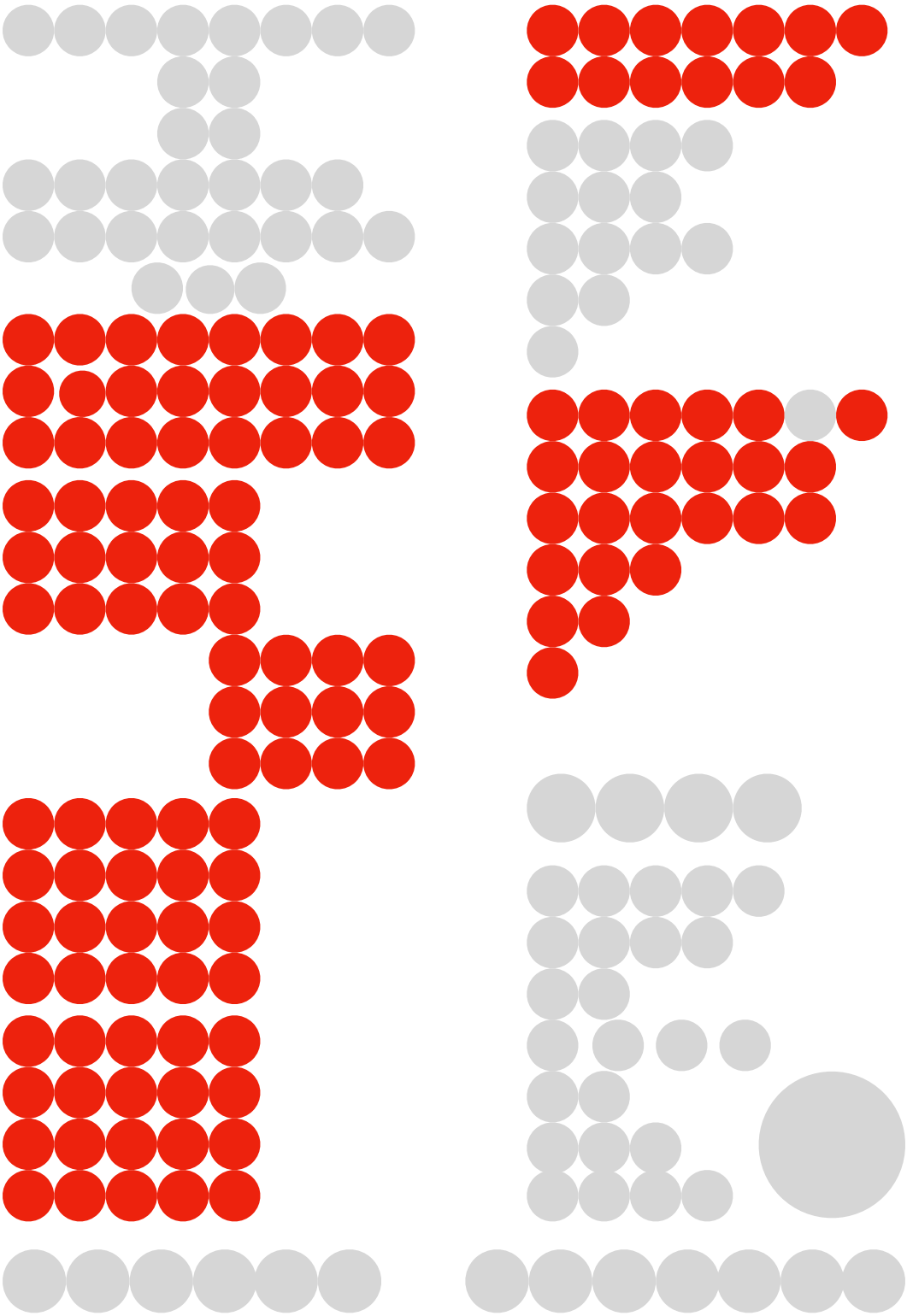

6. Nhân vô si: là sở hữu trí tuệ. Vô si là gốc rễ của các pháp thiện khi khởi lên có trạng thái vô si là nguyên nhân chính.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm đồng sanh, phối hợp với nhân vô si:

a. Tâm: 79 tâm:

- 12 tâm dục giới tịnh hảo hợp trí (thọ hỷ, thọ xả, vô trợ, hữu trợ)
- 27 tâm đáo đại (15 tâm sắc giới, 12 tâm vô sắc giới)
- 40 tâm siêu thế (20 tâm đạo, 20 tâm quả siêu thế)

b. Sở hữu tâm: 37 sở hữu tâm đó là:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh)
- 24 sở hữu tịnh hảo (trừ sở hữu trí tuệ).

NHÂN VÔ SI

CHƯƠNG III
(BÀI 16)

14 SỰ CỦA TÂM

I. Định nghĩa:

Sự là chức năng, nhiệm vụ, việc làm, phận sự , công việc của 121 tâm.

Có 14 sự của tâm là: sự thấy biết, sự nghe biết, sự ngửi biết, sự nếm biết, sự đụng biết, sự khán môn biết, sự phân đoán biết, sự mót biết, sự tiếp thâu biết, sự quan sát biết, sự thực biết, sự tục sanh biết, sự hộ kiếp biết, sự tử biết.

Bài kệ 14 sự như sau:
"Tục sinh, hộ kiếp, tử
Thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng
Tiếp thâu, quan sát, thực
Khán môn, phân đoán, mót

II. Phân tích chi pháp:

1. **Sự tục sinh:** là công việc nối liền kiếp sống, là sự khởi đầu cho một kiếp sống mới tức là tâm làm môi giới nối liền cho ngũ uẩn cũ và ngũ uẩn mới, sự tục sinh chỉ có một sát na tâm.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc tục sinh?

a. **Tâm:** 19 tâm đó là:
- 1 tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân
- 1 tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
- 8 tâm quả dục giới tịnh hảo
- 5 tâm quả sắc giới
- 4 tâm quả vô sắc giới

b. **Sở hữu tâm:** 35 sở hữu tâm đó là:
- 7 sở hữu biến hành (xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý)
- 6 sở hữu biệt cảnh (tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục)
- 19 sở hữu tịnh hảo biến hành (tín, niệm, tàm, quý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm)
- 2 sở hữu vô lượng phần (Bi, tùy hỷ)

- 1 sở hữu trí tuệ.

Ghi chú:

- Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân làm việc tục sinh cho người khổ (súc sanh, ngạ quỷ, atula, địa ngục). Lúc từ trần nếu thấy cảnh lửa cháy, những cảnh cực hình nơi địa ngục sẽ sanh vào cõi địa ngục, nếu thấy cảnh đói khát sẽ sanh làm ngạ quỷ, nếu thấy những hình tướng hung tợn, chém giết thì sẽ sanh làm Atula, nếu thấy cảnh thú vật thì sẽ sanh làm bàng sanh, cầm thú.
- 1 tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân làm việc tục sinh cho người có tật bệnh từ trong bụng mẹ kể từ tuần lễ thứ 11 trở về thời điểm tái sanh.
- 4 tâm quả dục giới tịnh hảo ly trí làm việc tục sinh cho người và chư thiên ở cõi dục giới mà không có trí tuệ bẩm sinh trong lúc tái sinh.
- 4 tâm quả dục giới tịnh hảo hợp trí làm việc tục sinh cho người và chư thiên ở

cõi dục giới mà có trí tuệ trong lúc tái sinh.

- 5 tâm quả sắc giới làm việc tái sanh cho phạm thiên ở cõi sắc giới.
- 4 tâm quả vô sắc giới làm việc tái sanh cho phạm thiên ở cõi vô sắc giới.

2. **Sự hộ kiếp:** là sự hộ trì kiếp sống không có đứt đoạn, còn gọi là tâm hữu phần.

   Có 19 tâm làm việc hộ kiếp giống như 19 tâm làm việc tục sinh.

   Tục sinh bằng tâm nào thì sẽ làm việc hộ kiếp bằng tâm đó.

3. **Sự tử:** là sự làm việc chết, từ trần, viên tịch, Niết bàn, tạ thế, qui tiên, băng hà, "lên đường". Tâm tử là tâm cuối cùng của một kiếp sống. Tâm tục sinh là tâm đầu tiên của một kiếp sống.

   Có 19 tâm làm việc tử giống như 19 tâm làm việc tục sinh.

   Tục sinh bằng tâm nào thì sẽ tử bằng tâm đó, **nhưng tử bằng tâm nào thì không phải tục sinh bằng tâm đó.**

4. **Sự thấy:** là công việc thấy biết của tâm, tức là thấy biết cảnh sắc.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm là việc thấy biết cảnh sắc?

a. **Tâm:** 2 tâm nhãn thức :
   - 1 tâm nhãn thức tho xả quả bất thiện vô nhân
   - 1 tâm nhãn thức tho xả quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 7 sở hữu biến hành đó là: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

5. **Sự nghe:** là công việc nghe biết của tâm tức là nhận biết cảnh thinh.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc nghe biết cảnh thinh?

a. **Tâm:** 2 tâm nhĩ thức:
   - 1 tâm nhĩ thức tho xả quả bất thiện vô nhân

- 1 tâm nhĩ thức tho xả quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 7 sở hữu biến hành đó là: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

6. **Sự ngửi:** là sự nhận biết được cảnh khí còn gọi là cảnh hương của tâm.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc nhận biết cảnh khí?

a. **Tâm:** 2 tâm tỷ thức:
   - 1 tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
   - 1 tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 7 sở hữu biến hành đó là: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

7. **Sự nếm:** là công việc nếm biết của tâm tức là nhận biết cảnh vị.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc nếm biết cảnh vị?

a. **Tâm:** 2 tâm thiệt thức:

- 1 tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
- 1 tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 7 sở hữu biến hành đó là: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

8. **Sự đụng:** là công việc cảm xúc, đụng biết của tâm tức là nhận biết cảnh xúc (đất, lửa, gió)

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc đụng biết cảnh xúc (đất, lửa, gió)?

a. **Tâm:** 2 tâm thân thức:
   - 1 tâm thân thức thọ xả quả bất thiện vô nhân

- 1 tâm thân thức thọ xả quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 7 sở hữu biến hành đó là: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

9. **Sự khán môn:** là trạng thái tâm hướng đến đối tượng sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp. Cũng gọi là hướng đến 6 cửa nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn, ý môn.
Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc khán môn?

a. **Tâm:** 2 tâm khán môn
   - 1 tâm khán ngũ môn
   - 1 tâm khán ý môn

b. **Sở hữu tâm:** 7 sở hữu biến hành, 4 sở hữu biệt cảnh (trừ hỷ, dục)

10. **Sự phân đoán:** là trạng thái tâm xác định đối tượng, phán đoán 1 cách dứt khoát khi tiếp xúc đối tượng (cảnh).

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc phân đoán

a. **Tâm:** 1 tâm khán ý môn thọ xả

b. **Sở hữu tâm:** 11 sở hữu tợ tha đó là 7 sở hữu biến hành, 4 sở hữu biệt cảnh (trừ sở hữu hỷ và dục).

11. **Sự mót:** còn gọi là sự thập di, tức là trạng thái tâm hưởng cảnh dư (mót) của tâm thực (tâm đổng tốc) trước đó.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc mót (thập di)

a. **Tâm:** 11 tâm đó là
   - 1 tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân
   - 1 tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
   - 1 tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân
   - 8 tâm quả dục giới tịnh hảo

b. **Sở hữu tâm:**
   - 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh)
   - 19 sở hữu tịnh hảo biến hành
   - 1 sở hữu trí tuệ

12. **Sự tiếp thâu:** là trạng thái tâm tiếp nhận 5 cảnh: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc từ ngũ song thức (2 tâm nhãn thức, 2 tâm nhĩ thức, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức)

    Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc tiếp thâu?

    a. **Tâm:** 2 tâm tiếp thâu
       - 1 tâm tiếp thâu thọ xả quả bất thiện vô nhân
       - 1 tâm tiếp thâu thọ xả quả thiện vô nhân
       -

    b. **Sở hữu tâm:** 10 sở hữu tợ tha (trừ sở hữu cần, sở hữu hỷ, sở hữu dục)

13. **Sự quan sát:** là trạng thái tâm quan sát, điều tra đối tượng tức là xem xét tìm hiểu cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc quan sát.

a. **Tâm:** 3 tâm quan sát
   - 1 tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân
   - 1 tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
   - 1 tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 11 sở hữu tợ tha (trừ sở hữu cần và sỏ hữu dục)

14. **Sự thực (đổng tốc):** là trạng thái tâm có mảnh lực xử sự với đối tượng (cảnh) sự thực (đổng tốc) là những tâm quan trọng, "nặng ký" nhất trong lộ trình tâm, đóng vai trò quyết định.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc thực (đổng tốc)

a. **Tâm:** 87 tâm đó là:
   - 12 tâm bất thiện
   - 1 tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ
   - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
   - 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
   - 5 tâm thiện sắc giới
   - 4 tâm thiện vô sắc giới
   - 5 tâm duy tác sắc giới
   - 4 tâm duy tác vô sắc giới
   - 20 tâm đạo
   - 20 tâm quả siêu thế

b. **Sở hữu tâm:** 52 sở hữu tâm đó là:
   - 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh)
   - 14 sở hữu bất thiện (4 sở hữu bất thiện biến hành, 3 sở hữu tham phần, 2 sở hữu hôn phần, 1 sở hữu hoài nghị)
   - 25 sở hữu tịnh hảo (19 sở hữu tịnh hảo biến hành, 3 sở hữu giới phần, 2

sở hữu vô lượng phần, 1 sở hữu trí tuệ).

III. Kết luận:

Nghiên cứu bài 14 sự giúp ta thấy rõ 14 công việc riêng biệt, độc lập của 121 tâm, người nào việc nấy. Bài này giúp người học không được "cào bằng" tất cả tâm mà mỗi tâm có chức năng phận sự, việc làm riêng của nó.
Người hành thiền Tứ Niệm Xứ nhất là niệm tâm nhờ bài học này giúp hành giả thấy rõ các loại tâm khác nhau khi sinh lên, nhờ vậy nắm bắt đề mục rõ ràng chi tiết, thấy rõ sự sinh diệt của nó, nhờ đó phá bỏ tri kiến ngã chấp là có tôi, có ta mà thật chất chỉ là các loại tâm và sở hữu tâm sinh lên và diệt mất. Đó cũng là giáo lý vô thường, khổ não, vô ngã trong phật giáo.

==***==

Hết bài số 16
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 16/03/2020 (23-2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG IV

SƠ ĐỒ 14 SỰ CỦA TÂM

Bài kệ 14 sự như sau:

"Tục sinh, hộ kiếp, tử
Thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng
Tiếp thâu, quan sát, thực
Khán môn, phân đoán, mót

Phân tích chi pháp:

1. **Sự tục sinh:** là công việc nối liền kiếp sống, là sự khởi đầu cho một kiếp sống mới tức là tâm làm môi giới nối liền cho ngũ uẩn cũ và ngũ uẩn mới, sự tục sinh chỉ có một sát na tâm.

   Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc tục sinh?

   a. **Tâm:** 19 tâm đó là:
      - 1 tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân
      - 1 tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
      - 8 tâm quả dục giới tịnh hảo
      - 5 tâm quả sắc giới
      - 4 tâm quả vô sắc giới

b. **Sở hữu tâm:** 35 sở hữu tâm đó là:

- 7 sở hữu biến hành (xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý)
- 6 sở hữu biệt cảnh (tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục)
- 19 sở hữu tịnh hảo biến hành (tín, niệm, tàm, quý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm)
- 2 sở hữu vô lượng phần (Bi, tùy hỷ)
- 1 sở hữu trí tuệ.

Ghi chú:

- Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân làm việc tục sinh cho người khổ (súc sanh, ngạ quỷ, atula, địa ngục). Lúc từ trần nếu thấy cảnh lửa cháy, những cảnh cực hình nơi địa ngục sẽ sanh vào cõi địa ngục, nếu thấy cảnh đói khát sẽ sanh làm ngạ quỷ, nếu thấy những hình tướng hung tợn, chém giết thì sẽ sanh

làm Atula, nếu thấy cảnh thú vật thì sẽ sanh làm bàng sanh, cầm thú.

- 1 tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân làm việc tục sinh cho người có tật bệnh từ trong bụng mẹ kể từ tuần lễ thứ 11 trở về thời điểm tái sanh.
- 4 tâm quả dục giới tịnh hảo ly trí làm việc tục sinh cho người và chư thiên ở cõi dục giới mà không có trí tuệ bẩm sinh trong lúc tái sinh.
- 4 tâm quả dục giới tịnh hảo hợp trí làm việc tục sinh cho người và chư thiên ở cõi dục giới mà có trí tuệ trong lúc tái sinh.
- 5 tâm quả sắc giới làm việc tái sanh cho phạm thiên ở cõi sắc giới.
- 4 tâm quả vô sắc giới làm việc tái sanh cho phạm thiên ở cõi vô sắc giới.

SỰ TỤC SINH

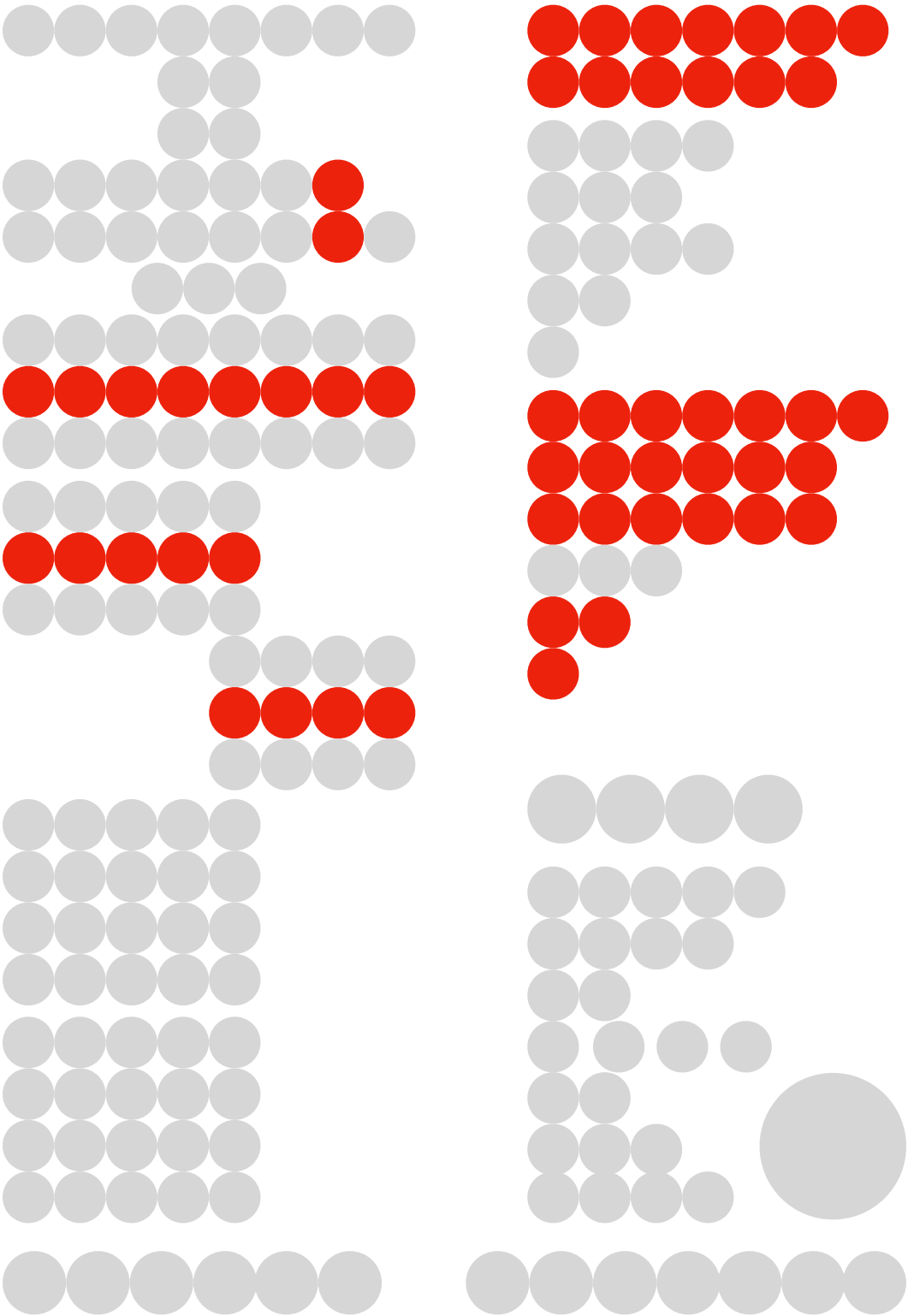

2. **Sự hộ kiếp:** là sự hộ trì kiếp sống không có đứt đoạn, còn gọi là tâm hữu phần.

Có 19 tâm làm việc hộ kiếp giống như 19 tâm làm việc tục sinh.

Tục sinh bằng tâm nào thì sẽ làm việc hộ kiếp bằng tâm đó.

SỰ HỘ KIẾP

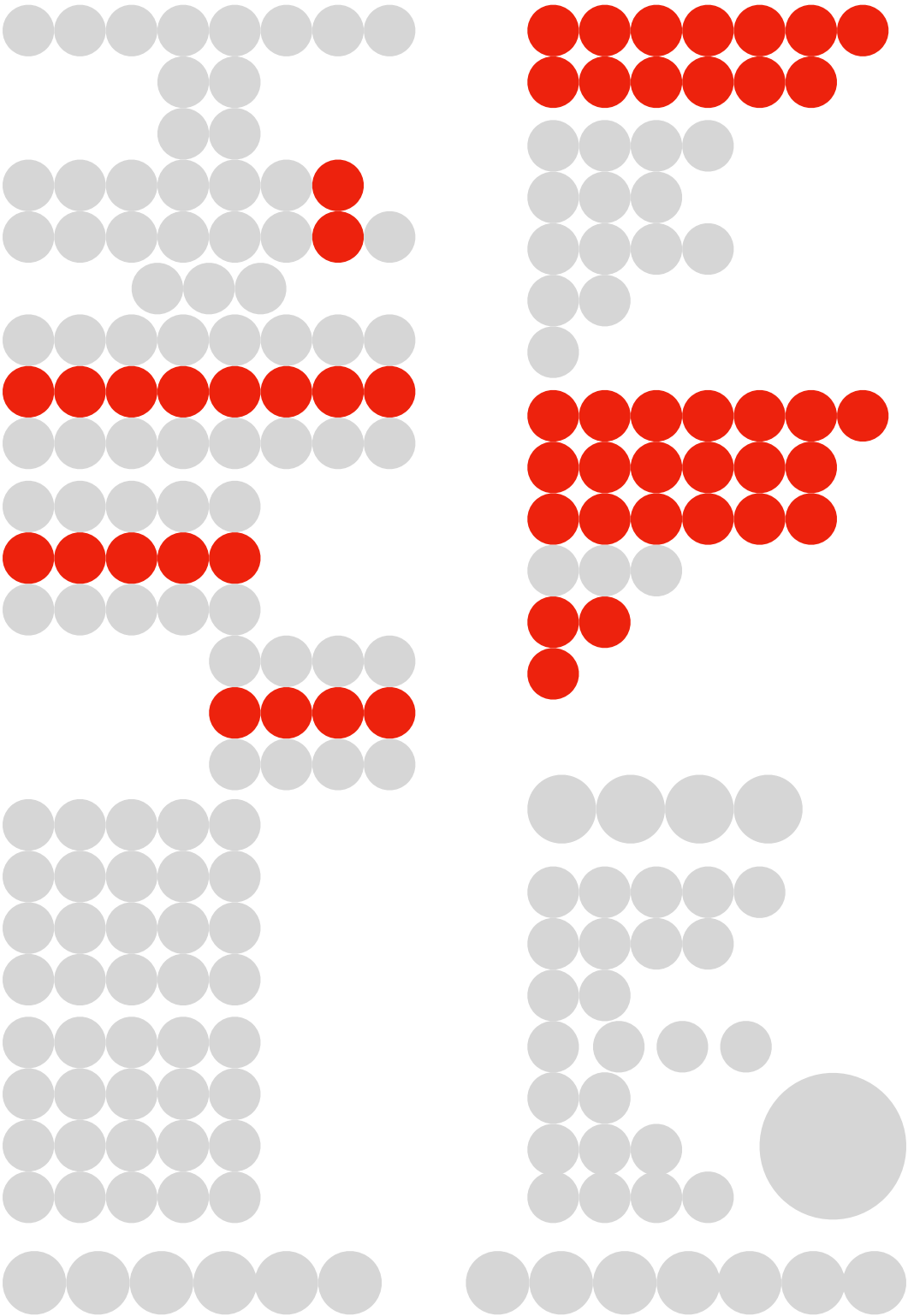

3. **Sự tử:** là sự làm việc chết, từ trần, viên tịch, Niết bàn, tạ thế, qui tiên, băng hà, "lên đường". Tâm tử là tâm cuối cùng của một kiếp sống. Tâm tục sinh là tâm đầu tiên của một kiếp sống.

Có 19 tâm làm việc tử giống như 19 tâm làm việc tục sinh.

Tục sinh bằng tâm nào thì sẽ tử bằng tâm đó, **nhưng tử bằng tâm nào thì không phải tục sinh bằng tâm đó.**

SỰ TỬ

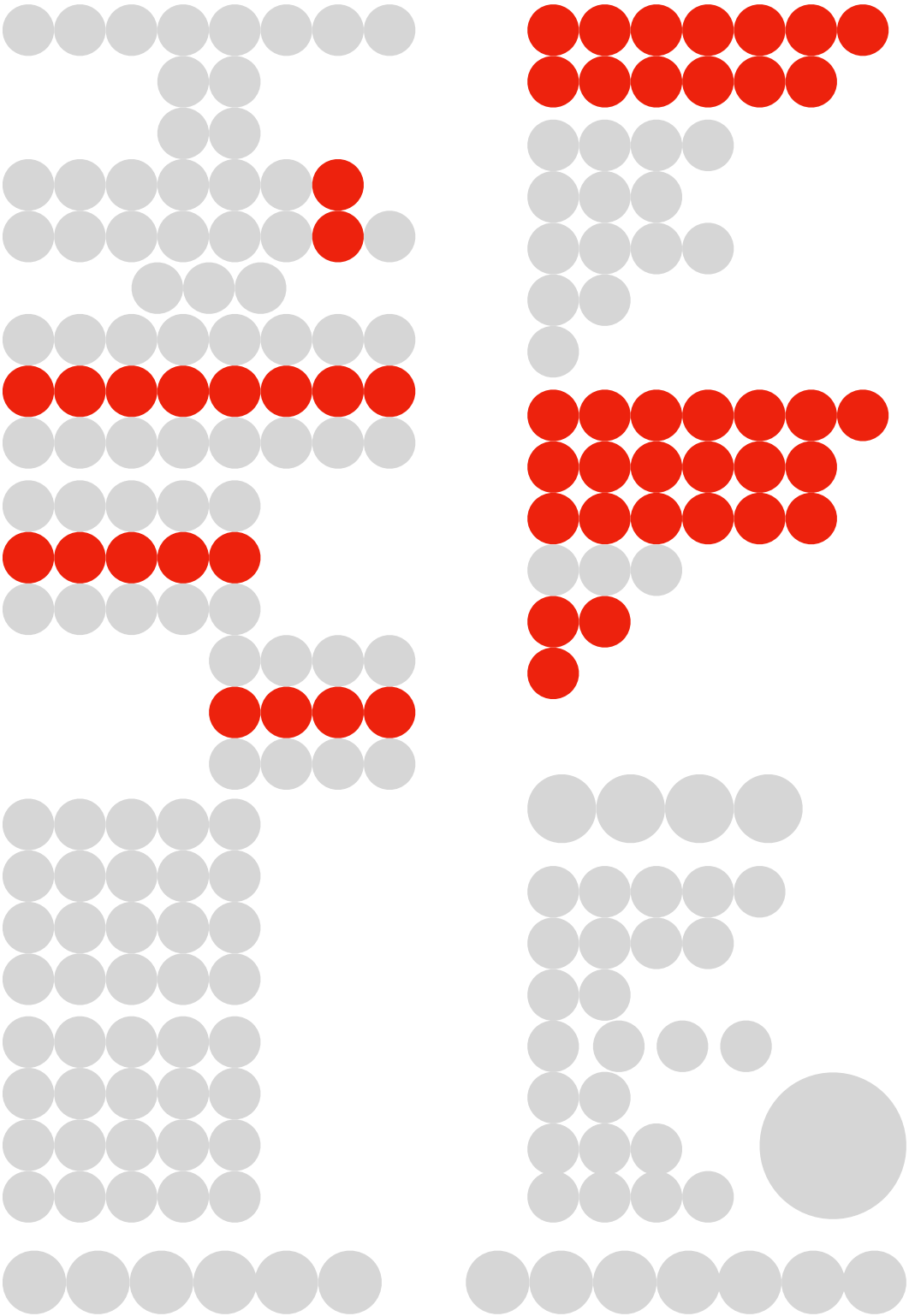

4. **Sự thấy:** là công việc thấy biết của tâm, tức là thấy biết cảnh sắc.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm là việc thấy biết cảnh sắc?

a. **Tâm:** 2 tâm nhãn thức :
   - 1 tâm nhãn thức tho xả quả bất thiện vô nhân
   - 1 tâm nhãn thức tho xả quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 7 sở hữu biến hành đó là: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

SỰ THẤY

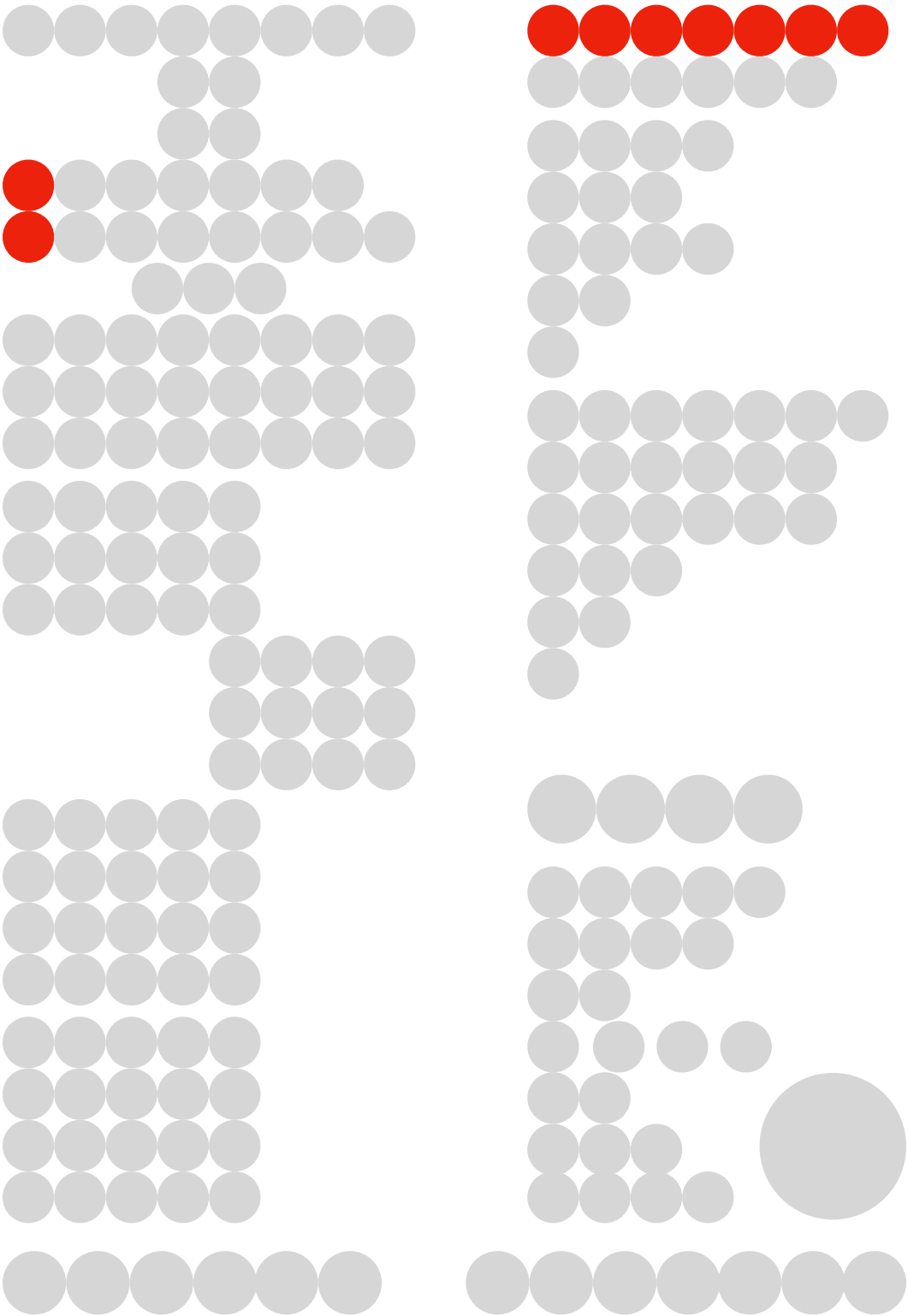

5. **Sự nghe:** là công việc nghe biết của tâm tức là nhận biết cảnh thinh.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc nghe biết cảnh thinh?

a. **Tâm:** 2 tâm nhĩ thức:
   - 1 tâm nhĩ thức tho xả quả bất thiện vô nhân
   - 1 tâm nhĩ thức tho xả quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 7 sở hữu biến hành đó là: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

SỰ NGHE

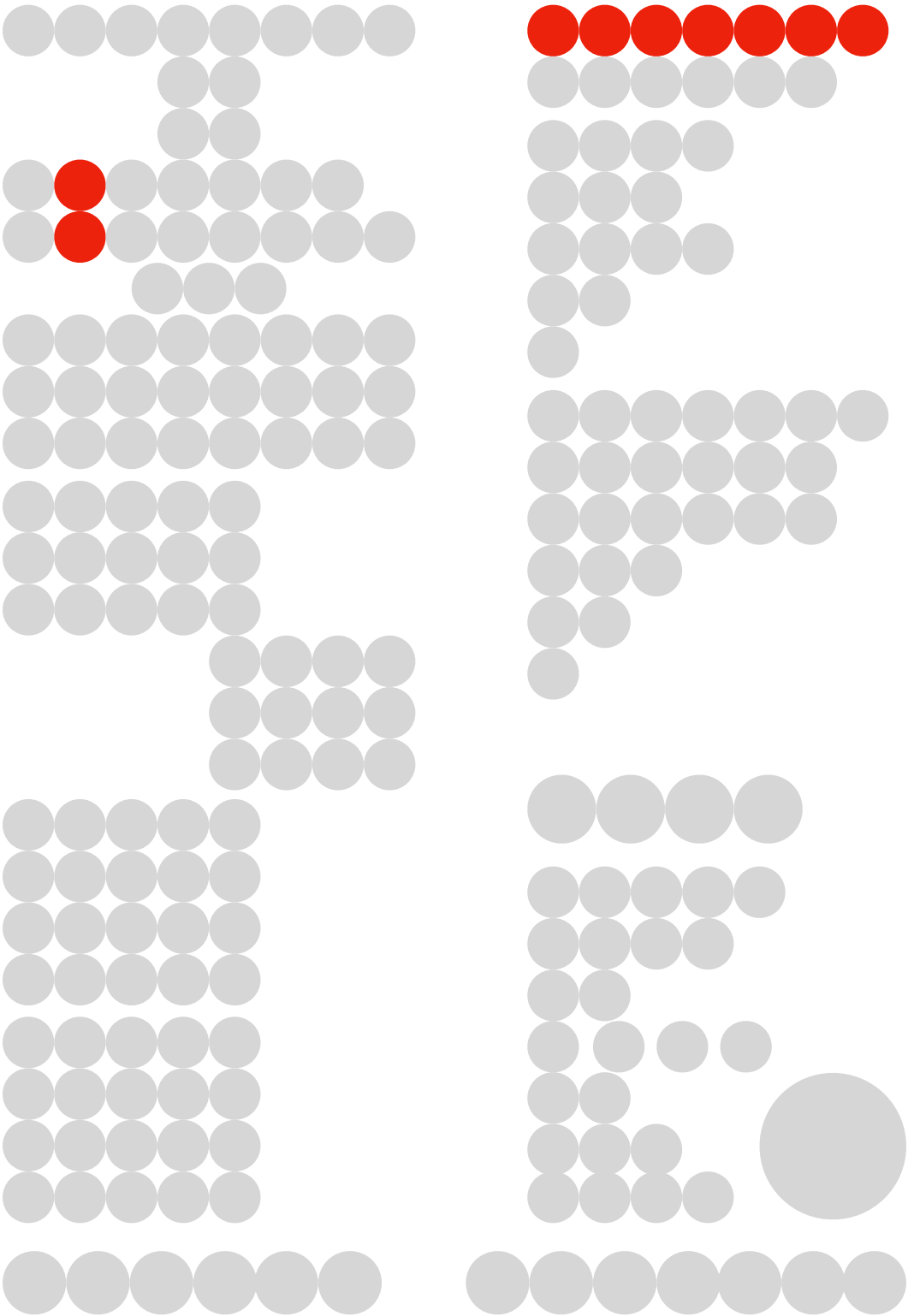

6. **Sự ngửi:** là sự nhận biết được cảnh khí còn gọi là cảnh hương của tâm.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc nhận biết cảnh khí?

a. **Tâm:** 2 tâm tỷ thức:
   - 1 tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
   - 1 tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 7 sở hữu biến hành đó là: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

SỰ NGỬI

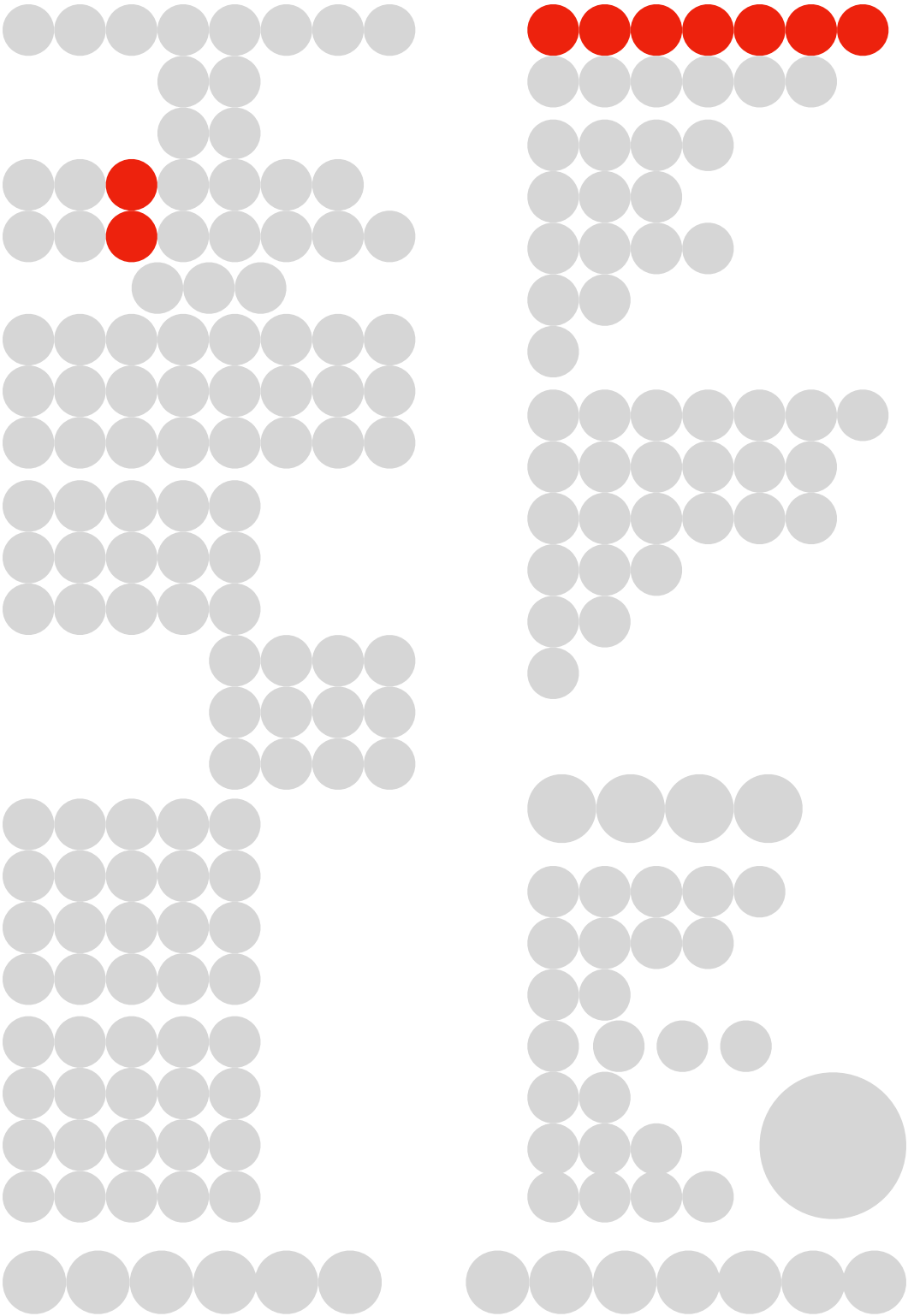

7. **Sự nếm:** là công việc nếm biết của tâm tức là nhận biết cảnh vị.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc nếm biết cảnh vị?

a. **Tâm:** 2 tâm thiệt thức:

- 1 tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
- 1 tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 7 sở hữu biến hành đó là: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

SỰ NẾM

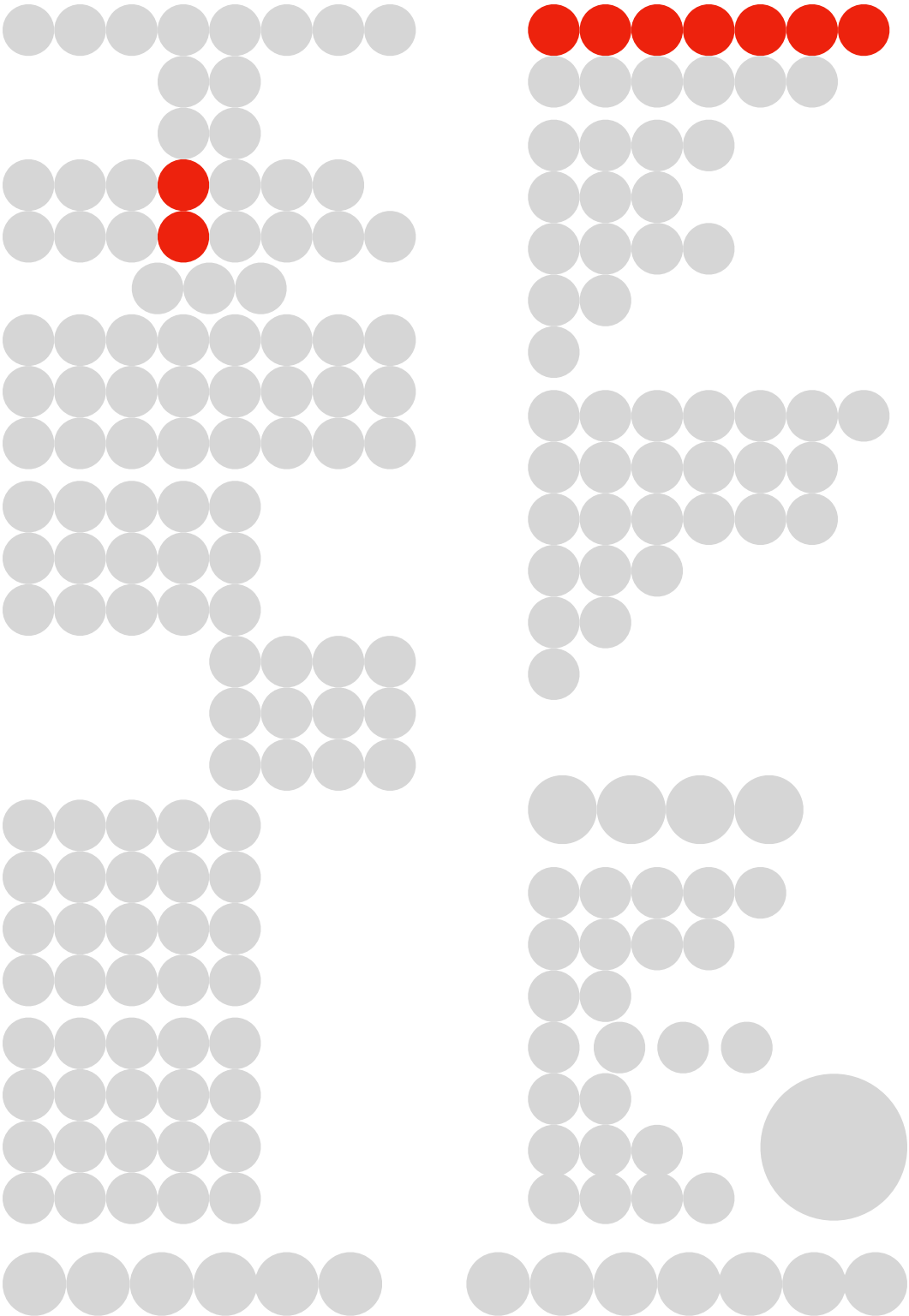

8. **Sự đụng:** là công việc cảm xúc, đụng biết của tâm tức là nhận biết cảnh xúc (đất, lửa, gió)

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc đụng biết cảnh xúc (đất, lửa, gió)?

a. **Tâm:** 2 tâm thân thức:

- 1 tâm thân thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
- 1 tâm thân thức thọ xả quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 7 sở hữu biến hành đó là: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

SỰ ĐỤNG

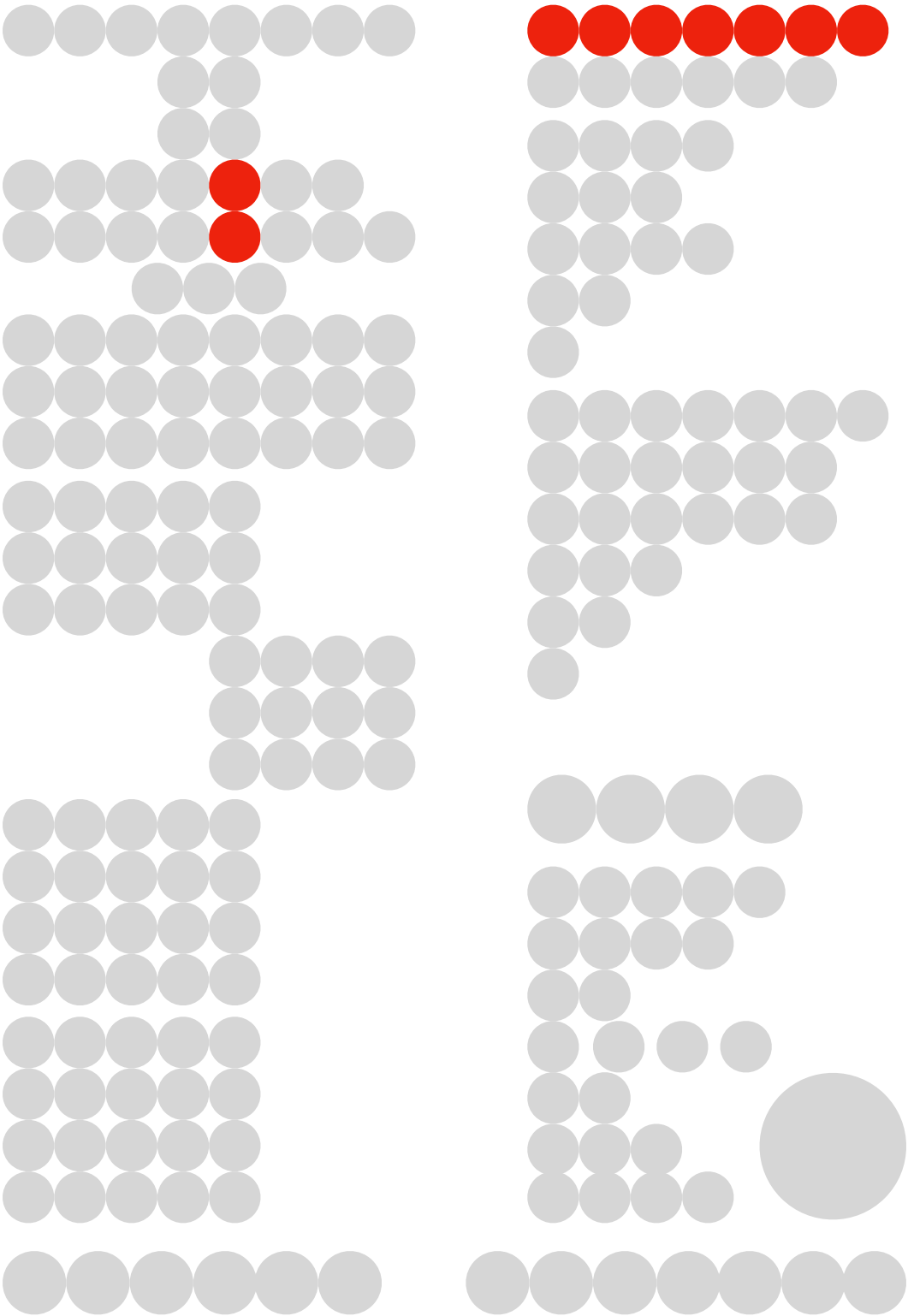

9. **Sự khán môn:** là trạng thái tâm hướng đến đối tượng sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp.

   Cũng gọi là hướng đến 6 cửa nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn, ý môn.

   Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc khán môn?

   a. **Tâm:** 2 tâm khán môn

      - 1 tâm khán ngũ môn
      - 1 tâm khán ý môn

   b. **Sở hữu tâm:** 7 sở hữu biến hành, 4 sở hữu biệt cảnh (trừ hỷ, dục)

SỰ KHÁN MÔN

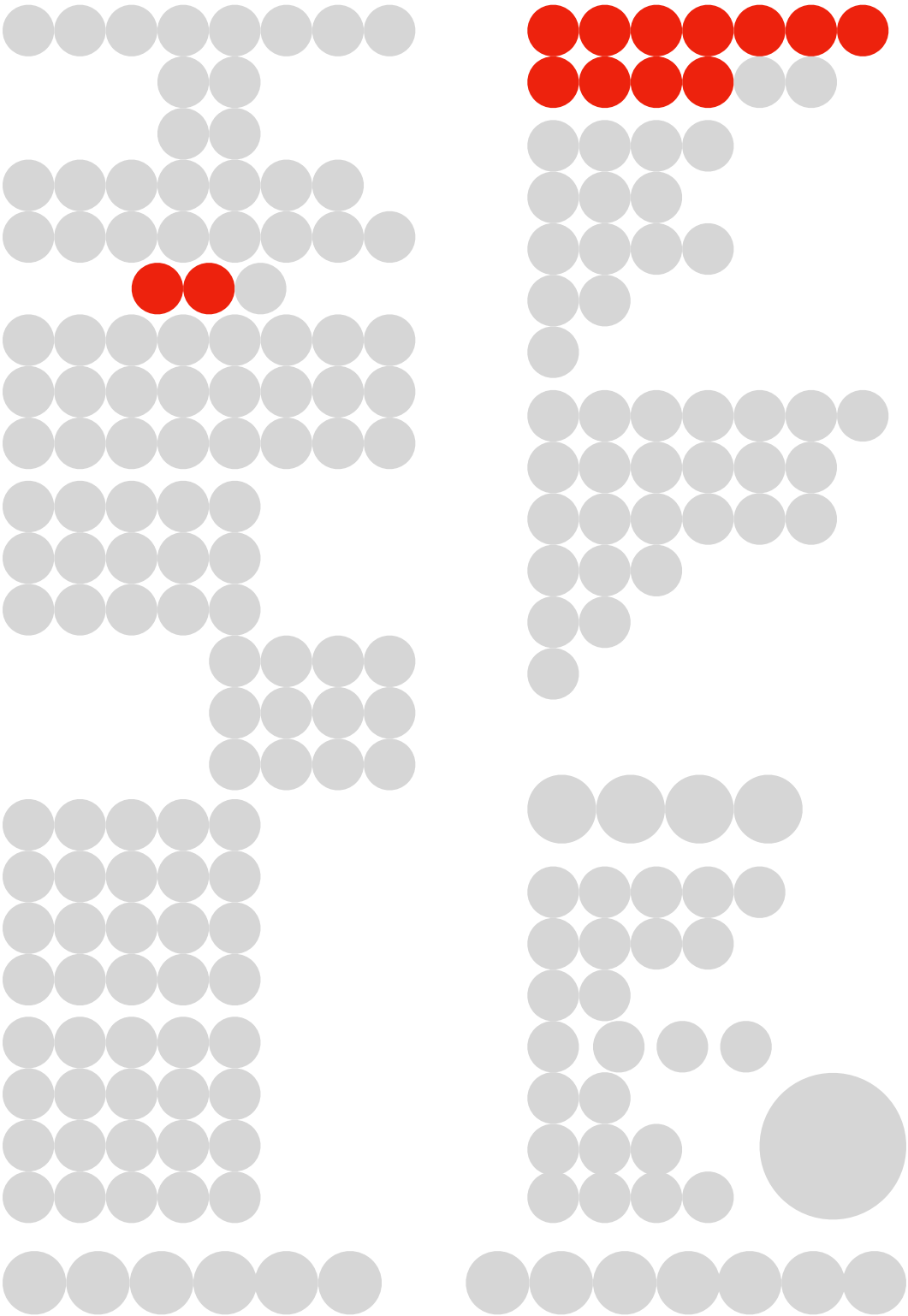

10. **Sự phân đoán:** là trạng thái tâm xác định đối tượng, phán đoán 1 cách dứt khoát khi tiếp xúc đối tượng (cảnh).

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc phân đoán

a. **Tâm:** 1 tâm khán ý môn thọ xả

b. **Sở hữu tâm:** 11 sở hữu tợ tha đó là 7 sở hữu biến hành, 4 sở hữu biệt cảnh (trừ sở hữu hỷ và dục).

SỰ PHÂN ĐOÁN

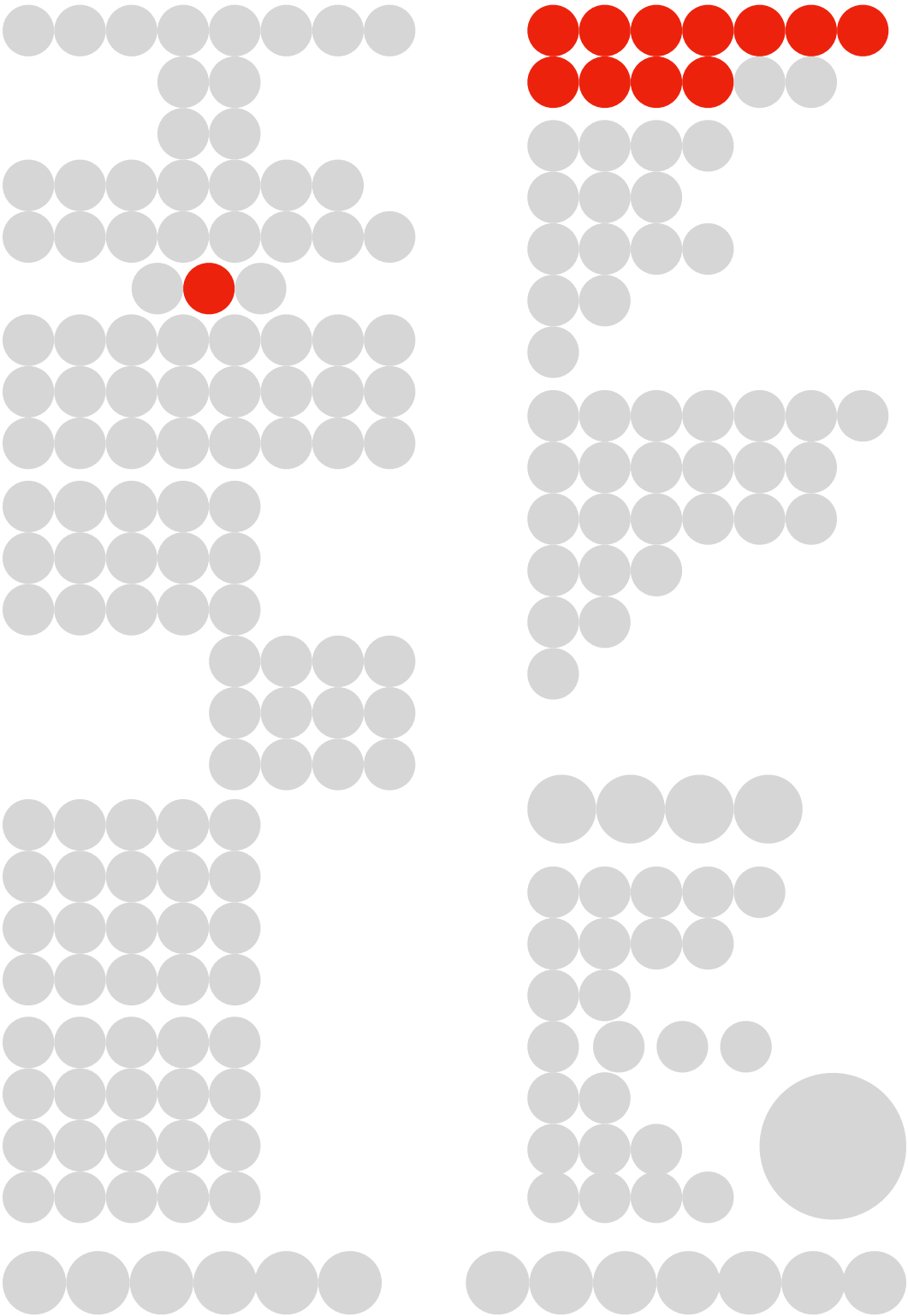

11. **Sự mót:** còn gọi là sự thập di, tức là trạng thái tâm hưởng cảnh dư (mót) của tâm thực (tâm đổng tốc) trước đó.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc mót (thập di)

a. **Tâm:** 11 tâm đó là

- 1 tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân
- 1 tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
- 1 tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân
- 8 tâm quả dục giới tịnh hảo

b. Sở hữu tâm:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh)
- 19 sở hữu tịnh hảo biến hành
- 1 sở hữu trí tuệ

SỰ MÓT

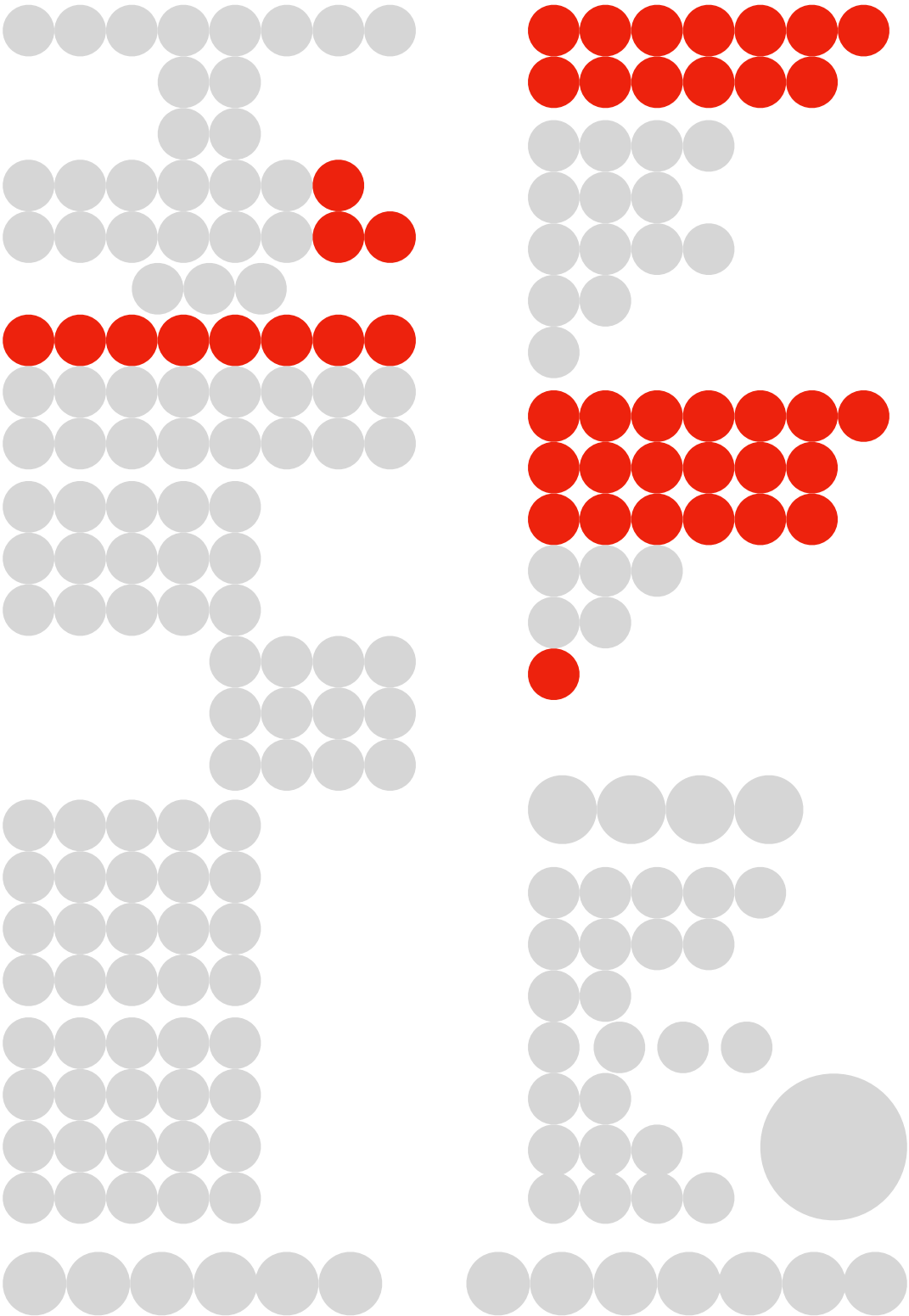

12. **Sự tiếp thâu:** là trạng thái tâm tiếp nhận 5 cảnh: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc từ ngũ song thức (2 tâm nhãn thức, 2 tâm nhĩ thức, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức)

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc tiếp thâu?

a. **Tâm:** 2 tâm tiếp thâu

- 1 tâm tiếp thâu thọ xả quả bất thiện vô nhân
- 1 tâm tiếp thâu thọ xả quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 10 sở hữu tợ tha (trừ sở hữu cần, sở hữu hỷ, sở hữu dục)

SỰ TIẾP THÂU

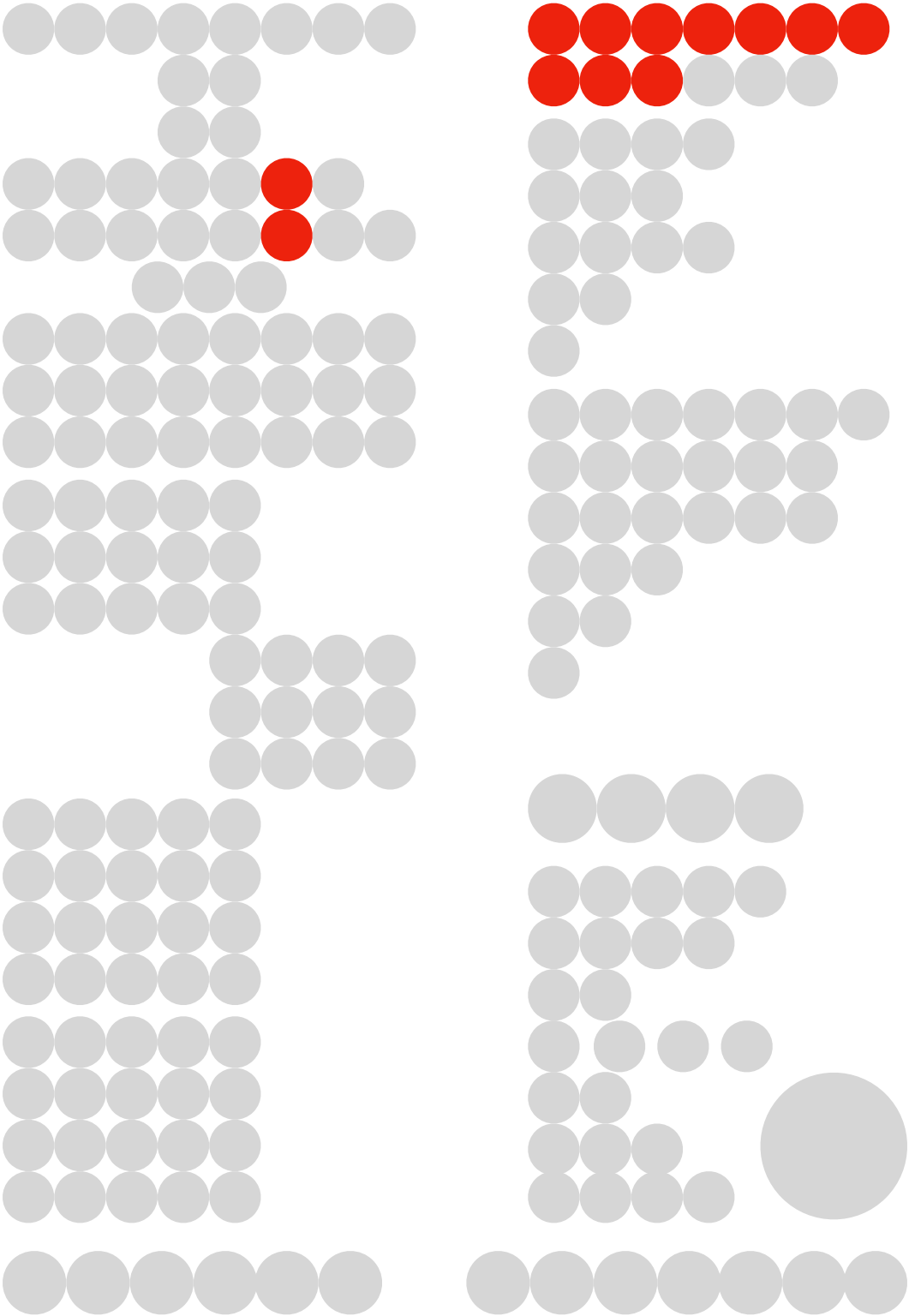

13. **Sự quan sát:** là trạng thái tâm quan sát, điều tra đối tượng tức là xem xét tìm hiểu cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc quan sát.

a. **Tâm:** 3 tâm quan sát

- 1 tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân
- 1 tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
- 1 tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân

b. **Sở hữu tâm:** 11 sở hữu tợ tha (trừ sở hữu cần và sỏ hữu dục)

SỰ QUAN SÁT

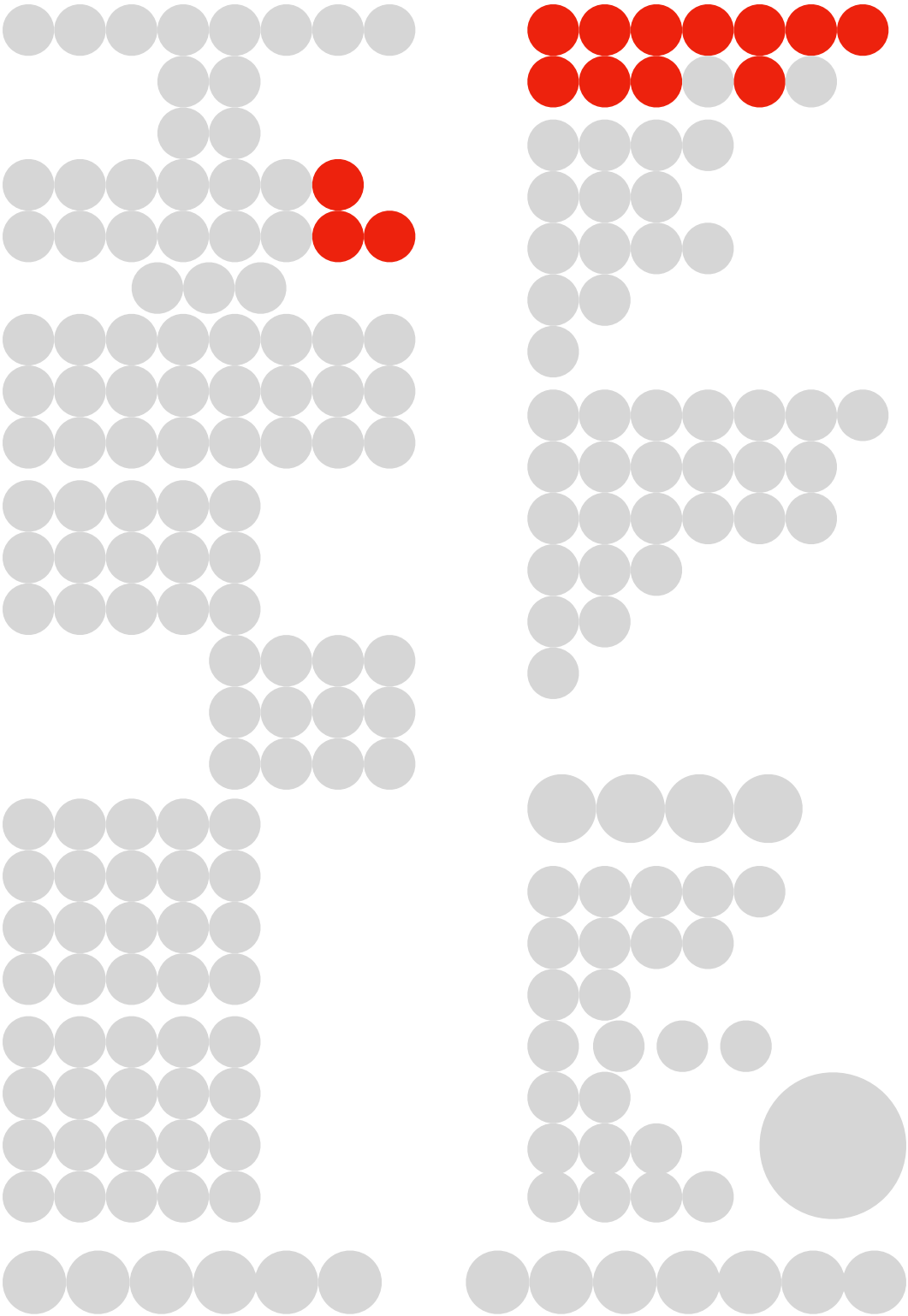

14. **Sự thực (đổng tốc):** là trạng thái tâm có mảnh lực xử sự với đối tượng (cảnh) sự thực (đổng tốc) là những tâm quan trọng, "nặng ký" nhất trong lộ trình tâm, đóng vai trò quyết định.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm làm việc thực (đổng tốc)

a. **Tâm:** 87 tâm đó là:

- 12 tâm bất thiện
- 1 tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ
- 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
- 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
- 5 tâm thiện sắc giới
- 4 tâm thiện vô sắc giới
- 5 tâm duy tác sắc giới
- 4 tâm duy tác vô sắc giới
- 20 tâm đạo
- 20 tâm quả siêu thế

b. **Sở hữu tâm:** 52 sở hữu tâm đó là:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh)
- 14 sở hữu bất thiện (4 sở hữu bất thiện biến hành, 3 sở hữu tham phần, 2 sở hữu hôn phần, 1 sở hữu hoài nghị)
- 25 sở hữu tịnh hảo (19 sở hữu tịnh hảo biến hành, 3 sở hữu giới phần, 2 sở hữu vô lượng phần, 1 sở hữu trí tuệ)

SỰ THỰC (ĐỒNG TỐC)

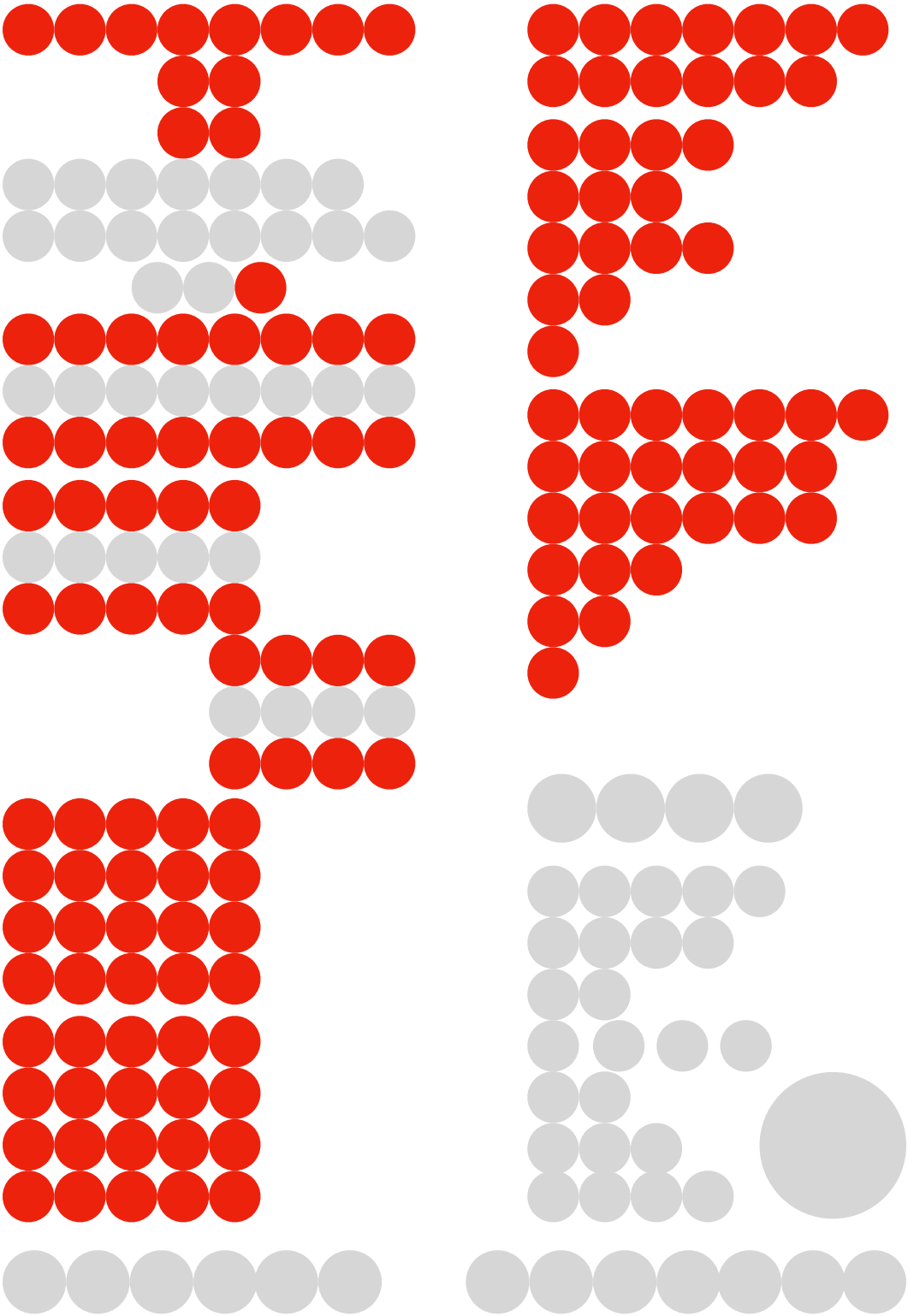

CHƯƠNG V
(BÀI 17)

6 MÔN

I. Định nghĩa:

Môn là cửa hay lối đi vào, ra.

Có 6 môn (cửa) là nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn, ý môn.

II. Phân tích chi pháp:

1. Nhãn môn: là thần kinh nhãn (mắt) để cảnh sắc hiện vào và nhãn thức xuất hiện.

   Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương nhãn môn?

   a. Tâm: 46 tâm
      - 2 tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện và quả thiện vô nhân
      - 44 tâm dục giới (12 tâm bất thiện, 2 tâm tiếp thâu thọ xả, 3 tâm quan sát, 3 tâm duy tác vô nhân, 24 tâm dục giới tịnh hảo)

   b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm
      - 13 sở hữu tợ tha
      - 14 sở hữu bất thiện
      - 25 sở hữu tịnh hảo

2. Nhĩ môn: là thần kinh nhĩ (tai) để cảnh thinh hiện vào và nhĩ thức hiện ra.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương nhĩ môn?

a. Tâm: 46 tâm
   - 2 tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện và quả thiện vô nhân
   - 44 tâm dục giới như nhãn môn

b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm như nhãn môn

3. Tỷ môn: là thần kinh tỷ (mũi) để cảnh khí hiện vào và tỷ thức khởi lên.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương tỷ môn?

a. Tâm: 46 tâm
   - 2 tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện và quả thiện vô nhân
   - 44 tâm dục giới như nhãn môn

b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm như nhãn môn

4. Thiệt môn: là thần kinh thiệt (lưỡi) để cảnh vị hiện vào và thiệt thức hiện lên.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương thiệt môn?

a. Tâm: 46 tâm
   - 2 tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện và quả thiện vô nhân
   - 44 tâm dục giới như nhãn môn
b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm như nhãn môn

5. Thân môn: là thần kinh thân, để cảnh xúc hiện vào và thân thức khởi lên.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương thân môn?

a. Tâm: 46 tâm
   - 2 tâm thân thức thọ xả quả bất thiện và quả thiện vô nhân
   - 44 tâm dục giới như nhãn môn
b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm như nhãn môn

6. Ý môn: là tâm hộ kiếp để cho ý thức khởi lên. Tâm hộ kiếp là 2 tâm quan sát quả thiện, quả bất thiện, 8 tâm dục giới tịnh hảo, 9 tâm đáo đại.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương ý môn?

a. Tâm: 99 tâm (trừ ngũ song thức, 3 tâm ý giới tức là 2 tâm tiếp thâu, 1 tâm khán ngũ môn, 9 tâm quả đáo đại đó là 5 tâm quả sắc giới, 4 tâm quả vô sắc giới).
b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm.

Ghi chú: 3 tâm ý giới nương 5 môn

III. Kết luận:

Bài học 6 môn cho thấy các loại tâm và sở hữu tâm khởi lên đều phải nương vào môn chứ không phải tự mình khởi lên được, thấy được các pháp hữu vi phải tùy thuộc lẫn nhau như câu nói của người xưa "ông thần nương cây đa, cây đa nương ông thần" hay như nói: "cái này có thì cái kia có, cái này sanh thì cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt".

Bài học cũng giúp thiền sinh thấy rõ danh sắc, pháp nào là danh, pháp nào là sắc. Các loại tâm và sở hữu tâm đồng sanh, đồng diệt, đồng nương và đồng biết với nhau. Như tâm nhãn thức nương nhãn môn thì 7 sở hữu tâm

cùng sanh với tâm nhãn thức, cùng nương nhãn môn./.

==***==

Hết bài số 17
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 16/03/2020 (23-2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG VI

SƠ ĐỒ 6 MÔN

Phân tích chi pháp:

1. Nhãn môn: là thần kinh nhãn (mắt) để cảnh sắc hiện vào và nhãn thức xuất hiện.

   Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương nhãn môn?

   a. Tâm: 46 tâm

      - 2 tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện và quả thiện vô nhân
      - 44 tâm dục giới (12 tâm bất thiện, 2 tâm tiếp thâu thọ xả, 3 tâm quan sát, 3 tâm duy tác vô nhân, 24 tâm dục giới tịnh hảo)

   b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm

      - 13 sở hữu tợ tha
      - 14 sở hữu bất thiện
      - 25 sở hữu tịnh hảo

NHÃN MÔN

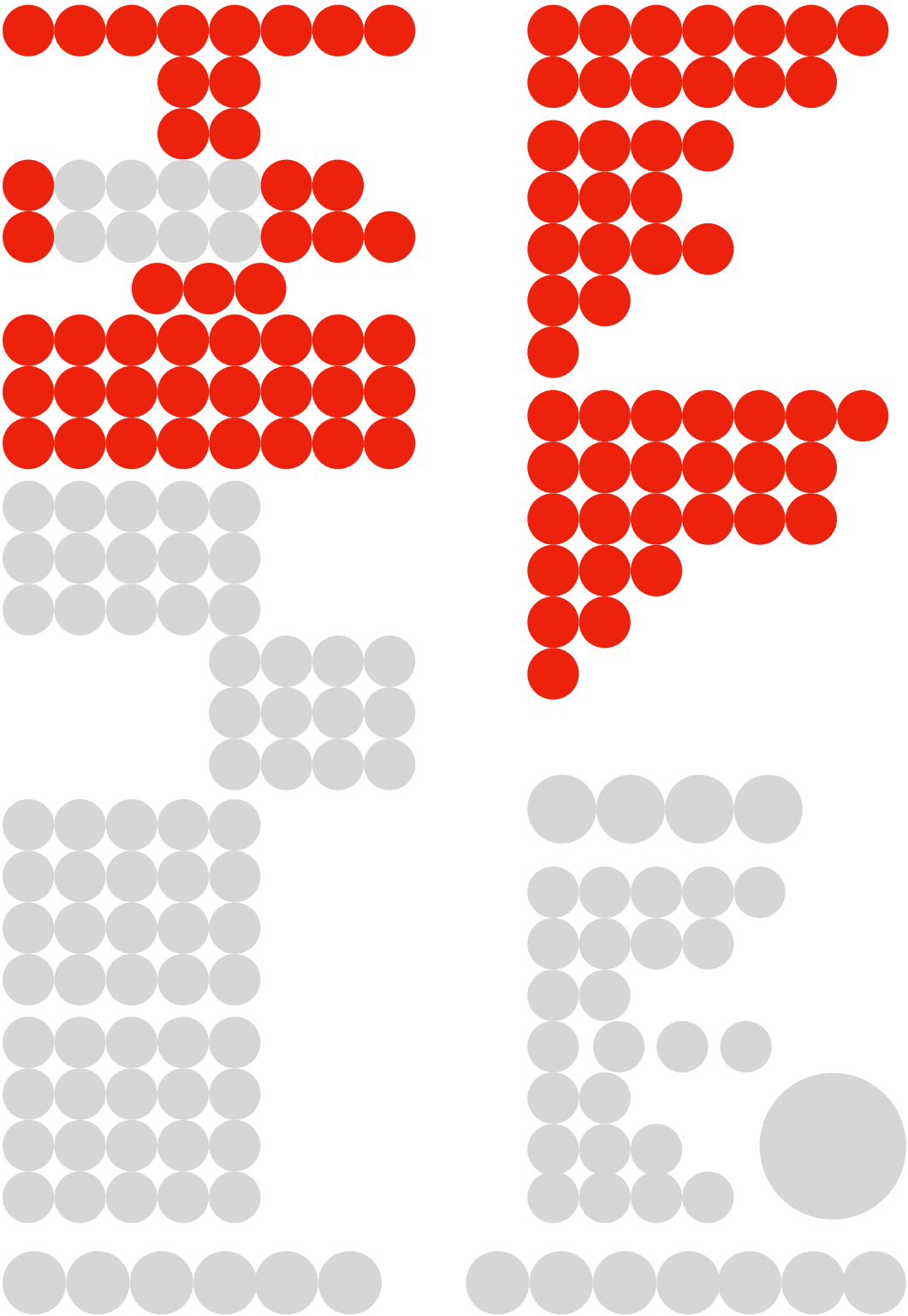

2. Nhĩ môn: là thần kinh nhĩ (tai) để cảnh thinh hiện vào và nhĩ thức hiện ra.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương nhĩ môn?

a. Tâm: 46 tâm

- 2 tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện và quả thiện vô nhân

- 44 tâm dục giới như nhãn môn

b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm như nhãn môn

NHĨ MÔN

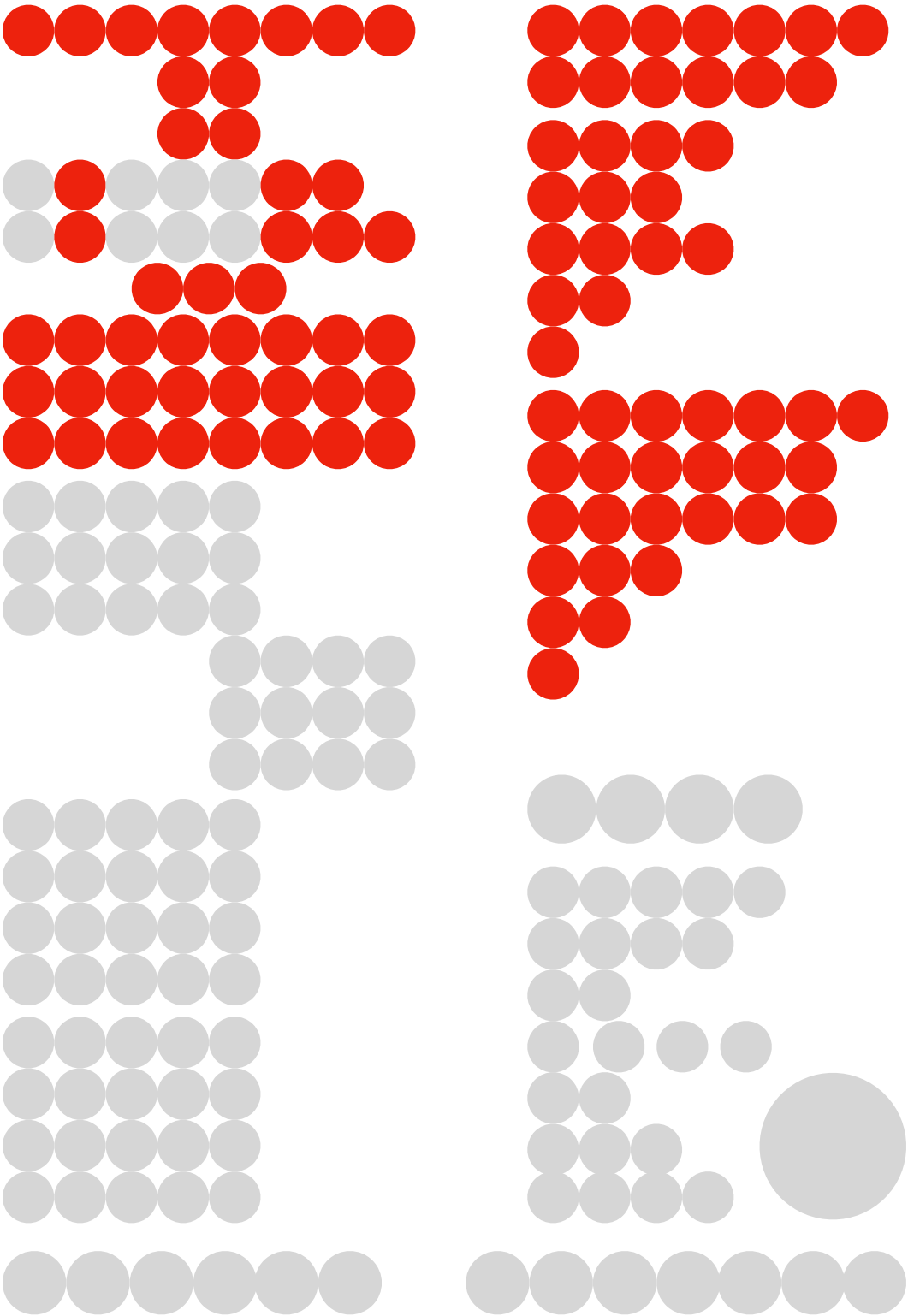

3. Tỷ môn: là thần kinh tỷ (mũi) để cảnh khí hiện vào và tỷ thức khởi lên.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương tỷ môn?

a. Tâm: 46 tâm

- 2 tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện và quả thiện vô nhân

- 44 tâm dục giới như nhãn môn

b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm như nhãn môn

TỶ MÔN

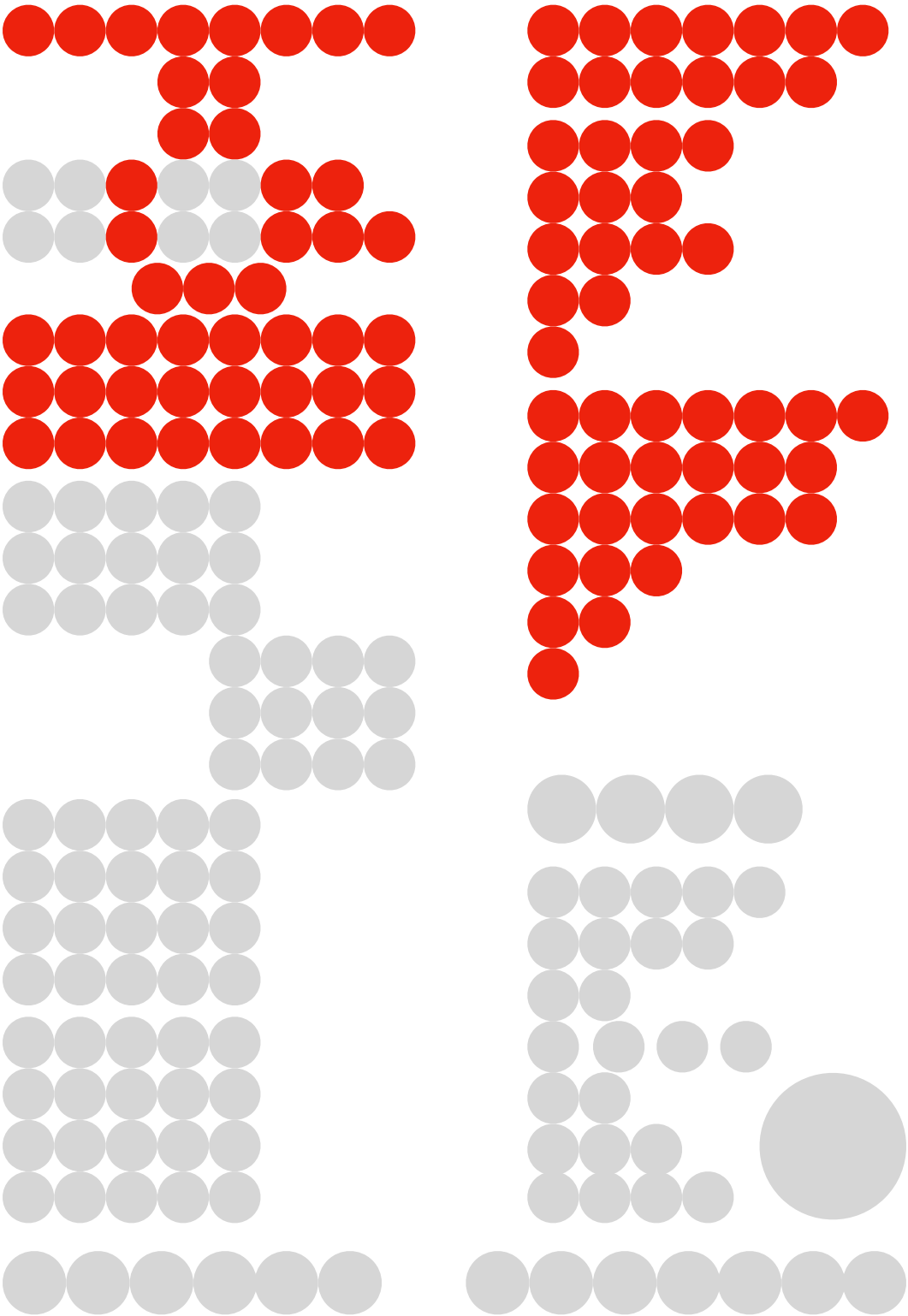

4. Thiệt môn: là thần kinh thiệt (lưỡi) để cảnh vị hiện vào và thiệt thức hiện lên.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương thiệt môn?

a. Tâm: 46 tâm

- 2 tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện và quả thiện vô nhân

- 44 tâm dục giới như nhãn môn

b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm như nhãn môn.

THIỆT MÔN

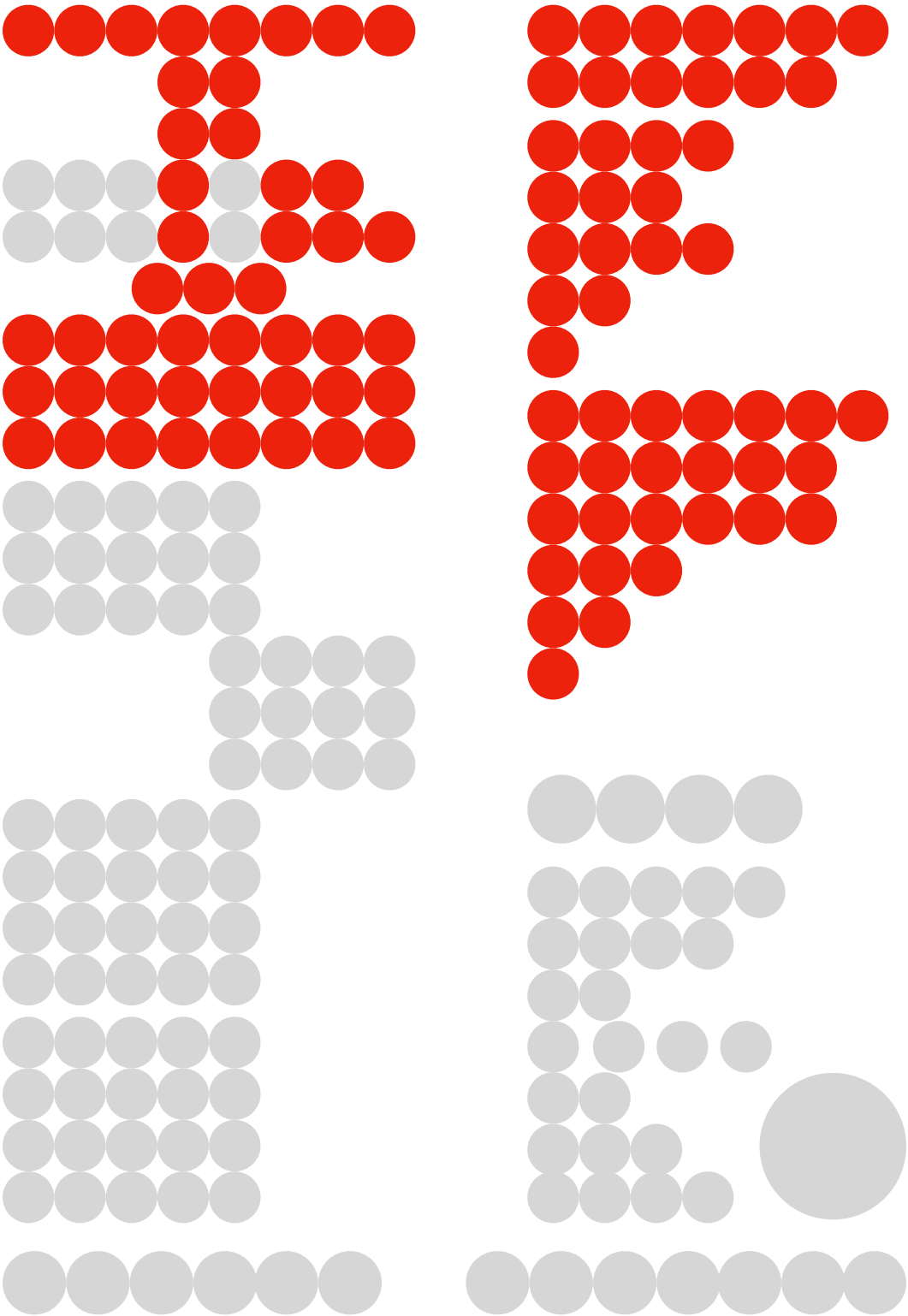

5. Thân môn: là thần kinh thân, để cảnh xúc hiện vào và thân thức khởi lên.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương thân môn?

a. Tâm: 46 tâm

- 2 tâm thân thức thọ xả quả bất thiện và quả thiện vô nhân

- 44 tâm dục giới như nhãn môn

b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm như nhãn môn

THÂN MÔN

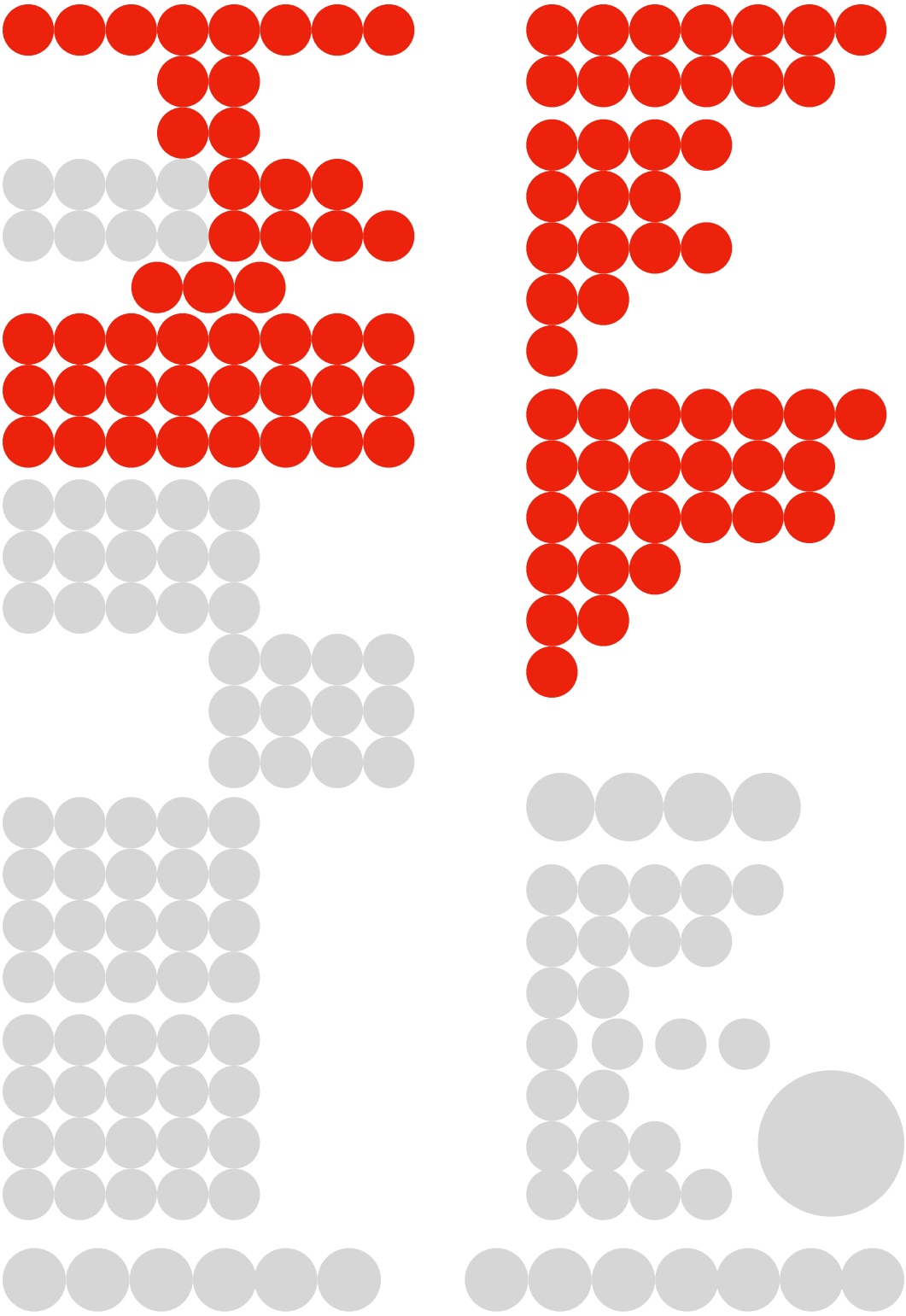

6. Ý môn: là tâm hộ kiếp để cho ý thức khởi lên. Tâm hộ kiếp là 2 tâm quan sát quả thiện, quả bất thiện, 8 tâm dục giới tịnh hảo, 9 tâm đáo đại.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương ý môn?

a. Tâm: 99 tâm (trừ ngũ song thức, 3 tâm ý giới tức là 2 tâm tiếp thâu, 1 tâm khán ngũ môn, 9 tâm quả đáo đại đó là 5 tâm quả sắc giới, 4 tâm quả vô sắc giới).

b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm.

*****Ghi chú: 3 tâm ý giới nương 5 môn**

Ý MÔN

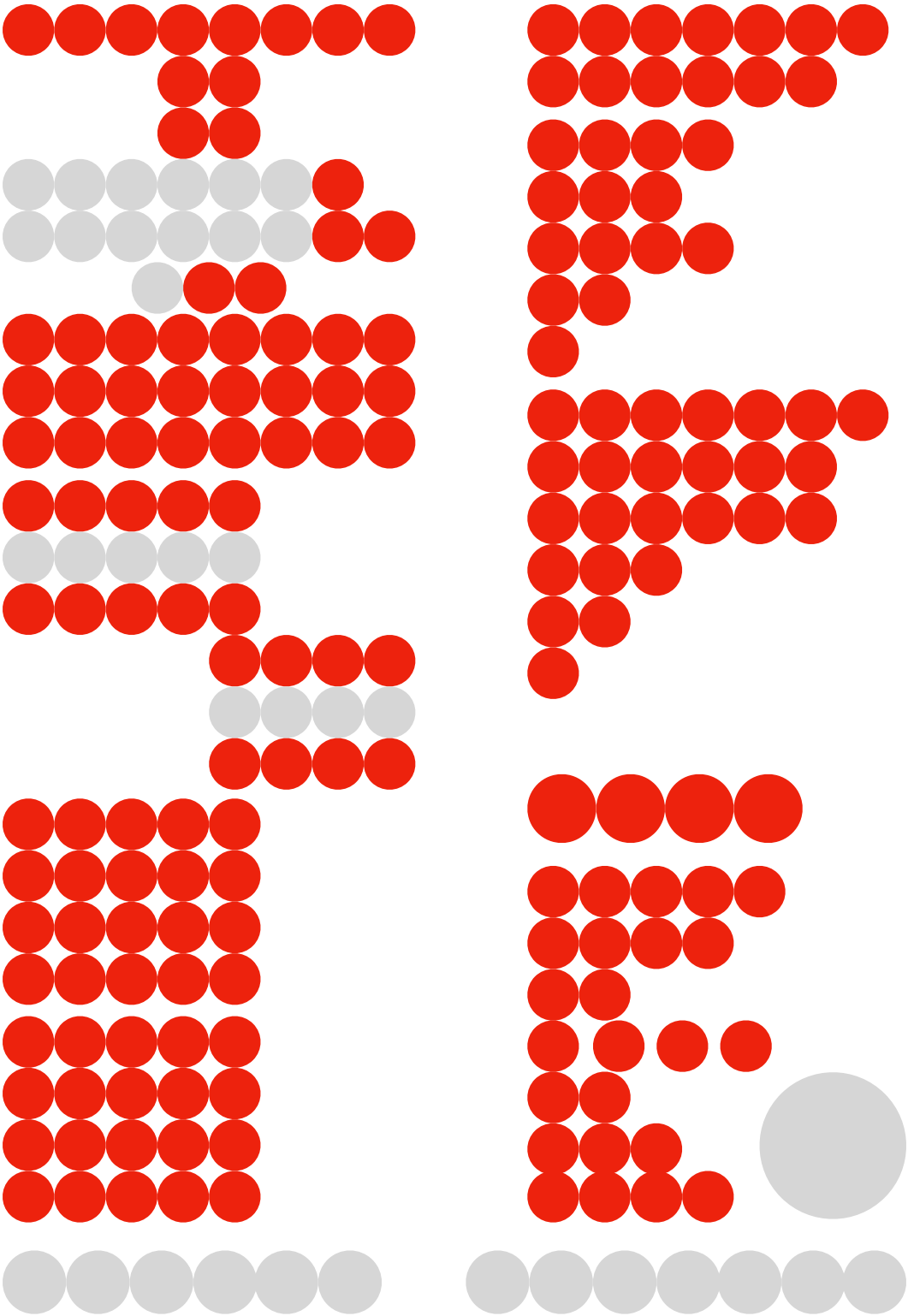

CHƯƠNG VII
(BÀI 18)

6 VẬT

I. Định nghĩa:

6 vật là nhãn vật, nhĩ vật, tỷ vật, thiệt vật, thân vật, ý vật. Vật ở đây là những sắc pháp thô, có hình dáng rõ rệt, có nhiệm vụ làm chỗ nương cho tâm. Tâm và sở hữu tâm nương với sắc nào thì sắc ấy gọi là vật.

II. Phân tích vật:

1. Nhãn vật: là tinh chất của tứ đại nằm trong mống mắt hình thức như đầu con chí đực để thu bắt cảnh sắc, cũng gọi là thần kinh nhãn, nhãn căn, nhãn quyền, nhãn xứ, nhãn giới, nhãn môn.

   Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương nhãn vật?

   a. Tâm: 2 tâm nhãn thức.
   b. Sở hữu tâm: 7 tâm sở hữu biến hành.

2. Nhĩ vật: là thần kinh nhĩ, nhĩ quyền, nhĩ căn, nhĩ xứ, nhĩ giới, nhĩ môn. Nhĩ vật là tinh chất của tứ đại thâu bắt cảnh thinh có

hình thức giống như lông con cừu nằm khoanh trong lỗ tai.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương nhĩ vật?

a. Tâm: 2 tâm nhĩ thức.
b. Sở hữu tâm: 7 tâm sở hữu biến hành.

3. Tỷ vật: là tinh chất của tứ đại thâu bắt cảnh khí mống chân con dê nằm trong lỗ mũi. Tỷ vật còn gọi là tỷ quyền, tỷ căn, thần kinh tỷ, tỷ xứ, tỷ giới, tỷ môn.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương tỷ vật?

a. Tâm: 2 tâm tỷ thức.
b. Sở hữu tâm: 7 sở hữu biến hành.

4. Thiệt vật: là tinh chất của tứ đại mà thâu bắt cảnh vị có hình thức như đầu lông con nhím nằm trong lưỡi. Thiệt vật còn gọi là thiệt quyền, thiệt căn, thần kinh thiệt, thiệt xứ, thiệt giới, thiệt môn.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương thiệt vật?

a. Tâm: 2 tâm thiệt thức.

b. Sở hữu tâm: 7 sở hữu biến hành.

5. Thân vật: là tinh chất của tứ đại mà thâu bắt cảnh xúc (đất, lửa, gió). Thân vật cũng có thể gọi là da trên con người. Thân vật nằm khắp châu thân. Thân vật cũng gọi là thân quyền, thân căn, thân ý, thân môn.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương thân vật?

a. Tâm: 2 tâm thân thức thọ khổ và thọ lạc.
b. Sở hữu tâm: 7 sở hữu tâm biến hành.

6. Ý vật: là sắc nghiệp nương theo trái tim hay nương theo bộ não.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương theo ý vật?

a. Tâm: 107 tâm (trừ ngũ song thức, 4 tâm quả vô sắc giới).
b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm.

III. Kết luận:

Bài học này nói về sắc pháp làm chỗ nương cho danh pháp (tâm và sở hữu tâm). Nói rõ

sắc pháp nào làm chỗ nương cho danh pháp nào. Như nhãn vật làm chỗ nương cho nhãn thức, nhĩ vật làm chỗ nương cho nhĩ thức,... Hành giả thấy rõ được sự sanh diệt của danh và sắc.

Bài học giúp cho thiền sinh tu thiền tứ niệm xứ. Nắm bắt rõ ràng đề mục thân, thọ, tâm, pháp./.

==***==

Hết bài số 18
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 17/03/2020 (24/2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG VIII

SƠ ĐỒ 6 VẬT

Phân tích vật:

1. Nhãn vật: là tinh chất của tứ đại nằm trong mống mắt hình thức như đầu con chí đực để thu bắt cảnh sắc, cũng gọi là thần kinh nhãn, nhãn căn, nhãn quyền, nhãn xứ, nhãn giới, nhãn môn.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương nhãn vật?

a. Tâm: 2 tâm nhãn thức.

b. Sở hữu tâm: 7 tâm sở hữu biến hành.

NHÃN VẬT

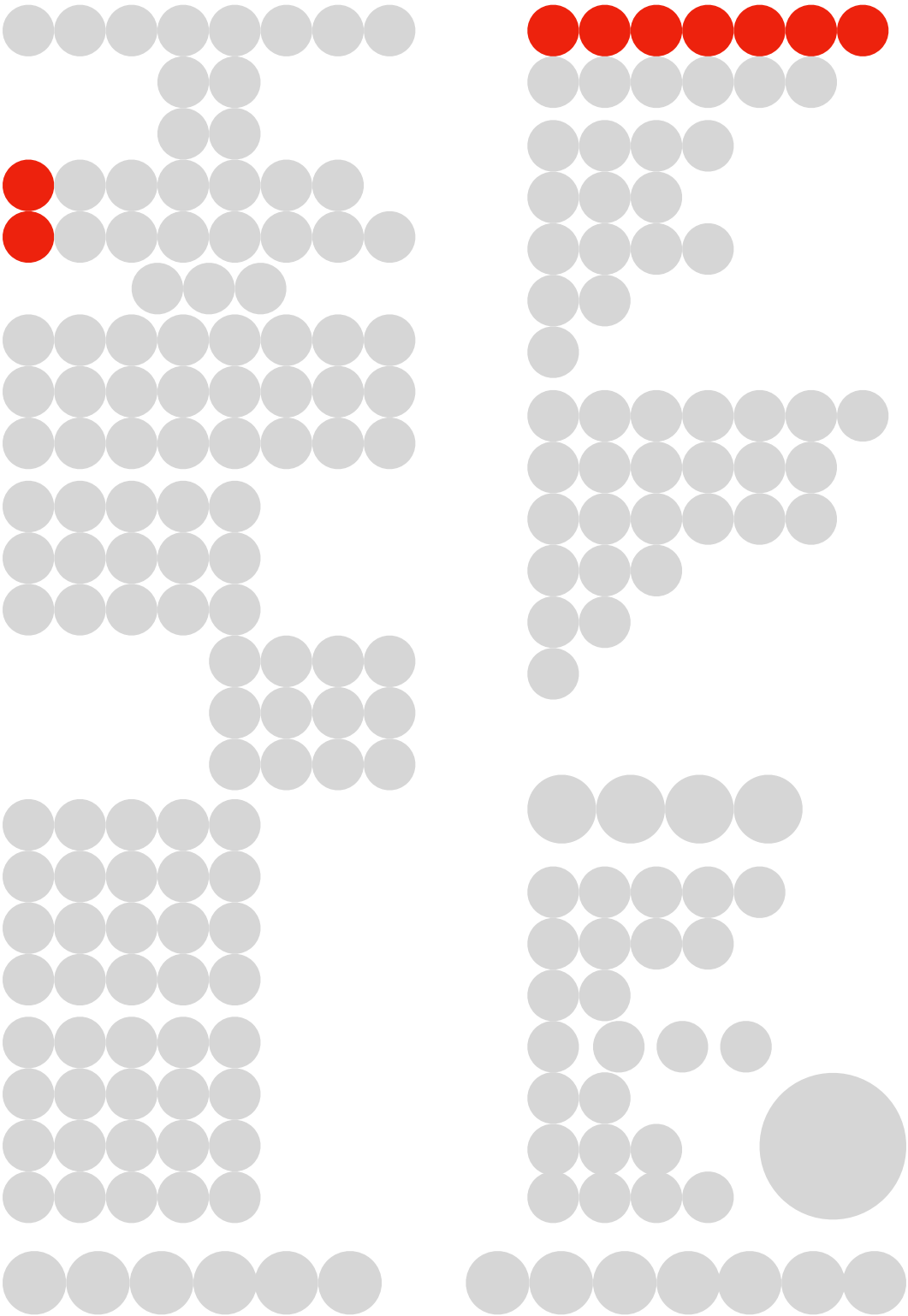

2. Nhĩ vật: là thần kinh nhĩ, nhĩ quyền, nhĩ căn, nhĩ xứ, nhĩ giới, nhĩ môn. Nhĩ vật là tinh chất của tứ đại thâu bắt cảnh thinh có hình thức giống như lông con cừu nằm khoanh trong lỗ tai.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương nhĩ vật?

a. Tâm: 2 tâm nhĩ thức.

b. Sở hữu tâm: 7 tâm sở hữu biến hành.

NHĨ VẬT

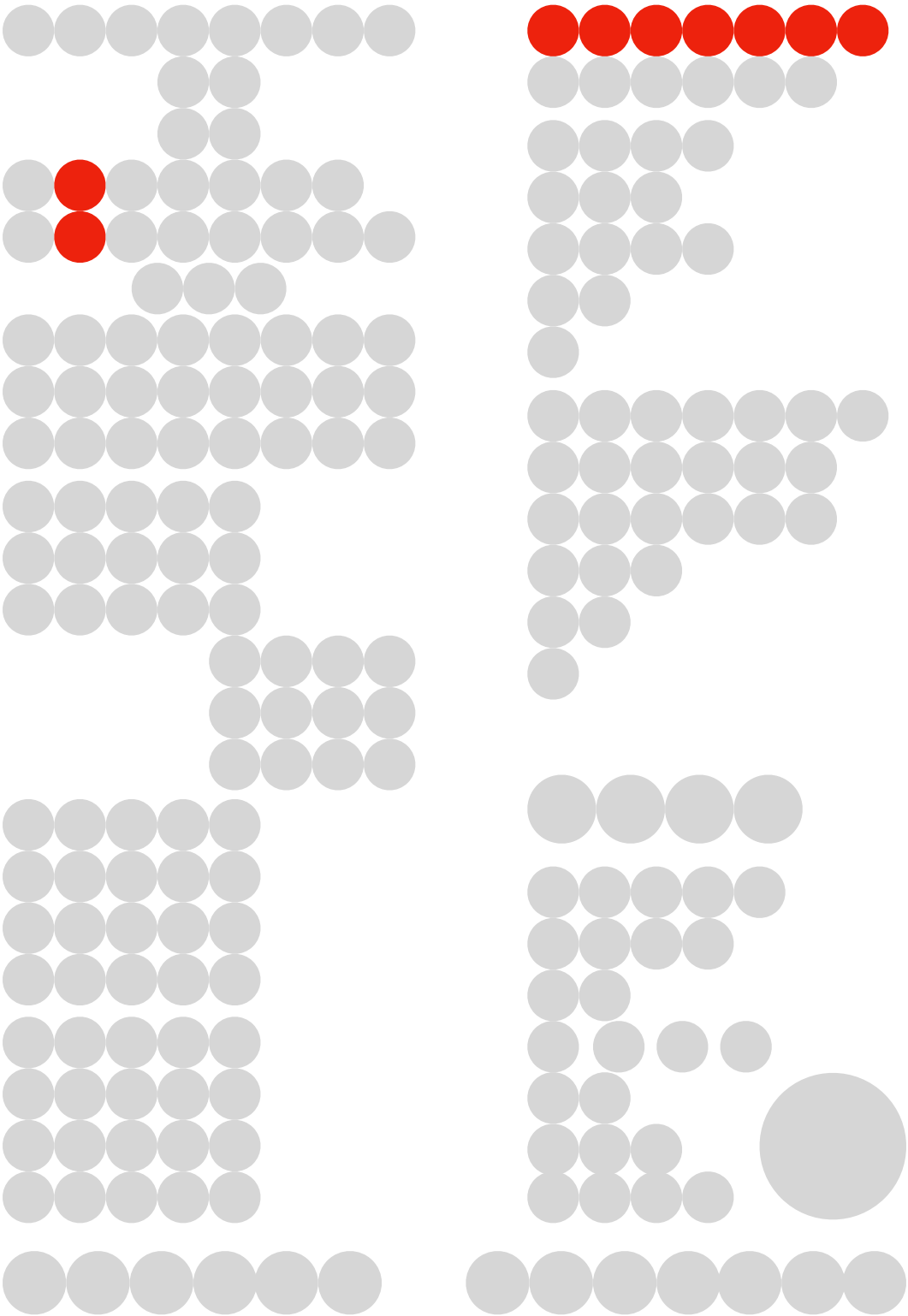

3. Tỷ vật: là tinh chất của tứ đại thâu bắt cảnh khí mống chân con dê nằm trong lỗ mũi. Tỷ vật còn gọi là tỷ quyền, tỷ căn, thần kinh tỷ, tỷ xứ, tỷ giới, tỷ môn.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương tỷ vật?

a. Tâm: 2 tâm tỷ thức.

b. Sở hữu tâm: 7 sở hữu biến hành.

TỶ VẬT

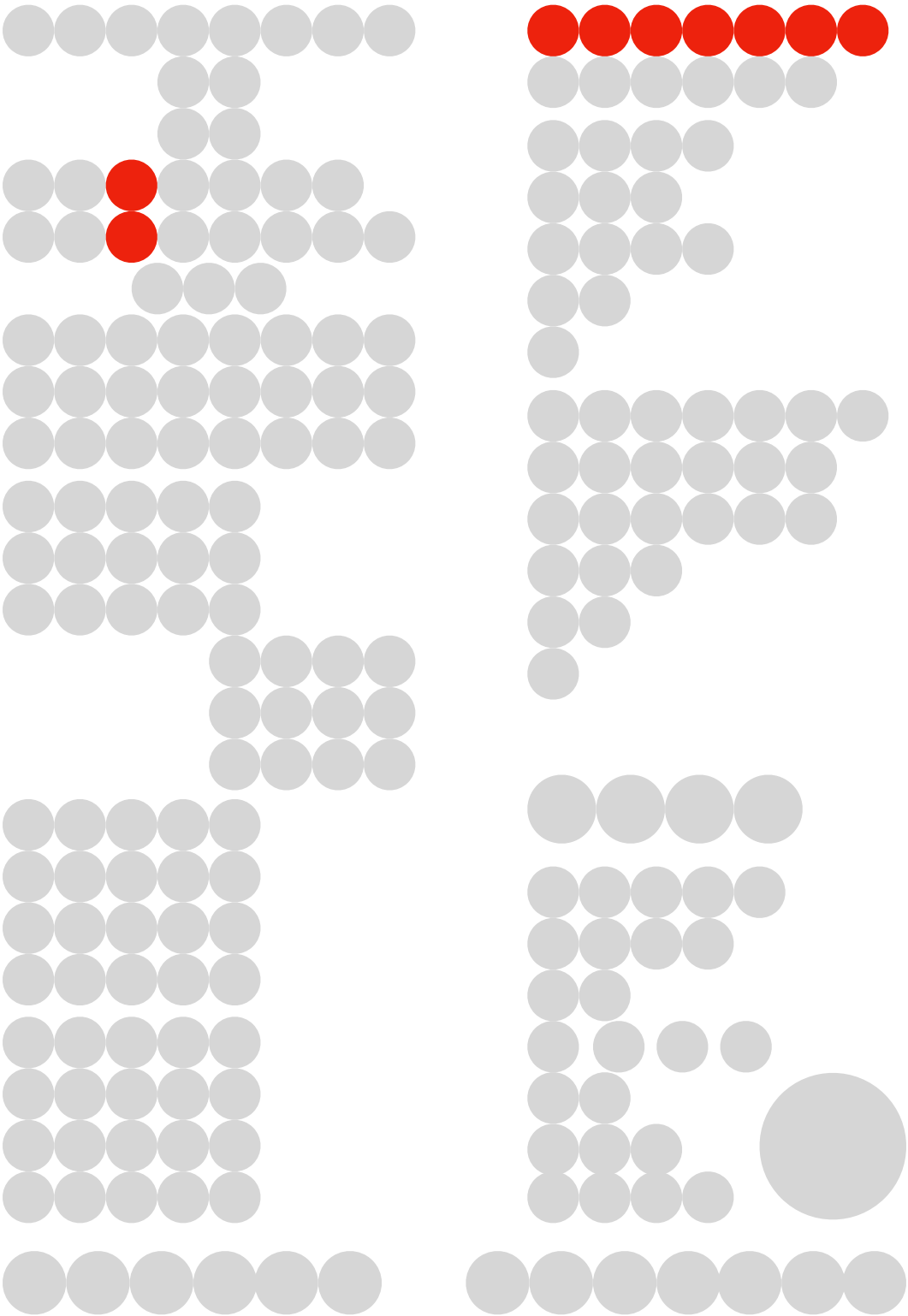

4. Thiệt vật: là tinh chất của tứ đại mà thâu bắt cảnh vị có hình thức như đầu lông con nhím nằm trong lưỡi. Thiệt vật còn gọi là thiệt quyền, thiệt căn, thần kinh thiệt, thiệt xứ, thiệt giới, thiệt môn.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương thiệt vật?

a. Tâm: 2 tâm thiệt thức.

b. Sở hữu tâm: 7 sở hữu biến hành.

THIỆT VẬT

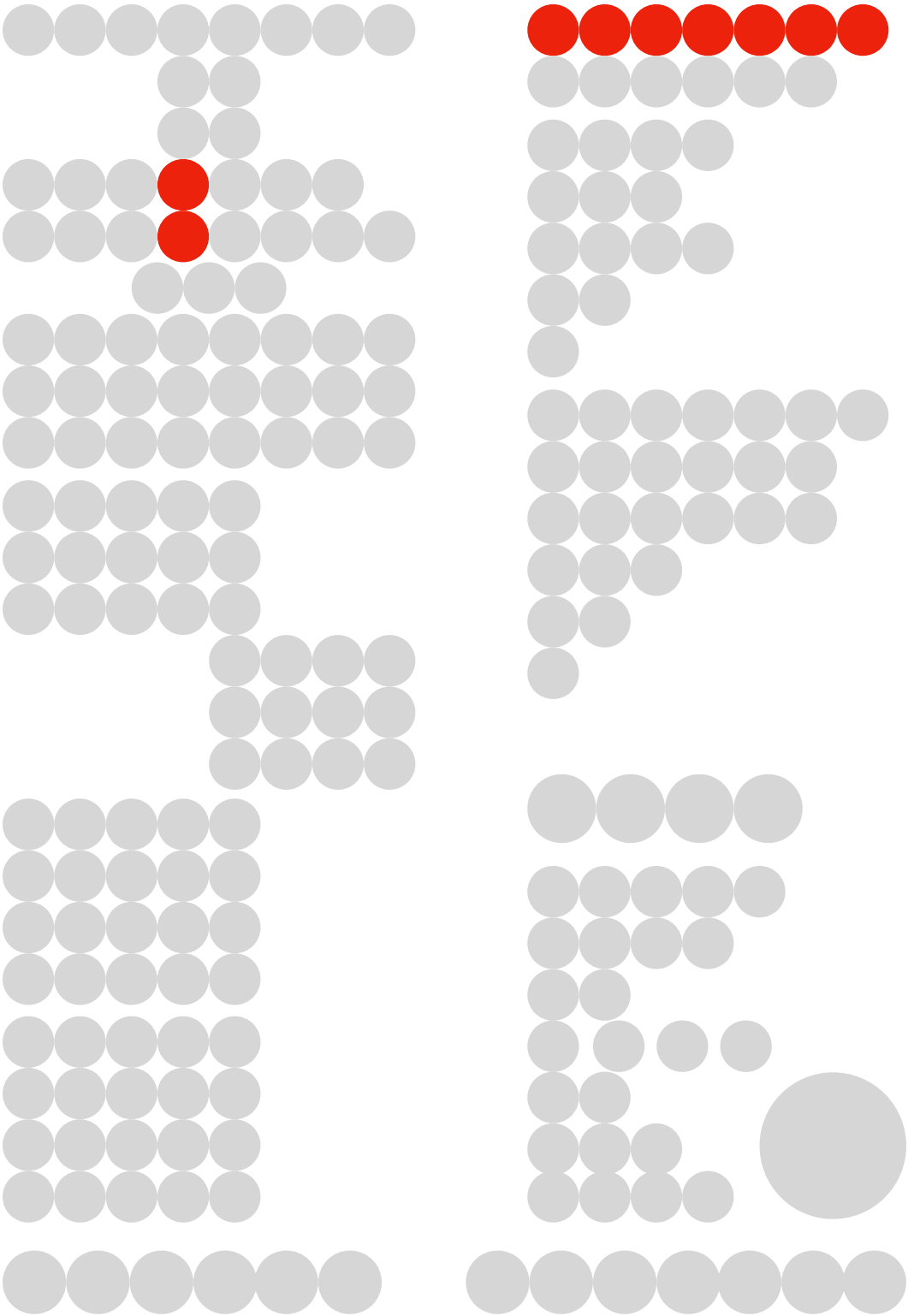

5. Thân vật: là tinh chất của tứ đại mà thâu bắt cảnh xúc (đất, lửa, gió). Thân vật cũng có thể gọi là da trên con người. Thân vật nằm khắp châu thân. Thân vật cũng gọi là thân quyền, thân căn, thân ý, thân môn.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương thân vật?

a. Tâm: 2 tâm thân thức thọ khổ và thọ lạc.

b. Sở hữu tâm: 7 sở hữu tâm biến hành.

THẦN VẬT

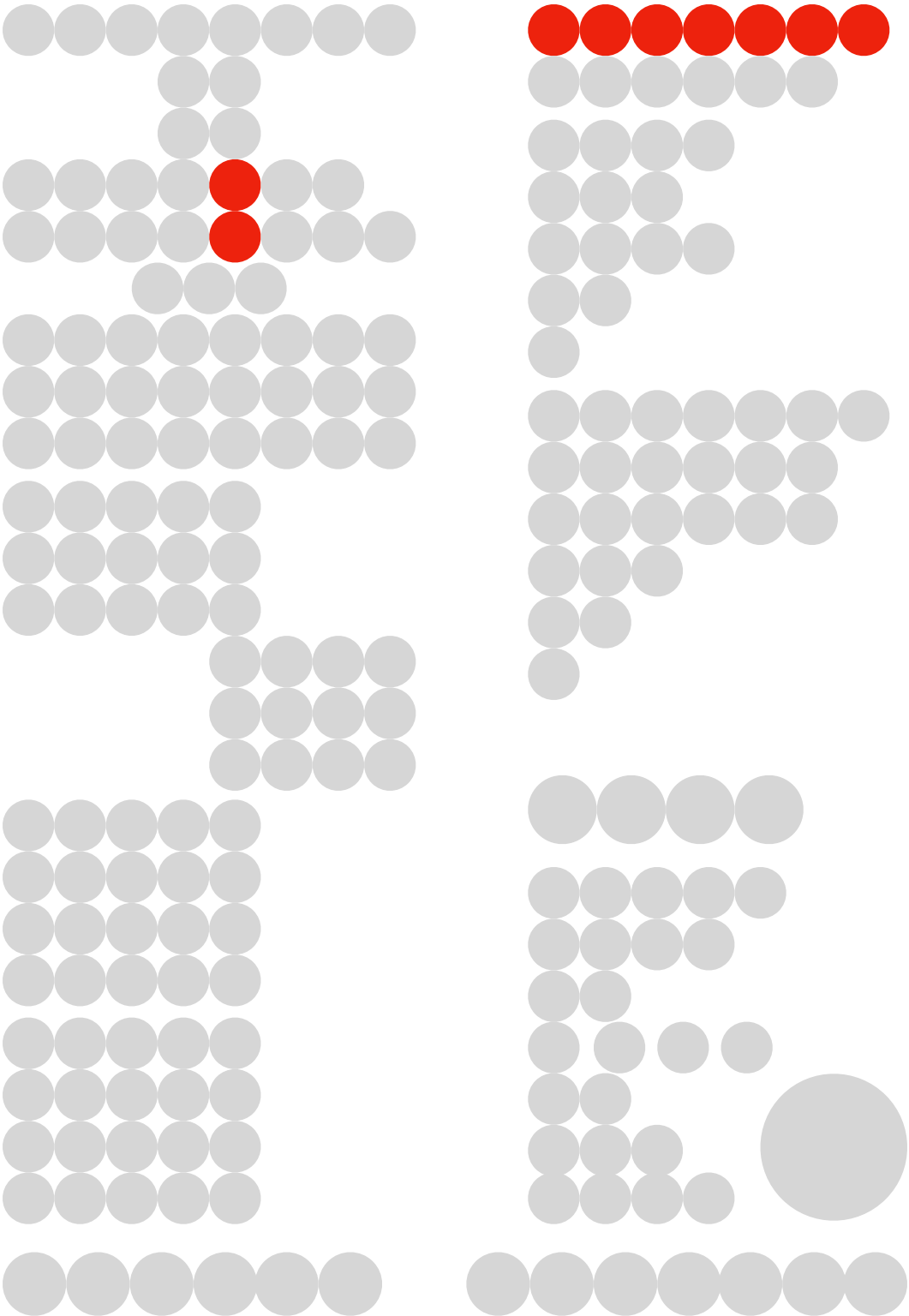

6. Ý vật: là sắc nghiệp nương theo trái tim hay nương theo bộ não.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm nương theo ý vật?

a. Tâm: 107 tâm (trừ ngũ song thức, 4 tâm quả vô sắc giới).

b. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm.

Ý VẬT

CHƯƠNG IX
(BÀI 19)

21 CẢNH

I. Định nghĩa:

Cảnh là đối tượng của tâm và sở hữu tâm. Tâm và sở hữu tâm đối diện với pháp nào thì pháp đó gọi là cảnh. Pháp nào lôi cuốn tâm và sở hữu tâm thì pháp đó gọi là cảnh. Pháp nào bị tâm và sở hữu tâm biết thì pháp đó gọi là cảnh. Cảnh có 6 nếu tính hẹp và 21 nếu tính rộng:

- 6 cảnh là: cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp.
- 21 cảnh là: cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp, cảnh ngũ, cảnh chơn đế, cảnh tục đế, cảnh dục giới, cảnh đáo đại, cảnh niết bàn, cảnh danh pháp, cảnh sắc pháp, cảnh quá khứ, cảnh hiện tại, cảnh vị lai, cảnh ngoại thời, cảnh nội phần, cảnh ngoại phần, cảnh nội và ngoại phần.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Cảnh sắc:** là tất cả màu sắc, tức là vật (đối tượng) bị mắt thấy.

Chi pháp của cảnh sắc là sắc cảnh sắc trong 28 sắc pháp.

Cảnh sắc là đối tượng của nhãn thức nghĩa là nhãn thức chỉ biết cảnh sắc.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh sắc?

a. Tâm: 48 tâm:
   - 2 tâm nhãn thức biết cảnh sắc nhất định.
   - 44 tâm dục giới (trừ nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) biết cảnh sắc bất định (có khi biết khi không).
   - 2 tâm thông (tâm diệu trí) biết cảnh sắc bất định.

b. Sở hữu tâm: xem bài số 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

2. **Cảnh thinh:** là tất cả tiếng, âm thanh bị tai nghe. Chi pháp của cảnh thinh là sắc cảnh thinh trong 28 sắc pháp. Cảnh thinh là đối tượng của nhĩ thức và nhĩ thức chỉ biết cảnh thinh.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh thinh?

a. Tâm: 48 tâm:
   - 2 tâm nhĩ thức biết cảnh thinh nhất định.
   - 44 tâm dục giới (trừ nhãn thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) biết cảnh thinh bất định (có khi biết khi không).
   - 2 tâm diệu trí (tâm thần thông) biết cảnh thinh bất định.

b. Sở hữu tâm: xem bài số 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

3. **Cảnh khí:** là tất cả mùi bị, được mũi ngửi. Chi pháp của cảnh khí là sắc cảnh khí trong 28 sắc pháp. Cảnh khí là đối tượng của tỷ thức. Tỷ thức chỉ biết cảnh khí.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh khí?

a. Tâm: 48 tâm:
   - 2 tâm tỷ thức.
   - 44 tâm dục giới (trừ nhãn thức, nhĩ thức, thiệt thức, thân thức).

- 2 tâm diệu trí (tâm thông).

b. Sở hữu tâm: xem bài số 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

4. **Cảnh vị:** là tất cả các vị mặn, ngọt, đắng, cay, chua, chát bị, được lưỡi nếm. Chi pháp của cảnh vị là sắc cảnh vị trong 28 sắc pháp. Cảnh vị là đối tượng của thiệt thức. Thiệt thức chỉ biết cảnh vị.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh vị?

a. Tâm: 48 tâm:
   - 2 tâm thiệt thức.
   - 44 tâm dục giới (trừ nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thân thức).
   - 2 tâm diệu trí (tâm thần thông).

b. Sở hữu tâm: xem bài số 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

5. **Cảnh xúc:** là tất cả sự cảm xúc, đụng chạm, xúc chạm sắc pháp cứng, mềm, nóng, lạnh.

Cảnh xúc là đối tượng của thân thức. Thân thức chỉ biết cảnh xúc. Chi pháp của cảnh xúc là đất, lửa, gió trong 24 sắc pháp.
Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh xúc (đất, lửa, gió).

a. Tâm: 48 tâm:
   - 2 tâm thân thức.
   - 44 tâm dục giới (trừ nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức).
   - 2 tâm diệu trí (tâm thông).

b. Sở hữu tâm: xem bài số 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

6. **Cảnh ngũ:** là gôm 5 cảnh lại mà đặt tên chứ không có một cảnh ngũ riêng biệt.
Cảnh ngũ là cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc.
Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh ngũ?

a. Tâm: 46 tâm:
   - 3 tâm biết cảnh ngũ nhất định (2 tâm tiếp thâu và tâm khán ngũ môn).

- 43 tâm biết cảnh ngũ nhưng bất định là 41 tâm dục giới (trừ ngũ song thức và 3 ý giới).
- 2 tâm diệu trí (tâm thông).

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

7. **Cảnh pháp:** là tất cả pháp ngoài ra cảnh ngũ.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh pháp?

a. Tâm: 110 tâm biết cảnh pháp.
   - 67 tâm biết cảnh pháp nhất định (27 tâm đáo đại và 40 tâm siêu thế).
   - 43 tâm biết cảnh pháp nhưng bất định đó là 2 tâm thông và 41 tâm dục giới (54 tâm dục giới trừ ngũ song thức và 3 ý giới).

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

8. **Cảnh chơn đế:** là tâm, sở hữu tâm, sắc pháp, niết bàn. 4 pháp chơn đế này đóng vai trò là cảnh của tâm, còn gọi là cảnh siêu lý.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh chơn đế?

a. Tâm: 102 tâm:

- Tâm biết cảnh chơn đế nhất định là:
  - 40 tâm siêu thế biết cảnh niết bàn.
  - 3 tâm thức không vô biên xứ biết cảnh tâm.
  - 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ biết cảnh tâm.
  - 8 tâm quả dục giới tịnh (làm việc mót biết cảnh sắc, thinh, hương, vị, xúc).
  - 17 tâm vô nhân trừ khán ý môn (tâm nhãn thức biết cảnh sắc, tâm nhĩ thức biết cảnh thinh, tâm tỷ thức biết cảnh khí, tâm thiệt thức biết cảnh vị, tâm thân thức biết cảnh xúc, tâm ý thức biết cảnh pháp).
- Tâm biết cảnh chơn đế bất định là:

- 12 tâm bất thiện
- 1 tâm khán ý môn
- 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
- 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
- 2 tâm thông.

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

9. **Cảnh tục đế:** là cảnh giả tạo, là cảnh thế tục thế gian, cũng gọi là cảnh chế định.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh tục đế (chế định).

a. Tâm: có 52 tâm đó là:

- Tâm biết cảnh tục đế nhất định:
  - 15 tâm sắc giới
  - 3 tâm không vô biên
  - 3 tâm vô sở hữu
- Những tâm biết cảnh tục đế bất định:
  - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
  - 8 tâm duy tác dục giới tinh hảo

- 12 tâm bất thiện
- 1 tâm khán ý môn
- 2 tâm thông (diệu trí)

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

10. **Cảnh dục giới:** chi pháp là sắc pháp, tâm dục giới và những sở hữu đồng sanh.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh dục giới?

a. Tâm: 56 tâm:

- Những tâm biết cảnh dục giới nhất định là:
  - 8 tâm quả dục giới tinh hảo
  - 17 tâm vô nhân (trừ tâm khán ý môn)
- Những tâm biết cảnh dục giới bất định là:
  - 2 tâm thông (tâm diệu trí)
  - 12 tâm bất thiện
  - 1 tâm khán ý môn

- 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
- 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

11. **Cảnh đáo đại:** là cảnh thiền rộng lớn tức là tâm an trú vào một đề mục rất lâu.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh đáo đại?

a. Tâm: 37 tâm:

- Những tâm biết cảnh đáo đại nhất định là:
  - 3 tâm thức vô biên xứ
  - 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ
- Những tâm cũng biết cảnh đáo đại nhưng bất định là:
  - 12 tâm bất thiện
  - Tâm khán ý môn
  - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
  - 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo

- 2 tâm thông

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

12. **Cảnh niết bàn:** là cảnh hoàn toàn vắng lặng siêu thế gian, ngoài thế gian, không còn một pháp hữu vi nào dư sót.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh niết bàn?

a. Tâm: 51 tâm

- Những tâm biết cảnh niết bàn nhất định là:
  - 20 tâm đạo
  - 20 tâm quả siêu thế
- Những tâm biết cảnh niết bàn bất định là:
  - Tâm khán ý môn
  - 4 tâm thiện dục giới tịnh hảo hợp trí
  - 4 tâm duy tác dục giới tịnh hảo hợp trí
  - 2 tâm thồng

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm và sở hữu tâm phối hợp

13. **Cảnh danh pháp:** là tâm và sở hữu tâm và niết bàn.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh danh pháp?

a. Tâm: 89 tâm

- Những tâm biết cảnh danh pháp nhất định là:
  - 40 tâm siêu thế
  - 3 tâm thức vô biên xứ
  - 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ
- Những tâm biết cảnh danh pháp bất định là:
  - 2 tâm thông
  - 41 tâm dục giới (54 tâm dục giới trừ ngũ song thức và 3 ý giới).

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm và sở hữu tâm phối hợp.

14. **Cảnh sắc pháp:** là 28 sắc pháp

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh sắc pháp?

a. Tâm: 56 tâm

- Những tâm biết cảnh sắc pháp nhất định là:
  - Ngũ song thức
  - 3 ý giới
- Những tâm biết cảnh sắc pháp bất định là:
  - 2 tâm thông
  - 41 tâm dục giới (54 tâm dục giới trừ ngũ song thức và 3 ý giới).

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm và sở hữu tâm phối hợp.

15. **Cảnh quá khứ:** chi pháp là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp đã diệt.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh quá khứ?

a. Tâm: 49 tâm

- Những tâm biết cảnh quá khứ nhất định là:
  - 3 tâm thức vô biên xứ
  - 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ
- Những tâm biết cảnh quá khứ bất định là:
  - 2 tâm thông
  - 41 tâm dục giới (54 tâm dục giới trừ ngũ song thức và 3 ý giới).

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm và sở hữu tâm phối hợp.

16. **Cảnh hiện tại:** chi pháp là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp đang còn, đang sanh, đang có mặt.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh hiện tại?

a. Tâm: 56 tâm

- Những tâm biết cảnh hiện tại nhất định là:
  - Ngũ song thức

- 3 ý giới

- Những tâm biết cảnh hiện tại bất định là:
  - 2 tâm thông
  - 41 tâm dục giới (trừ ngũ song thức và 3 ý giới)

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

17. **Cảnh vị lai:** chi pháp là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp sẽ sinh, chưa sinh, chưa có, chưa hiện ra.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh vị lai?

a. Tâm: 43 tâm

- Những tâm biết cảnh vị lai nhất định là: không có.
- Những tâm biết cảnh vị lai bất định là: 43 tâm
  - 2 tâm diệu trí (tâm thông)

- 41 tâm dục giới (54 tâm dục giới trừ ngũ song thức và 3 ý giới)

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

18. **Cảnh ngoại thời:** là cảnh vượt ngoài thời gian, là cảnh thiền chế định và niết bàn.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh ngoại thời?

a. Tâm: 92 tâm

- Tâm biết cảnh ngoại thời nhất định là:
  - 40 tâm siêu thế
  - 15 tâm sắc giới
  - 3 tâm không vô biên xứ
  - 3 tâm vô sở hữu xứ
- Tâm biết cảnh ngoại thời bất định là:
  - 2 tâm thông
  - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
  - 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
  - 1 tâm khán ý môn

- 12 tâm bất thiện

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

19. **Cảnh nội phần:** chi pháp là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp của nội thân.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh nội phần?

a. Tâm: 62 tâm

- Tâm biết cảnh nội phần nhất định là:
  - 3 tâm thức vô biên xứ
  - 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ
- Những tâm biết cảnh nội phần bất định là:
  - 2 tâm thông
  - 54 tâm dục giới

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

20. **Cảnh ngoại phần:** chi pháp là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp ngoài thân.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh ngoại phần?

a. Tâm: 114 tâm

- Những tâm biết cảnh ngoại phần nhất định là:
  - 40 tâm siêu thế
  - 15 tâm sắc giới
  - 3 tâm không vô biên xứ
- Những tâm biết cảnh ngoại phần bất định là:
  - 54 tâm dục giới
  - 2 tâm thông

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

21. **Cảnh nội phần và ngoại phần:** chi pháp là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp bên trong thân và bên ngoài thân.

Có bao nhiêu tâm biết cảnh nội phần và ngoại phần?

a. Tâm: 56 tâm

- Những tâm biết cảnh nội phần và ngoại phần nhất định là: không có.
- Những tâm biết cảnh nội phần và ngoại phần bất định là:
  - 54 tâm dục giới
  - 2 tâm thông

III. Kết luận:

Không phải chỉ có một cảnh, không chỉ có 6 cảnh mà có đến 21 cảnh.

Vì có nhiều cảnh cho nên có nhiều tâm, do đó không có một thứ tâm đứng yên như một linh hồn trường tồn bất biến, mà nó luôn thay đổi, "nhảy múa" theo các loại tâm.

Đừng quá cố chấp vào một con người mà phải nhìn thẳng vào các loại tâm luôn luôn thay đổi của họ, để có một cái nhìn khách quan bao dung, tha thứ, từ bi hỷ xả.

Vì có cảnh cho nên mới có tâm, cảnh thay đổi, tâm thay đổi, cho nên đừng nhìn người mà hãy nhìn tâm thay đổi.

Có một điều không bao giờ thay đổi đó là sự đổi thay của danh sắc, của tâm, của sở hữu tâm, của sắc pháp, của chơn đế hữu vi.

Nhìn cảnh thay đổi dẫn đến tâm thay đổi, hành giả thấy được sự phản bội của nó và thoát khỏi được sự cố chấp đối với các pháp tục đế. Nhờ vậy mà đưa đến sự giải thoát an lạc, hạnh phúc ngay trong kiếp sống này./.

==***==

Hết bài số 19
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 18/03/2020 (25-2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG X

SƠ ĐỒ 21 CẢNH

Phân tích chi pháp

1. **Cảnh sắc:** là tất cả màu sắc, tức là vật (đối tượng) bị mắt thấy.

Chi pháp của cảnh sắc là sắc cảnh sắc trong 28 sắc pháp.

Cảnh sắc là đối tượng của nhãn thức nghĩa là nhãn thức chỉ biết cảnh sắc.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh sắc?

a. Tâm: 48 tâm:
   - 2 tâm nhãn thức biết cảnh sắc nhất định.
   - 44 tâm dục giới (trừ nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) biết cảnh sắc bất định (có khi biết khi không).
   - 2 tâm thông (tâm diệu trí) biết cảnh sắc bất định.

b. Sở hữu tâm: xem bài số 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH SẮC - 48

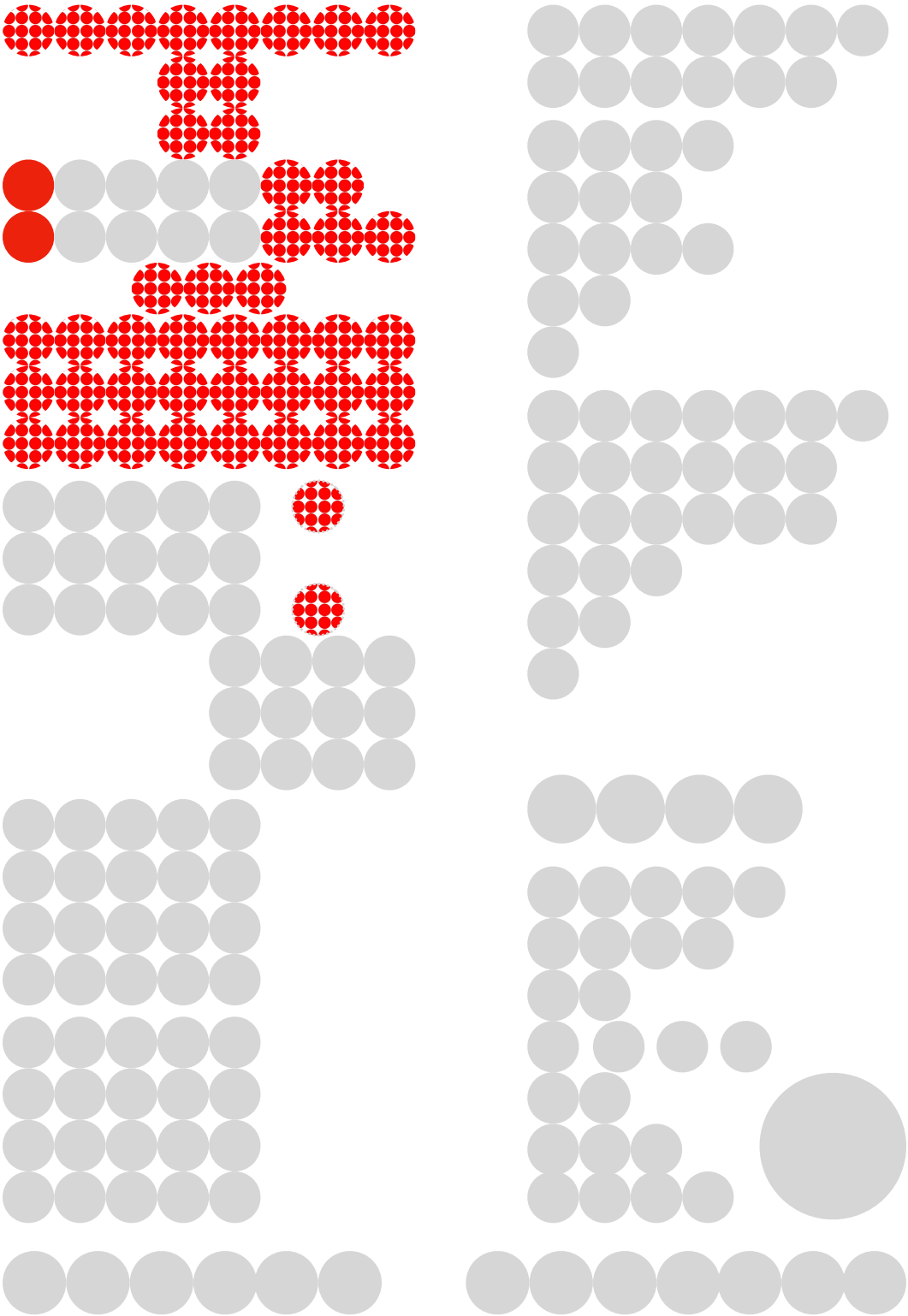

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

2. **Cảnh thinh:** là tất cả tiếng, âm thanh bị tai nghe. Chi pháp của cảnh thinh là sắc cảnh thinh trong 28 sắc pháp. Cảnh thinh là đối tượng của nhĩ thức và nhĩ thức chỉ biết cảnh thinh.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh thinh?

a. Tâm: 48 tâm:

- 2 tâm nhĩ thức biết cảnh thinh nhất định.
- 44 tâm dục giới (trừ nhãn thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) biết cảnh thinh bất định (có khi biết khi không).
- 2 tâm diệu trí (tâm thần thông) biết cảnh thinh bất định.

b. Sở hữu tâm: xem bài số 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH THINH - 48

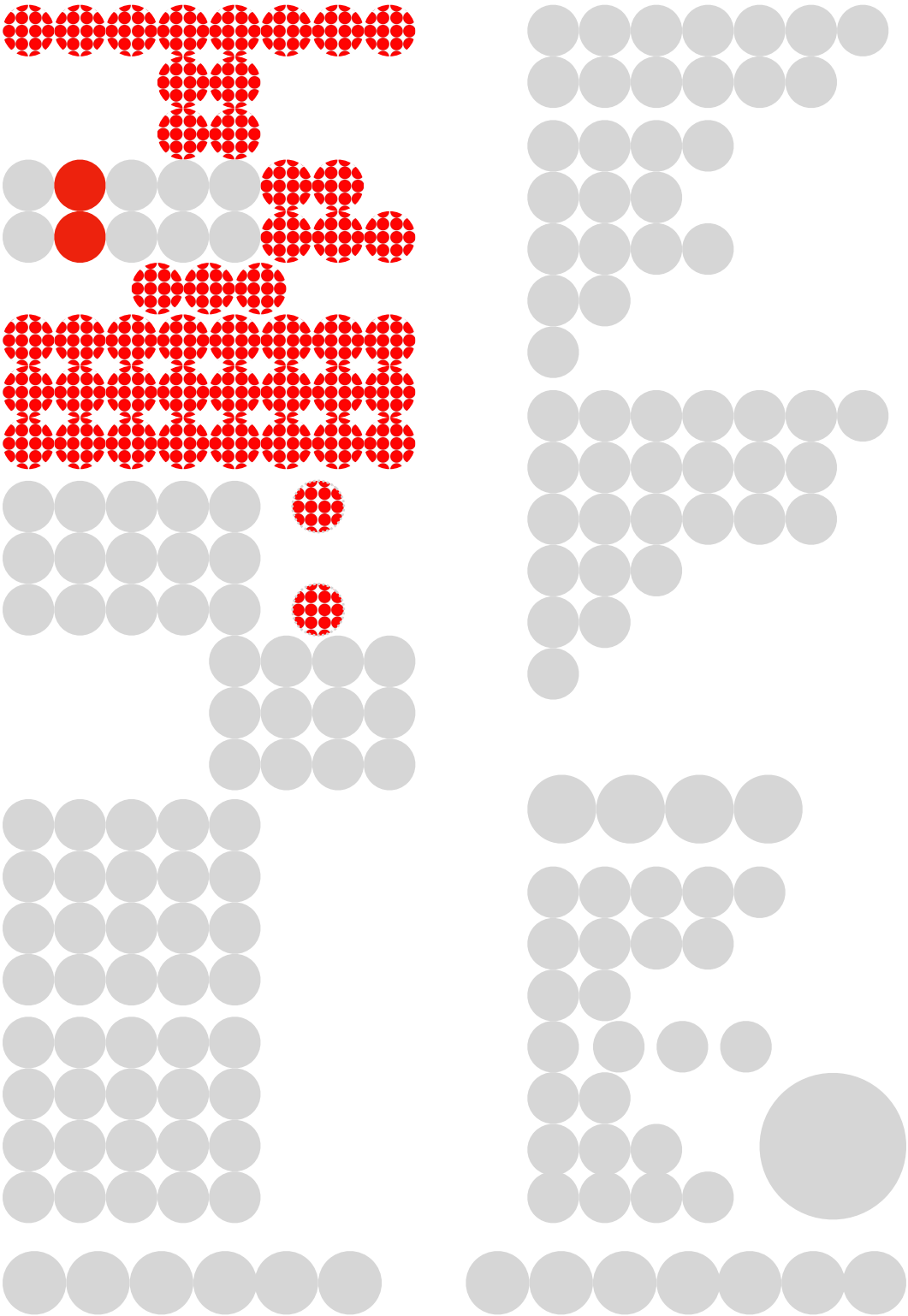

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

3. **Cảnh khí:** là tất cả mùi bị, được mũi ngửi. Chi pháp của cảnh khí là sắc cảnh khí trong 28 sắc pháp. Cảnh khí là đối tượng của tỷ thức. Tỷ thức chỉ biết cảnh khí.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh khí?

a. Tâm: 48 tâm:

- 2 tâm tỷ thức biết cảnh khí nhất định.
- 44 tâm dục giới (trừ nhãn thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) biết cảnh khí bất định (có khi biết khi không).
- 2 tâm diệu trí (tâm thần thông) biết cảnh khí bất định.

b. Sở hữu tâm: xem bài số 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH KHÍ - 48

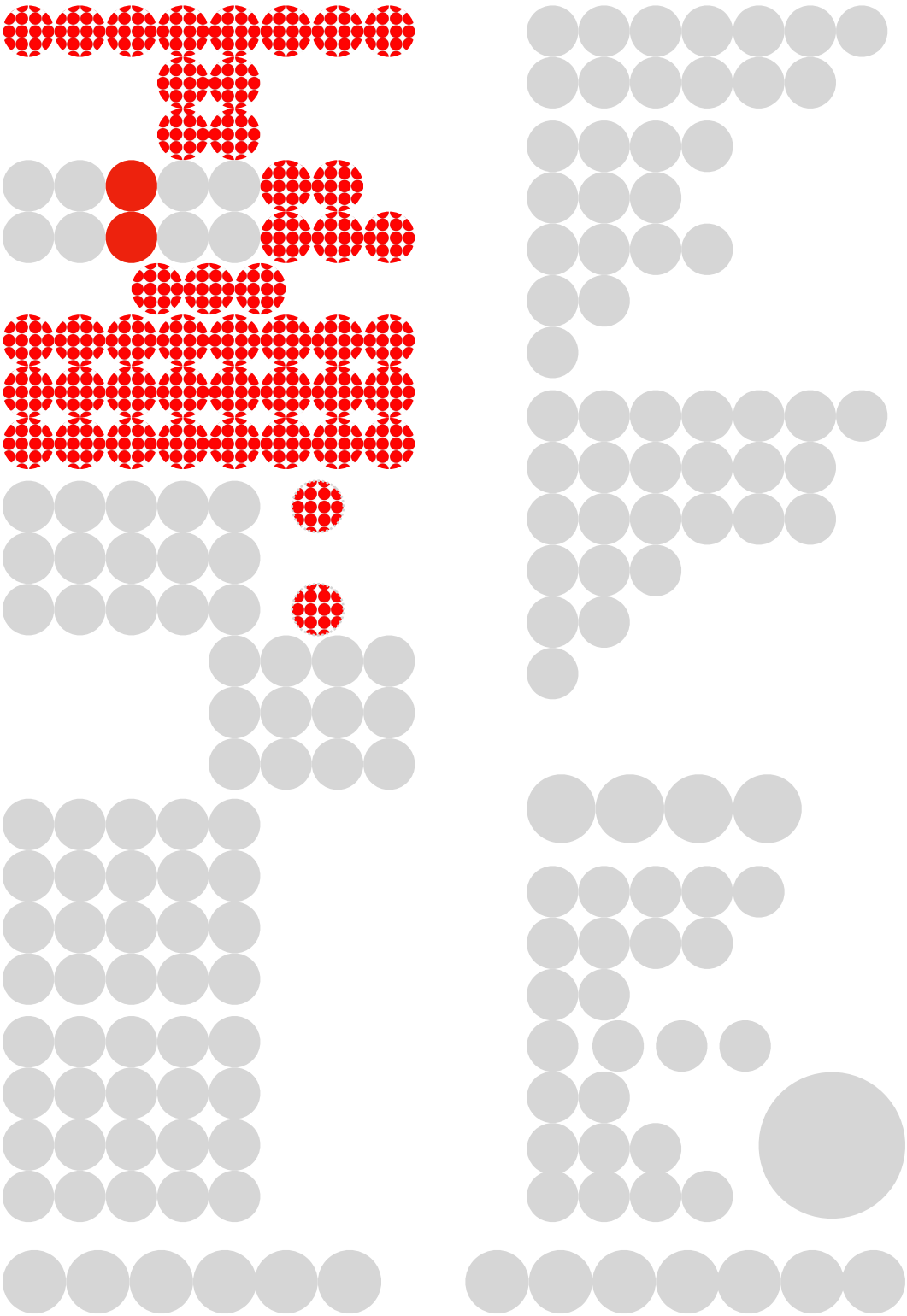

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

4. **Cảnh vị:** là tất cả các vị mặn, ngọt, đắng, cay, chua, chát bị, được lưỡi nếm. Chi pháp của cảnh vị là sắc cảnh vị trong 28 sắc pháp. Cảnh vị là đối tượng của thiệt thức. Thiệt thức chỉ biết cảnh vị.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh vị?

a. Tâm: 48 tâm:

- 2 tâm thiệt thức biết cảnh vị nhất định.
- 44 tâm dục giới (trừ nhãn thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) biết cảnh vị bất định (có khi biết khi không).
- 2 tâm diệu trí (tâm thần thông) biết cảnh vị bất định.

b. Sở hữu tâm: xem bài số 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH VỊ - 48

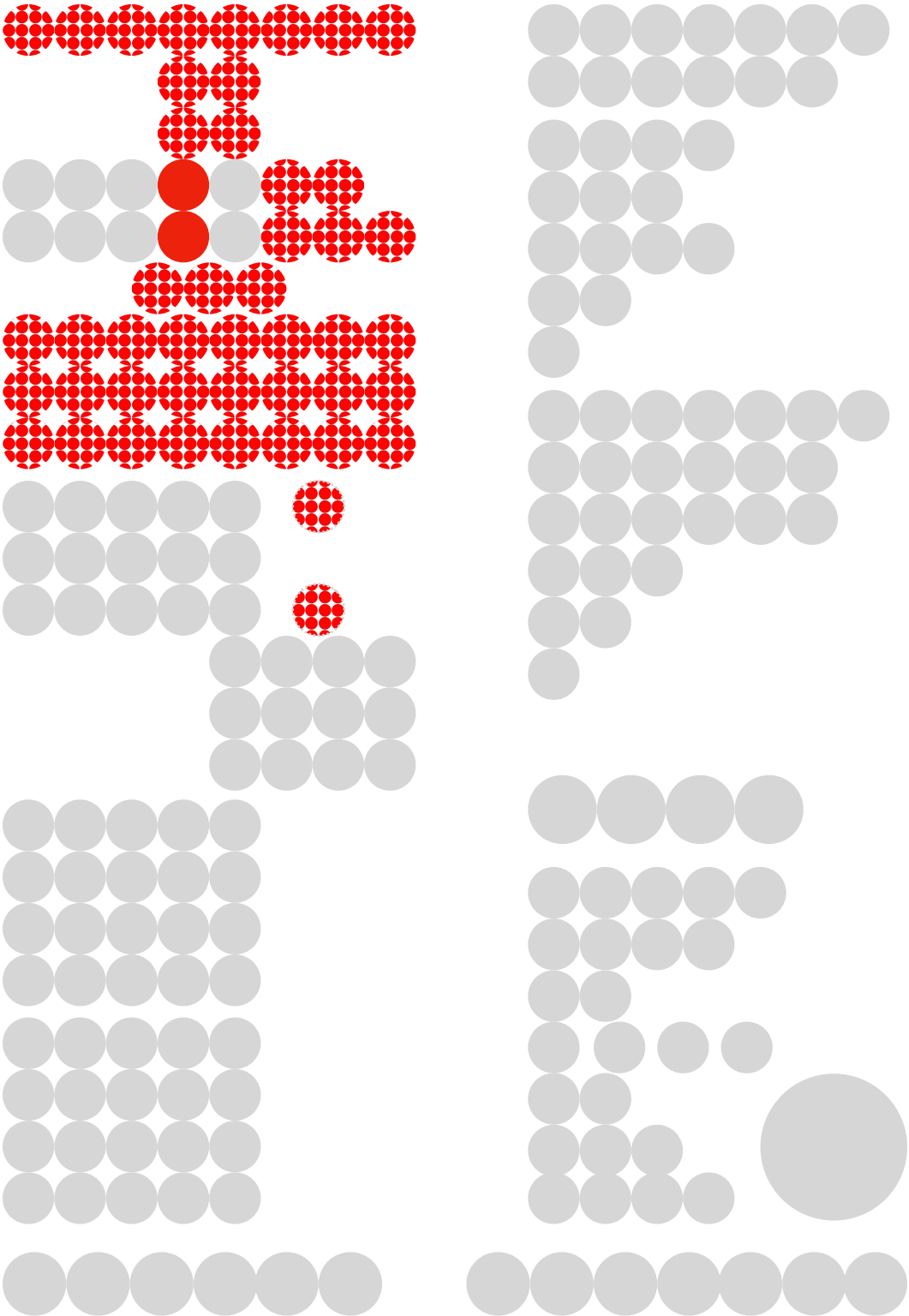

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

5. **Cảnh xúc:** là tất cả sự cảm xúc, đụng chạm, xúc chạm sắc pháp cứng, mềm, nóng, lạnh.

Cảnh xúc là đối tượng của thân thức. Thân thức chỉ biết cảnh xúc. Chi pháp của cảnh xúc là đất, lửa, gió trong 24 sắc pháp.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh xúc (đất, lửa, gió).

a. Tâm: 48 tâm:

- 2 tâm thân thức biết cảnh xúc nhất định.
- 44 tâm dục giới (trừ nhãn thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) biết cảnh xúc bất định (có khi biết khi không).
- 2 tâm diệu trí (tâm thần thông) biết cảnh xúc bất định.

CẢNH XÚC - 48

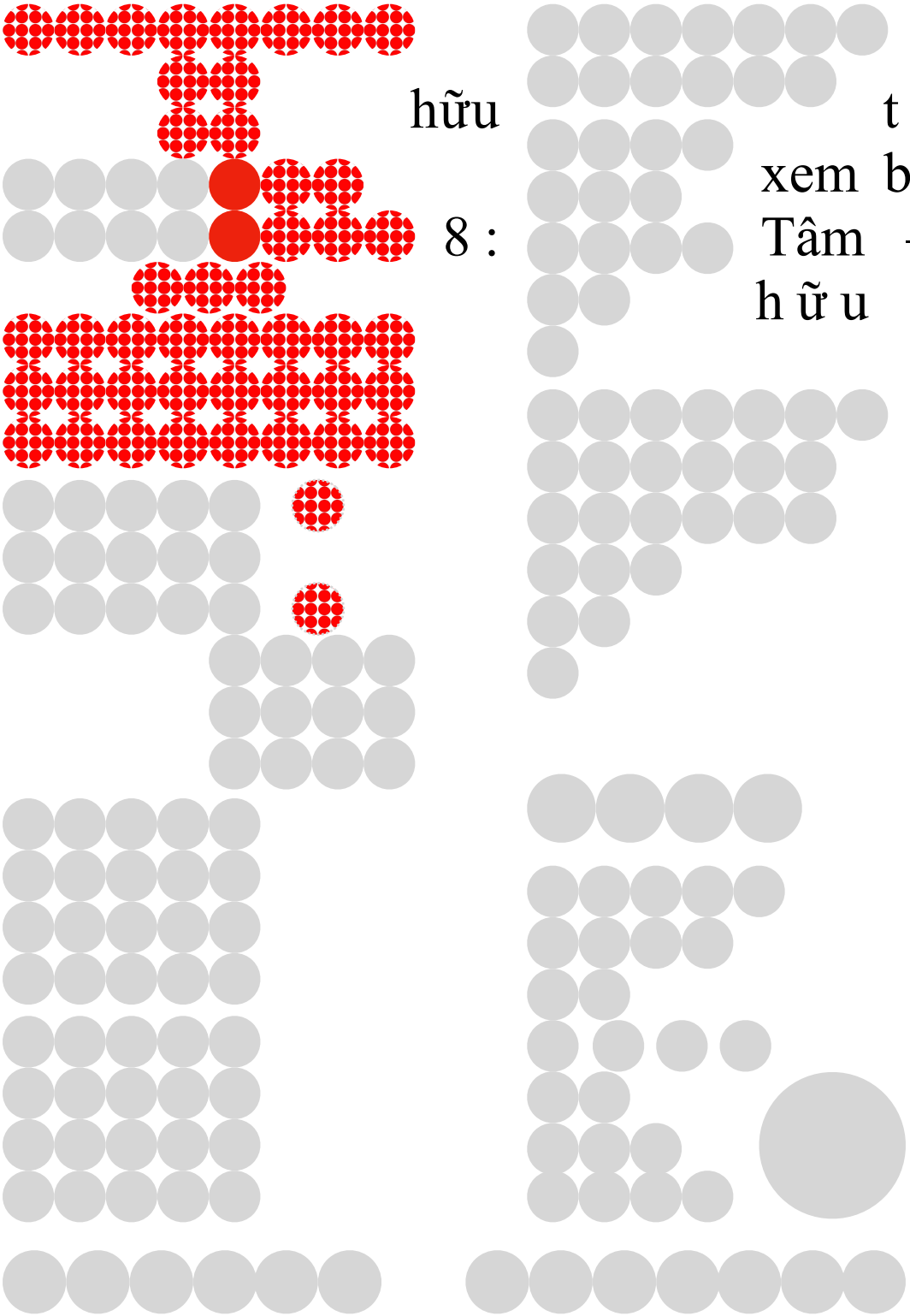

hữu

8 :

b.Sở hữu tâm : xem bài số 8 – Tâm sở hữu tâm phối hợp.

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

6. **Cảnh ngũ:** là gôm 5 cảnh lại mà đặt tên chứ không có một cảnh ngũ riêng biệt.

Cảnh ngũ là cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh ngũ?

a. Tâm: 46 tâm:

- 3 tâm biết cảnh ngũ nhất định (2 tâm tiếp thâu và tâm khán ngũ môn).
- 43 tâm biết cảnh ngũ bất định là 2 tâm thông và 41 tâm dục giới (trừ ngũ song thức và 3 ý giới).

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH NGŨ - 46

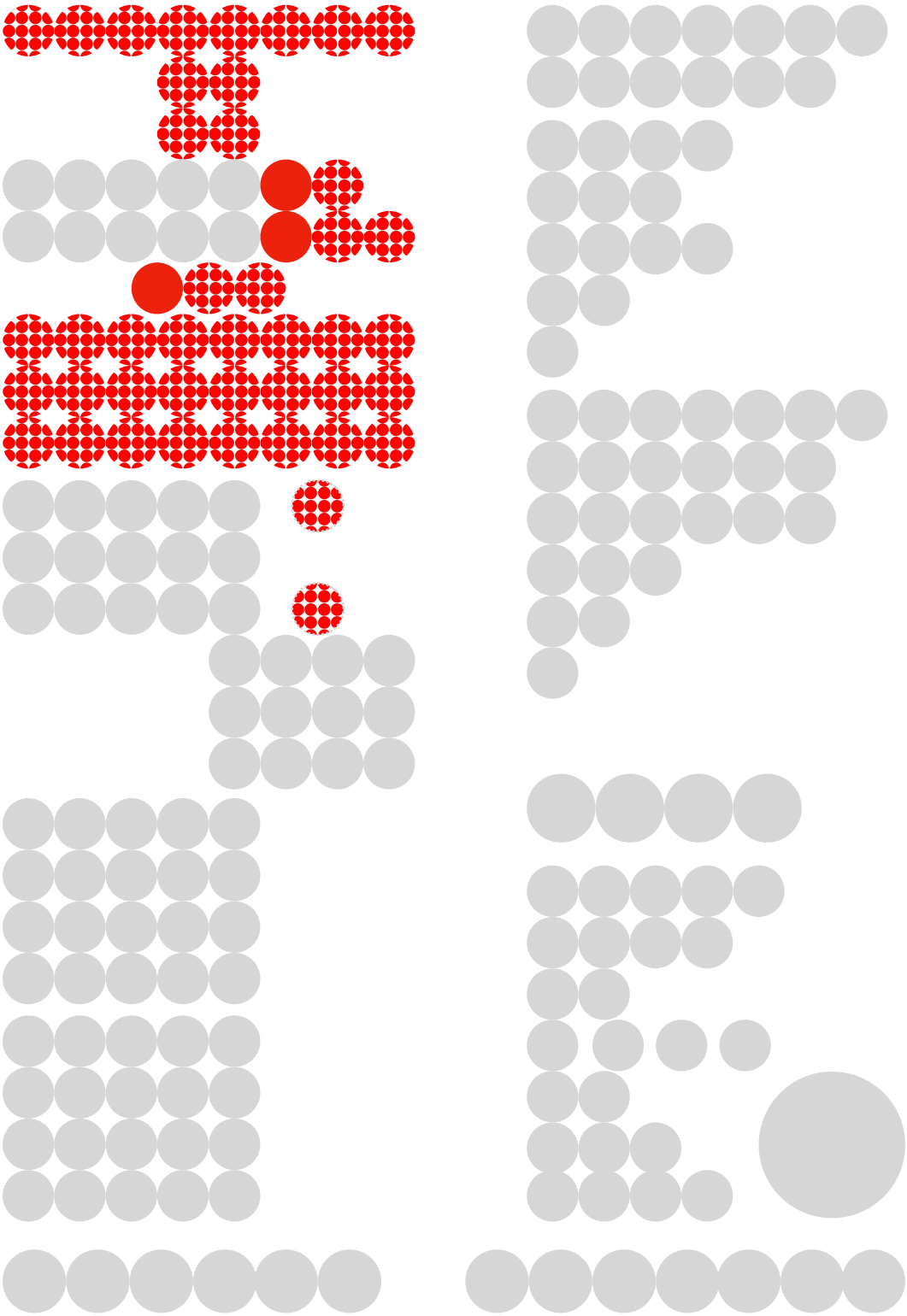

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

7. **Cảnh pháp:** là tất cả pháp ngoài ra cảnh ngũ.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh pháp?

a. Tâm: 110 tâm biết cảnh pháp.

- 67 tâm biết cảnh pháp nhất định (27 tâm đáo đại và 40 tâm siêu thế).
- 43 tâm biết cảnh pháp bất định là 2 tâm thông và 41 tâm dục giới (54 tâm dục giới trừ ngũ song thức và 3 ý giới).

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH PHÁP - 110

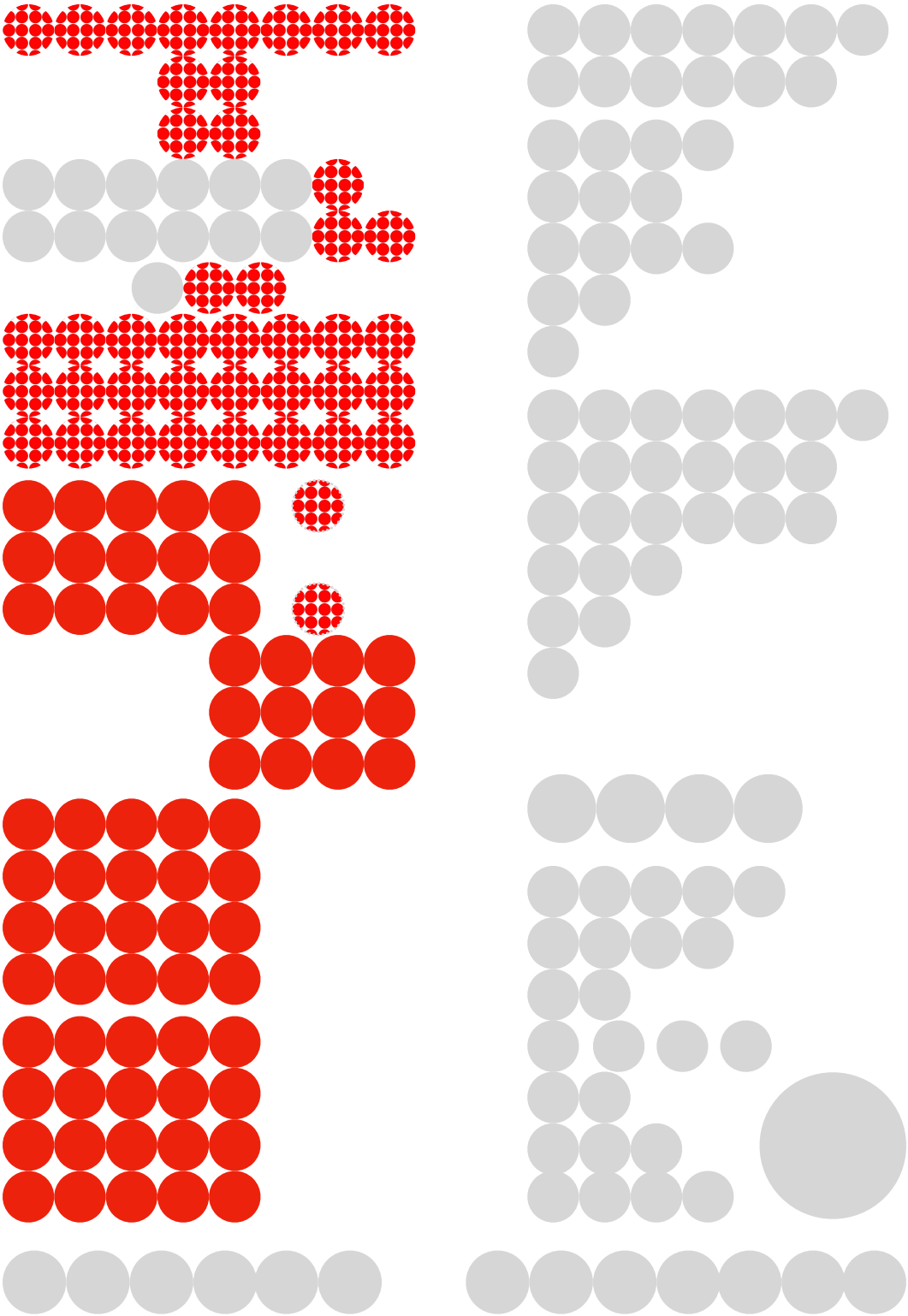

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

8. **Cảnh chơn đế:** là tâm, sở hữu tâm, sắc pháp, niết bàn. 4 pháp chơn đế này đóng vai trò là cảnh của tâm, còn gọi là cảnh siêu lý. Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh chơn đế?

a. Tâm: 102 tâm:

- **Tâm biết cảnh chơn đế nhất định là 71 tâm gồm:**

  - 40 tâm siêu thế biết cảnh niết bàn.
  - 3 tâm thức không vô biên xứ biết cảnh tâm.
  - 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ biết cảnh tâm.
  - 8 tâm quả dục giới tịnh hảo làm việc mót (biết cảnh sắc, thinh, hương, vị, xúc).
  - 17 tâm vô nhân trừ khán ý môn (tâm nhãn thức biết cảnh sắc, tâm nhĩ thức biết cảnh thinh, tâm tỷ thức

biết cảnh khí, tâm thiệt thức biết cảnh vị, tâm thân thức biết cảnh xúc, tâm ý thức biết cảnh pháp).

- **Tâm biết cảnh chơn đế bất định là 31 tâm gồm:**

  - 12 tâm bất thiện
  - 1 tâm khán ý môn
  - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
  - 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
  - 2 tâm thông.

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH CHÂN ĐẾ - 102

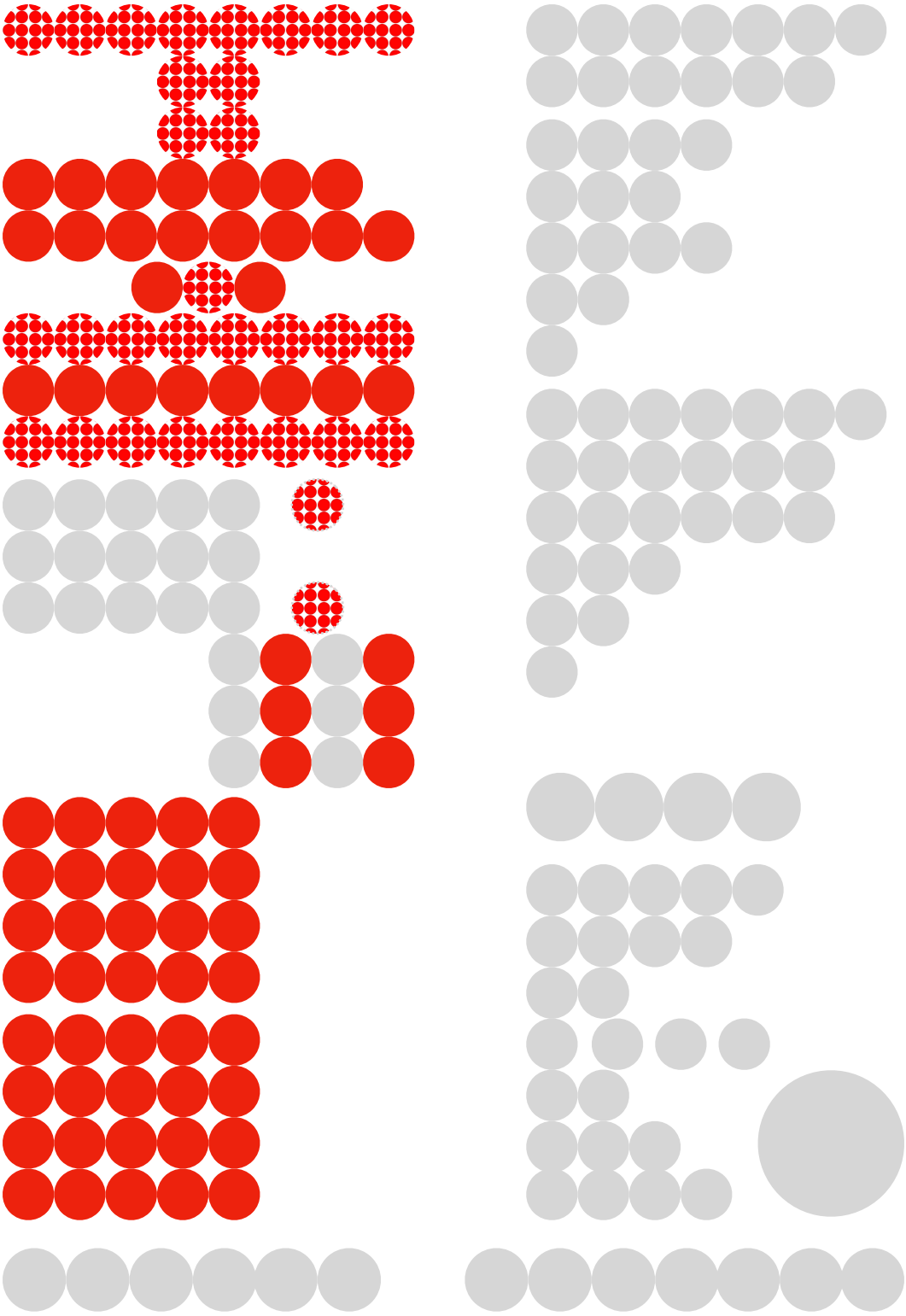

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

9. **Cảnh tục đế:** là cảnh giả tạo, là cảnh thế tục thế gian, cũng gọi là cảnh chế định.
Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh tục đế (chế định).

a. Tâm: có 52 tâm đó là:

- **Tâm biết cảnh tục đế nhất định: 21**
  - 15 tâm sắc giới
  - 3 tâm không vô biên
  - 3 tâm vô sở hữu
- **Những tâm biết cảnh tục đế bất định: 31**
  - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
  - 8 tâm duy tác dục giới tinh hảo
  - 12 tâm bất thiện
  - 1 tâm khán ý môn
  - 2 tâm thông (diệu trí)

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH TỤC ĐẾ - 52

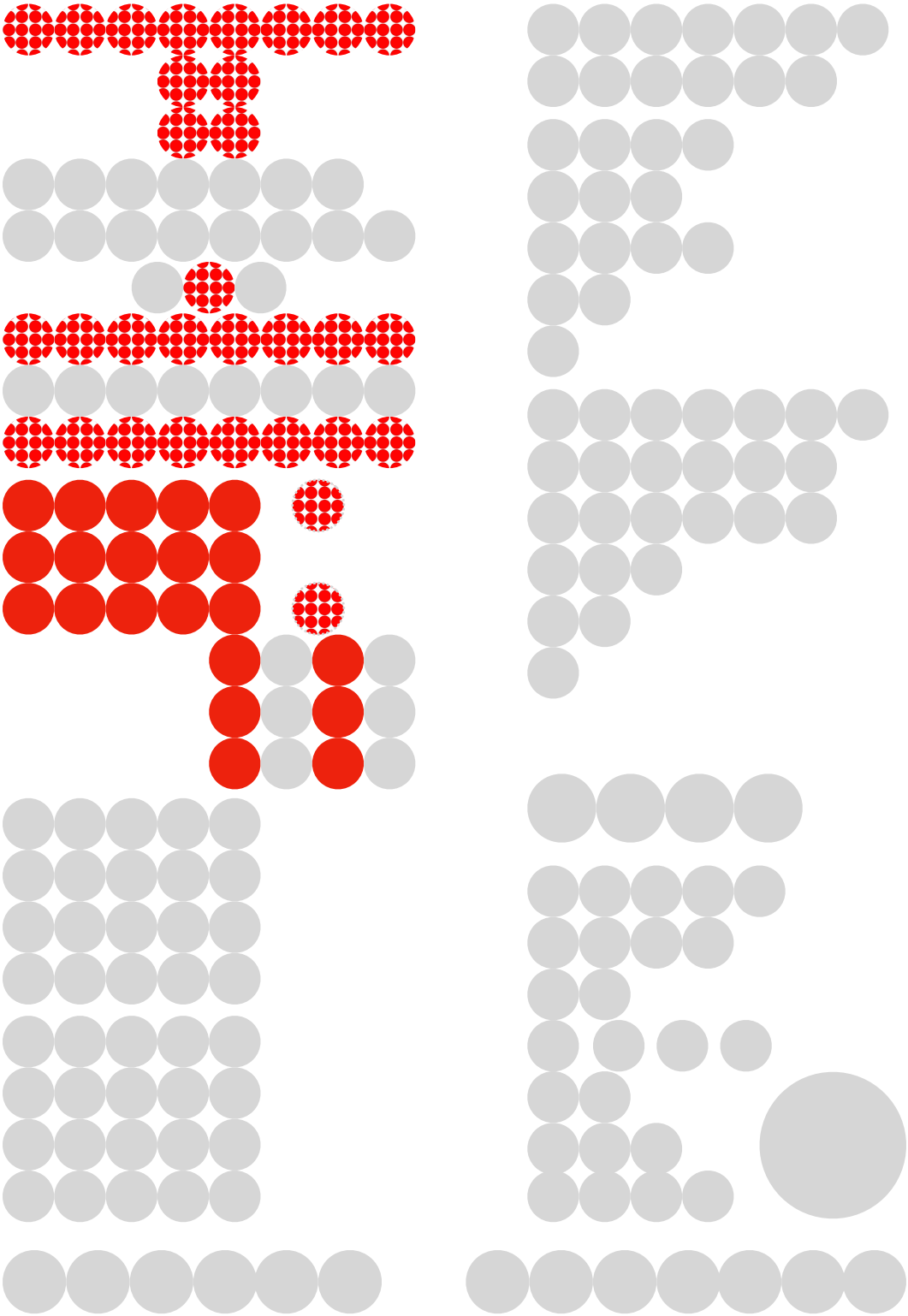

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

10. **Cảnh dục giới:** chi pháp là sắc pháp, tâm dục giới và những sở hữu đồng sanh.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh dục giới?

a. Tâm: 56 tâm:

- **Những tâm biết cảnh dục giới nhất định: 25**
  - 8 tâm quả dục giới tinh hảo
  - 17 tâm vô nhân (trừ tâm khán ý môn)
- **Những tâm biết cảnh dục giới bất định: 31**
  - 2 tâm thông (tâm diệu trí)
  - 12 tâm bất thiện
  - 1 tâm khán ý môn
  - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
  - 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH DỤC GIỚI - 56

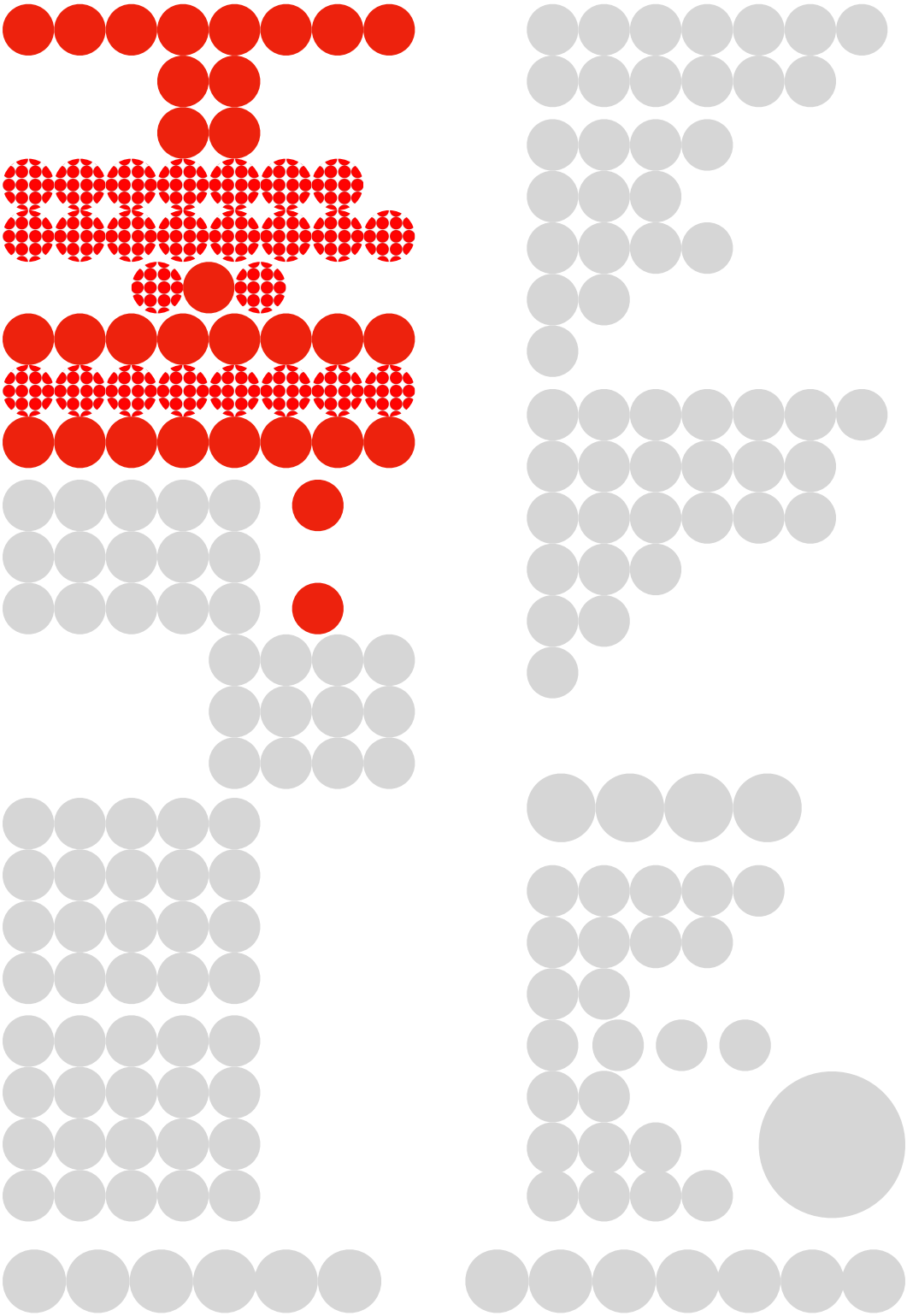

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

11. **Cảnh đáo đại:** là cảnh thiền rộng lớn tức là tâm an trú vào một đề mục rất lâu.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh đáo đại?

a. Tâm: 37 tâm:

- **Những tâm biết cảnh đáo đại nhất định: 6**
  - 3 tâm thức vô biên xứ
  - 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ
- **Những tâm biết cảnh đáo đại bất định: 31**
  - 12 tâm bất thiện
  - Tâm khán ý môn
  - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
  - 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
  - 2 tâm thông

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH ĐÁO ĐẠI - 37

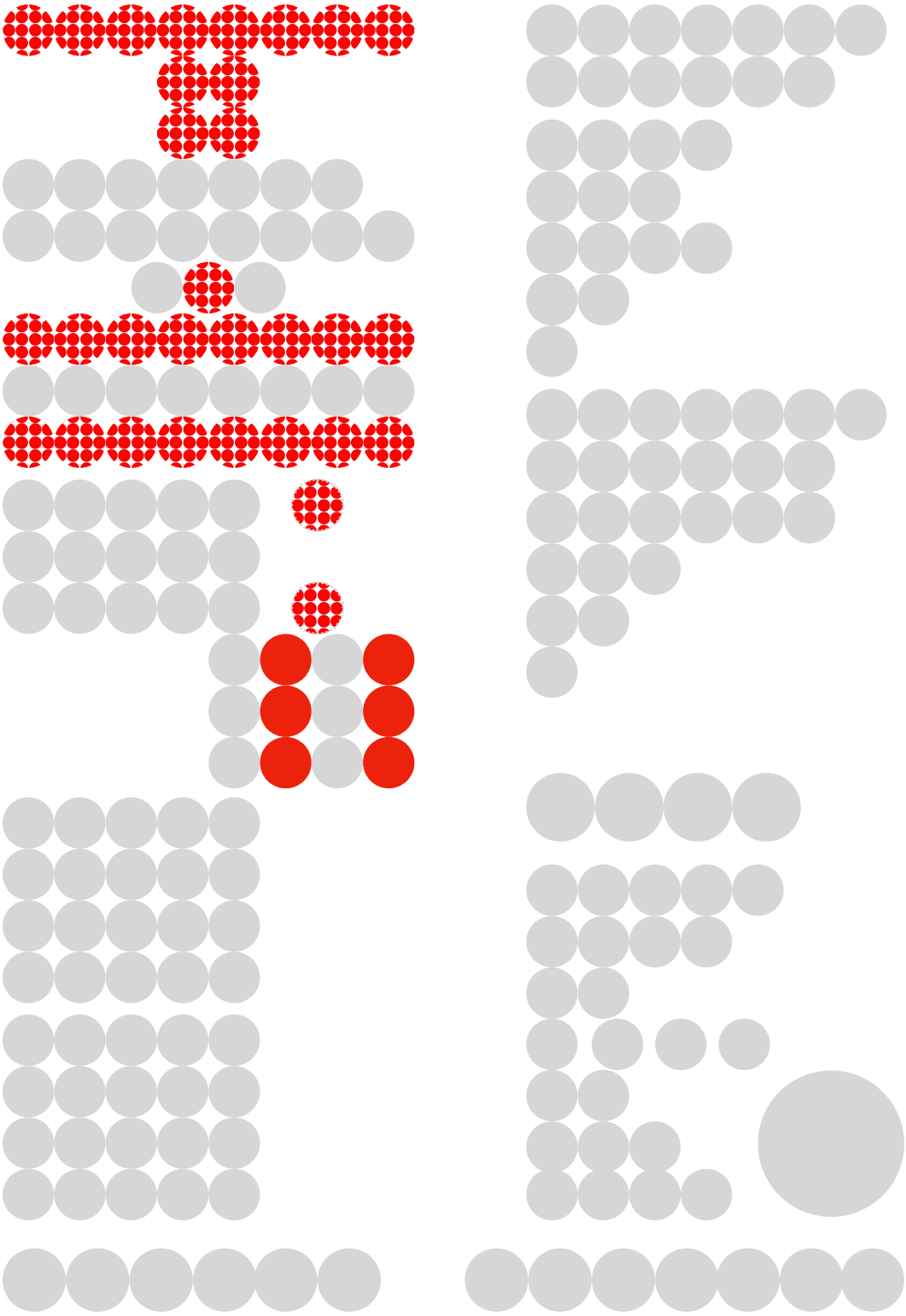

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

12. **Cảnh niết bàn:** là cảnh hoàn toàn vắng lặng siêu thế gian, ngoài thế gian, không còn một pháp hữu vi nào dư sót.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh niết bàn?

a. Tâm: 51 tâm

- **Những tâm biết cảnh niết bàn nhất định: 40**
  - 20 tâm đạo
  - 20 tâm quả siêu thế
- **Những tâm biết cảnh niết bàn bất định: 11**
  - Tâm khán ý môn
  - 4 tâm thiện dục giới tịnh hảo hợp trí
  - 4 tâm duy tác dục giới tịnh hảo hợp trí
  - 2 tâm thông

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm và sở hữu tâm phối hợp

CẢNH NIẾT BÀN - 51

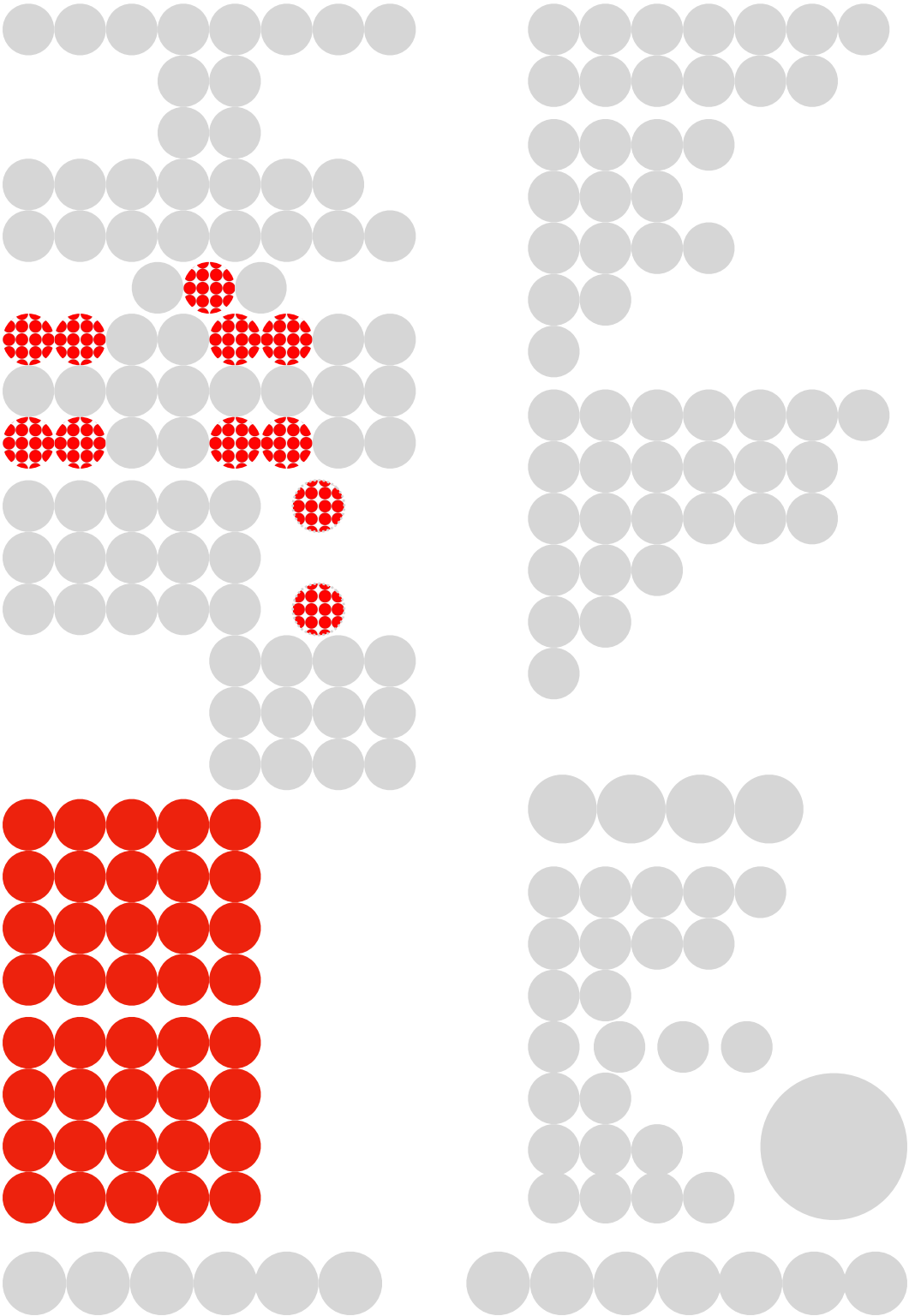

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

13. **Cảnh danh pháp:** là tâm và sở hữu tâm và niết bàn.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh danh pháp?

a. Tâm: 89 tâm

- **Những tâm biết cảnh danh pháp nhất định: 46**
  - 40 tâm siêu thế
  - 3 tâm thức vô biên xứ
  - 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ
- **Những tâm biết cảnh danh pháp bất định: 43**
  - 2 tâm thông
  - 41 tâm dục giới (54 tâm dục giới trừ ngũ song thức và 3 ý giới).

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm và sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH DANH PHÁP - 89

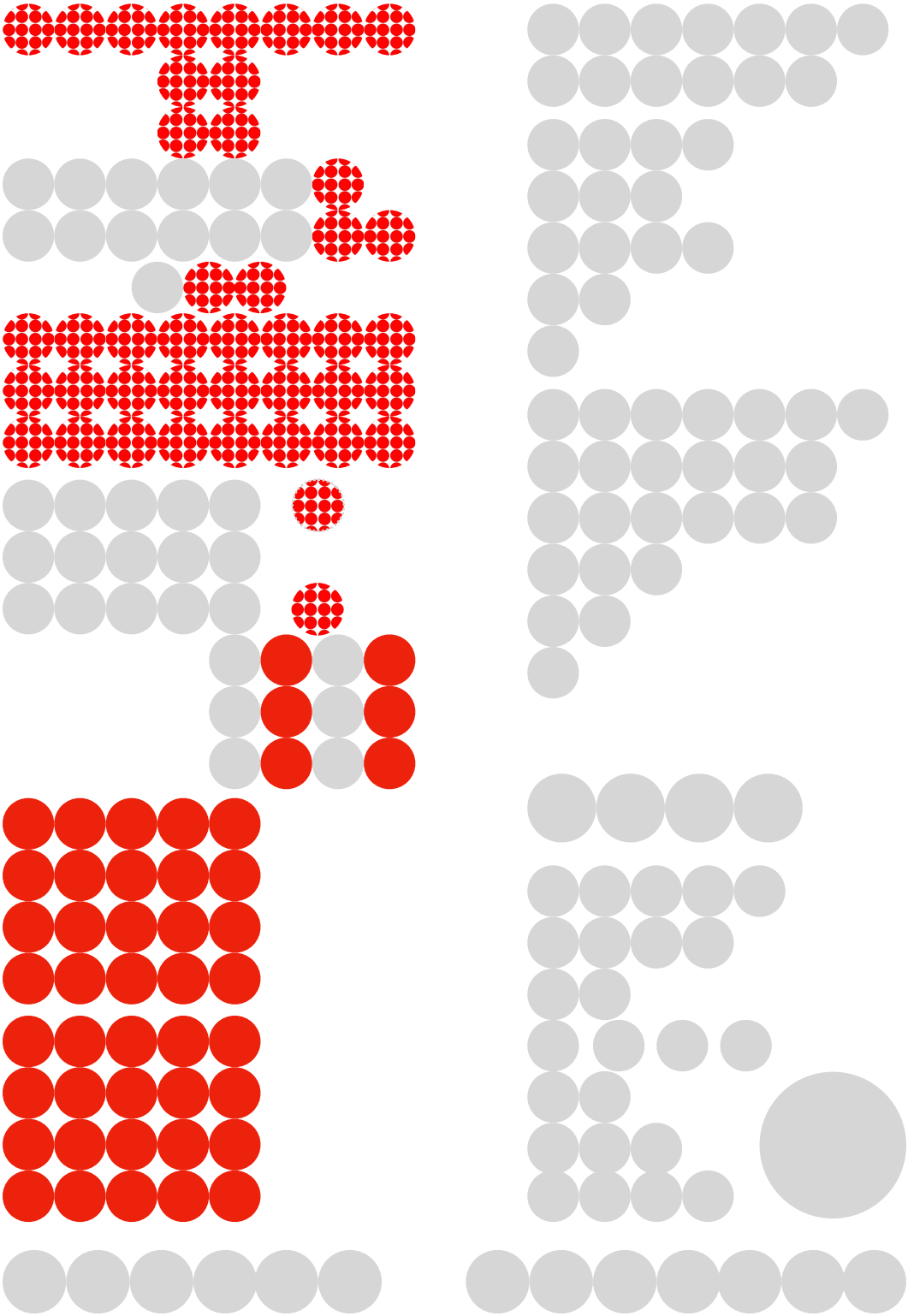

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

14. **Cảnh sắc pháp:** là 28 sắc pháp

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh sắc pháp?

a. Tâm: 56 tâm

- **Những tâm biết cảnh sắc pháp nhất định: 13**
  - Ngũ song thức
  - 3 ý giới

- **Những tâm biết cảnh sắc pháp bất định: 43**
  - 2 tâm thông
  - 41 tâm dục giới (54 tâm dục giới trừ ngũ song thức và 3 ý giới).

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm và sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH SẮC PHÁP - 56

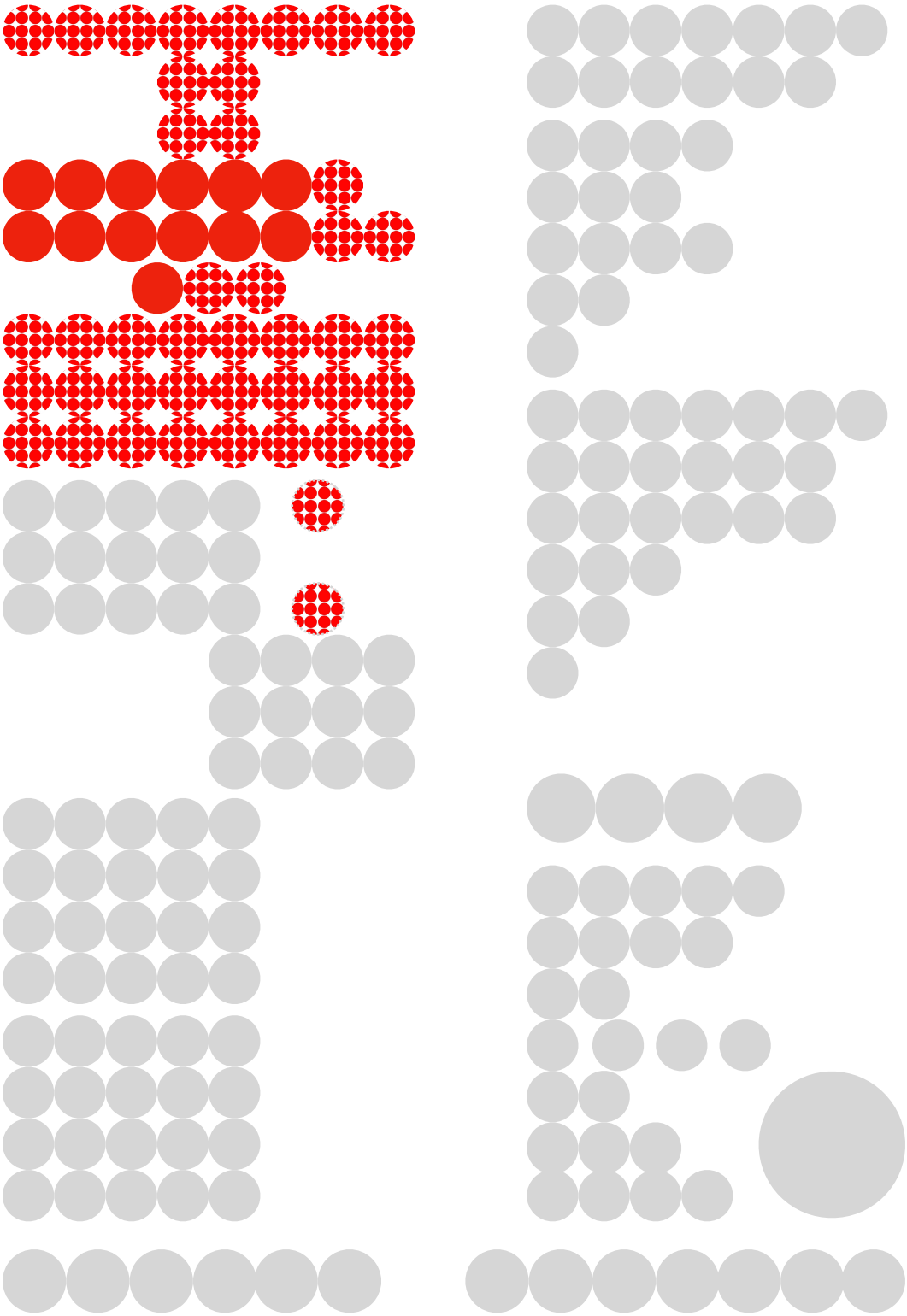

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

15. **Cảnh quá khứ:** chi pháp là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp đã diệt.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh quá khứ?

a. Tâm: 49 tâm

- **Những tâm biết cảnh quá khứ nhất định: 6**
  - 3 tâm thức vô biên xứ
  - 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ

- **Những tâm biết cảnh quá khứ bất định: 43**
  - 2 tâm thông
  - 41 tâm dục giới (54 tâm dục giới trừ ngũ song thức và 3 ý giới).

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm và sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH QUÁ KHỨ - 49

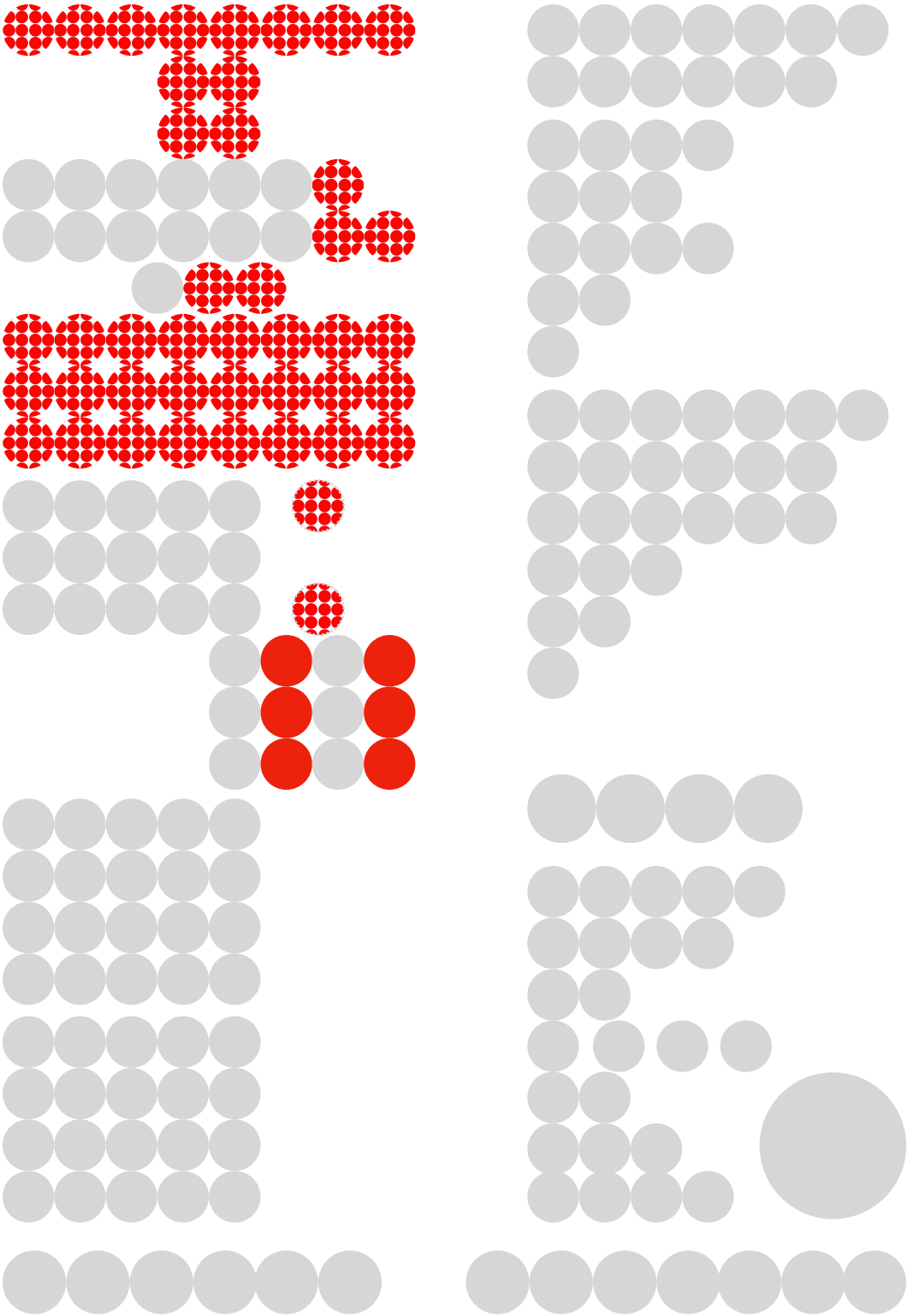

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

16. **Cảnh hiện tại:** chi pháp là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp đang còn, đang sanh, đang có mặt.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh hiện tại?

a. Tâm: 56 tâm

- **Những tâm biết cảnh hiện tại nhất định: 13**
  - Ngũ song thức
  - 3 ý giới

- **Những tâm biết cảnh hiện tại bất định: 43**
  - 2 tâm thông
  - 41 tâm dục giới (trừ ngũ song thức và 3 ý giới)

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH HIỆN TẠI - 56

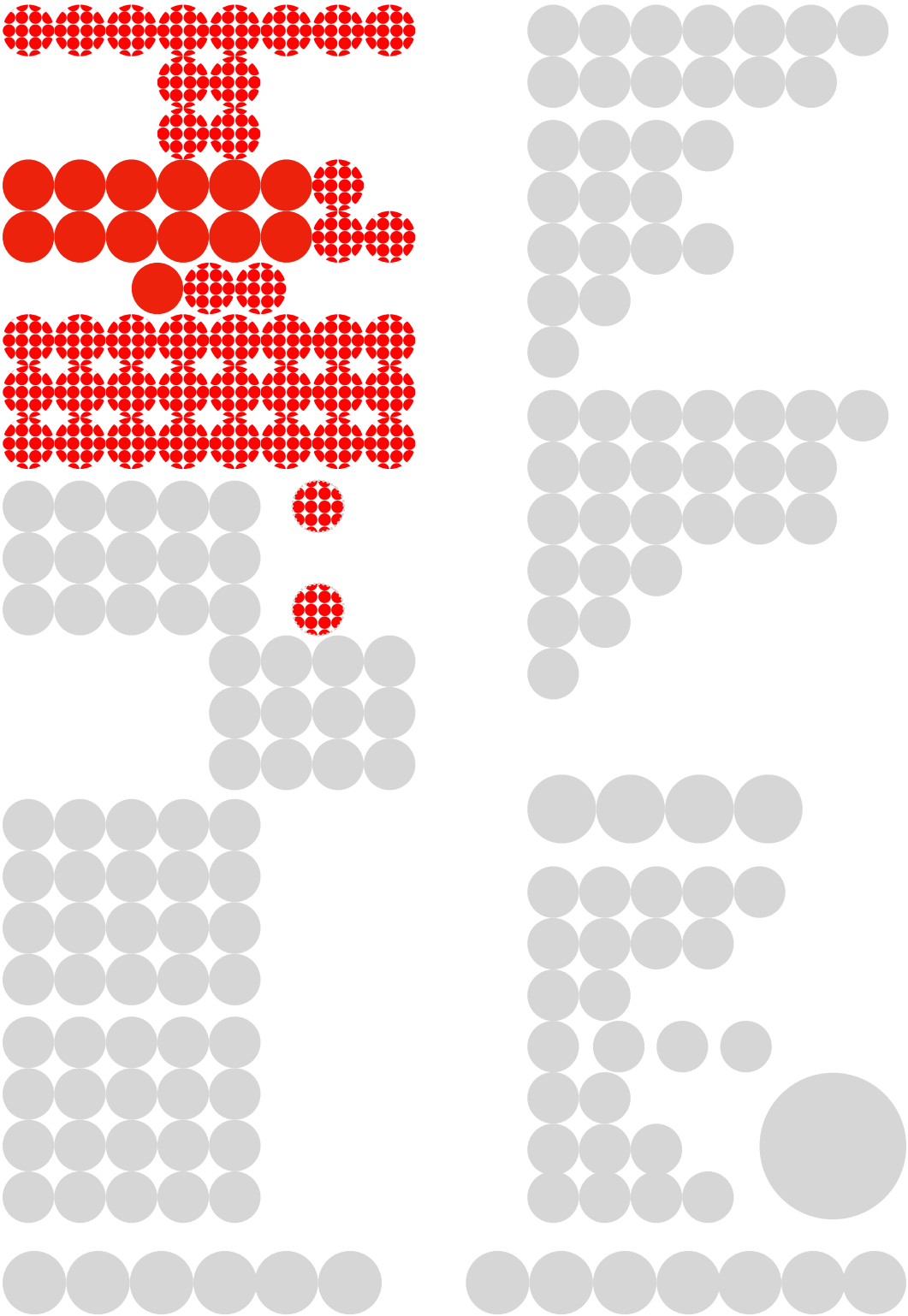

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

17. **Cảnh vị lai:** chi pháp là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp sẽ sinh, chưa sinh, chưa có, chưa hiện ra.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh vị lai?

a. Tâm: 43 tâm

- **Những tâm biết cảnh vị lai nhất định là: không có.**

- **Những tâm biết cảnh vị lai bất định là: 43 tâm**
  - 2 tâm diệu trí (tâm thông)
  - 41 tâm dục giới (54 tâm dục giới trừ ngũ song thức và 3 ý giới)

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH VỊ LAI - 43

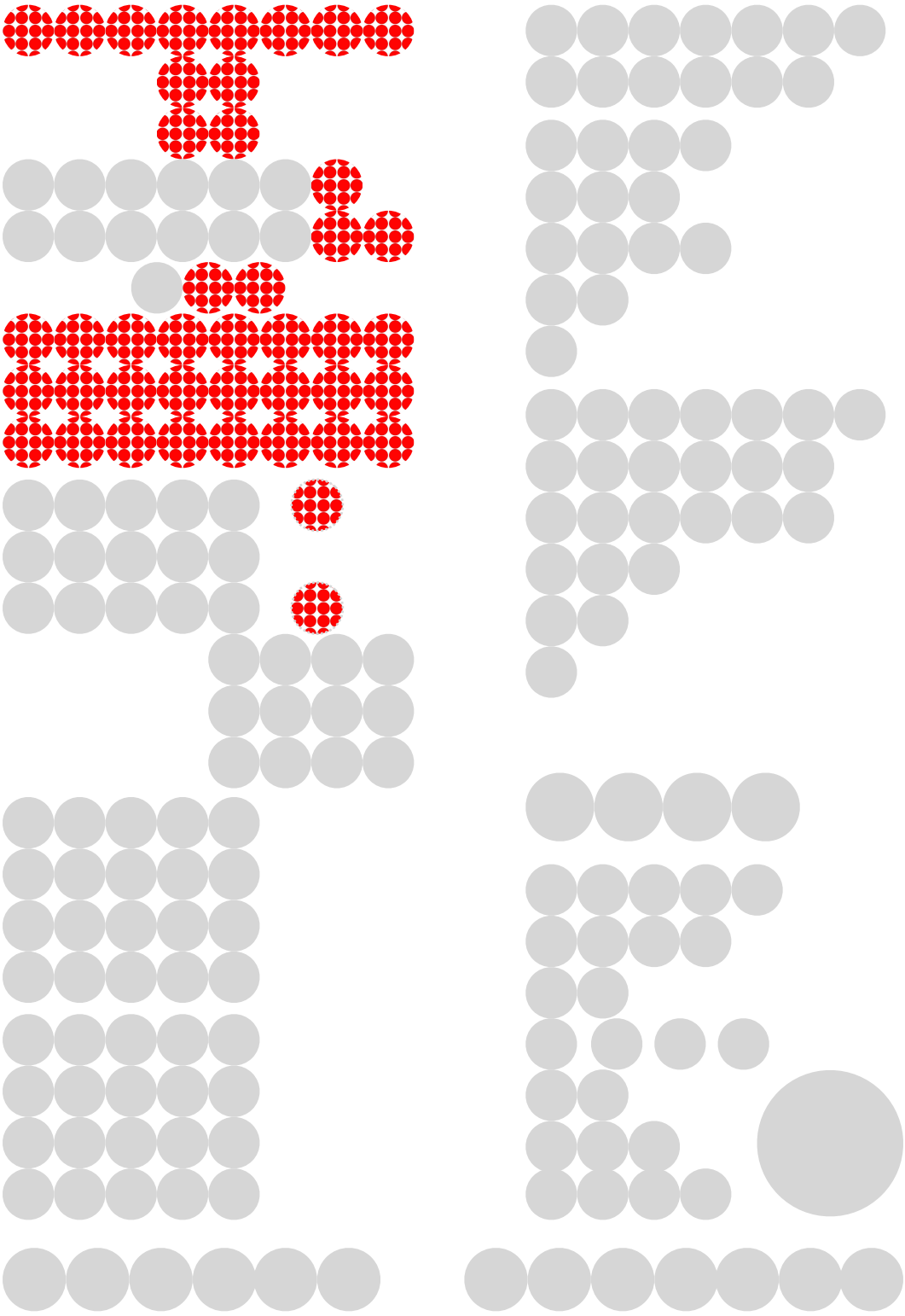

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

18. **Cảnh ngoại thời:** là cảnh vượt ngoài thời gian, là cảnh thiền chế định và niết bàn.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh ngoại thời?

a. Tâm: 92 tâm

- **Tâm biết cảnh ngoại thời nhất định: 61**
  - 40 tâm siêu thế
  - 15 tâm sắc giới
  - 3 tâm không vô biên xứ
  - 3 tâm vô sở hữu xứ
- **Tâm biết cảnh ngoại thời bất định: 31**
  - 2 tâm thông
  - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
  - 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
  - 1 tâm khán ý môn
  - 12 tâm bất thiện

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH NGOẠI THỜI - 92

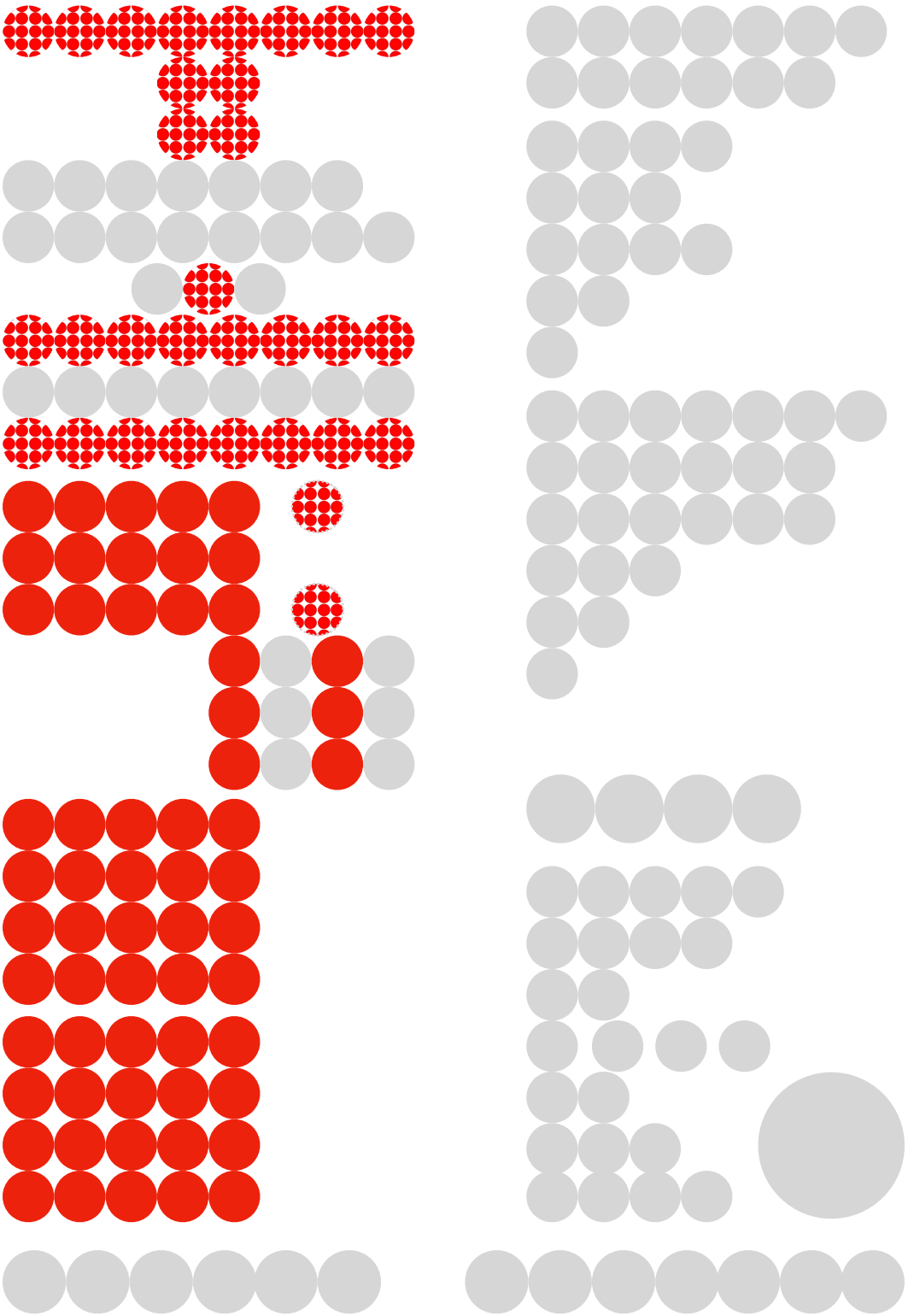

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

19. **Cảnh nội phần:** chi pháp là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp của nội thân.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh nội phần?

a. Tâm: 62 tâm

- **Tâm biết cảnh nội phần nhất định: 6**
  - 3 tâm thức vô biên xứ
  - 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ

- **Những tâm biết cảnh nội phần bất định: 56**
  - 2 tâm thông
  - 54 tâm dục giới

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH NỘI PHẦN - 62

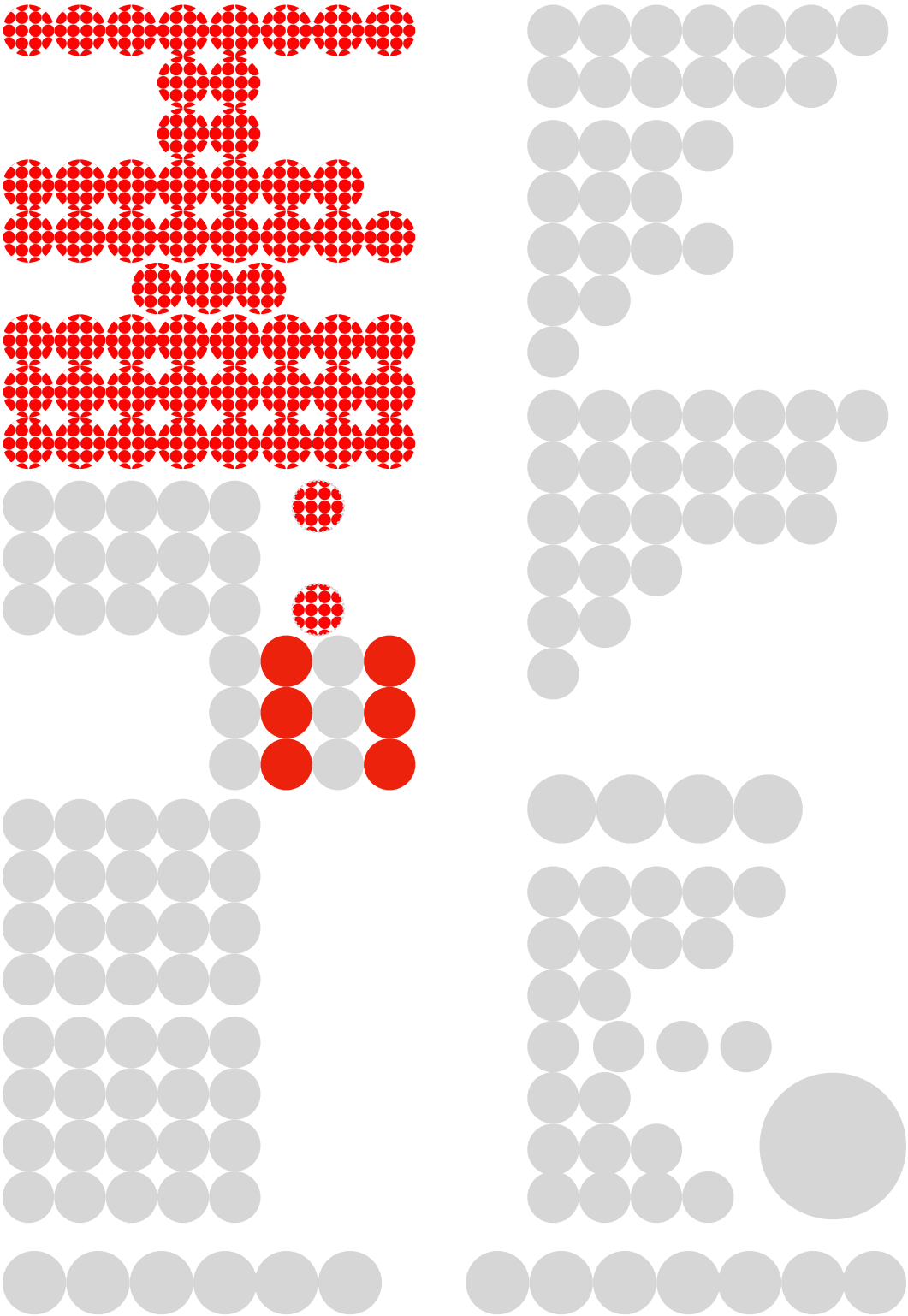

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

20. **Cảnh ngoại phần:** chi pháp là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp ngoài thân.

Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm biết cảnh ngoại phần?

a. Tâm: 114 tâm

- **Những tâm biết cảnh ngoại phần nhất định: 58**
  - 40 tâm siêu thế
  - 15 tâm sắc giới
  - 3 tâm không vô biên xứ
- **Những tâm biết cảnh ngoại phần bất định: 56**
  - 54 tâm dục giới
  - 2 tâm thông

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH NGOẠI PHẦN - 114

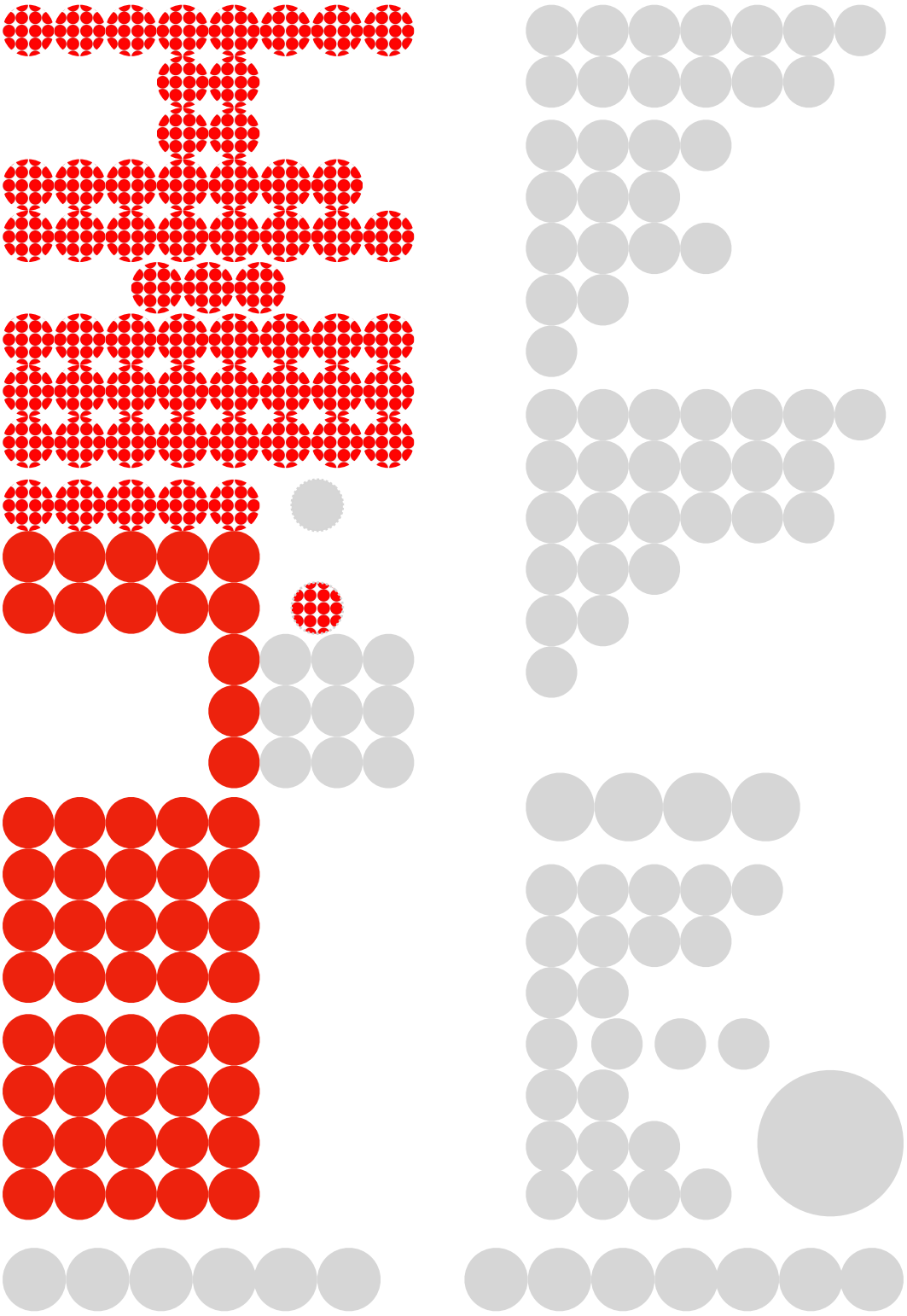

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

21. **Cảnh nội phần và ngoại phần:** chi pháp là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp bên trong thân và bên ngoài thân.

Có bao nhiêu tâm biết cảnh nội phần và ngoại phần?

a. Tâm: 56 tâm

- **Những tâm biết cảnh nội phần và ngoại phần nhất định: không có.**
- **Những tâm biết cảnh nội phần và ngoại phần bất định: 56**
  - 54 tâm dục giới
  - 2 tâm thông

b. Sở hữu tâm: xem bài 8: Tâm – sở hữu tâm phối hợp.

CẢNH NỘI NGOẠI PHẦN - 56

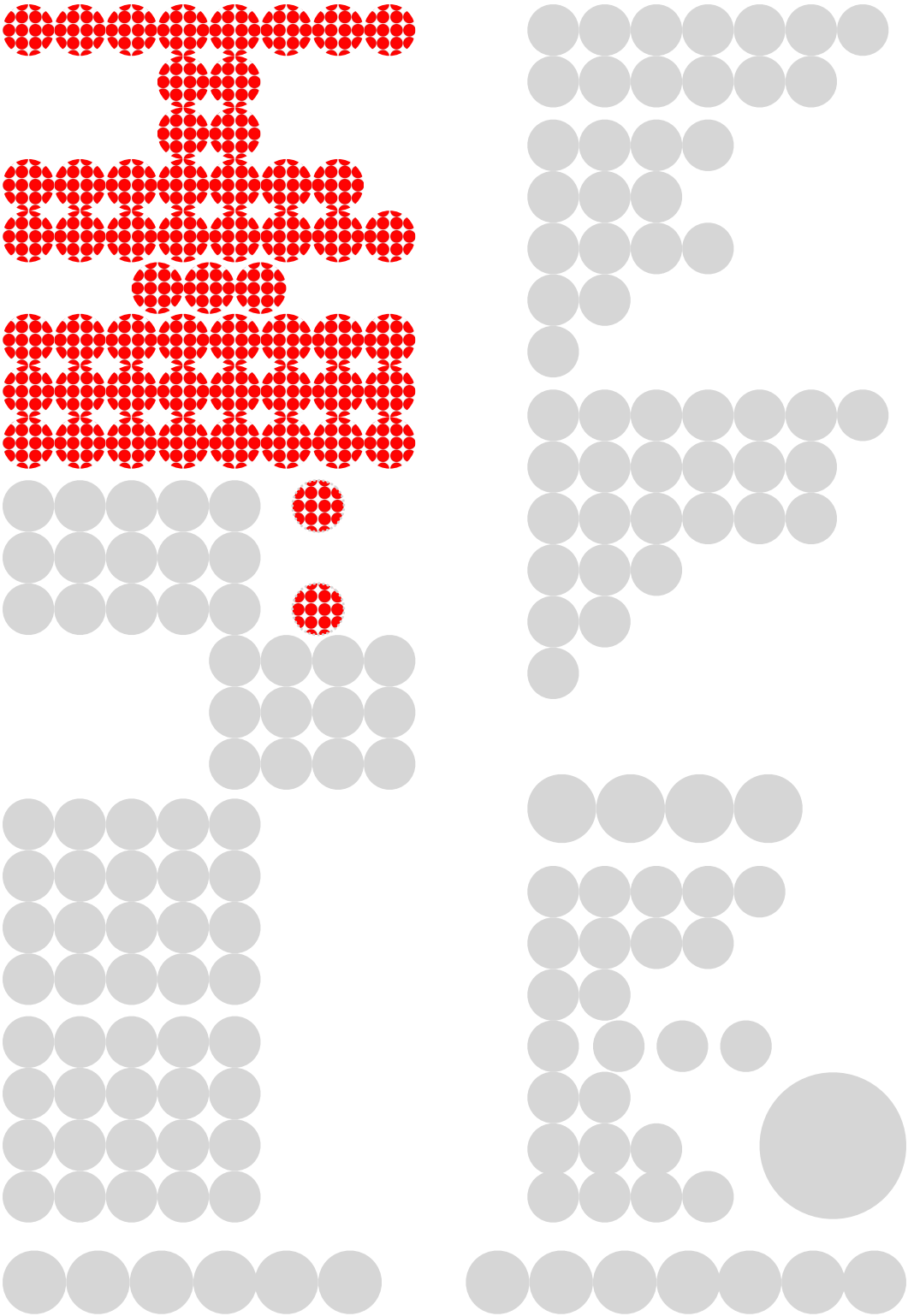

NHẤT ĐỊNH

BẤT ĐỊNH

CHƯƠNG XI
(BÀI 20)

31 CÕI

I. Định nghĩa:

Cõi là nơi chốn chỗ ở chúng sanh nương tựa, nương sống, nương ở, nương sanh.

Cõi khác cảnh: cảnh là đối tượng của tâm, cõi là nơi chốn.

Chú giải ghi rằng: chỗ nương để sanh và ở gọi là cõi.

Cõi tính hẹp thì có 3: cõi dục giới: 11 cõi, cõi sắc giới: 16 cõi, cõi vô sắc giới: 4 cõi.

1. **Cõi dục giới:** là nương chúng sanh phần lớn hưởng cảnh ngũ dục (sắc dục, thinh dục, khí dục, vị dục, xúc dục).

   Chú giải nói rằng: cõi nào là nơi phát sanh phiền não dục và vật dục là cõi dục giới.

   Cõi dục giới có 11 là:

   a. **4 cõi khổ:** súc sanh, ngạ quỷ, atula, địa ngục.

   - **Cõi Súc sanh:** là cảnh giới của những chúng sanh có thân hình đầu đuôi ngang

nhau. Súc sanh hay bàng sanh thường có 3 đặc điểm: nhục dục, hám ăn, sợ chết.

- **Cõi Ngạ quỷ:** là cảnh giới của những chúng sanh hằng chịu sự đói khát. Ngạ quỷ thường sống thành từng đoàn tại khắp núi non, biển cả hay rừng sâu.

- **Cõi Atula:** là cảnh giới của những chúng sanh thân tâm hung dữ cũng gọi là quỷ dữ, quỷ xứ.

- **Địa ngục:** là cảnh giới bất hạnh, những chúng sanh ở cõi này hoàn toàn đau khổ (xem bài kinh thiên xứ và bài kinh hiền ngu thuộc Trung Bộ Kinh có mô tả sự đau khổ ở cõi địa ngục).

b. **7 cõi vui:** cõi người, 6 cõi trời (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đâu suất, hóa lạc thiên, tha hóa tự tại).

- **Cõi người:** có sự nhận biết, có trí tuệ, có tâm lực về pháp thiện lẫn pháp bất thiện.

- **Cõi Tứ thiên vương:** là cõi của chư thiên dưới quyết cai trị của 4 vị thiên vương.

- **Cõi Đao lợi:** là cảnh giới của chư thiên có 33 vị trời làm chủ.

- **Cõi Dạ ma:** là cảnh giới của chư thiên có nhiều sự an vui.

- **Cõi Đâu xuất:** là cảnh giới của các vị trời thọ hưởng quả phước nhất là cõi phước có ba la mật, các vị bồ tát trước khi thành phật tái sanh lên đây để chờ cơ hội đầy đủ căn duyên liền tài sanh kiếp chót chứng quả Phật Chánh Đẳng Giác.

- **Cõi Hóa lạc thiên:** là cảnh giới của những vị thiên vương khi nào muốn hưởng dục lạc thì tự hóa hiện ra mà sử dụng.

- **Cõi Tha hóa tự tại:** là cảnh giới của các vị chư thiên khi nào muốn hưởng dục lạc ngũ trần thì có kẻ khác đem đến dâng cúng. Cõi này là trú xứ của ma vương.

2. **Cõi Sắc giới:** là cõi còn có hình sắc nhưng không phải là sắc thô như cõi dục giới. Phạm thiên trong cõi này sống bằng pháp hỷ của thiền định hiệp thế chứ không thọ hưởng ngũ dục.

   Cõi sắc giới có 16 cõi nằm trong 4 tầng thiền:

   a. **Tầng 1: tầng Sơ thiền** tức là cảnh giới của các vị đắc sơ thiền.

   - **Cõi Phạm chúng thiên:** là cảnh giới của những vị đắc sơ thiền bậc thấp.
   - **Cõi Phạm phụ thiên:** là cảnh giới của những vị đắc sơ thiền bậc trung.
   - **Cõi Đại phạm thiên:** là cảnh giới của những vị đắc sơ thiền bậc thượng.

   b. **Tầng 2: tầng Nhị thiền**, cũng do căn cơ và quả báu khác nhau nên cũng chia thành 3 cõi:

- **Cõi Thiểu quang thiên:** là cảnh giới của những vị chứng nhị thiền bậc thấp. Những vị thiền này có hào quang ít và chi thiền Tứ yếu.

- **Cõi Vô lượng quang thiên:** là cảnh giới của những vị đắc nhị thiền bậc trung. Những vị ở cõi này có hào quang chiếu sáng không thể đo lượng.

- **Cõi Quang âm thiên:** là cảnh giới của những vị đắc nhị thiền bậc thượng. Chư thiên cõi này mỗi khi nói (phát âm) hào quang túa ra rực rỡ.

c. **Tầng 3: tầng Tam thiền,** cũng do căn cơ và quả báu khác nhau nên cũng chia thành 3 cõi:

- **Cõi Thiểu tịnh thiên:** là cõi của những vị đắc tam thiền bậc hạ hào quang thanh tịnh nhưng chưa phải hoàn toàn sáng chói.

- **Cõi Vô lượng tịnh thiên:** là cảnh giới của những vị đắc tam thiền bậc trung có hào quang thanh tịnh và vô lượng.

- **Cõi Biến Tịnh Thiên:** là cảnh giới của những vị đắc tam thiền bậc thượng. Phạm thiên ở cõi này có hào quang trong sáng biến mãn khắp nơi.

d. **Tầng 4: tầng Tứ thiền,** cũng do căn cơ và quả báu khác nhau nên cũng chia thành 3 cõi:

- **Cõi Quảng quả:** là cảnh giới của những vị đắc tứ thiền hưởng quả lớn.

- **Cõi Vô tưởng:** là cảnh giới của những vị đắc tứ thiền nhưng vì chán nãn tâm thức nên nguyện chuyển sang thiền không tâm. Phạm thiên ở cõi này giống như hình tượng nghĩa là có thể xác nhưng không có tâm thức.

- **Cõi Ngũ tịnh cư:** là cảnh giới của những vị chứng A-na-hàm nhưng vì căn tính khác nhau nên phân ra 5 cõi:

  - **Cõi Vô phiền:** là cảnh giới của những vị chứng A-na-hàm có tín, quyền mạnh không có sự phiền muộn.

  - **Cõi Vô nhiệt:** là cảnh giới của những vị chứng A-na-hàm có tín, quyền mạnh là cõi không có sự nóng nảy.

  - **Cõi Thiện kiến:** là cảnh giới của những vị chứng A-na-hàm có niệm, quyền mạnh, là cõi mà các vị Phạm thiên khi những chúng sanh khác trông thấy điều được sự an lành.

  - **Cõi Thiện hiện:** là cảnh giới của những vị chứng A-na-hàm có định, quyền mạnh, là cõi của các vị Phạm thiện nhiều vạn vật trong vũ trụ xinh đẹp.

- **Cõi Sắc cứu cánh:** là cảnh giới của những vị chứng A-na-hàm có tuệ, quyền mạnh là cảnh giới cuối cùng của cõi sắc giới.

3. **Cõi Vô sắc giới:** là cõi của các vị Phạm thiên không có hình sắc. Có 4 cõi là:

   a. **Cõi Không vô biên:** là cảnh giới của những vị đắc thiền vô sắc bằng đề mục không vô biên xứ.

   b. **Cõi Thức vô biên:** là cảnh giới của những vị đắc thiền vô sắc bằng đề mục thức vô biên xứ.

   c. **Cõi Vô sở hữu:** là cảnh giới của những vị đắc thiền vô sắc bằng đề mục vô sở hữu xứ.

   d. **Cõi Phi tưởng phi phi tưởng:** là cảnh giới của những vị đắc thiền vô sắc bằng đề mục phi tưởng phi phi tưởng xứ.

II. Phân tích cõi:

1. **4 cõi khổ:** có 37 tâm.
   - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
   - 29 tâm vô tịnh hảo (trừ ứng cúng vi tiếu)

2. **7 cõi dục giới:** có 112 tâm
   - 54 tâm dục giới
   - 9 tâm thiện đáo đại
   - 9 tâm duy tác đáo đại
   - 40 tâm siêu thế

3. **Cõi Sơ thiền:** có 97 tâm.
   - 1 tâm quả sơ thiền sắc giới
   - 9 tâm thiện đáo đại
   - 9 tâm duy tác đáo đại
   - 40 tâm siêu thế
   - 38 tâm dục giới (54 trừ 2 tâm sân, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức, 8 tâm quả dục giới tịnh hảo)

4. **Cõi Nhị thiền, Tam thiền:** có 93 tâm.
   - 1 tâm quả nhị thiền sắc giới
   - 1 tâm quả tam thiền sắc giới
   - 9 tâm thiền đáo đại

- 9 tâm duy tác đáo đại
- 38 tâm dục giới (54 trừ 2 tâm sân, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức, 8 tâm quả dục giới tịnh hảo)
- 35 tâm siêu thế (40 trừ 4 tâm đạo sơ thiền, 1 tâm quả A-la-hán sơ thiền)

5. **Cõi Tứ thiền sắc giới:** có 82 tâm
   - 1 tâm quả tứ thiền sắc giới
   - 9 tâm thiện đáo đại
   - 9 tâm duy tác đáo đại
   - 38 tâm dục giới (54 trừ 2 tâm sân, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức, 8 tâm quả dục giới tịnh hảo)
   - 25 tâm siêu thế (trừ tâm đạo sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và quả A-la-hán sơ thiền, nhị thiền, tam thiền).

6. **Cõi Quảng quả:** có 77 tâm
   - 1 tâm quả ngũ thiền sắc giới
   - 9 tâm thiện đáo đại
   - 9 tâm duy tác đáo đại

- 38 tâm dục giới (54 trừ 2 tâm sân, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức, 8 tâm quả dục giới tịnh hảo)
- 20 tâm siêu thế (trừ tâm đạo sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền và quả A-la-hán sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền)

7. **Cõi Ngũ tịnh cư:** có 55 tâm
   - 1 tâm quả ngũ thiền sắc giới
   - 9 tâm thiện đáo đại
   - 9 tâm duy tác đáo đại
   - 33 tâm dục giới (54 trừ 4 tâm tham hợp tà, 1 tâm si hoài nghi, 2 tâm sân, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức, 8 tâm quả dục giới tịnh hảo)
   - 1 tâm tam quả ngũ thiền
   - 1 tâm tứ đạo ngũ thiền
   - 1 tâm tứ quả ngũ thiền

8. **Cõi Không vô biên:** có 43 tâm
   - 1 tâm quả không vô biên
   - 8 tâm tham
   - 2 tâm si

- 1 tâm khán ý môn
- 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
- 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
- 4 tâm thiện vô sắc giới
- 4 tâm duy tác vô sắc giới
- 7 tâm ngũ thiền siêu thế (trừ sơ đạo)

9. **Cõi Thức vô biên:** có 41 tâm
   - Tâm quả thức vô biên
   - 8 tâm tham
   - 2 tâm si
   - 1 tâm khán ý môn
   - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
   - 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
   - 7 tâm ngũ thiền siêu thế (trừ tâm sơ đạo ngũ thiền)
   - 1 tâm thiện thức vô biên
   - 1 tâm thiện vô sở hữu
   - 1 tam thiện phi tưởng phi phi tưởng
   - 1 tâm duy tác thức vô biên
   - 1 tâm duy tác vô sở hữu
   - 1 tam duy tác phi tưởng phi phi tưởng.

10. **Cõi Vô sở hữu:** 39 tâm

- 1 tâm quả vô sở hữu xứ
- 8 tâm tham
- 2 tâm si
- 1 tâm khán ý môn
- 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
- 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
- 1 tâm thiện vô sở hữu xứ
- 1 tâm duy tác vô sở hữu xứ
- 1 tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ
- 1 tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ
- 7 tâm ngũ thiền siêu thế (trừ sơ đạo)

11. **Cõi Phi tưởng phi phi tưởng:** 37 tâm
- 1 tâm quả phi tưởng phi phi tưởng
- 8 tâm tham
- 2 tâm si
- 1 tâm khán ý môn
- 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
- 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
- 1 tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ
- 1 tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ
- 7 tâm ngũ thiền siêu thế (trừ sơ đạo).

III. Kết luận:

==***==

Hết bài số 20
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 20/03/2020 (27-2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XII

SƠ ĐỒ 31 CÕI

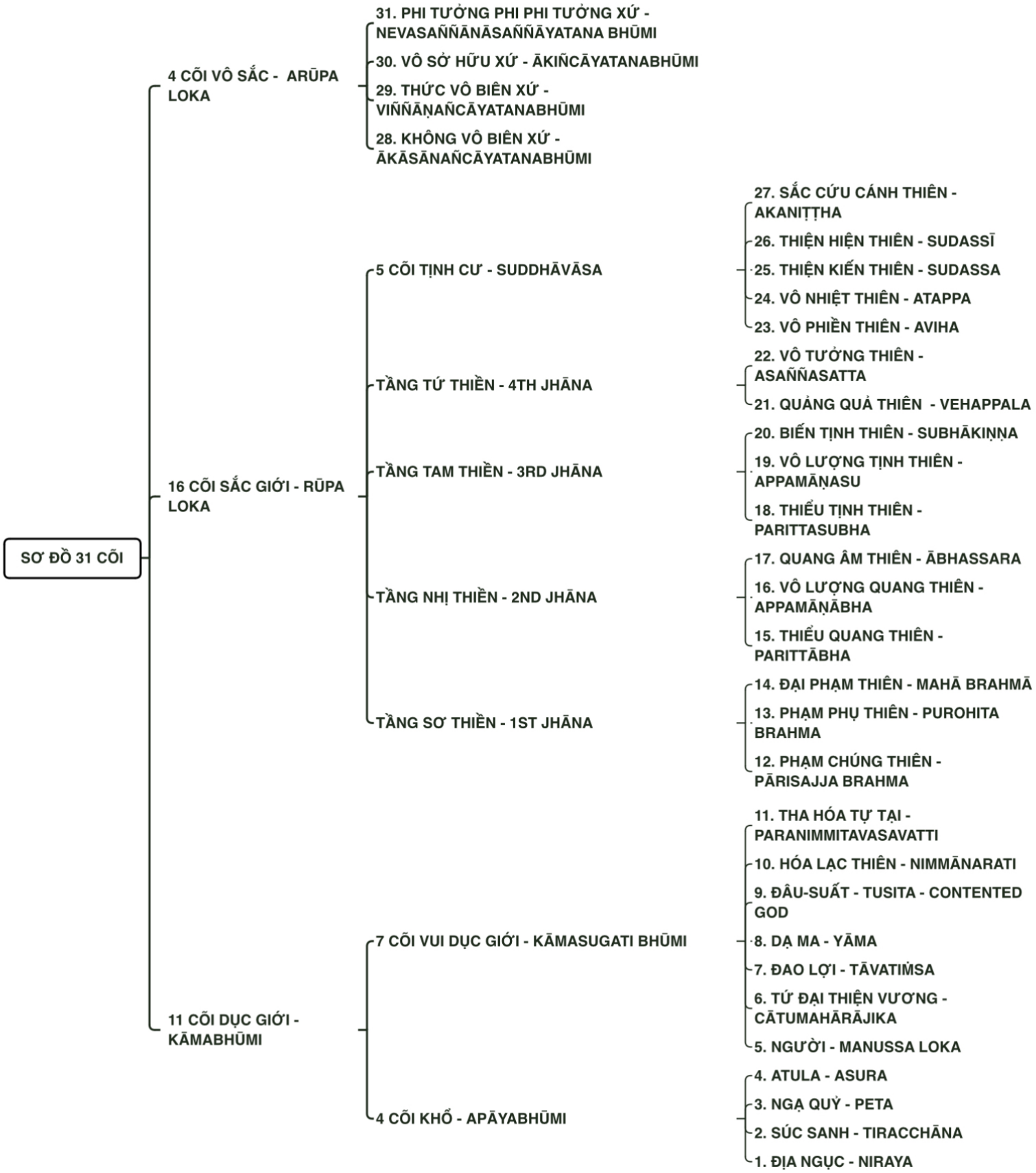
SƠ ĐỒ 31 CÕI
4 CÕI VÔ SẮC - ARŪPA LOKA
31. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ - NEVASAÑÑĀNĀSAÑÑĀYATANA BHŪMI
30. VÔ SỞ HỮU XỨ - ĀKIÑCĀYATANABHŪMI
29. THỨC VÔ BIÊN XỨ - VIÑÑĀṆAÑCĀYATANABHŪMI
28. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ - ĀKĀSĀNAÑCĀYATANABHŪMI
16 CÕI SẮC GIỚI - RŪPA LOKA
5 CÕI TỊNH CƯ - SUDDHĀVĀSA
27. SẮC CỨU CÁNH THIÊN - AKANIṬṬHA
26. THIỆN HIỆN THIÊN - SUDASSĪ
25. THIỆN KIẾN THIÊN - SUDASSA
24. VÔ NHIỆT THIÊN - ATAPPA
23. VÔ PHIỀN THIÊN - AVIHA
TẦNG TỨ THIỀN - 4TH JHĀNA
22. VÔ TƯỞNG THIÊN - ASAÑÑASATTA
21. QUẢNG QUẢ THIÊN - VEHAPPALA
TẦNG TAM THIỀN - 3RD JHĀNA
20. BIẾN TỊNH THIÊN - SUBHĀKIṆṆA
19. VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN - APPAMĀṆASU
18. THIỂU TỊNH THIÊN - PARITTASUBHA
TẦNG NHỊ THIỀN - 2ND JHĀNA
17. QUANG ÂM THIÊN - ĀBHASSARA
16. VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN - APPAMĀṆĀBHA
15. THIỂU QUANG THIÊN - PARITTĀBHA
TẦNG SƠ THIỀN - 1ST JHĀNA
14. ĐẠI PHẠM THIÊN - MAHĀ BRAHMĀ
13. PHẠM PHỤ THIÊN - PUROHITA BRAHMA
12. PHẠM CHÚNG THIÊN - PĀRISAJJA BRAHMA
11 CÕI DỤC GIỚI - KĀMABHŪMI
7 CÕI VUI DỤC GIỚI - KĀMASUGATI BHŪMI
11. THA HÓA TỰ TẠI - PARANIMMITAVASAVATTI
10. HÓA LẠC THIÊN - NIMMĀNARATI
9. ĐÂU-SUẤT - TUSITA - CONTENTED GOD
8. DẠ MA - YĀMA
7. ĐAO LỢI - TĀVATIṀSA
6. TỨ ĐẠI THIỆN VƯƠNG - CĀTUMAHĀRĀJIKA
5. NGƯỜI - MANUSSA LOKA
4 CÕI KHỔ - APĀYABHŪMI
4. ATULA - ASURA
3. NGẠ QUỶ - PETA
2. SÚC SANH - TIRACCHĀNA
1. ĐỊA NGỤC - NIRAYA

Phân tích cõi:

1. **4 cõi khổ:** có 37 tâm

    - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
    - 29 tâm vô tịnh hảo (trừ ứng cúng vi tiếu)

4 CÕI KHỔ - 37

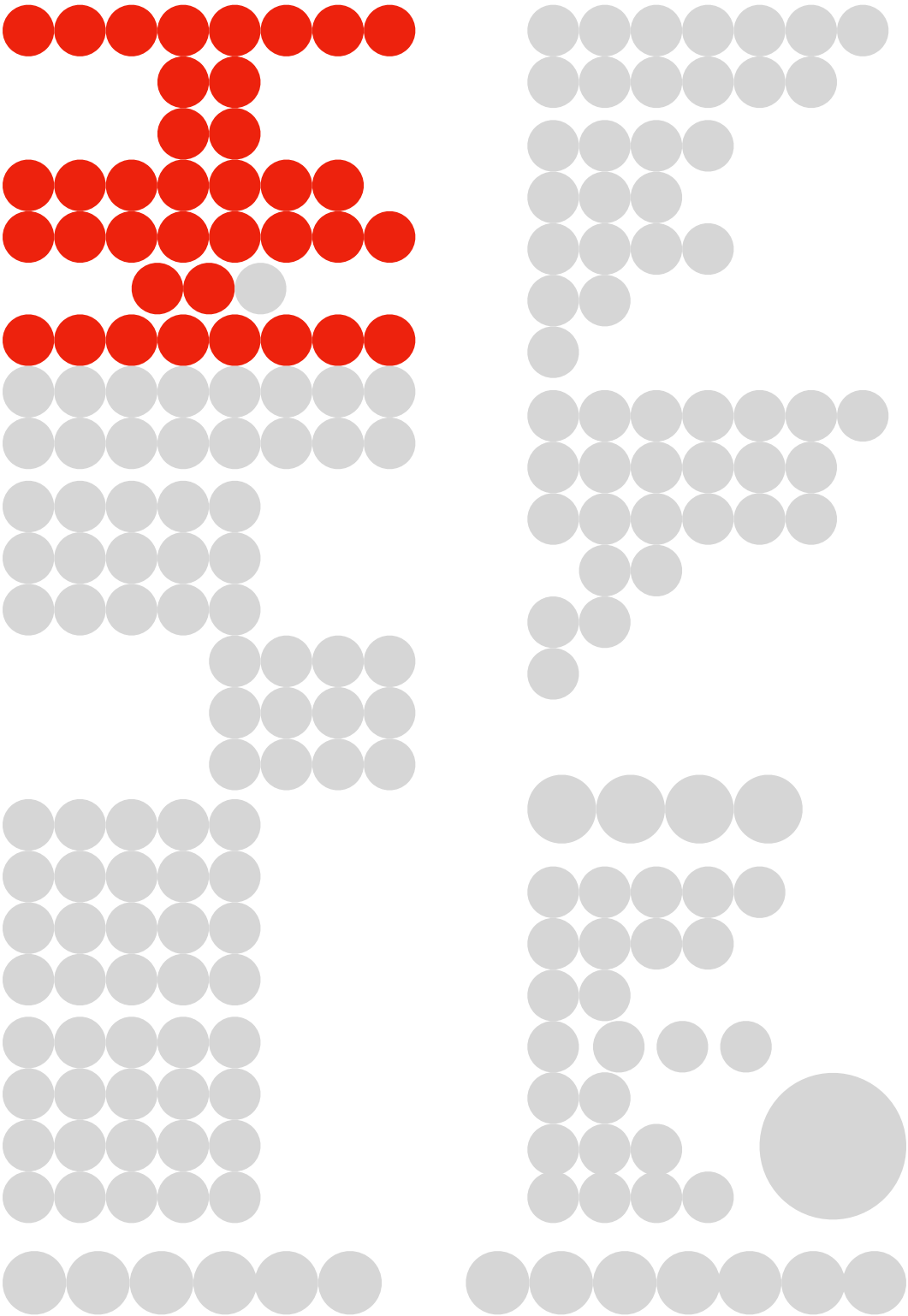

2. **7 cõi dục giới:** có 112 tâm

- 54 tâm dục giới
- 9 tâm thiện đáo đại
- 9 tâm duy tác đáo đại
- 40 tâm siêu thế

7 CÕI DỤC GIỚI - 112

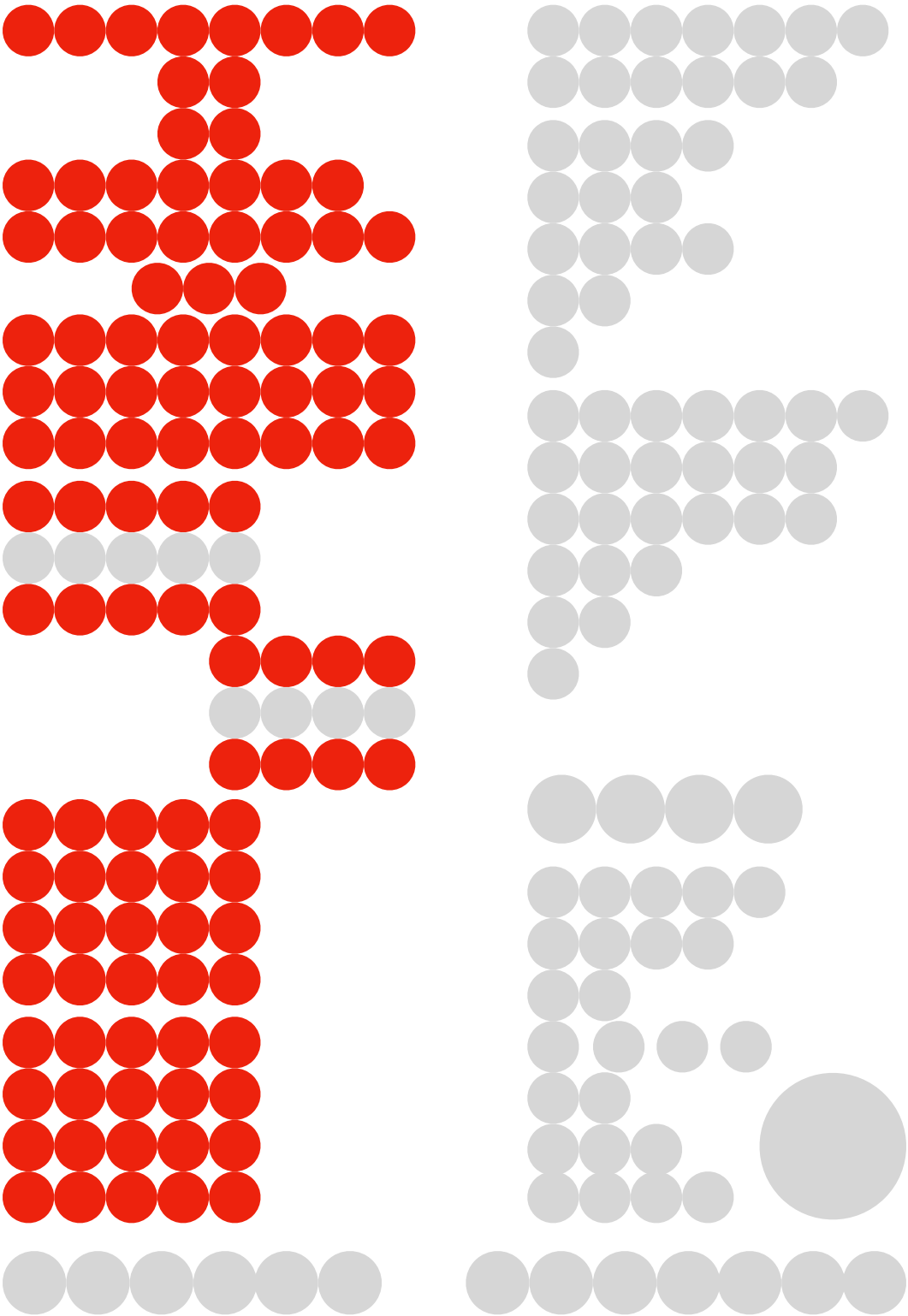

3. **Cõi Sơ thiền:** có 97 tâm

- 1 tâm quả sơ thiền sắc giới
- 9 tâm thiện đáo đại
- 9 tâm duy tác đáo đại
- 40 tâm siêu thế
- 38 tâm dục giới (54 trừ 2 tâm sân, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức, 8 tâm quả dục giới tịnh hảo)

CÕI SƠ THIỀN - 97

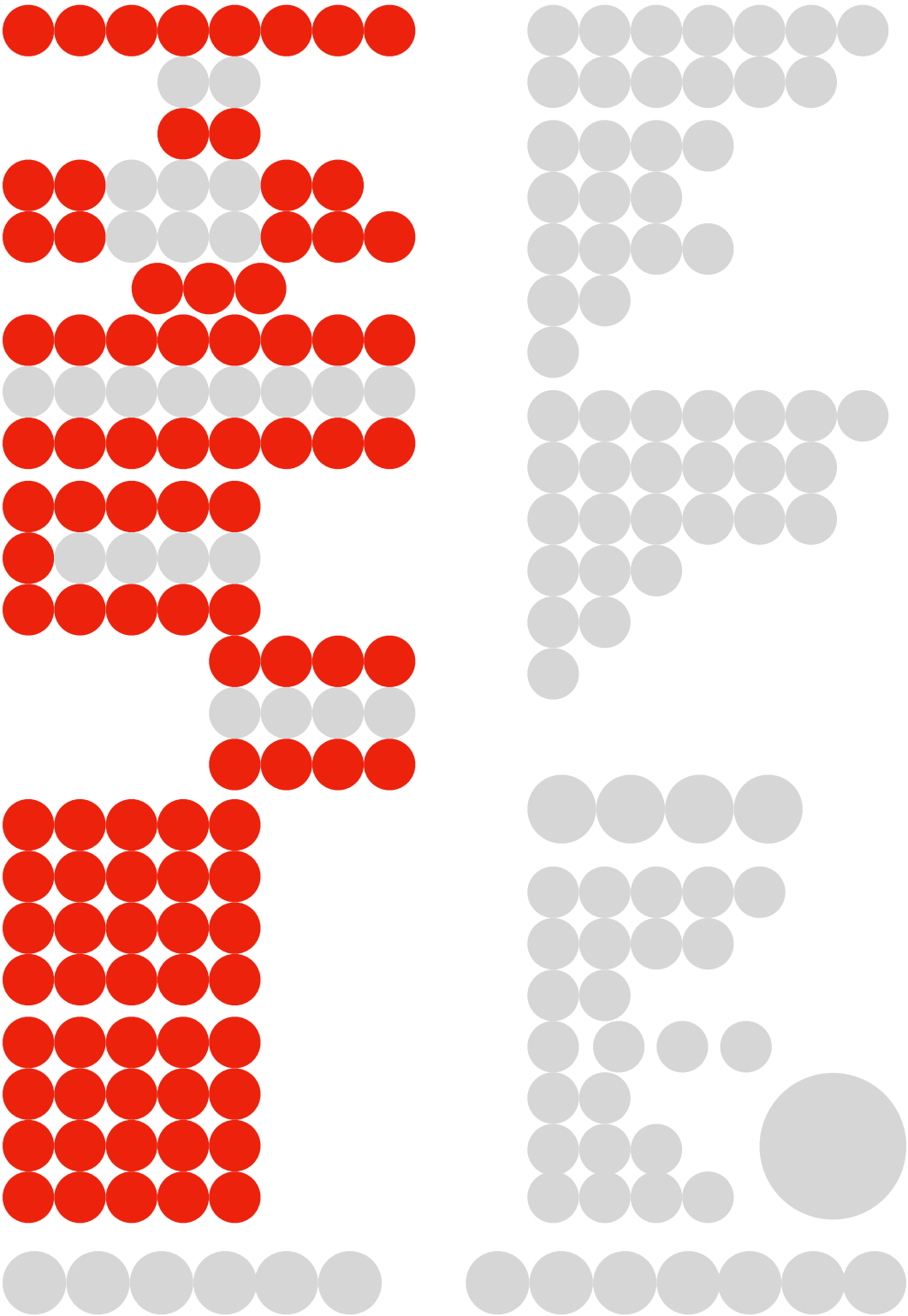

4. **Cõi Nhị thiền, Tam thiền:** có 93 tâm

- 1 tâm quả nhị thiền sắc giới
- 1 tâm quả tam thiền sắc giới
- 9 tâm thiền đáo đại
- 9 tâm duy tác đáo đại
- 38 tâm dục giới (54 trừ 2 tâm sân, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức, 8 tâm quả dục giới tịnh hảo)
- 35 tâm siêu thế (40 trừ 4 tâm đạo sơ thiền, 1 tâm quả A-la-hán sơ thiền)

CÕI NHỊ THIỀN, TAM THIỀN - 93

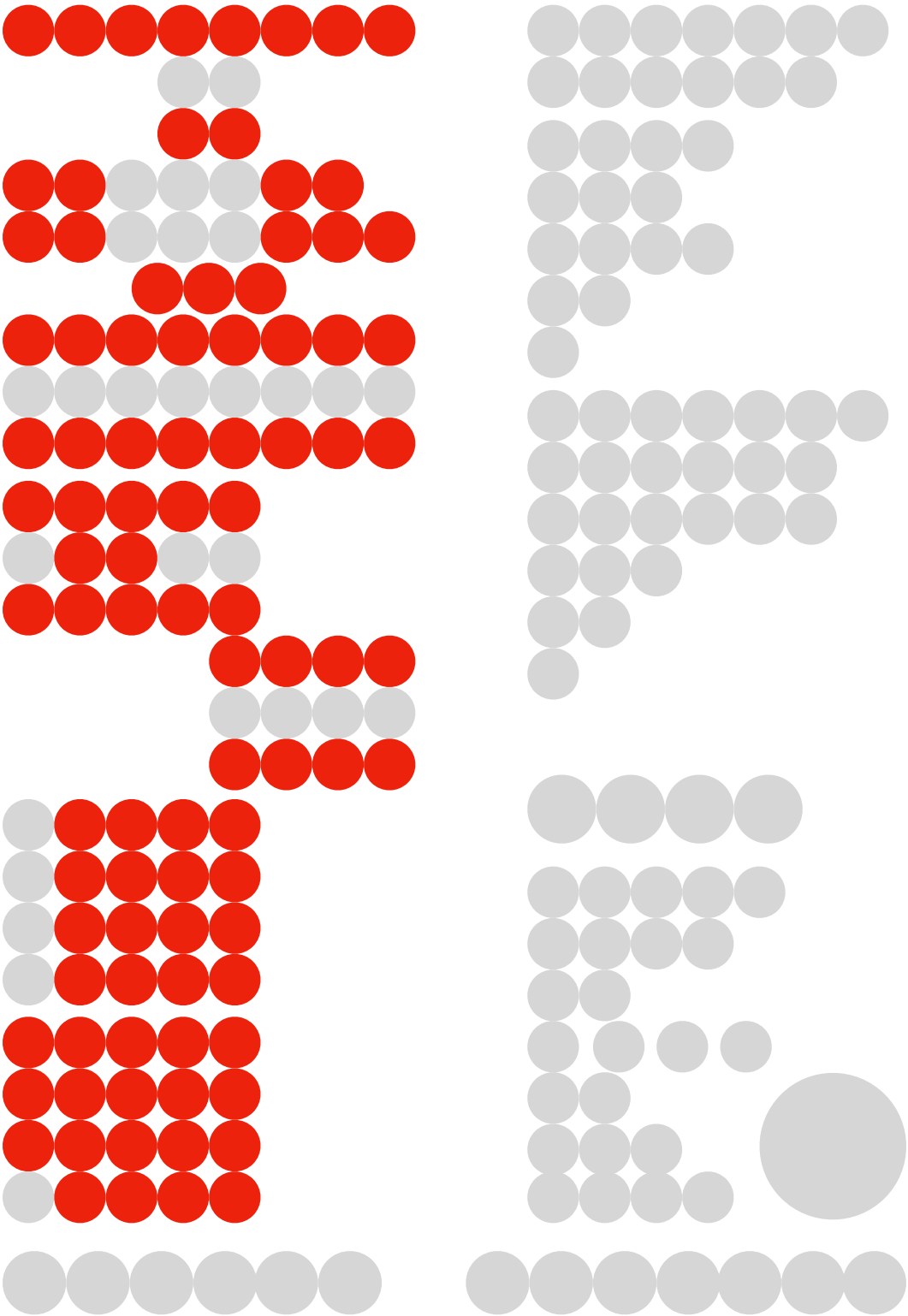

5. **Cõi Tứ thiền sắc giới:** có 82 tâm

- 1 tâm quả tứ thiền sắc giới
- 9 tâm thiện đáo đại
- 9 tâm duy tác đáo đại
- 38 tâm dục giới (54 trừ 2 tâm sân, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức, 8 tâm quả dục giới tịnh hảo)
- 25 tâm siêu thế (trừ tâm đạo sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và quả A-la-hán sơ thiền, nhị thiền, tam thiền).

CÕI TỨ THIỀN SẮC GIỚI - 82

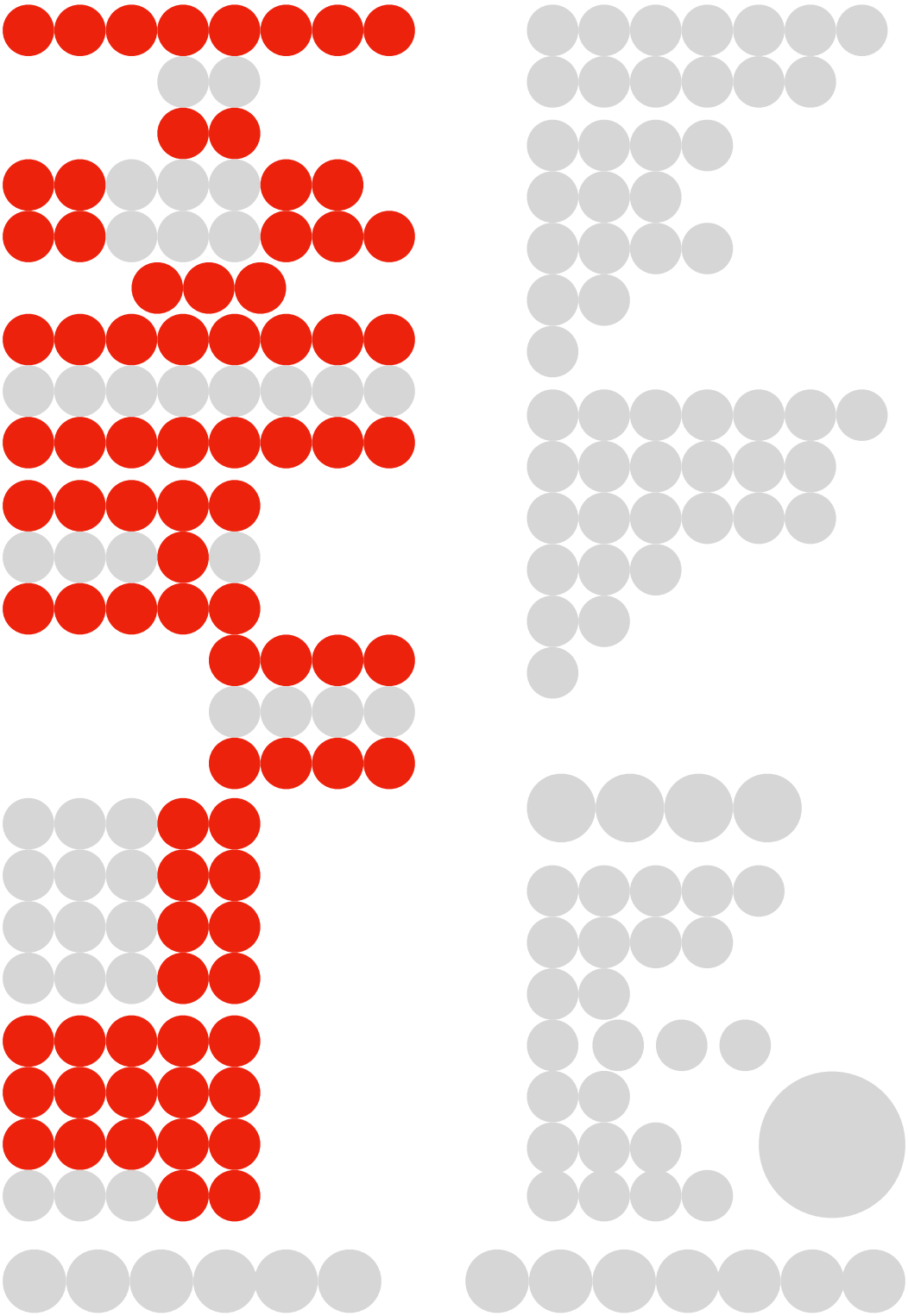

6. **Cõi Quảng quả:** có 77 tâm

- 1 tâm quả ngũ thiền sắc giới
- 9 tâm thiện đáo đại
- 9 tâm duy tác đáo đại
- 38 tâm dục giới (54 trừ 2 tâm sân, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức, 8 tâm quả dục giới tịnh hảo)
- 20 tâm siêu thế (trừ tâm đạo sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền và quả A-la-hán sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền)

CÕI QUẢNG QUẢ - 77

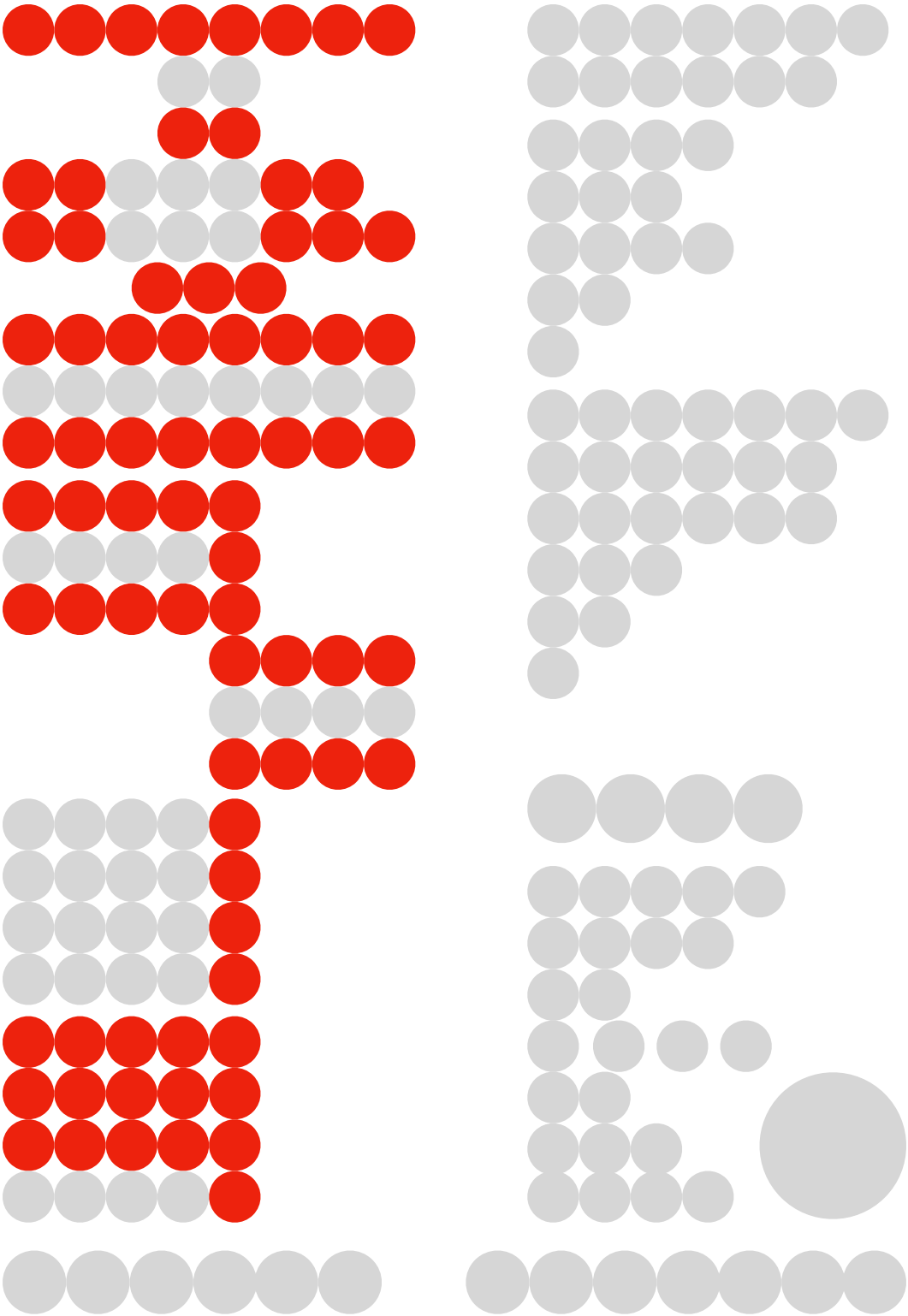

7. **Cõi Ngũ tịnh cư:** có 55 tâm

- 1 tâm quả ngũ thiền sắc giới
- 9 tâm thiện đáo đại
- 9 tâm duy tác đáo đại
- 33 tâm dục giới (54 trừ 4 tâm tham hợp tà, 1 tâm si hoài nghi, 2 tâm sân, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức, 8 tâm quả dục giới tịnh hảo)
- 1 tâm tam quả ngũ thiền
- 1 tâm tứ đạo ngũ thiền
- 1 tâm tứ quả ngũ thiền

CÕI NGŨ TỊNH CƯ - 55

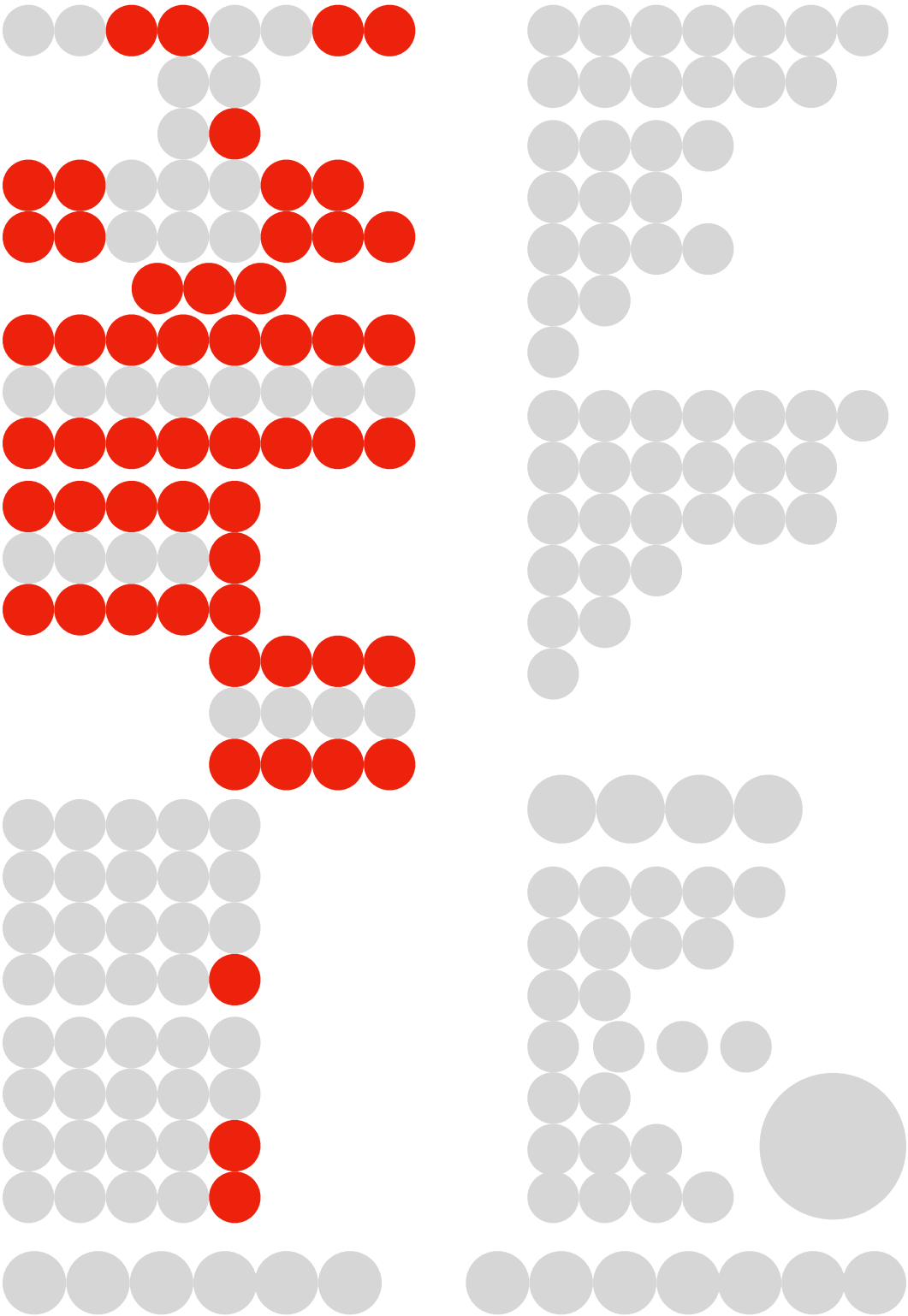

8. **Cõi Không vô biên:** có 43 tâm

- 1 tâm quả không vô biên
- 8 tâm tham
- 2 tâm si
- 1 tâm khán ý môn
- 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
- 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
- 4 tâm thiện vô sắc giới
- 4 tâm duy tác vô sắc giới
- 7 tâm ngũ thiền siêu thế (trừ sơ đạo)

CÕI KHÔNG VÔ BIÊN - 43

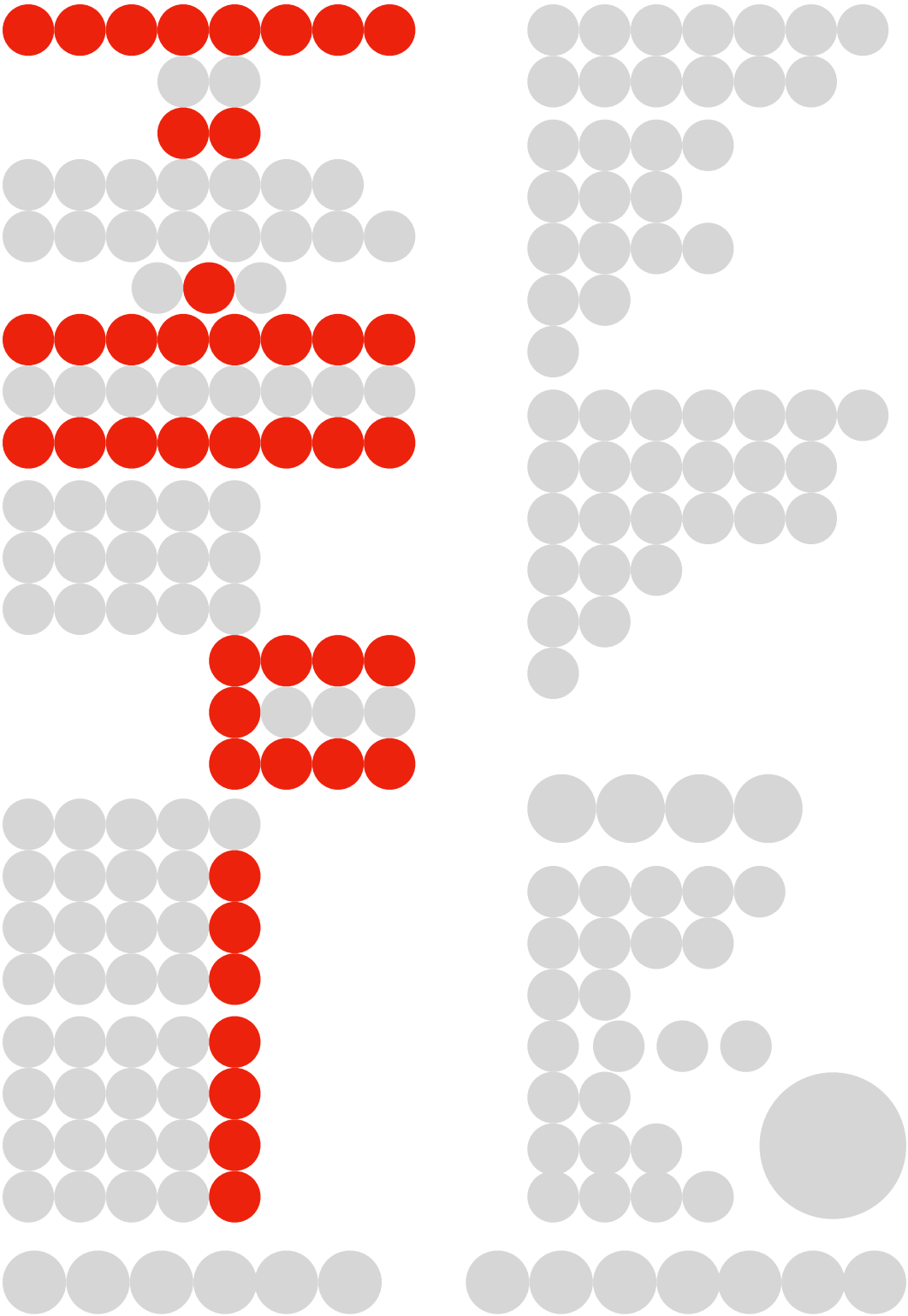

9. **Cõi Thức vô biên:** có 41 tâm

- Tâm quả thức vô biên
- 8 tâm tham
- 2 tâm si
- 1 tâm khán ý môn
- 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
- 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
- 7 tâm ngũ thiền siêu thế (trừ tâm sơ đạo ngũ thiền)
- 1 tâm thiện thức vô biên
- 1 tâm thiện vô sở hữu
- 1 tam thiện phi tưởng phi phi tưởng
- 1 tâm duy tác thức vô biên
- 1 tâm duy tác vô sở hữu
- 1 tam duy tác phi tưởng phi phi tưởng.

CÕI THỨC VÔ BIÊN - 41

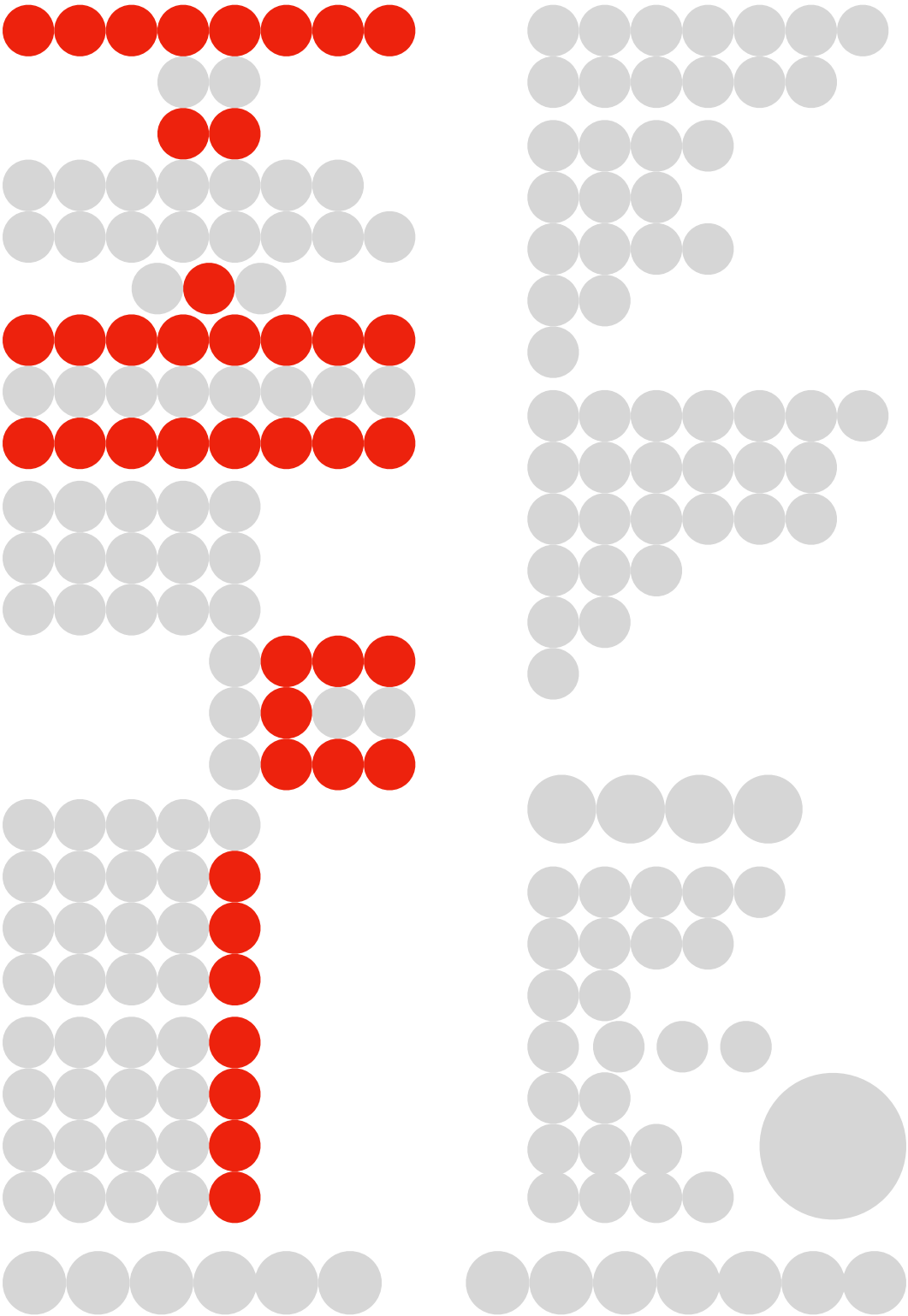

10. **Cõi Vô sở hữu:** 39 tâm

- 1 tâm quả vô sở hữu xứ
- 8 tâm tham
- 2 tâm si
- 1 tâm khán ý môn
- 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
- 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
- 1 tâm thiện vô sở hữu xứ
- 1 tâm duy tác vô sở hữu xứ
- 1 tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ
- 1 tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ
- 7 tâm ngũ thiền siêu thế (trừ sơ đạo)

CÕI VÔ SỞ HỮU - 39

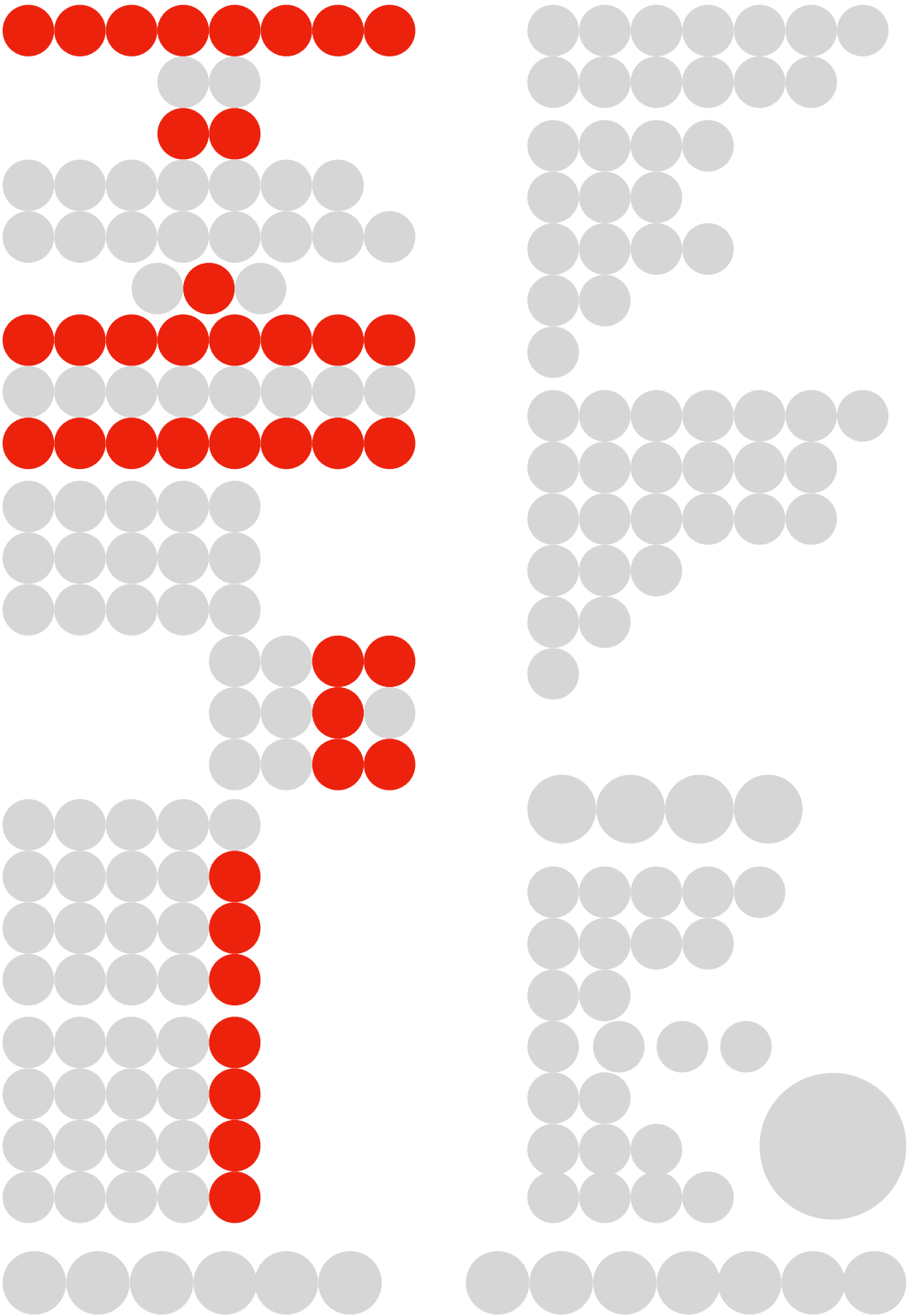

11. **Cõi Phi tưởng phi phi tưởng:** 37 tâm

- 1 tâm quả phi tưởng phi phi tưởng
- 8 tâm tham
- 2 tâm si
- 1 tâm khán ý môn
- 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
- 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
- 1 tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ
- 1 tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ
- 7 tâm ngũ thiền siêu thế (trừ sơ đạo).

CÕI PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG - 37

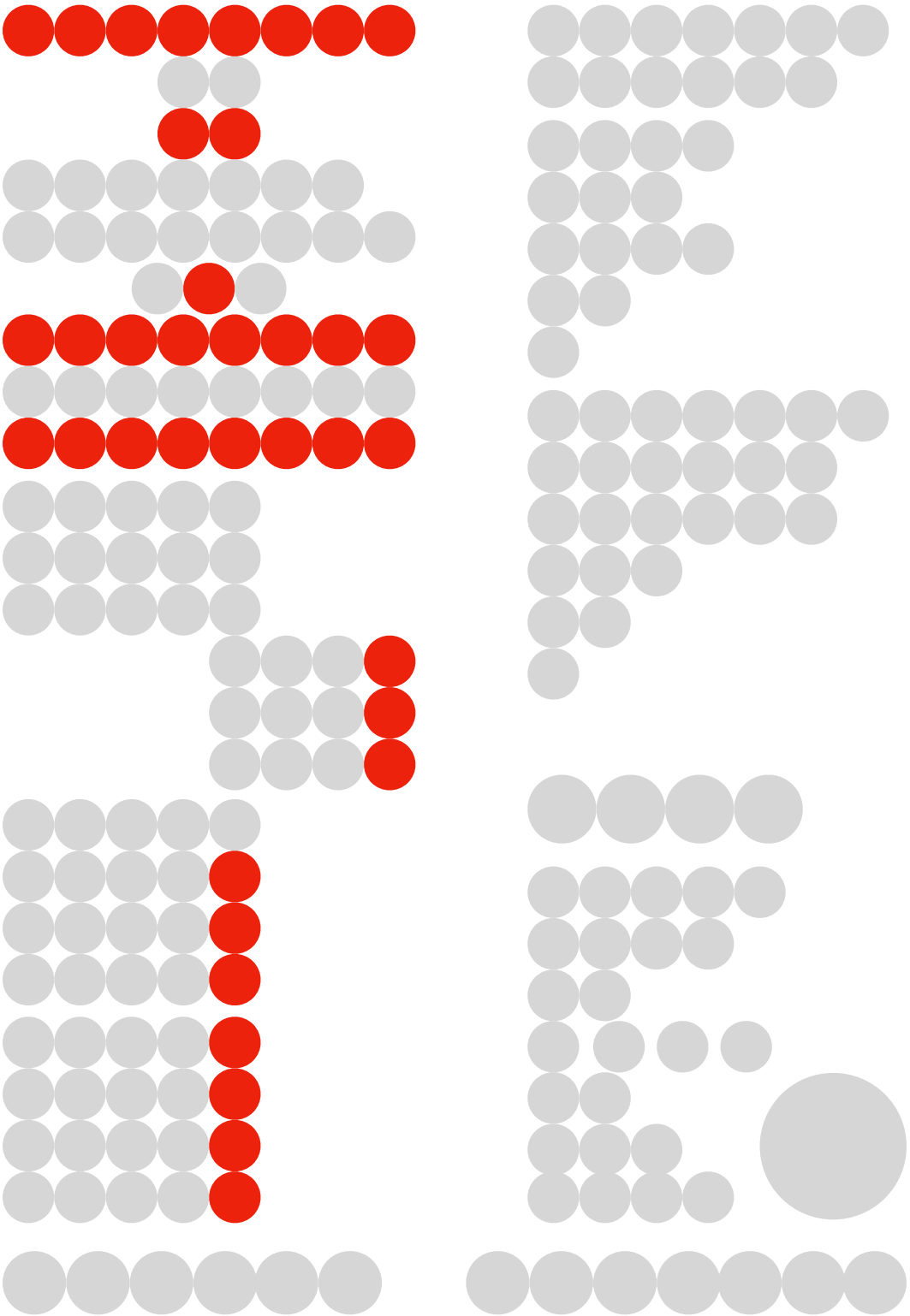

CHƯƠNG XIII
(BÀI 21)

5 UẨN

I. Định nghĩa:

5 uẩn là 5 nhóm, 5 khối, 5 chùm, 5 tích tụ, 5 tập hợp. 5 uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Sắc uẩn:** là nhóm thuộc về sắc pháp, vật chất như đất, nước, lửa, gió… Sắc uẩn quý như bọt nước.

   Sắc uẩn là 28 sắc pháp:

   - Sắc tứ đại (đất, nước, lửa, gió)
   - 24 sắc y đại sinh
   - 5 sắc thần kinh (sắc thần kinh nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân)
   - 4 sắc cảnh giới (sắc cảnh sắc, thinh, khí, vị)
   - 2 sắc tính (sắc nam tính, sắc nữ tính)
   - 1 sắc ý vật
   - 1 sắc mạng quyền
   - 1 sắc vật thực
   - 1 sắc hư không

- Sắc biểu tri (sắc thân biểu tri, sắc khẩu biểu tri)
- Sắc đặc biệt (sắc khinh, nhu, thích nghiệp)
- Sắc tứ tướng (sắc sinh, tiến, dị, diệt)

2. **Thọ uẩn:** là nhóm về các cảm thọ, cảm giác, cảm nhận, thọ nhận. Thọ uẩn quý như bong bóng nước.

   Thọ uẩn có 5: thọ khổ, thọ lạc, thọ ưu, thọ hỷ, thọ xả

   Thọ uẩn là sở hữu thọ trong 52 sở hữu tâm.

3. **Tưởng uẩn**: là nhóm về sự tưởng nhớ. Tưởng uẩn như hoa đóm trên hư không.

   Tưởng có 6 là: sắc tưởng, thinh tưởng, khí tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.
   - Sắc tưởng là nhớ ra cảnh sắc mà trước đây nhãn thức đã thấy biết.
   - Thinh tưởng là nhớ ra các tiếng, âm thanh mà trước đây nhĩ thức đã nghe biết.

- Khí tưởng là nhớ ra các mùi mà trước đây tỷ thức đã ngửi biết.
- Vị tưởng là nhớ ra các cảnh vị mà trước đây thiệt thức đã nếm biết.
- Xúc tưởng là nhớ ra các cảnh xúc mà trước đây thân thức đã cảm xúc biết.
- Pháp tưởng là nhớ các cảnh pháp mà trước đây ý thức đã biết.

Tưởng uẩn là sở hữu tưởng trong 52 sở hữu tâm.

4. **Hành uẩn:** là nhóm về hành động, việc làm thiện, bất thiện, vô ký. Hành uẩn giống như cây chuối không có lõi.

Hành uẩn là 50 sở hữu tâm còn lại trừ thọ, tưởng.

5. **Thức uẩn:** là nhóm về tâm ý. Thức uẩn ví như nhà ảo thuật, thức uẩn ví như nhà đóng kịnh.

Thức uẩn có 121 tâm.

III. Kết luận:

5 uẩn là 201 pháp chơn đế hữu vi, nhờ thấy rõ 5 uẩn sanh diệt mà hành giả thấy được bản chất của 5 uẩn là vô thường, khổ, vô ngã từ đó nhàn chán, xả ly, từ bỏ 5 uẩn, nhờ xả ly mà ly tham, nhờ ly tham mà giải thoát, đoạn diệt, Niết bàn.

==***==

Hết bài số 21
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 20/03/2020 (27-2ÃL-Canh tý)

CHƯƠNG XIV

SƠ ĐỒ 5 UẨN

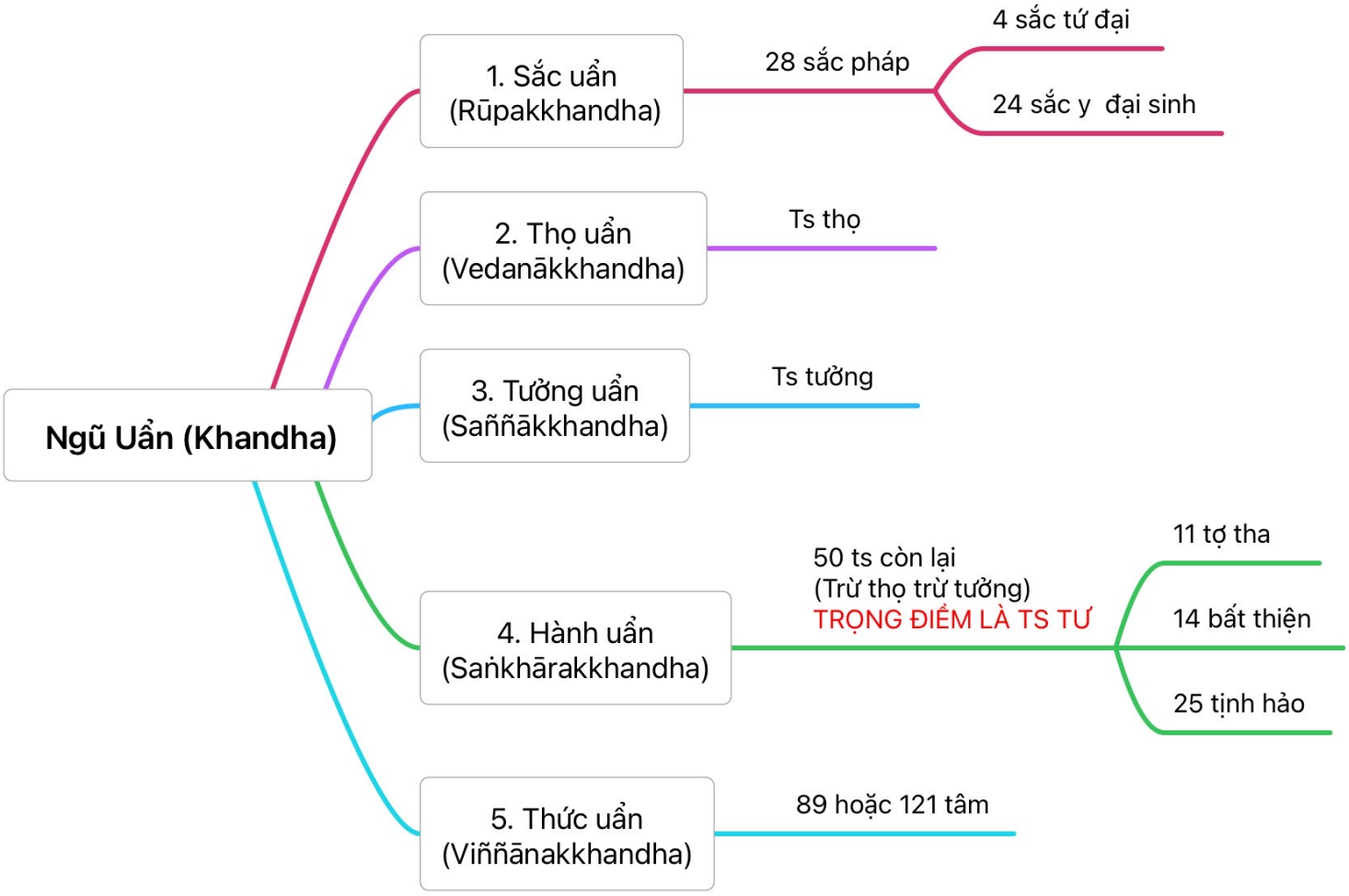
Ngũ Uẩn (Khandha)
1. Sắc uẩn (Rūpakkhandha)
28 sắc pháp
4 sắc tứ đại
24 sắc y đại sinh
2. Thọ uẩn (Vedanākkhandha)
Ts thọ
3. Tưởng uẩn (Saññākkhandha)
Ts tưởng
4. Hành uẩn (Saṅkhārakkhandha)
50 ts còn lại
(Trừ thọ trừ tưởng)
TRỌNG ĐIỂM LÀ TS TƯ
11 tợ tha
14 bất thiện
25 tịnh hảo
5. Thức uẩn (Viññānakkhandha)
89 hoặc 121 tâm

Phân tích chi pháp:

1. **Sắc uẩn:** là nhóm thuộc về sắc pháp, vật chất như đất, nước, lửa, gió… Sắc uẩn quý như bọt nước.

   Sắc uẩn là 28 sắc pháp:

   - Sắc tứ đại (đất, nước, lửa, gió)
   - 24 sắc y đại sinh
   - 5 sắc thần kinh (sắc thần kinh nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân)
   - 4 sắc cảnh giới (sắc cảnh sắc, thinh, khí, vị)
   - 2 sắc tính (sắc nam tính, sắc nữ tính)
   - 1 sắc ý vật
   - 1 sắc mạng quyền
   - 1 sắc vật thực
   - 1 sắc hư không
   - Sắc biểu tri (sắc thân biểu tri, sắc khẩu biểu tri)
   - Sắc đặc biệt (sắc khinh, nhu, thích nghiệp)
   - Sắc tứ tướng (sắc sinh, tiến, dị, diệt)

SẮC UẨN - 28

2. **Thọ uẩn:** là nhóm về các cảm thọ, cảm giác, cảm nhận, thọ nhận. Thọ uẩn quý như bong bóng nước.

Thọ uẩn có 5: thọ khổ, thọ lạc, thọ ưu, thọ hỷ, thọ xả

Thọ uẩn là sở hữu thọ trong 52 sở hữu tâm.

THỌ UẨN - 1

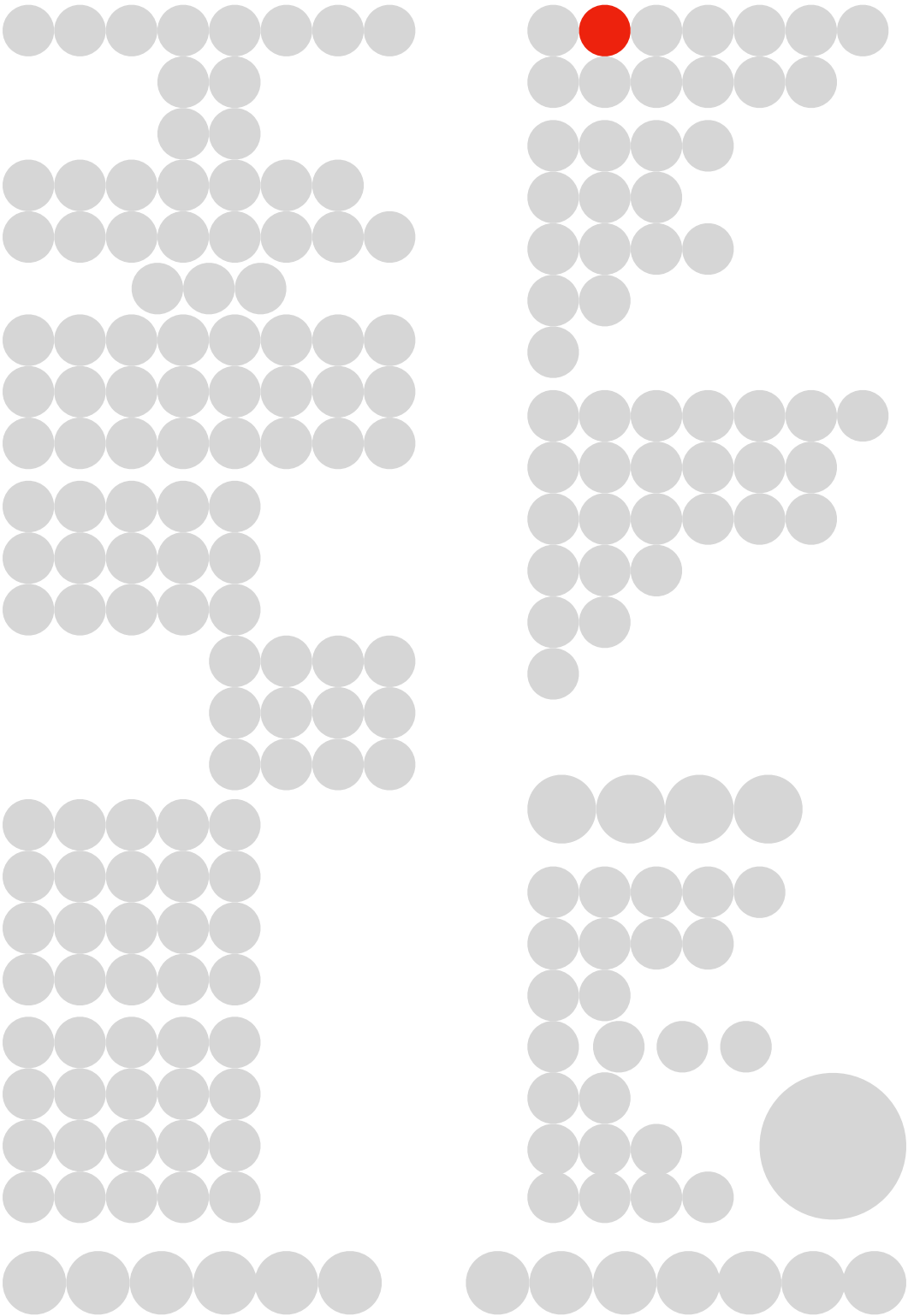

3. **Tưởng uẩn**: là nhóm về sự tưởng nhớ. Tưởng uẩn như hoa đóm trên hư không.

Tưởng có 6 là: sắc tưởng, thinh tưởng, khí tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

- Sắc tưởng là nhớ ra cảnh sắc mà trước đây nhãn thức đã thấy biết.
- Thinh tưởng là nhớ ra các tiếng, âm thanh mà trước đây nhĩ thức đã nghe biết.
- Khí tưởng là nhớ ra các mùi mà trước đây tỷ thức đã ngửi biết.
- Vị tưởng là nhớ ra các cảnh vị mà trước đây thiệt thức đã nếm biết.
- Xúc tưởng là nhớ ra các cảnh xúc mà trước đây thân thức đã cảm xúc biết.
- Pháp tưởng là nhớ các cảnh pháp mà trước đây ý thức đã biết.

Tưởng uẩn là sở hữu tưởng trong 52 sở hữu tâm.

TƯỞNG UẨN - 1

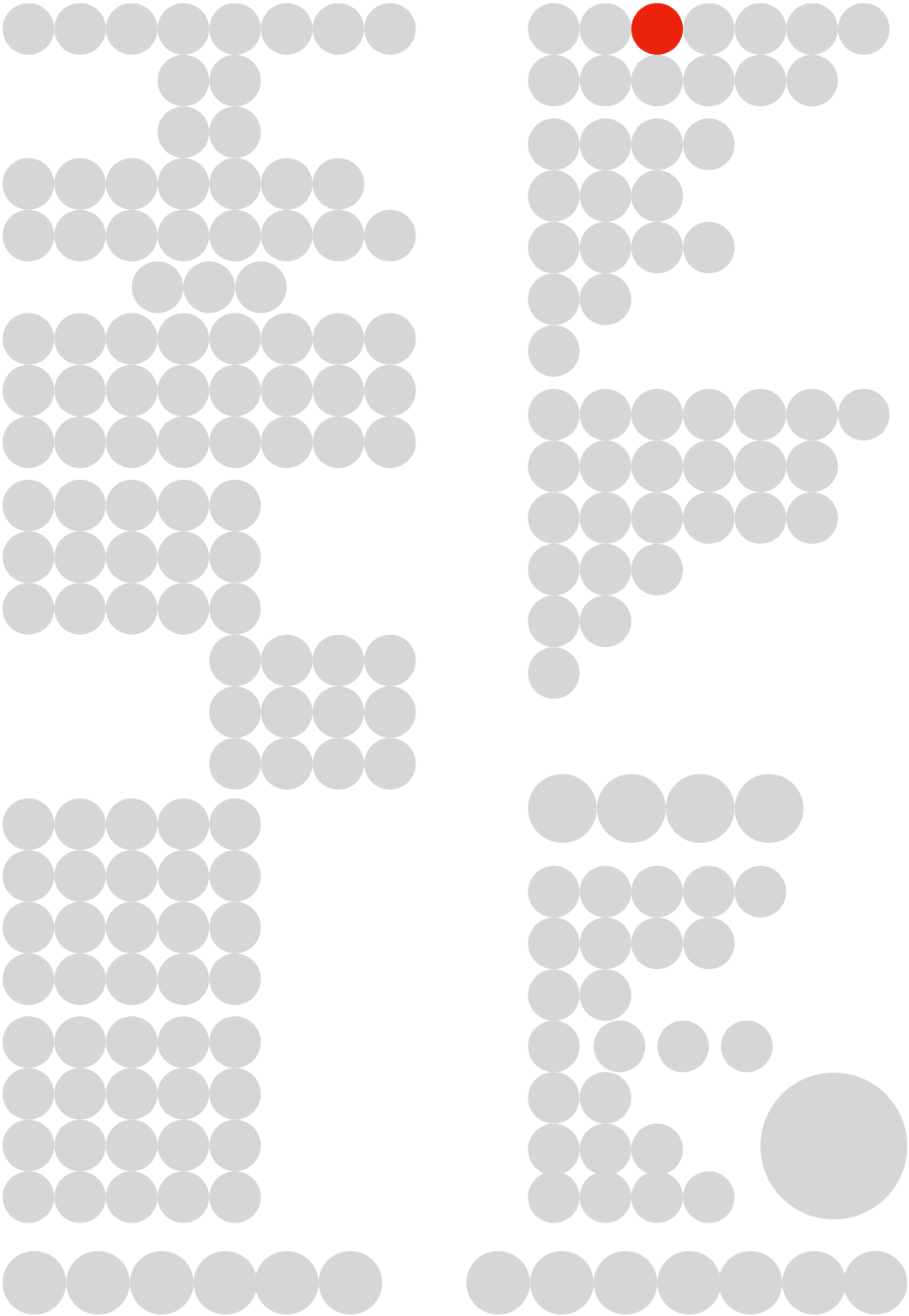

4. **Hành uẩn:** là nhóm về hành động, việc làm thiện, bất thiện, vô ký. Hành uẩn giống như cây chuối không có lõi.

Hành uẩn là 50 sở hữu tâm còn lại trừ thọ, tưởng.

HÀNH UẨN - 50

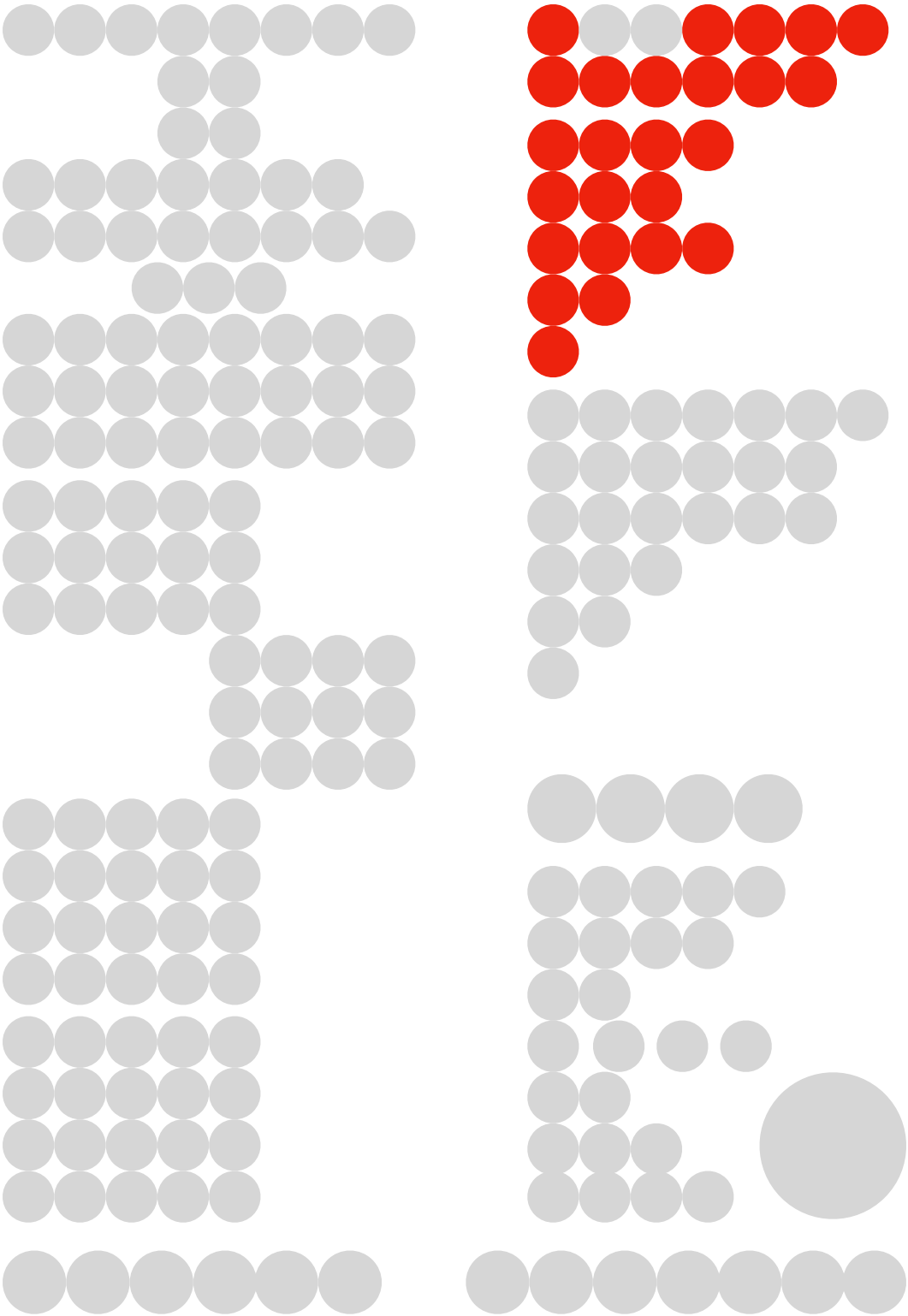

5. **Thức uẩn:** là nhóm về tâm ý. Thức uẩn ví như nhà ảo thuật, thức uẩn ví như nhà đóng kịnh.

Thức uẩn có 121 tâm.

THỨC UẨN - 121

CHƯƠNG XV
(BÀI 22)

TỨ ĐẾ

I. Định nghĩa:

Tứ Đế hay còn gọi là Tứ Diệu Đế, Tứ Thánh Đế, là bốn sự thật cao quý (vi diệu) cũng được gọi là Tứ Diệu Đế, đó là Khổ thánh đế, Tập thánh đế, Diệt thánh đế, Đạo thánh đế.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Khổ thánh đế**: là sự thật cao thượng, vi diệu về khổ đau. Theo kinh thì có khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Khổ đế cũng đề cập đến bát khổ: sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, thương phải xa là khổ, ghét phải gần là khổ, muốn mà không được là khổ, chấp thủ 5 uẩn là khổ.

Khổ theo Vi diệu pháp là những pháp chơn đế nào?

a. Tâm: 81 tâm hiệp thế.
b. Sở hữu tâm: 51 sở hữu tâm (52 trừ sở hữu tham).
c. Sắc pháp: 28 sắc pháp là khổ đế.

d. Niết bàn: Không.

2. **Tập đế** là nguyên nhân của đau khổ.
   Những pháp nào là tập đế?
   a. Tâm: không
   b. Sở hữu tâm: sở hữu tham
   c. Sắc pháp: không
   d. Niết bàn: không

3. **Diệt đế:** là sự tận diệt khổ đau. Chi pháp của diệt đế là Niết bàn

4. **Đạo đế:** là con đường diệt tận khổ đau đó là Bát Chánh Đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tin tấn, chánh niệm, chánh định)

   a. Chánh kiến: là thấy biết chơn chánh tức là thấy biết đây là khổ, đây là nhân của khổ, đây là sự diệt khổ, đây là con đường đưa đến sự diệt khổ. Chi pháp của chánh kiến là sở hữu trí tuệ.

b. Chánh tư duy: là suy nghĩ chơn chánh tức là suy nghĩ không tham dục, suy nghĩ không hãm hại, suy nghĩ không sân hận. Chi pháp của chánh tư duy là sở hữu Tầm.

c. Chánh ngữ: là lời nói chơn chánh (không nói dối, không nói lời độc ác, không nói lời chia rẽ, không nói lời vô ích…). Chi pháp của chánh ngữ là sở hữu chánh ngữ.

d. Chánh nghiệp: là nghề nghiệp chơn chánh (không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm). Chi pháp của chánh nghiệp là sở hữu chánh nghiệp.

e. Chánh mạng: là nuôi mạng chơn chánh (không bán khí giới, không buôn người, không buôn thú vật, không buôn thuốc độc…). Chi pháp của chánh mạng là sở hữu chánh mạng.

f. Chánh tin tấn: là sự siêng năng cần mẫn chơn chánh.
   - Thận cần: cẩn thận ngăn ngừa những ác pháp chưa sanh không cho sanh khởi.
   - Trừ cần: là diệt trừ những ác pháp đã sanh.
   - Tu cần: tu tập những thiện pháp chưa sanh làm cho sanh khởi.
   - Bảo cần: là bảo vệ duy trì những thiện pháp đã sanh tiếp tục sanh khởi.

g. Chánh niệm: là niệm chơn chánh tức là Tứ Niệm Xứ, nghĩa là niệm Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Chi pháp của chánh niệm là sở hữu niệm.

h. Chánh định: là định tâm chơn chánh. Chi pháp của chánh định là sở hữu nhất hành.

III.Kết luận:

Bài học về Tứ Diệu Đế giúp cho hành giả thấy rõ các chi pháp siêu lý của 4 đế.

Sự cần thiết của khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế đối với hành giả. Trong kinh Tứ Niệm Xứ, kinh Trung Bộ và Trường Bộ nói rất rõ về sự thực hành chánh niệm trên Tứ Diệu Đế. Bài học Tứ Diệu Đế của Vi Diệu Pháp này giúp hành giả thấy rõ chi pháp khi thực hành niệm Tứ Niệm Xứ.

==***==

Hết bài số 22
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 22/03/2020 (29-2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XVI

SƠ ĐỒ TỨ ĐẾ

TỨ ĐẾ (SACCA)
1. Khổ đế (Dukkhasacca)
81 tâm hiệp thế
51 tâm sở phi tham hợp tâm hiệp thế
28 sắc pháp
2. Tập đế (Samudayasacca)
Ts tham
3. Diệt đế (Nirodhasacca)
Niết bàn
4. Đạo đế (Maggasacca)
20 Tâm Đạo
8 chi đạo
1. Chánh kiến
Ts Tuệ quyền
2. Chánh tư duy
Ts Tầm
3. Chánh ngữ
Ts Chánh ngữ
4. Chánh nghiệp
Ts Chánh nghiệp
5. Chánh mạng
Ts Chánh mạng
6. Chánh tinh tấn
Ts Cần
7. Chánh niệm
Ts Niệm
8. Chánh định
Ts Nhất hành
Ngoại đế
Tâm quả siêu thế + 36 tâm sở hợp
Tâm đạo siêu thế + 28 tâm sở hợp (trừ 8 chi đạo)

Phân tích chi pháp:

1. **Khổ thánh đế**: là sự thật cao thượng, vi diệu về khổ đau. Theo kinh thì có khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Khổ đế cũng đề cập đến bát khổ: sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, thương phải xa là khổ, ghét phải gần là khổ, muốn mà không được là khổ, chấp thủ 5 uẩn là khổ.

Khổ theo Vi diệu pháp là những pháp chơn đế nào?

a. Tâm: 81 tâm hiệp thế.
b. Sở hữu tâm: 51 sở hữu tâm (52 trừ sở hữu tham).
c. Sắc pháp: 28 sắc pháp là khổ đế.
d. Niết bàn: Không.

KHỔ ĐẾ

TÂM: 81

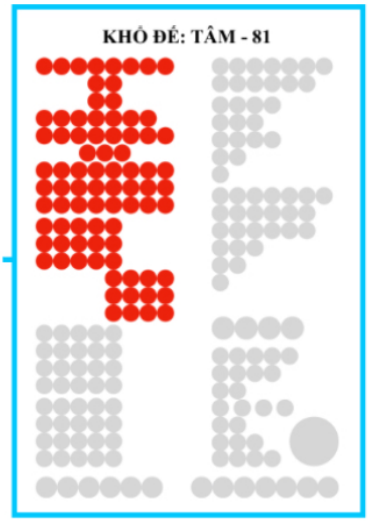

TÂM SỞ: 51

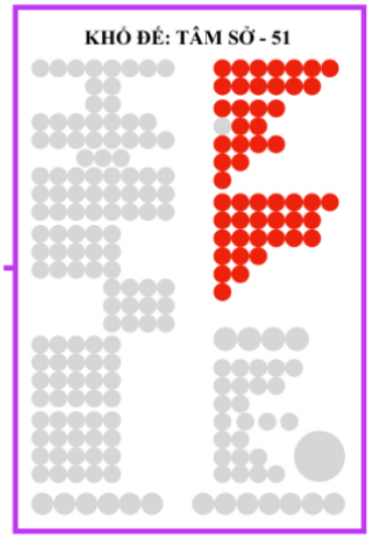

SẮC PHÁP: 28

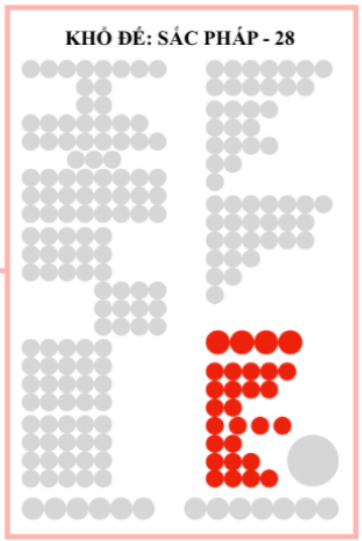

NIẾT BÀN: 0

2. **Tập đế** là nguyên nhân của đau khổ.
Những pháp nào là tập đế?
   a. Tâm: không
   b. Sở hữu tâm: sở hữu tham
   c. Sắc pháp: không
   d. Niết bàn: không

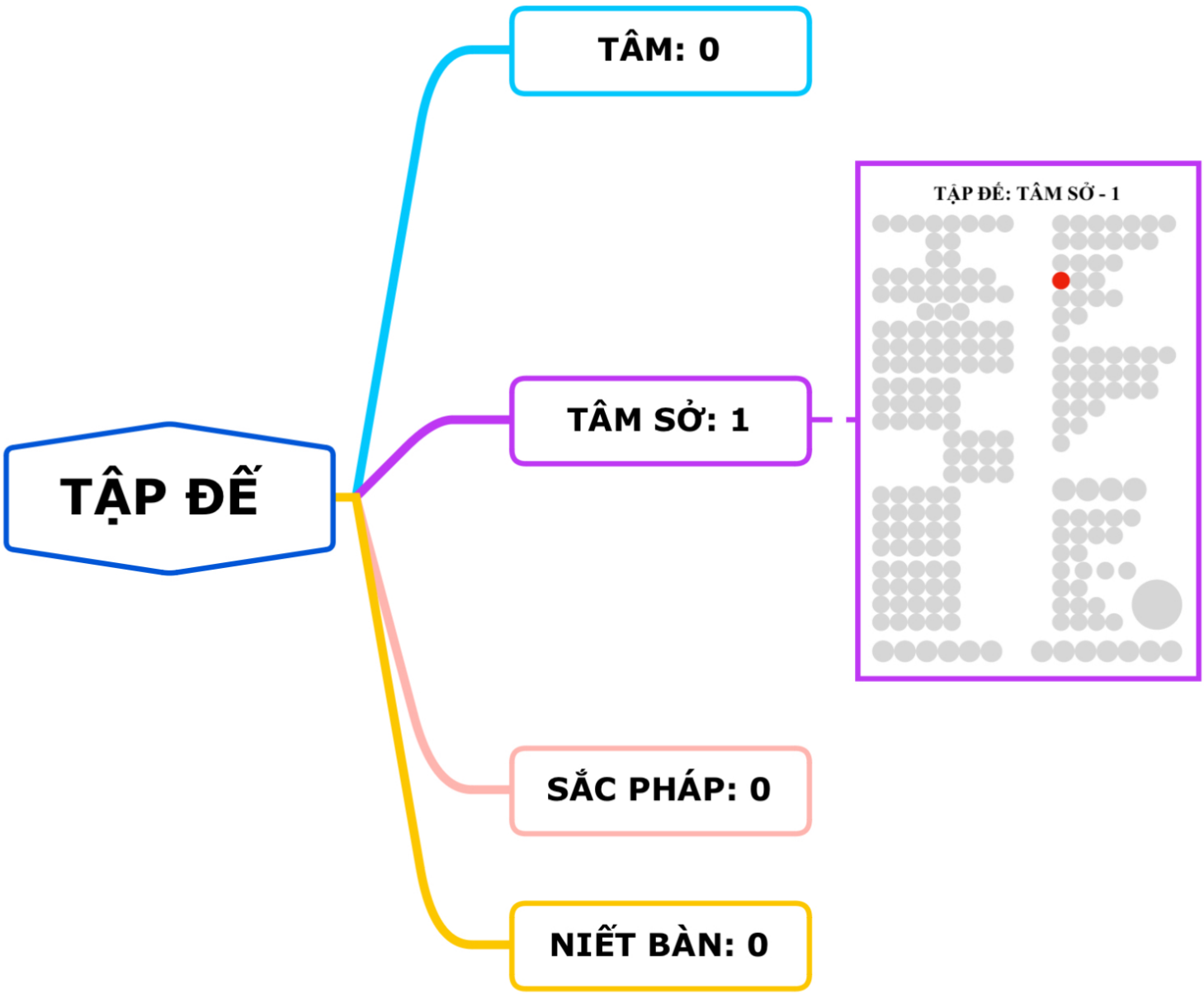

3. **Diệt đế:** là sự tận diệt khổ đau. Chi pháp của diệt đế là Niết bàn

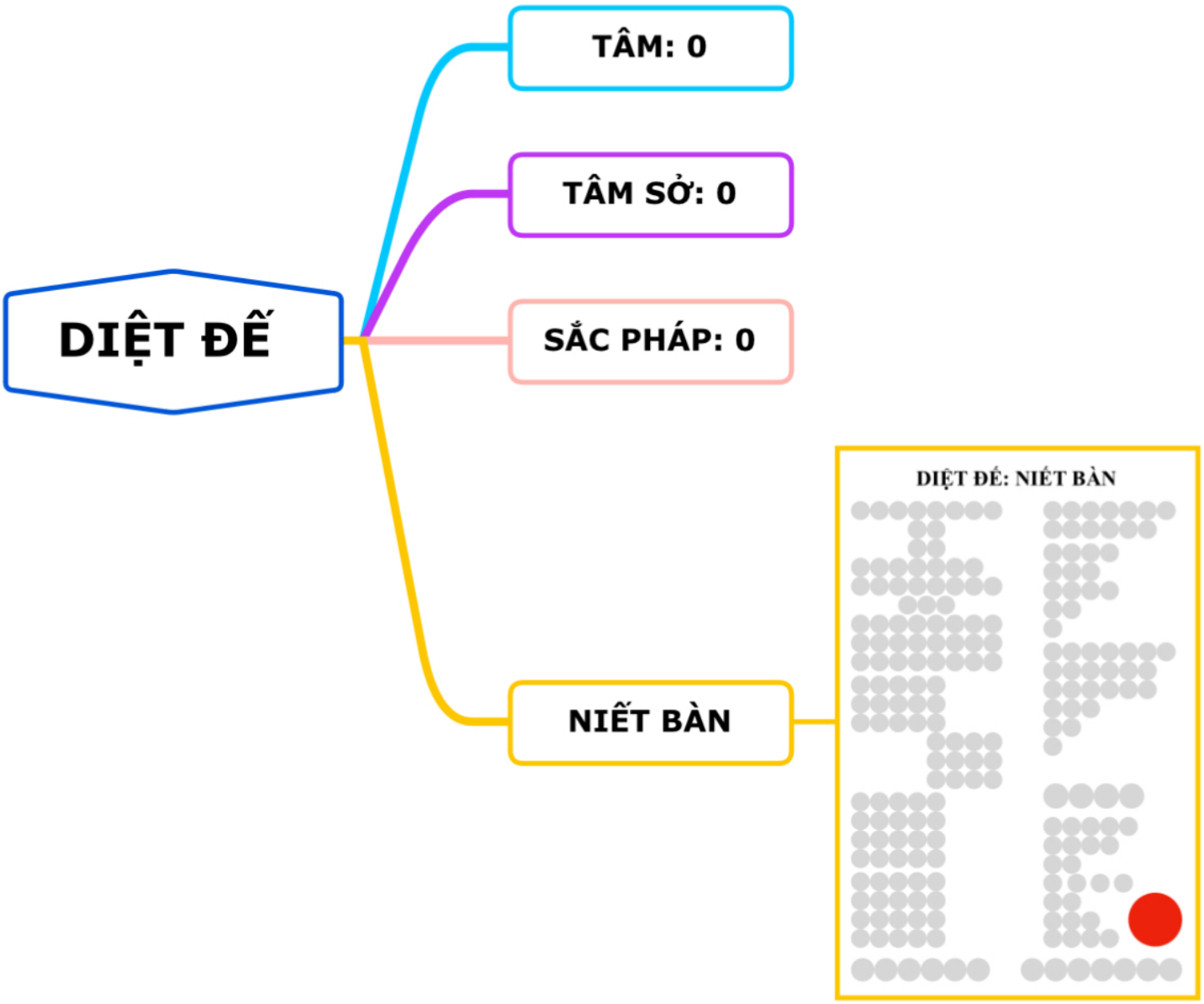

4. **Đạo đế:** là con đường diệt tận khổ đau đó là Bát Chánh Đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tin tấn, chánh niệm, chánh định)

    a. Chánh kiến: là thấy biết chơn chánh tức là thấy biết đây là khổ, đây là nhân của khổ, đây là sự diệt khổ, đây là con đường đưa đến sự diệt khổ. Chi pháp của chánh kiến là sở hữu trí tuệ.

    b. Chánh tư duy: là suy nghĩ chơn chánh tức là suy nghĩ không tham dục, suy nghĩ không hãm hại, suy nghĩ không sân hận. Chi pháp của chánh tư duy là sở hữu Tầm.

    c. Chánh ngữ: là lời nói chơn chánh (không nói dối, không nói lời độc ác, không nói lời chia rẽ, không nói lời vô ích…). Chi pháp của chánh ngữ là sở hữu chánh ngữ.

d. Chánh nghiệp: là nghề nghiệp chơn chánh (không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm). Chi pháp của chánh nghiệp là sở hữu chánh nghiệp.

e. Chánh mạng: là nuôi mạng chơn chánh (không bán khí giới, không buôn người, không buôn thú vật, không buôn thuốc độc…). Chi pháp của chánh mạng là sở hữu chánh mạng.

f. Chánh tin tấn: là sự siêng năng cần mẫn chơn chánh.

- Thận cần: cẩn thận ngăn ngừa những ác pháp chưa sanh không cho sanh khởi.

- Trừ cần: là diệt trừ những ác pháp đã sanh.

- Tu cần: tu tập những thiện pháp chưa sanh làm cho sanh khởi.

- Bảo cần: là bảo vệ duy trì những thiện pháp đã sanh tiếp tục sanh khởi.

g. Chánh niệm: là niệm chơn chánh tức là Tứ Niệm Xứ, nghĩa là niệm Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Chi pháp của chánh niệm là sở hữu niệm.

h. Chánh định: là định tâm chơn chánh. Chi pháp của chánh định là sở hữu nhất hành.

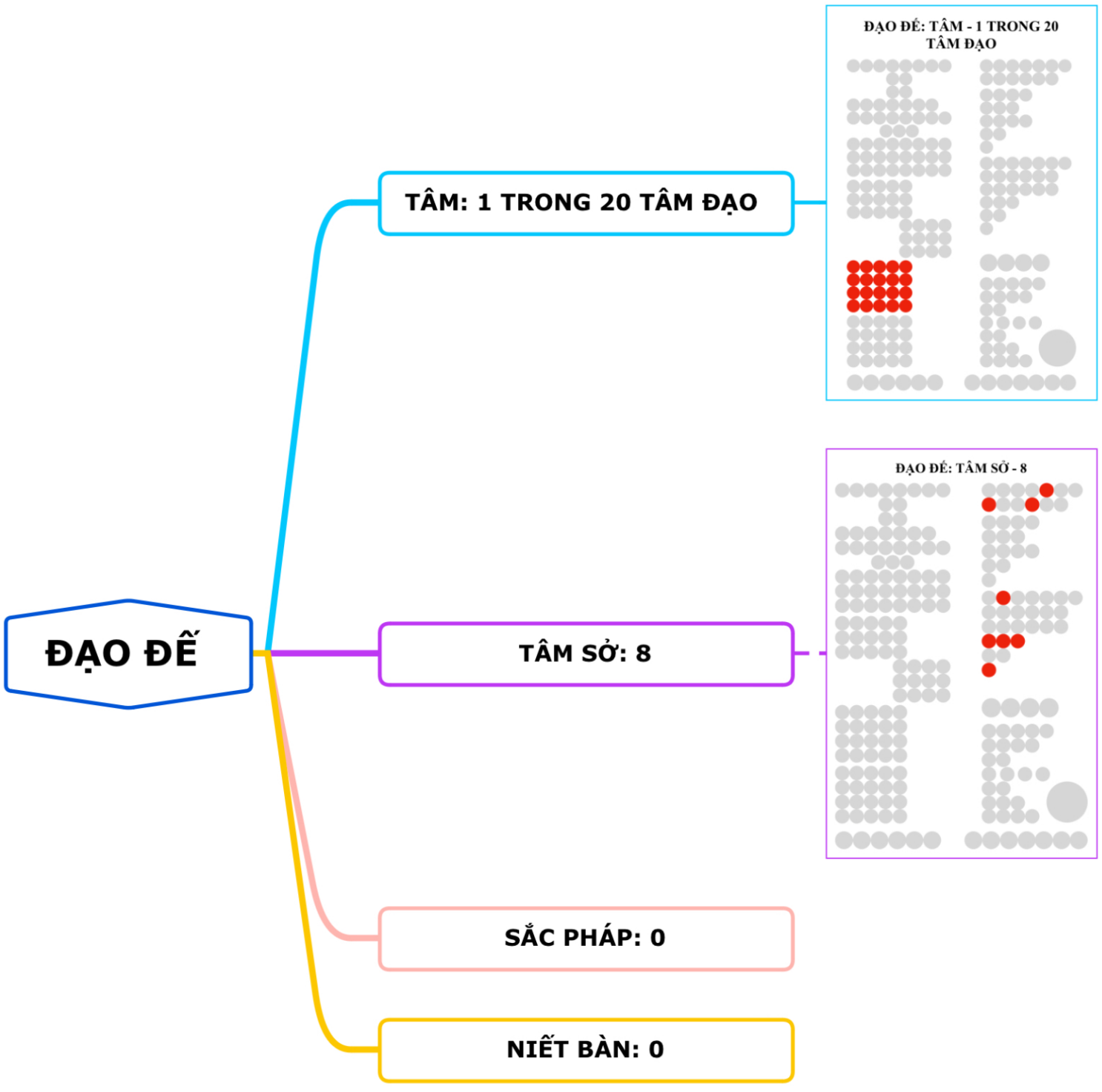
ĐẠO ĐẾ
TÂM: 1 TRONG 20 TÂM ĐẠO
ĐẠO ĐẾ: TÂM - 1 TRONG 20 TÂM ĐẠO
TÂM SỞ: 8
ĐẠO ĐẾ: TÂM SỞ - 8
SẮC PHÁP: 0
NIẾT BÀN: 0

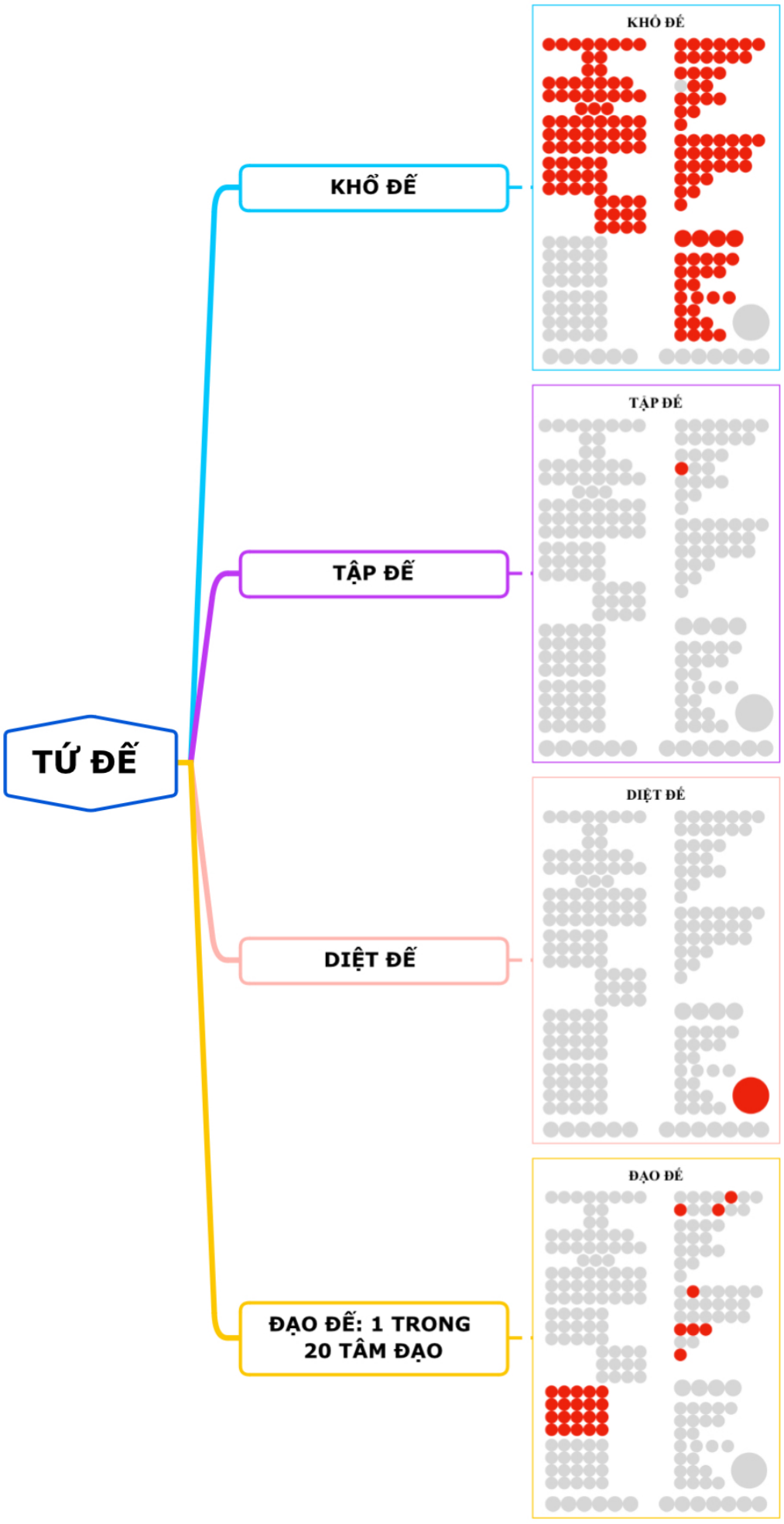
TỨ ĐẾ
KHỔ ĐẾ
TẬP ĐẾ
DIỆT ĐẾ
ĐẠO ĐẾ: 1 TRONG 20 TÂM ĐẠO
KHỔ ĐẾ
TẬP ĐẾ
DIỆT ĐẾ
ĐẠO ĐẾ

CHƯƠNG XVII
(BÀI 23)

12 XỨ

I. Định nghĩa:

12 xứ là 12 chỗ nơi, 12 vị trí, 12 địa điểm, 12 đề mục.

12 xứ là: nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ.

II. Phân tích chi pháp

1. Nhãn xứ: là thần kinh nhãn, nhãn vật (mắt), vật trông thấy được các màu sắc.
2. Nhĩ xứ: là thần kinh nhĩ, nhĩ vật (tai).
3. Tỷ xứ: là thần kinh tỷ, tỷ vật (mũi).
4. Thiệt xứ: là thần kinh thiệt, thiệt vật (lưỡi).
5. Thân xứ: là thần kinh thân, thân vật, hệ thần kinh trên da.
6. Ý xứ: là tất cả tâm.
7. Sắc xứ: là sắc cảnh sắc.
8. Thinh xứ: là sắc cảnh thinh
9. Khí xứ: là sắc cảnh khí (hơi, mùi)
10. Vị xứ: là sắc cảnh vị (mặn, ngọt, chua, cay)

11. Xúc xứ: là cảnh xúc (đất, lửa, gió)
12. Pháp xứ: là 52 sở hữu tâm, 16 sắc tế (28 sắc pháp trừ 12 sắc thô đó là đất, lửa, gió, thần kinh nhãn, thần kinh nhĩ, thần kinh tỷ, thần kinh thiệt, thần kinh thân, sắc cảnh sắc, sắc cảnh thinh, sắc cảnh khí, sắc cảnh vị) và Niết bàn.

III. Kết luận:

12 xứ là đề mục thiền vipassana tứ niệm sứ. Hành giả nhờ chánh niệm trên đề mục 12 xứ mà thoát khỏi được các pháp bất thiện. Hành giả tu tập về 12 xứ sẽ thấy rõ pháp chân đế hữu vi, thấy rõ sự sanh diệt của chơn đế hữu vi từ đó nhàn chán, xả ly, từ bỏ, ly tham, đoạn diệt - Niết bàn.

==***==

Hết bài số 23
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 24/03/2020 (01-03ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XVIII

SƠ ĐỒ 12 XỨ

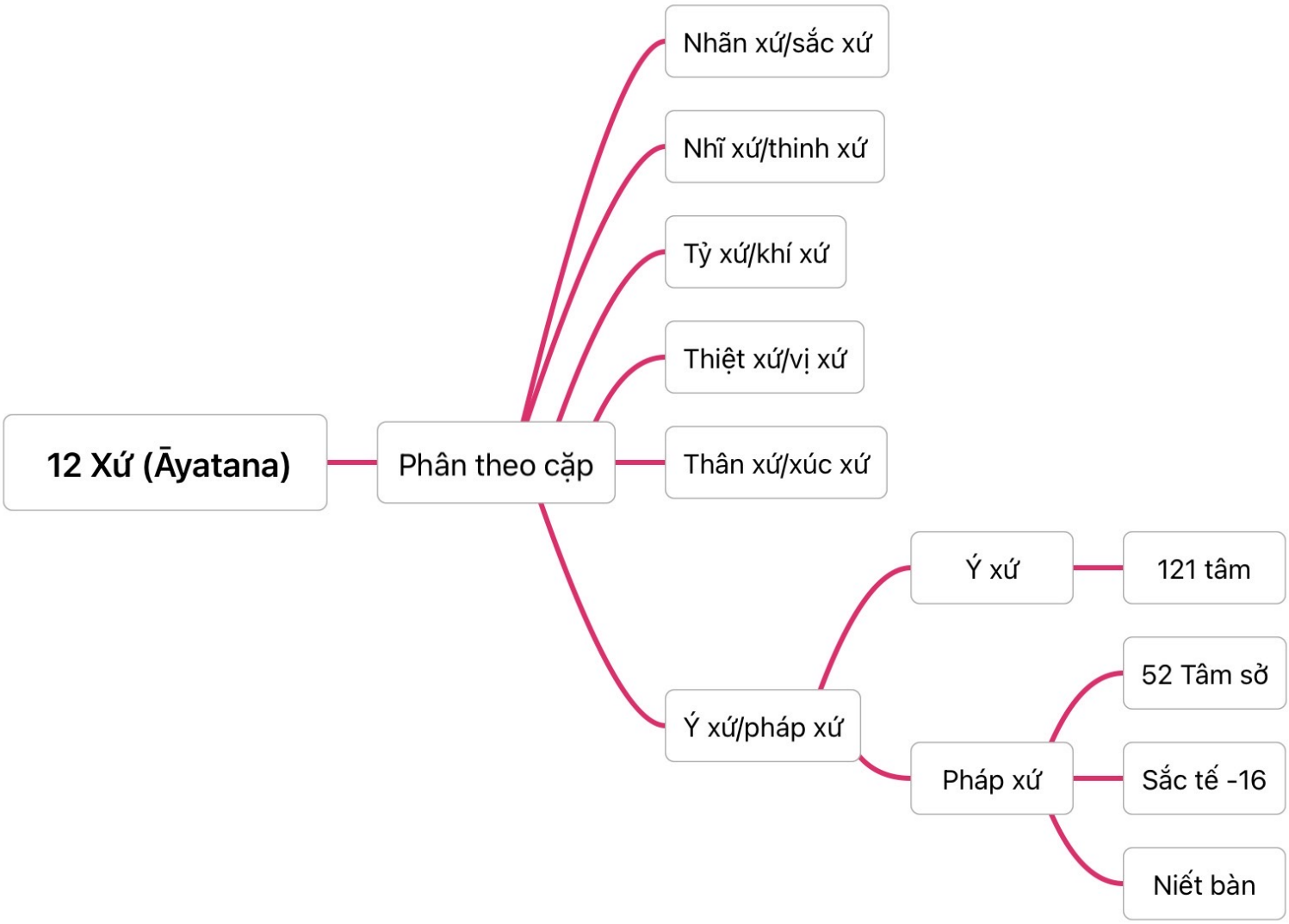
12 Xứ (Āyatana)
Phân theo cặp
Nhãn xứ/sắc xứ
Nhĩ xứ/thinh xứ
Tỷ xứ/khí xứ
Thiệt xứ/vị xứ
Thân xứ/xúc xứ
Ý xứ/pháp xứ
Ý xứ
121 tâm
Pháp xứ
52 Tâm sở
Sắc tế -16
Niết bàn

Phân tích chi pháp

1. Nhãn xứ: là thần kinh nhãn, nhãn vật (mắt), vật trông thấy được các màu sắc.

NHÃN XỨ

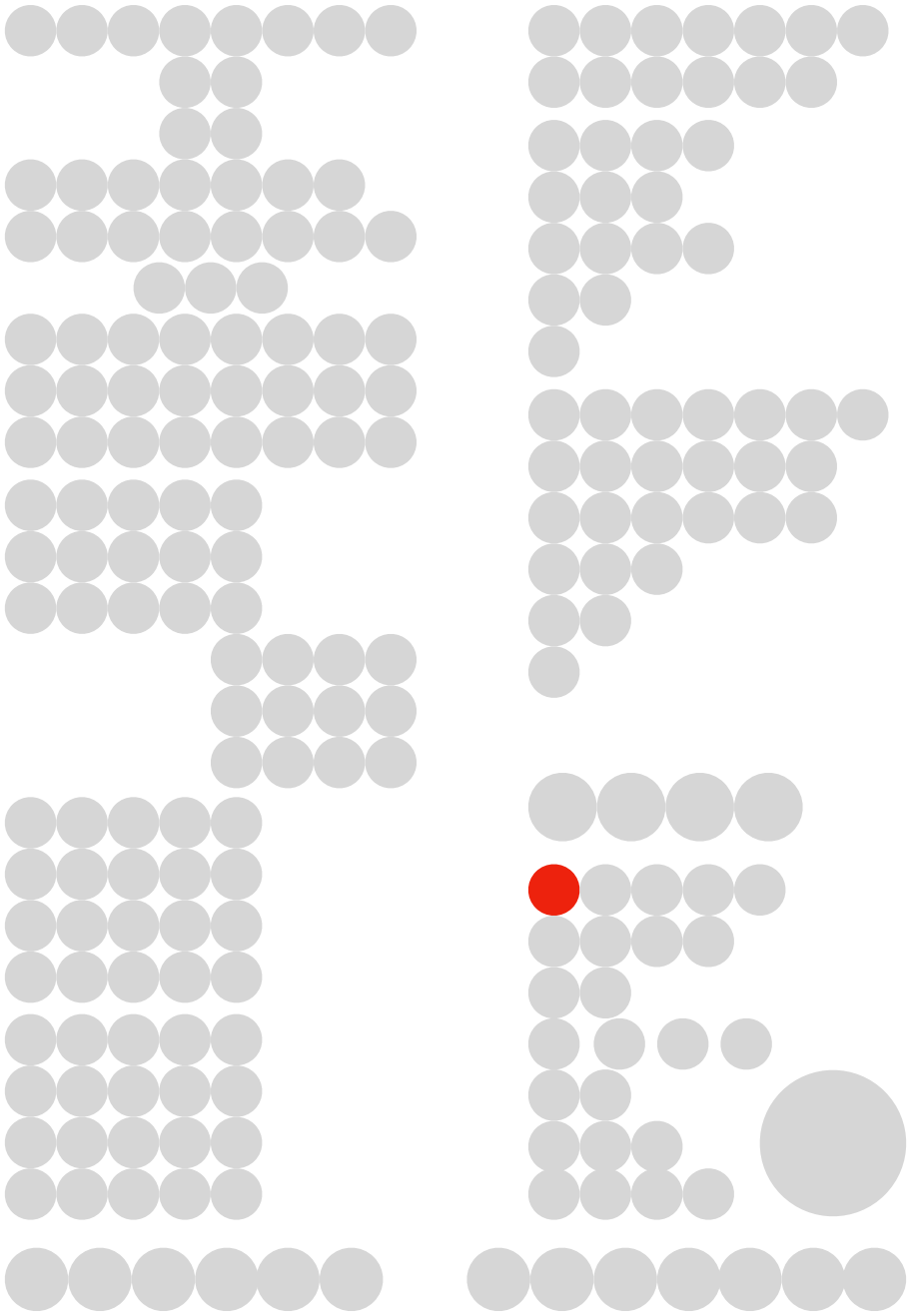

2. Nhĩ xứ: là thần kinh nhĩ, nhĩ vật (tai).

NHĨ XỨ

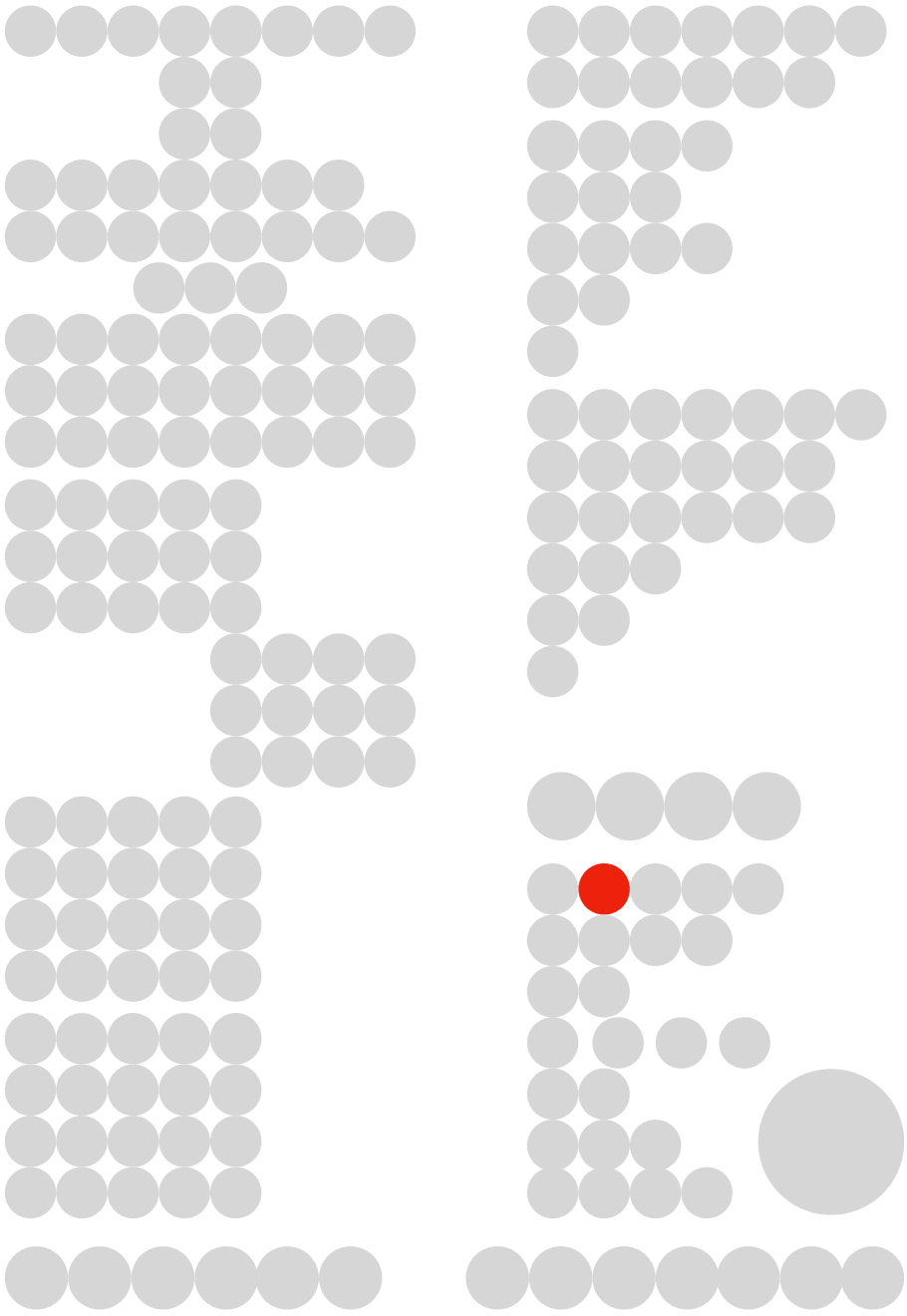

3. Tỷ xứ: là thần kinh tỷ, tỷ vật (mũi).

TỶ XỨ

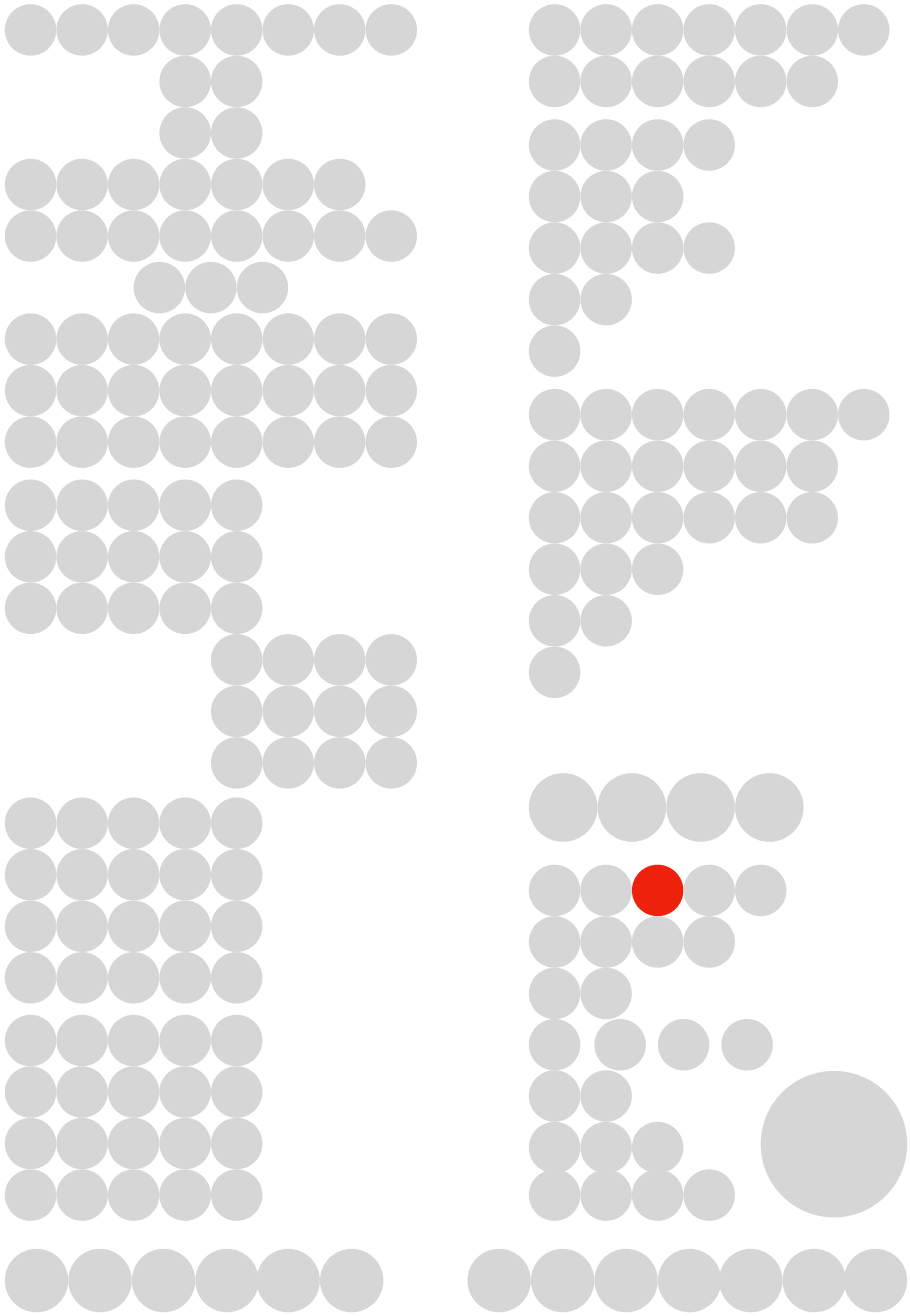

4. Thiệt xứ: là thần kinh thiệt, thiệt vật (lưỡi).

THIỆT XỨ

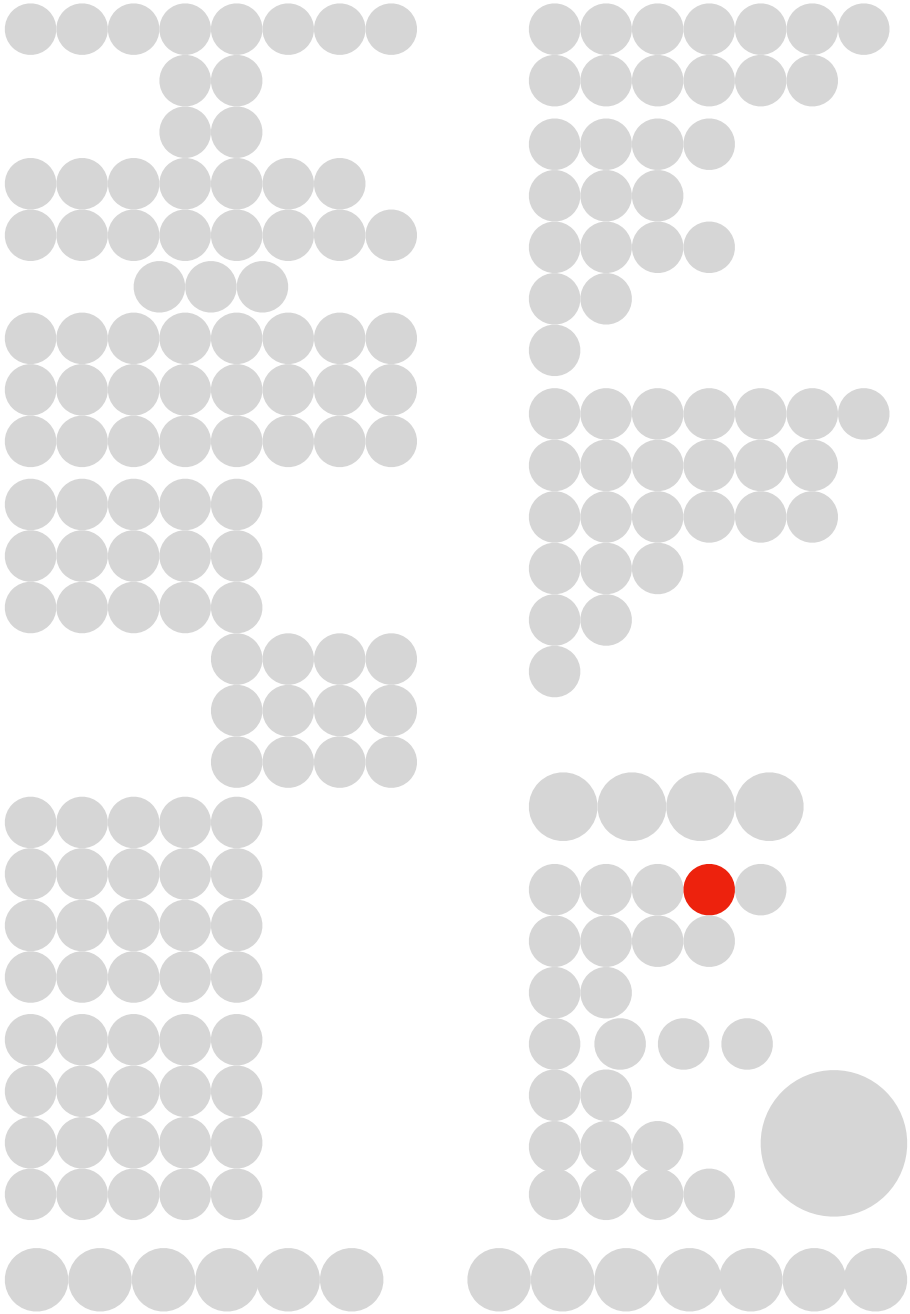

5. Thân xứ: là thần kinh thân, thân vật, hệ thần kinh trên da.

THÂN XỨ

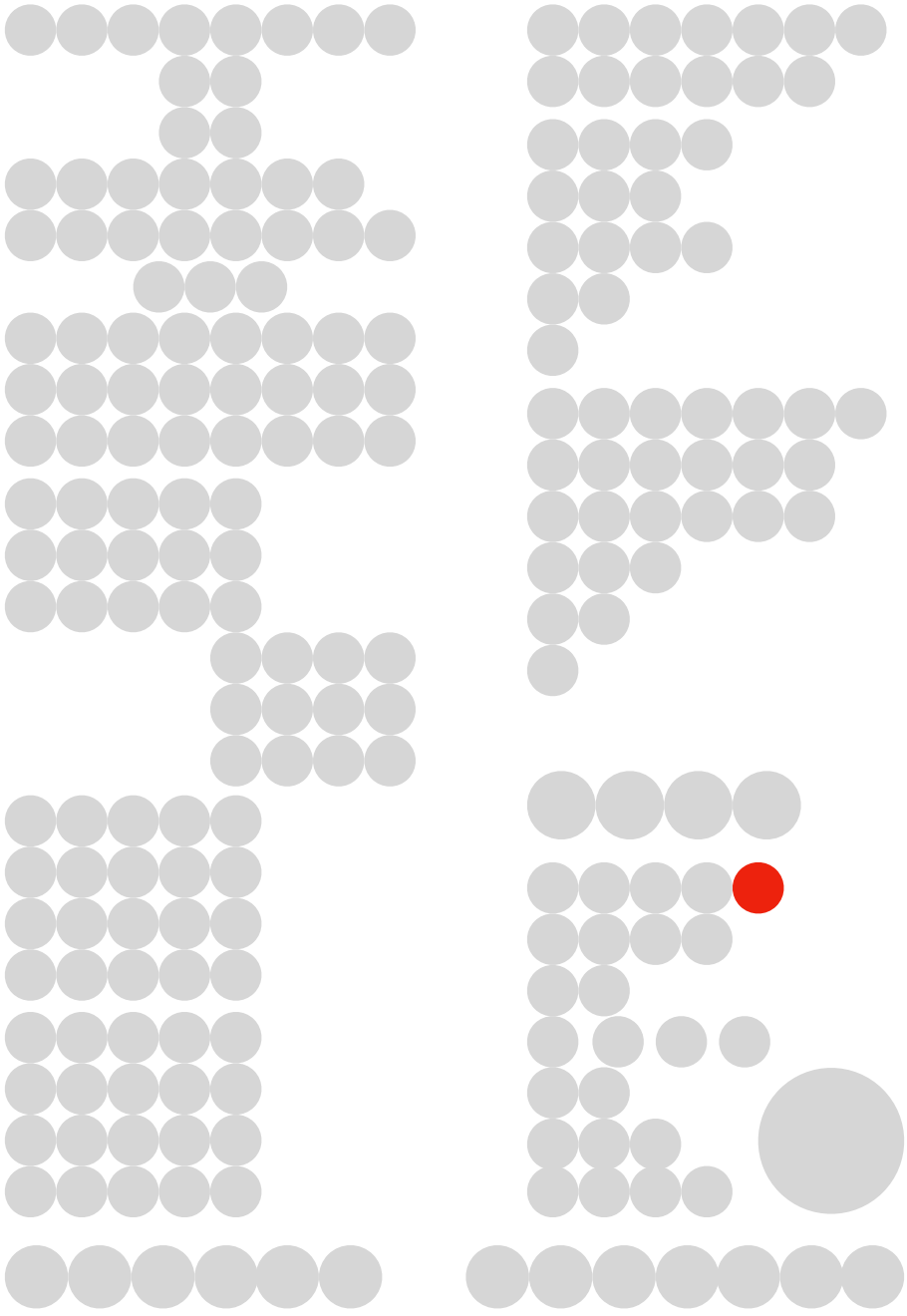

6. Ý xứ: là tất cả tâm.

7. Sắc xứ: là sắc cảnh sắc.

SẮC XỨ

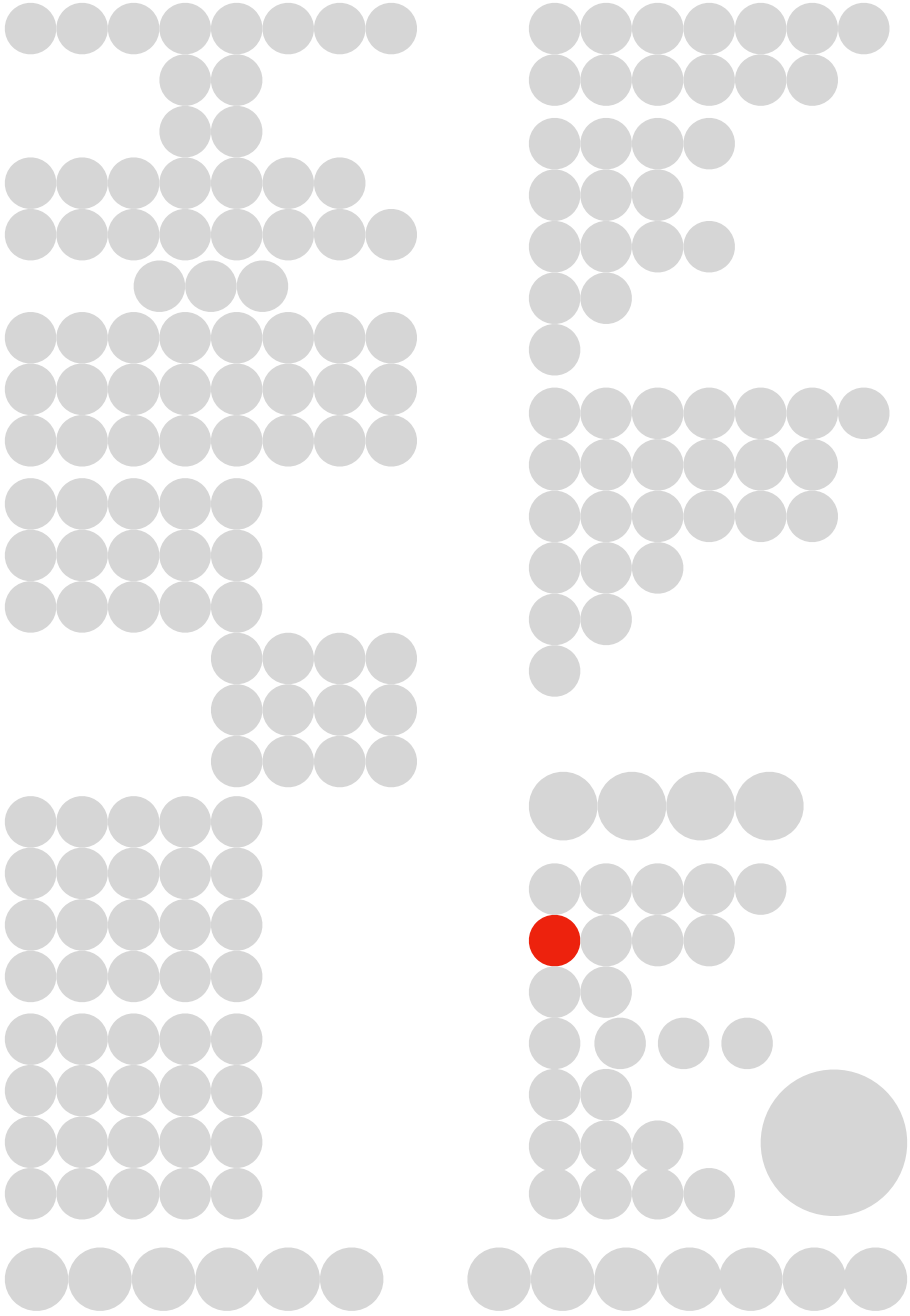

8. Thinh xứ: là sắc cảnh thinh

THINH XỨ

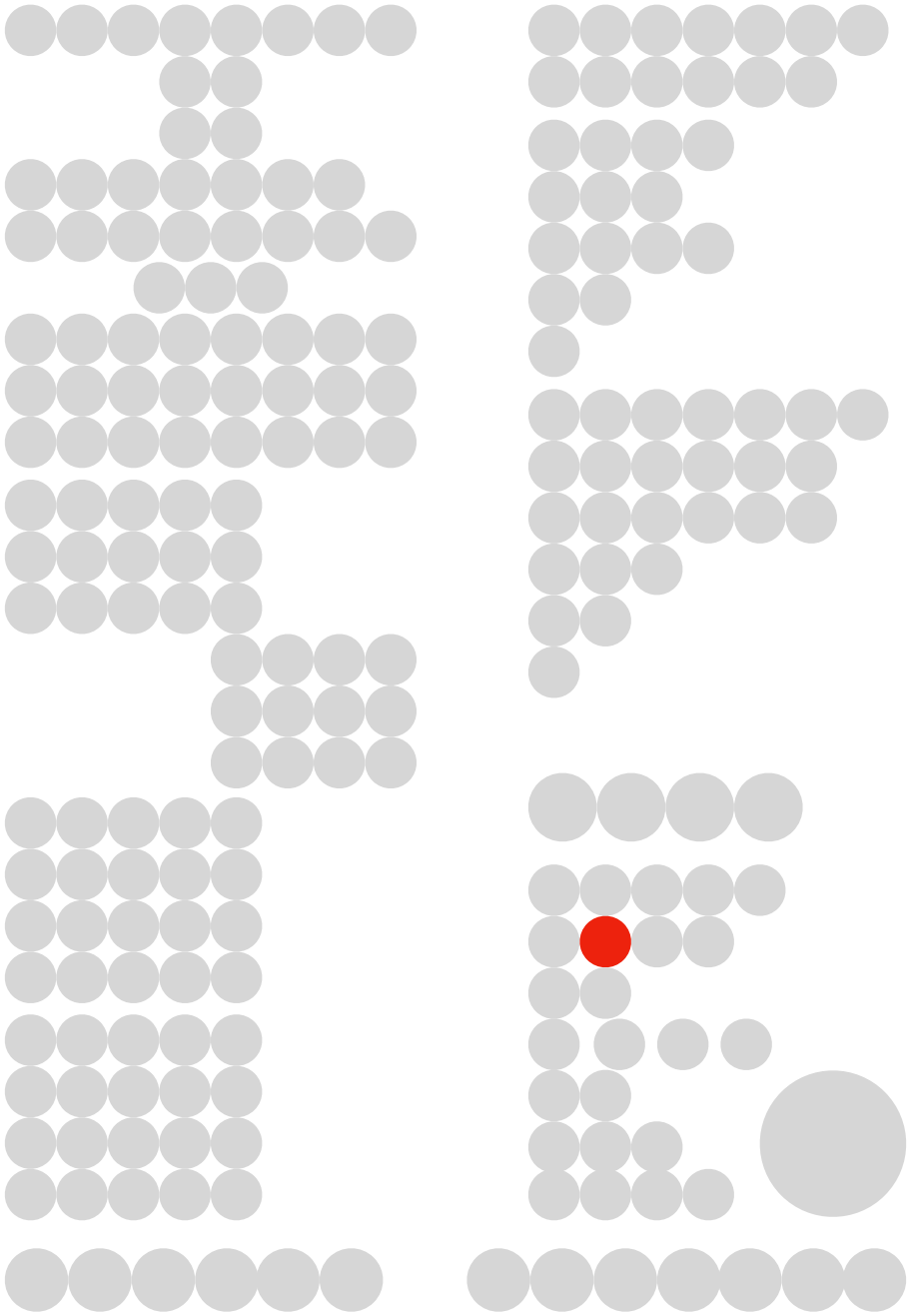

9. Khí xứ: là sắc cảnh khí (hơi, mùi)

KHÍ XỨ

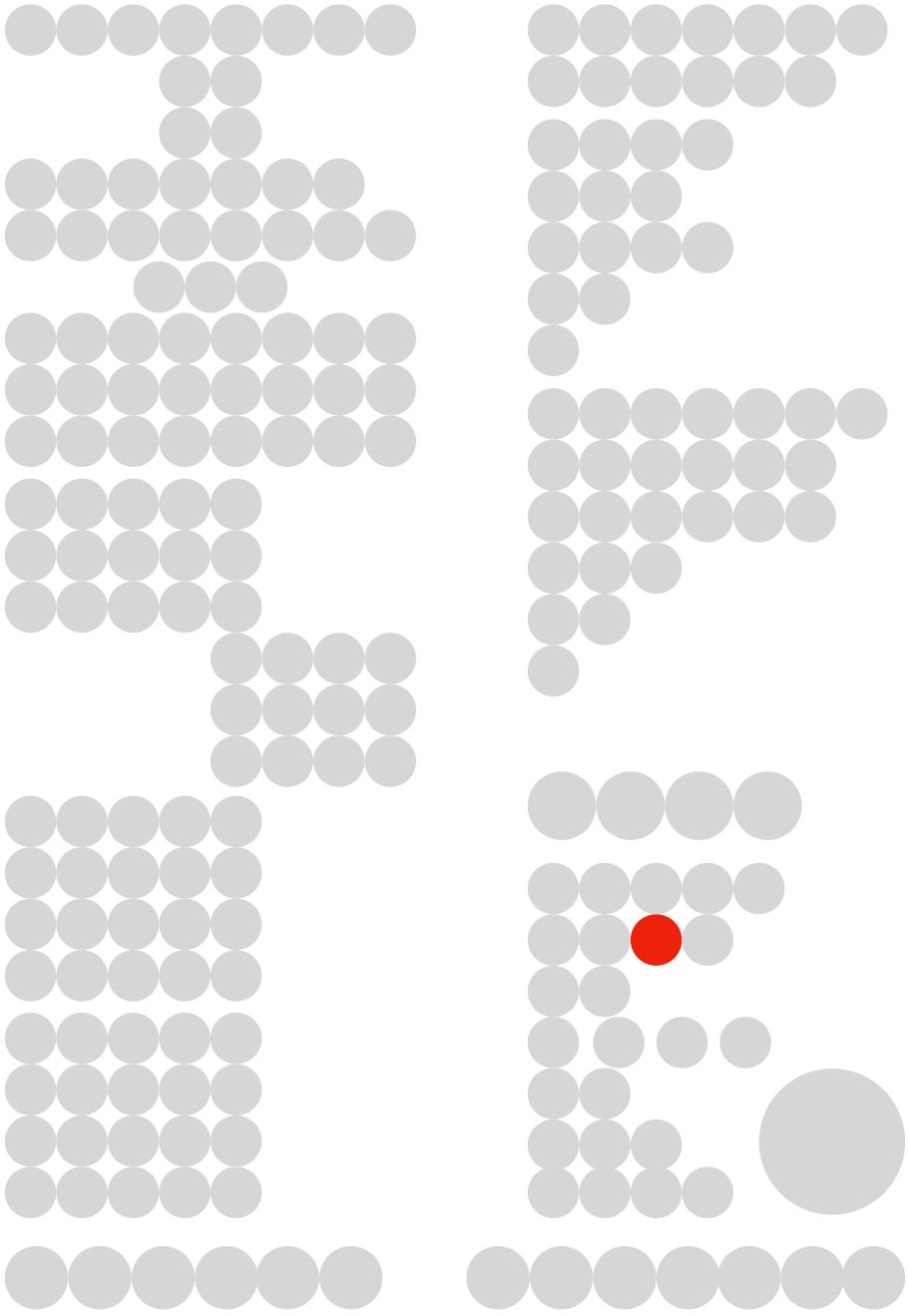

10. Vị xứ: là sắc cảnh vị (mặn, ngọt, chua, cay)

VỊ XỨ

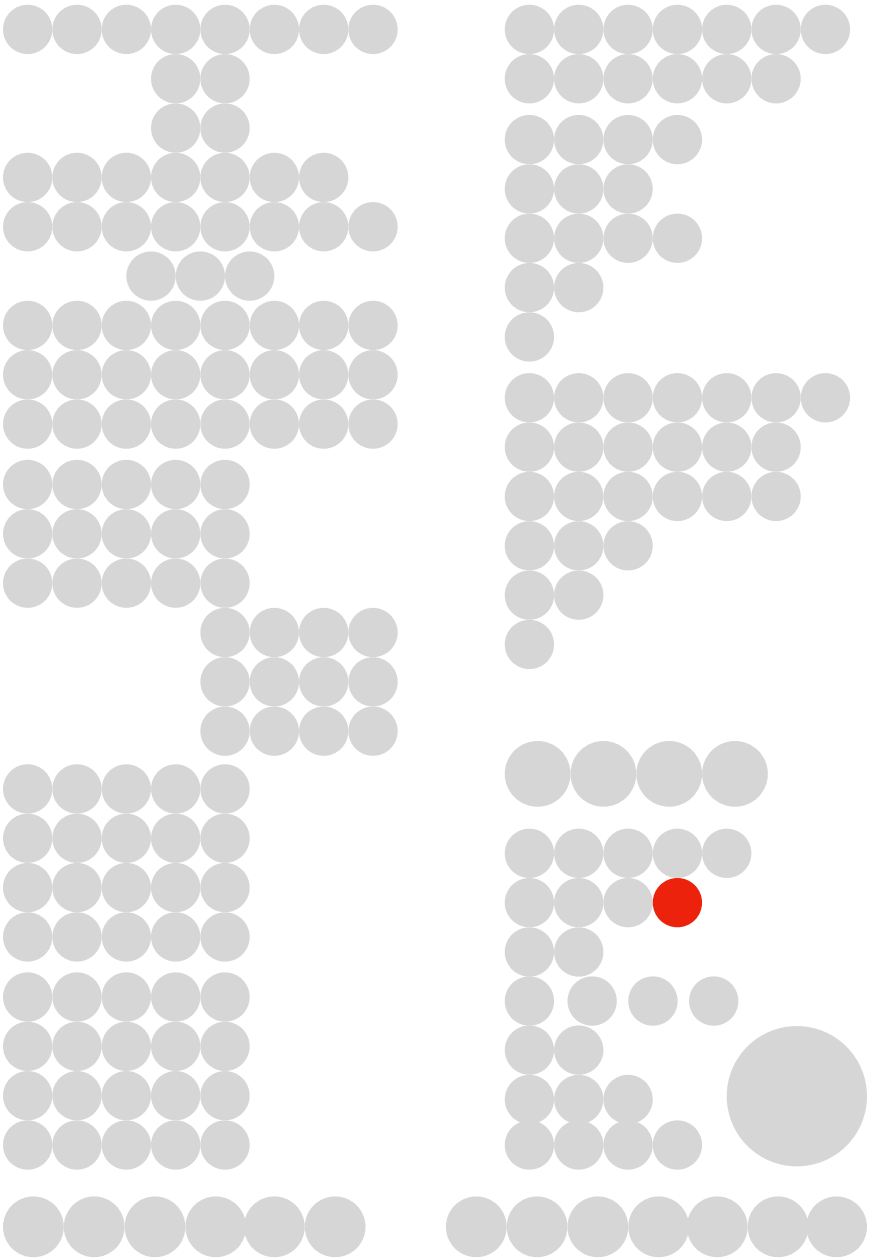

11. Xúc xứ: là cảnh xúc (đất, lửa, gió)

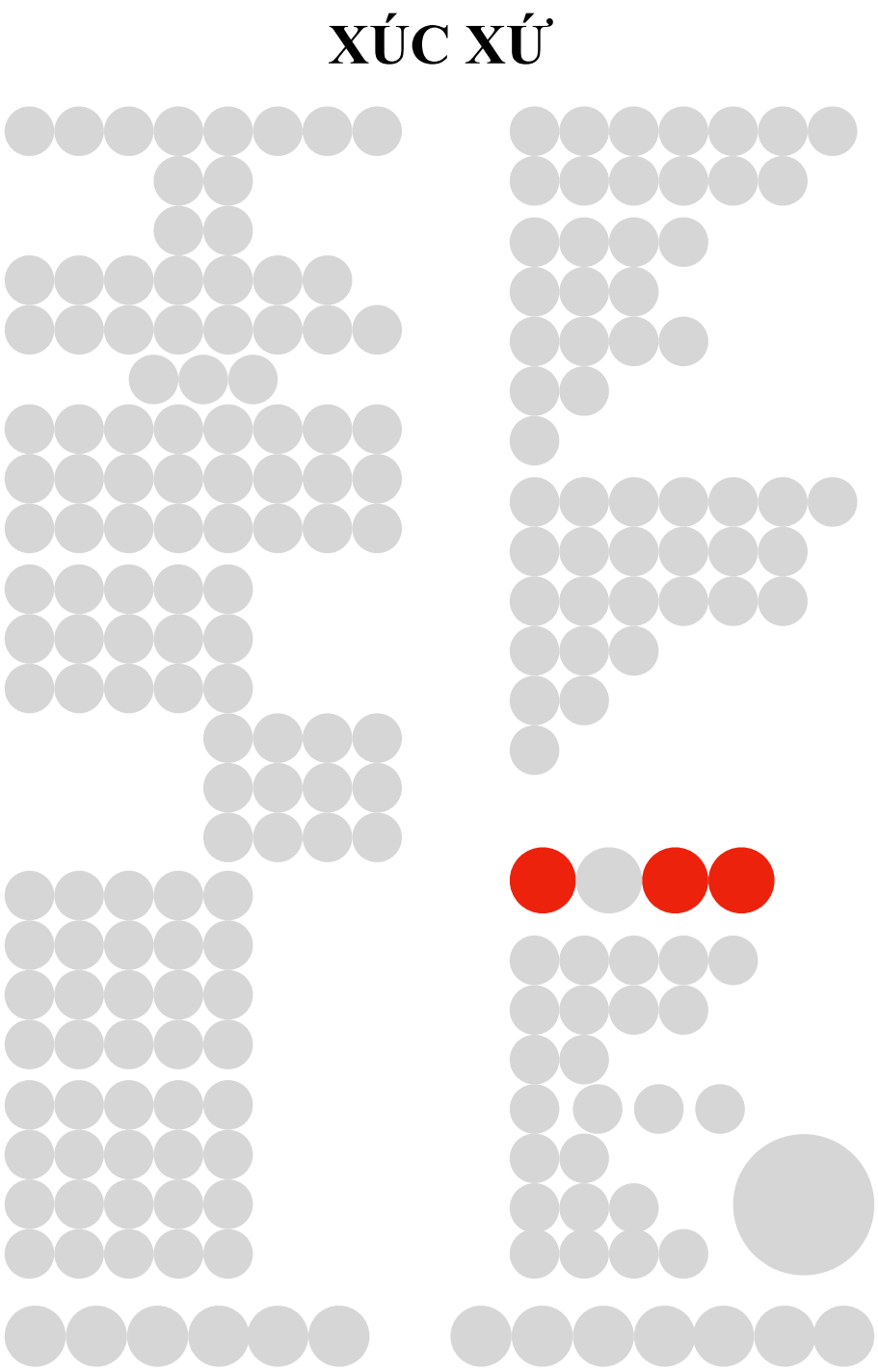

12. Pháp xứ: là 52 sở hữu tâm, 16 sắc tế (28 sắc pháp trừ 12 sắc thô đó là đất, lửa, gió, thần kinh nhãn, thần kinh nhĩ, thần kinh tỷ, thần kinh thiệt, thần kinh thân, sắc cảnh sắc, sắc cảnh thinh, sắc cảnh khí, sắc cảnh vị,) và Niết bàn.

PHÁP XỨ

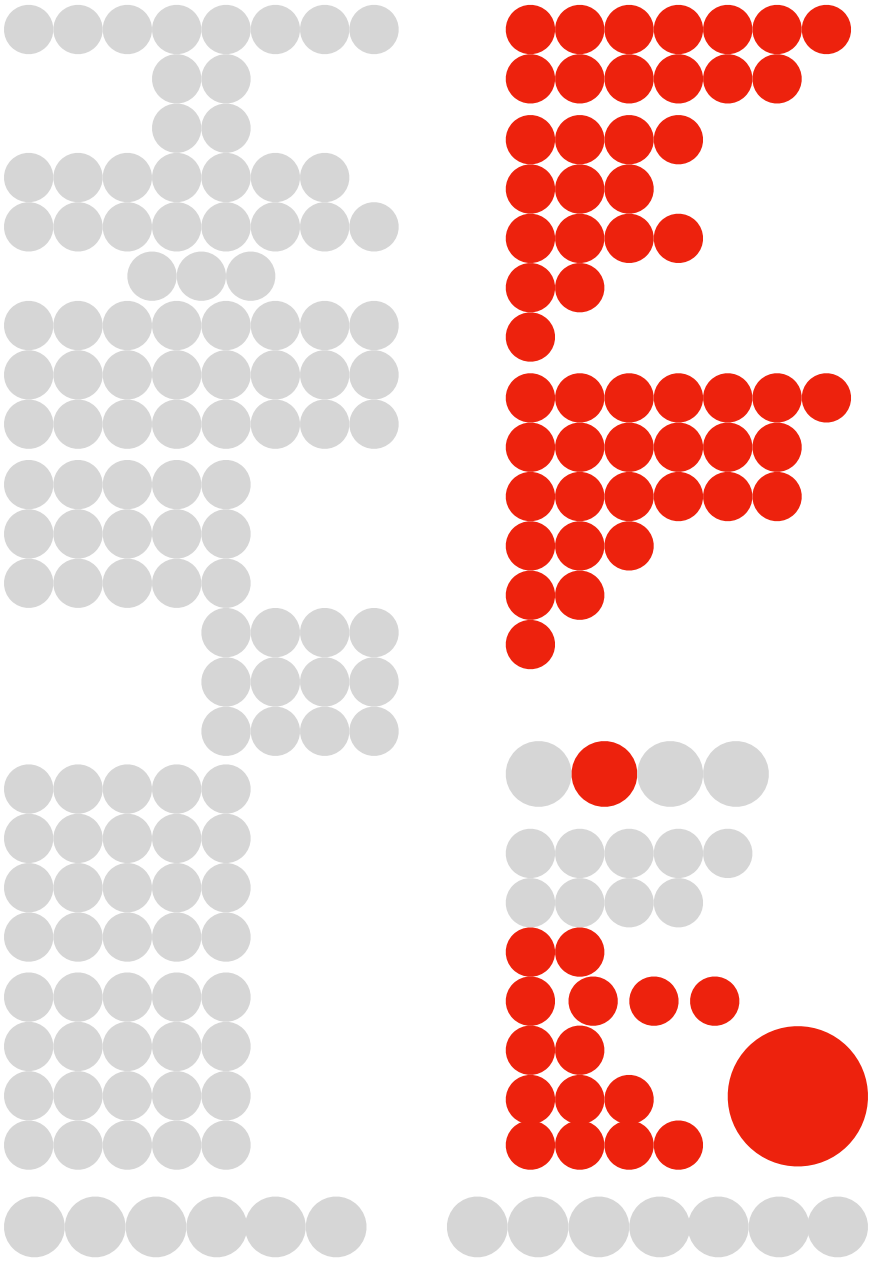

CHƯƠNG XIX
(BÀI 24)

18 GIỚI

I. Định nghĩa:

Giới là bản chất là đặc tánh là lãnh vực có tướng trạng riêng biệt, có tánh chất khác nhau. Có 18 giới là: nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt, giới, thân giới, sắc giới, thinh giới, khí giới, vị giới, xúc giới, nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý giới, ý thức giới, pháp giới.

II. Phân tích chi pháp:

1. Nhãn giới: là thần kinh nhãn, nhãn vật (mắt), cơ quan thâu bắt cảnh sắc.
2. Nhĩ giới: là thần kinh nhĩ, nhĩ vật (tai), cơ quan thâu bắt cảnh thinh.
3. Tỷ giới: là thần kinh tỷ, tỷ vật (mũi), cơ quan thâu bắt cảnh khí.
4. Thiệt giới: là thần kinh thiệt, thiệt vật (lưỡi), cơ quan thâu bắt cảnh vị.
5. Thân giới: là thần kinh thân, thân vật (da có cảm nhận), cơ quan thau bắt cảnh xúc.
6. Sắc giới: là sắc cảnh sắc, là vật bị mắt thấy.

7. Thinh giới: là sắc cảnh thinh, là âm thanh bị ai nghe.
8. Khí giới (hương giới): là sắc cảnh khí (sắc cảnh hương), hơi mùi bị mũi ngửi.
9. Vị giới: là sắc cảnh vị, tất là các vị cay, đắng, ngọt, bùi, chất bị lưỡi nếm.
10. Xúc giới: là đất, lửa, gió hay cảnh xúc, vật bị thân cảm xúc.
11. Nhãn thức giới: là 2 tâm nhãn thức tức là cái biết của mắt. Đối tượng của nó là cảnh sắc.
12. Nhĩ thức giới: là 2 tâm nhĩ thức tức là cái biết của tai.
13. Tỷ thức giới: là 2 tâm tỷ thức tức là cái biết của mũi.
14. Thiệt thức giới: là 2 tâm thiệt thức tức là cái biết của lưỡi.
15. Thân thức giới: là 2 tâm thân thức tức là cái biết của thân.
16. Ý giới: là 2 tâm tiếp thâu và tâm khán ngũ môn, biết này thuộc phần ý nhưng bắt cảnh ngũ (sắc, thinh, hương, vị, xúc) chứ không bắt cảnh pháp.

17. Ý thức giới: là 108 tâm còn lại (121 tâm trừ ngũ song thức và 3 ý giới), là cái biết của ý.
18. Pháp giới: là 52 sở hữu 16 sắc tế và Niết bàn, là đối tượng của ý thức, là vật bị ý thức biết, là cảnh bị ý thức biết.

III. Kết luận:

Bài học này giúp cho hành giả tu thiền Tứ Niệm Xứ hiểu rõ về 18 giới cũng là đề mục thiền Tứ Niệm Xứ.

Bài học giúp hành giả phân biệt được những lãnh vực, giới vức, bản chất, tánh chất khác nhau của 202 pháp chơn đế. Bài học này cũng giúp hành giả thấy rõ được tánh chất vô ngã của các pháp chơn đế.

==***==

Hết bài số 24
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 25/03/2020 (2/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XX

SƠ ĐỒ 18 GIỚI

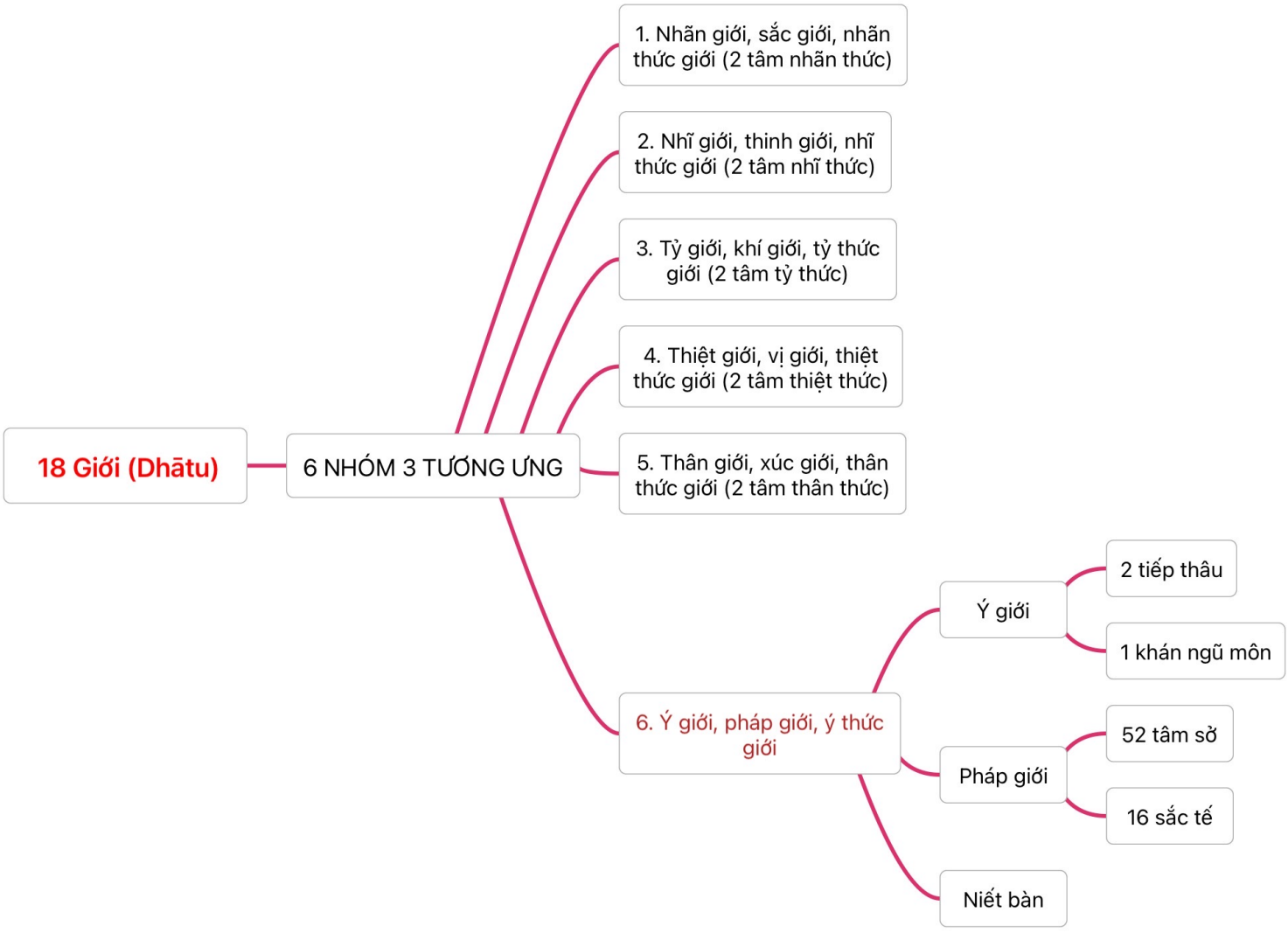
18 Giới (Dhātu)
6 NHÓM 3 TƯƠNG ƯNG
1. Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới (2 tâm nhãn thức)
2. Nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới (2 tâm nhĩ thức)
3. Tỷ giới, khí giới, tỷ thức giới (2 tâm tỷ thức)
4. Thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới (2 tâm thiệt thức)
5. Thân giới, xúc giới, thân thức giới (2 tâm thân thức)
6. Ý giới, pháp giới, ý thức giới
Ý giới
2 tiếp thâu
1 khán ngũ môn
Pháp giới
52 tâm sở
16 sắc tế
Niết bàn

Phân tích chi pháp

1. Nhãn giới: là thần kinh nhãn, nhãn vật (mắt), cơ quan thâu bắt cảnh sắc.

NHÃN GIỚI

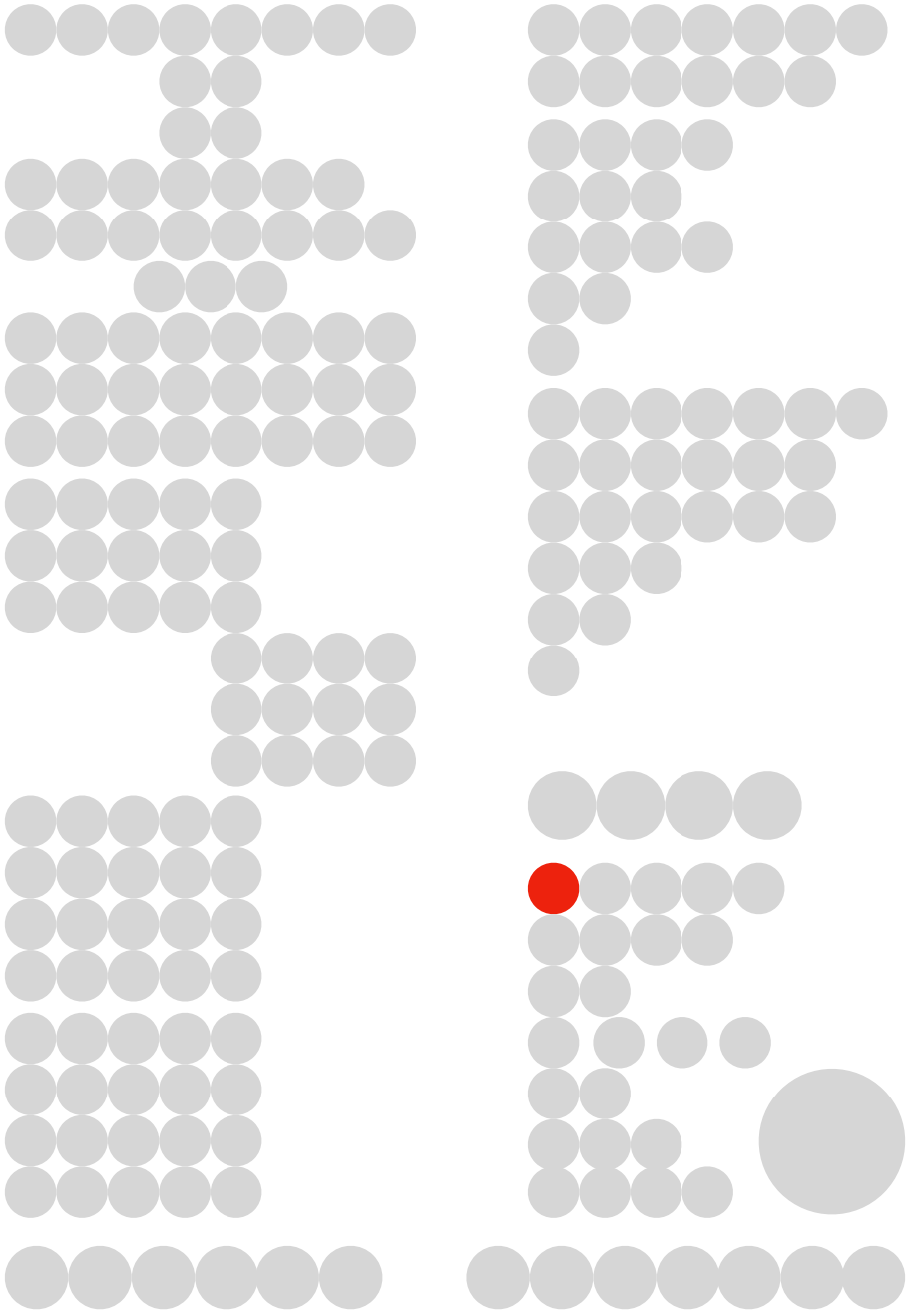

2. Nhĩ giới: là thần kinh nhĩ, nhĩ vật (tai), cơ quan thâu bắt cảnh thinh.

NHĨ GIỚI

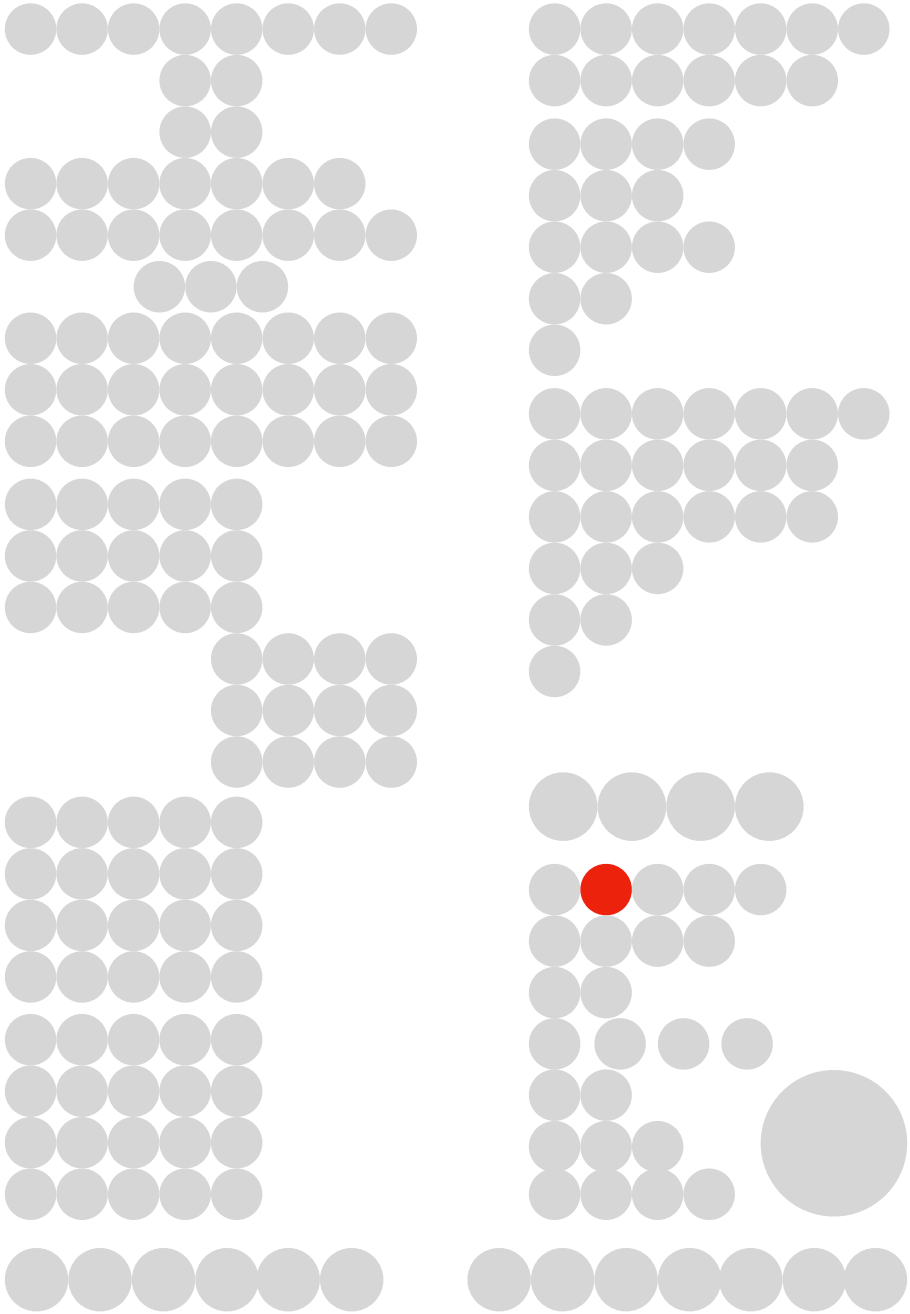

3. Tỷ giới: là thần kinh tỷ, tỷ vật (mũi), cơ quan thâu bắt cảnh khí.

TỶ GIỚI

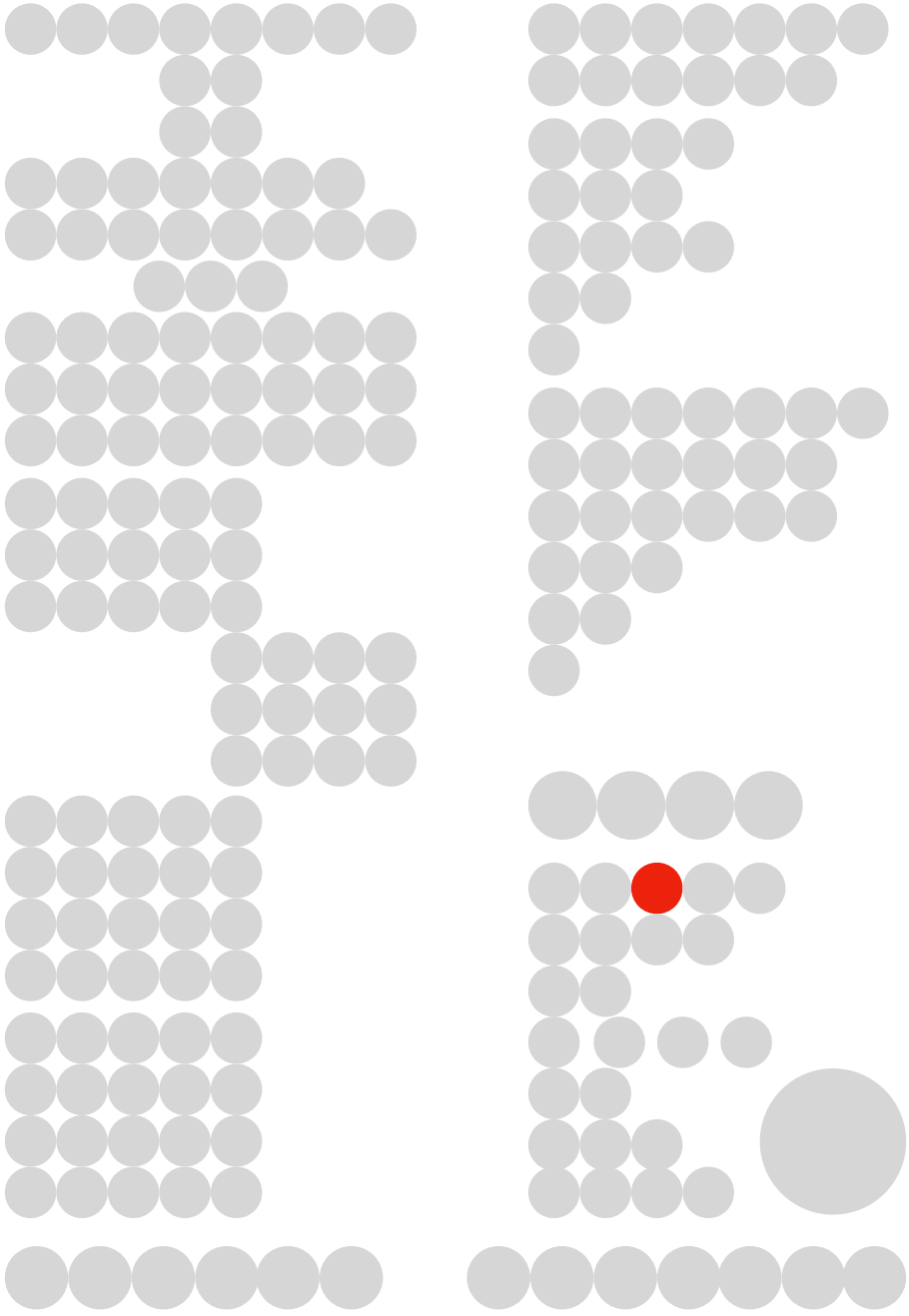

4. Thiệt giới: là thần kinh thiệt, thiệt vật (lưỡi), cơ quan thâu bắt cảnh vị.

THIỆT GIỚI

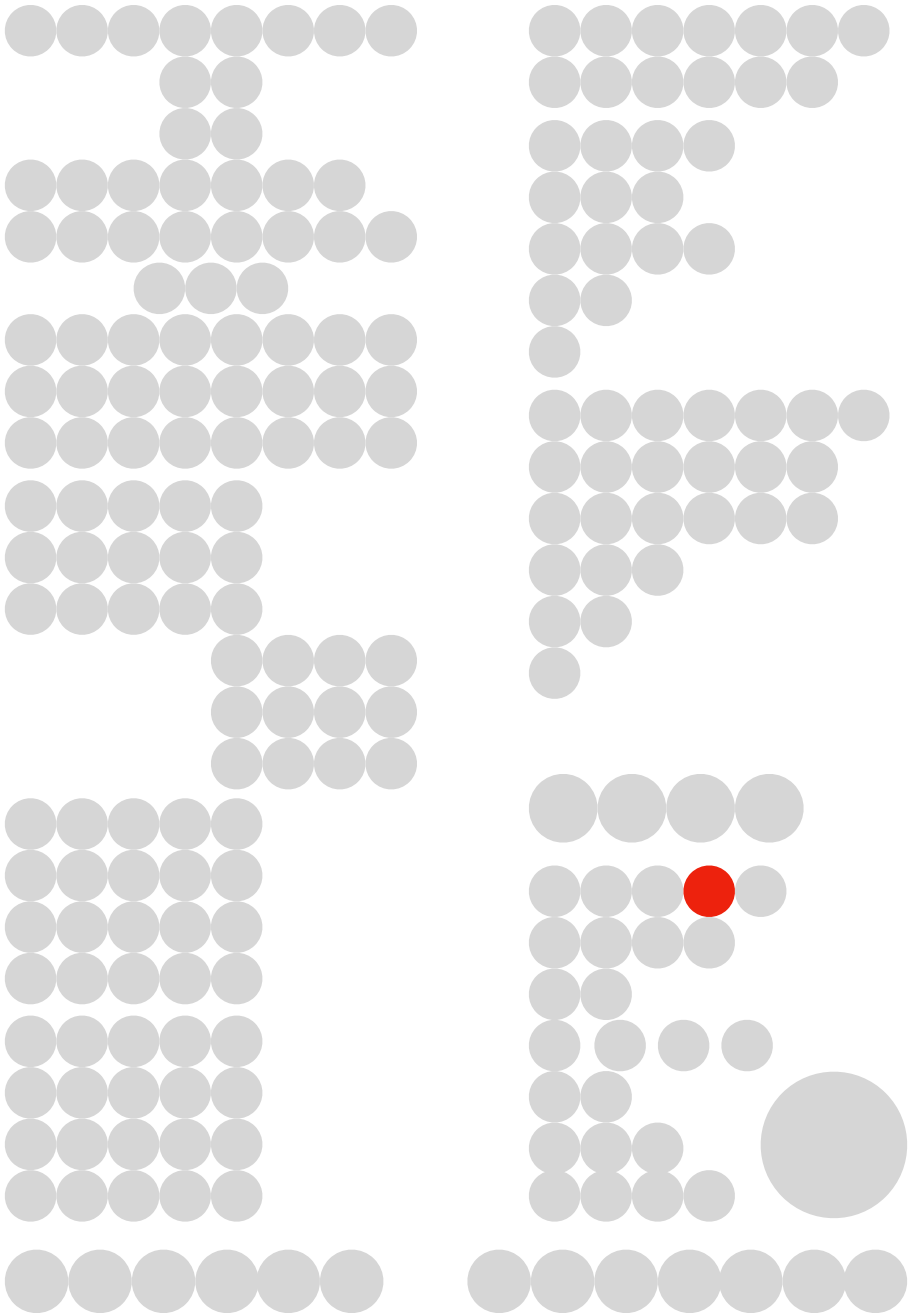

5. Thân giới: là thần kinh thân, thân vật (da có cảm nhận), cơ quan thâu bắt cảnh xúc.

THÂN GIỚI

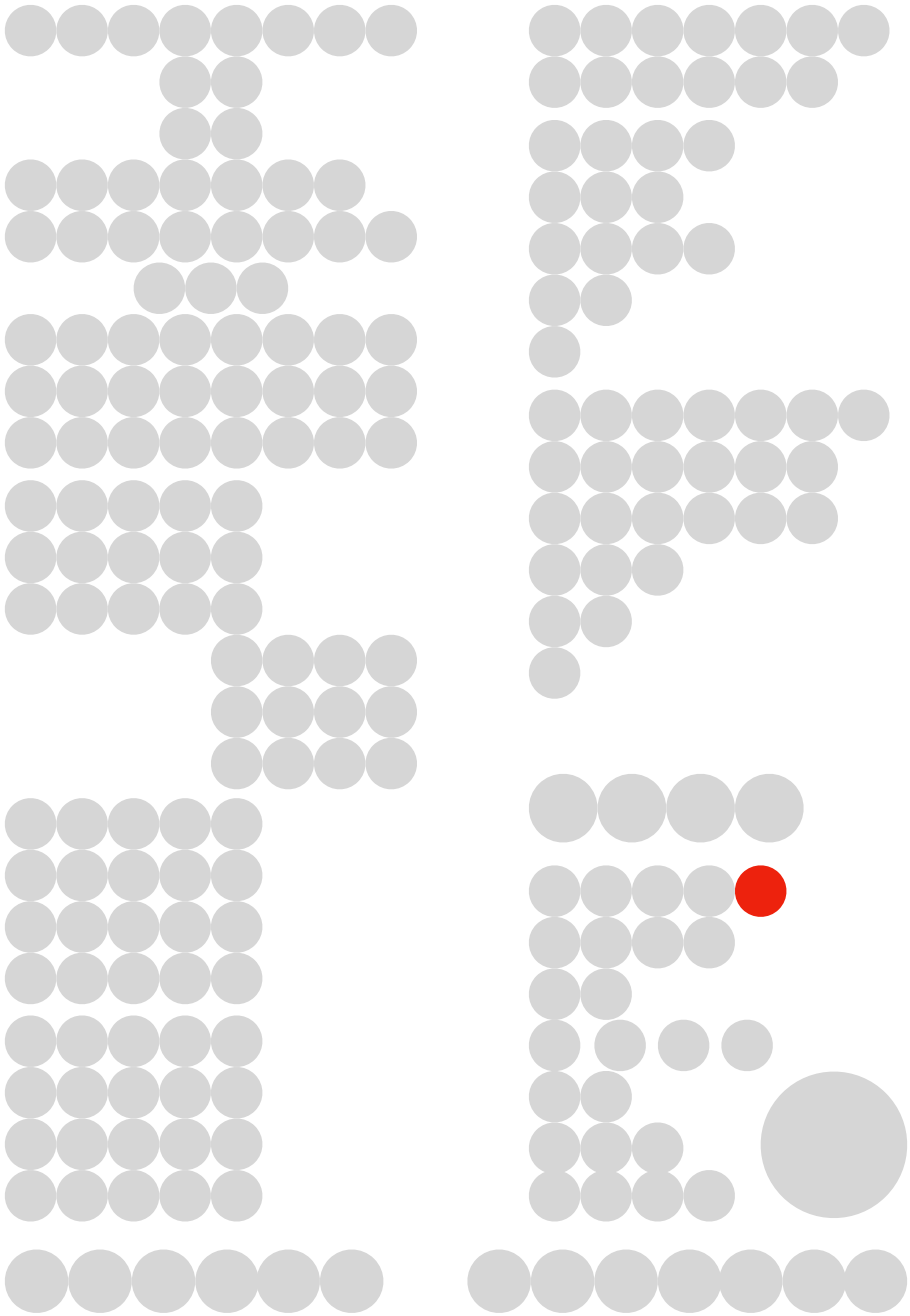

6. Sắc giới: là sắc cảnh sắc, là vật bị mắt thấy.

SẮC GIỚI

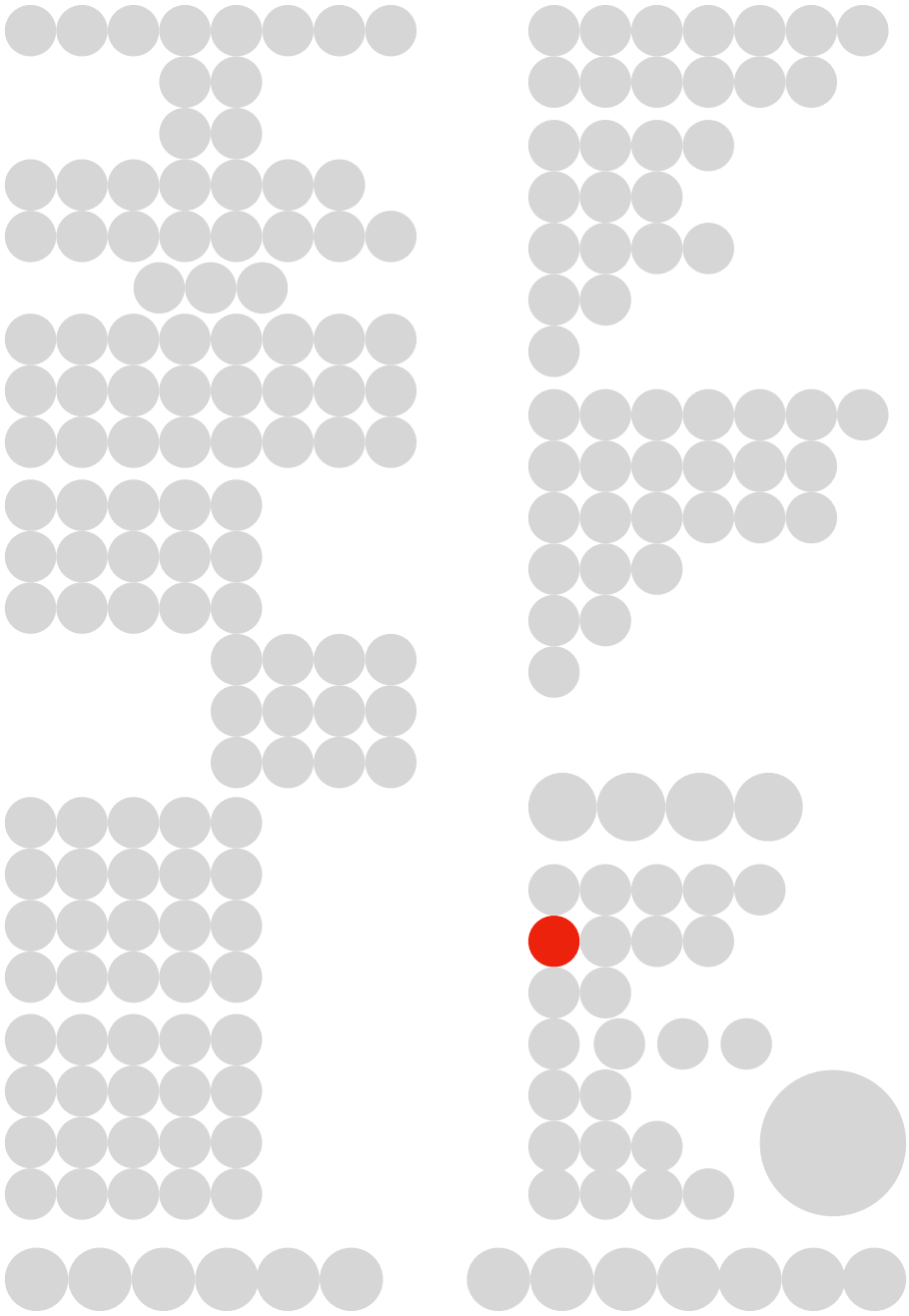

7. Thinh giới: là sắc cảnh thinh, là âm thanh bị tai nghe.

THINH GIỚI

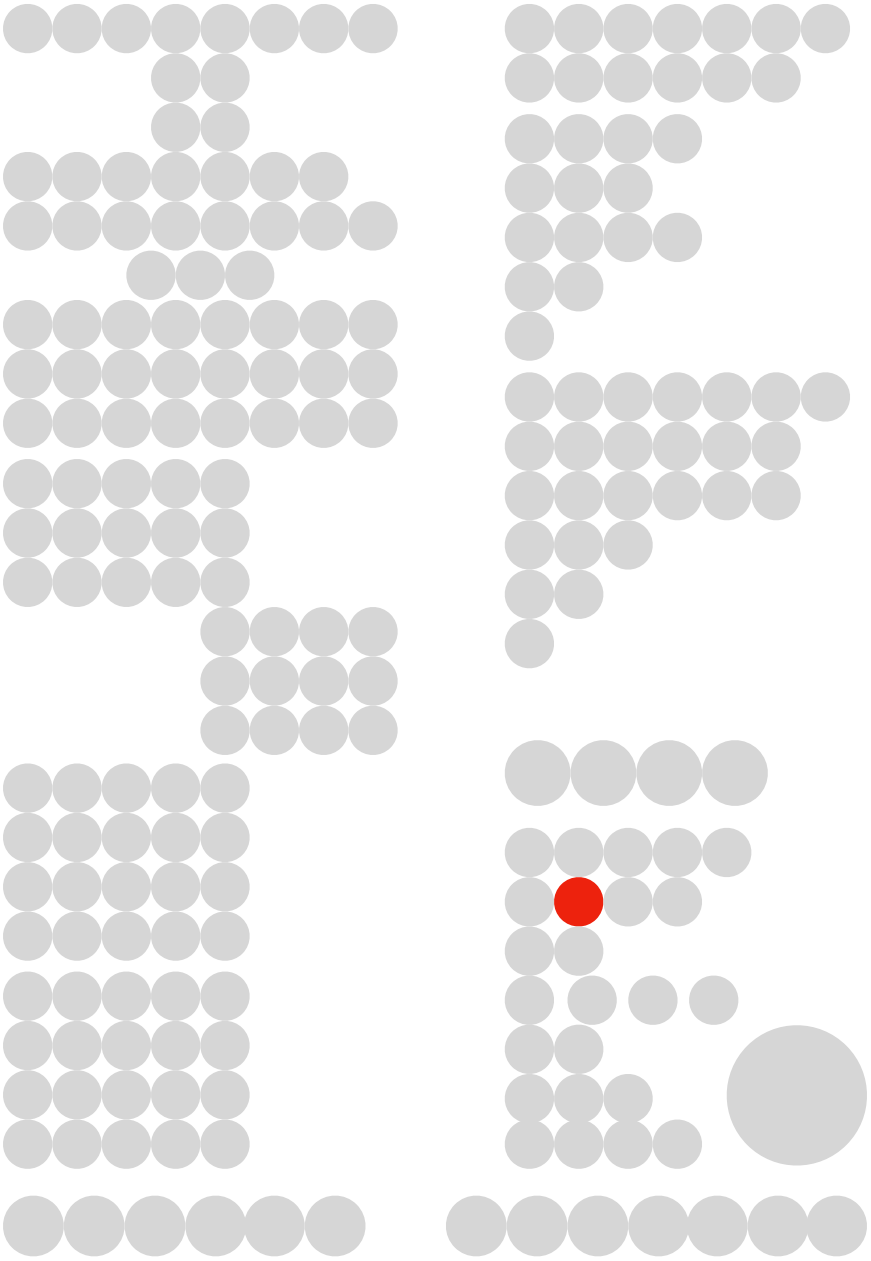

8. Khí giới (hương giới): là sắc cảnh khí (sắc cảnh hương), hơi mùi bị mũi ngửi.

KHÍ GIỚI

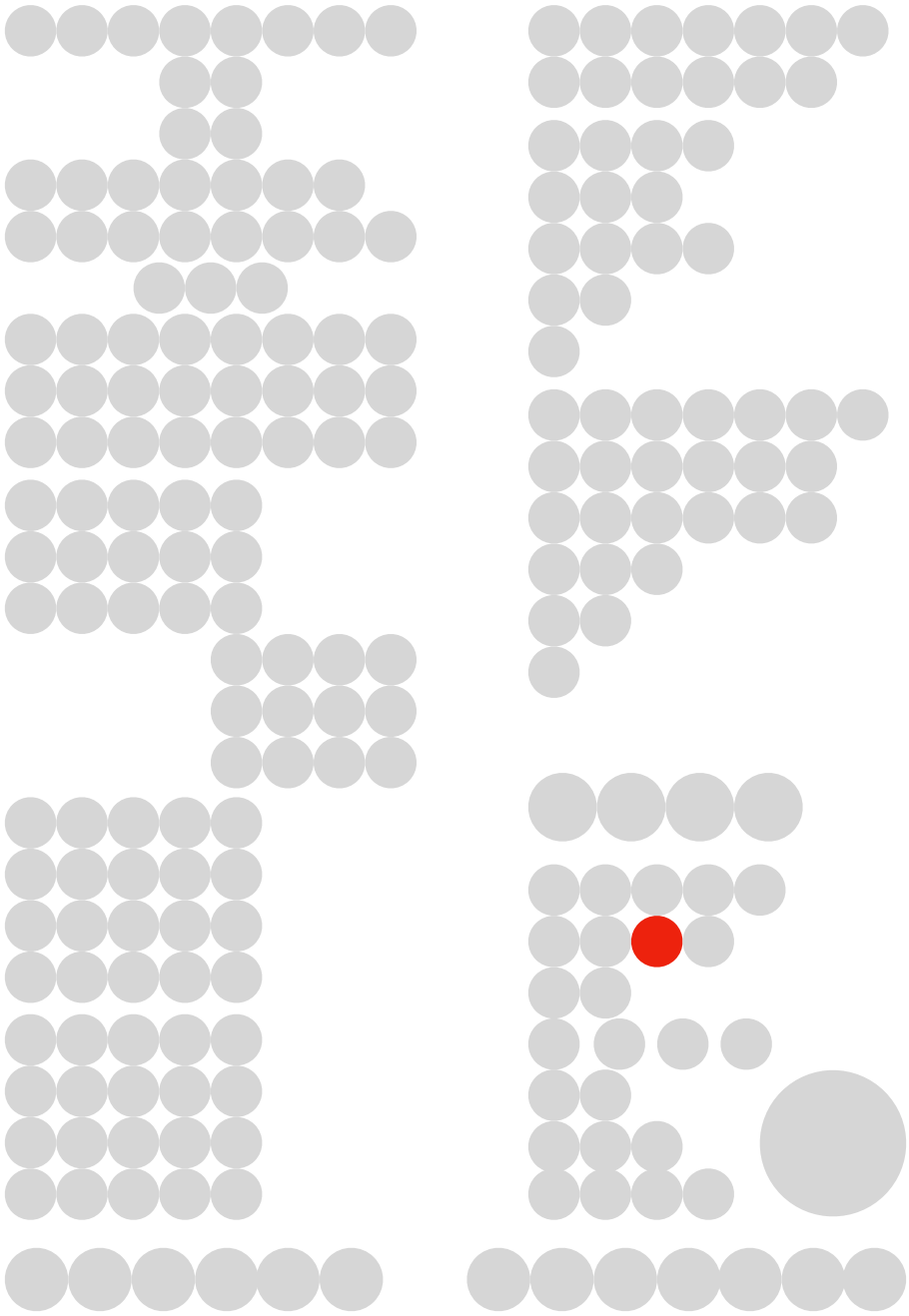

9. Vị giới: là sắc cảnh vị, tất là các vị cay, đắng, ngọt, bùi, chất bị lưỡi nếm.

VỊ GIỚI

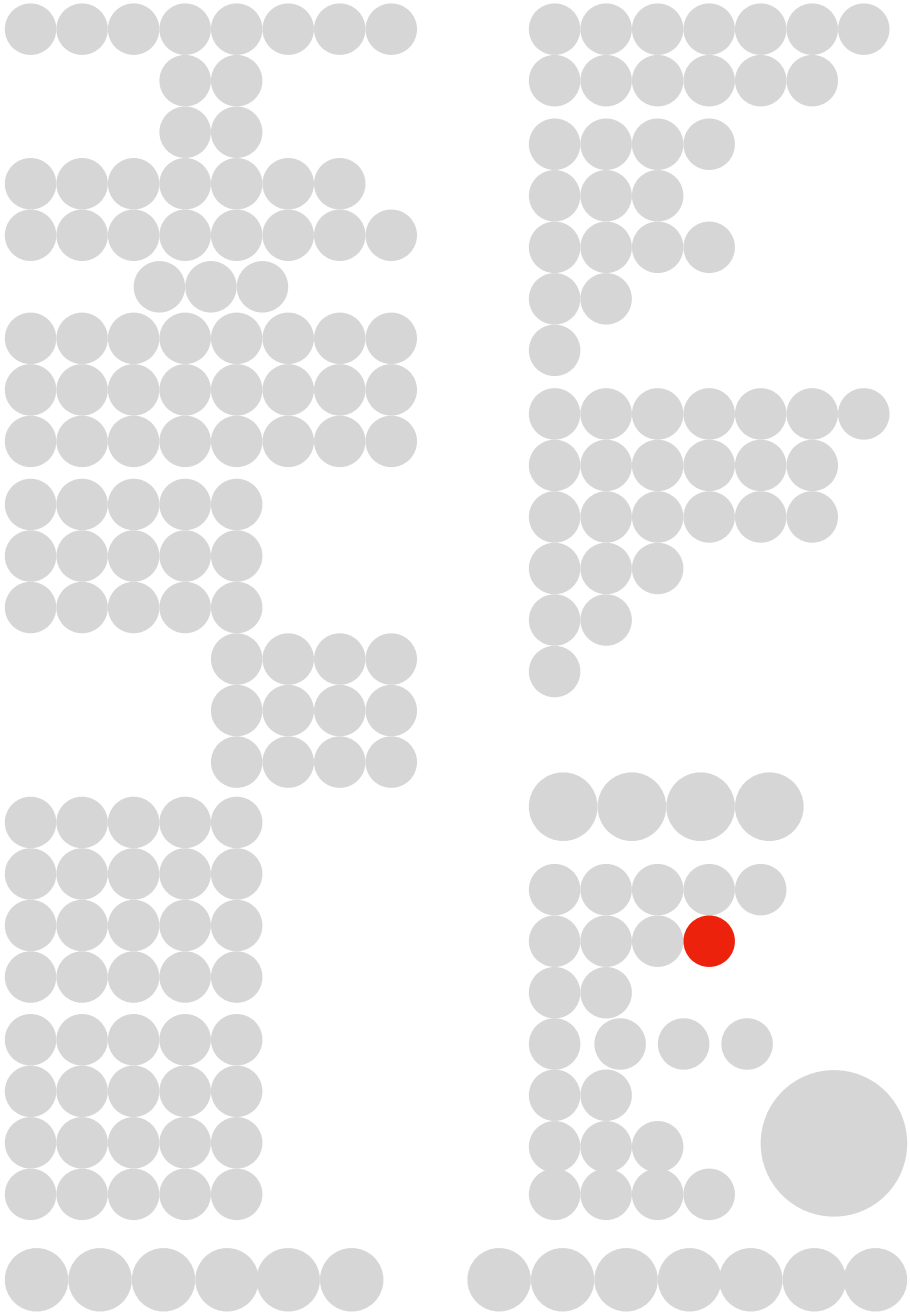

10. Xúc giới: là đất, lửa, gió hay cảnh xúc, vật bị thân cảm xúc.

XÚC GIỚI

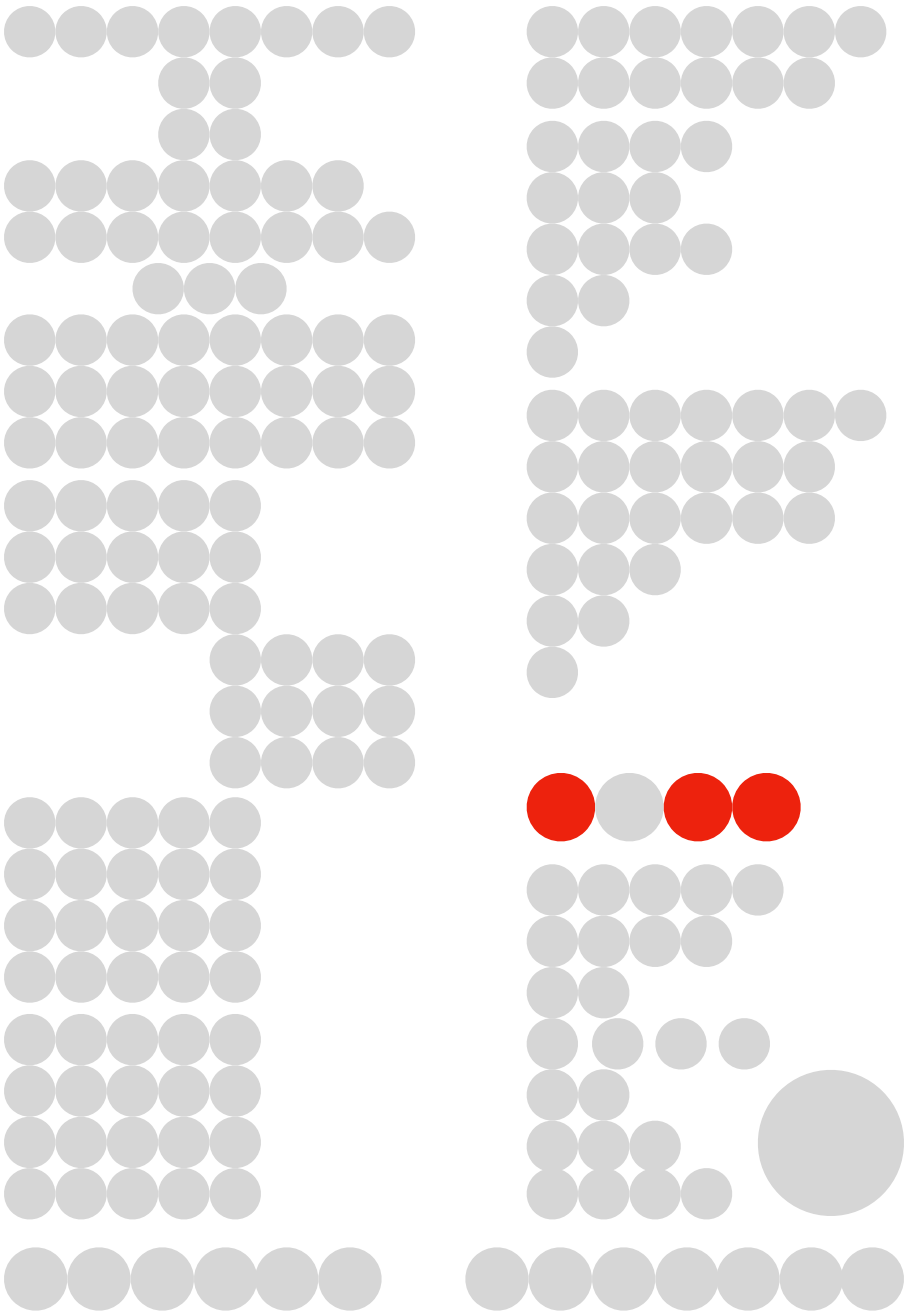

11. Nhãn thức giới: là 2 tâm nhãn thức tức là cái biết của mắt. Đối tượng của nó là cảnh sắc.

NHÃN THỨC GIỚI

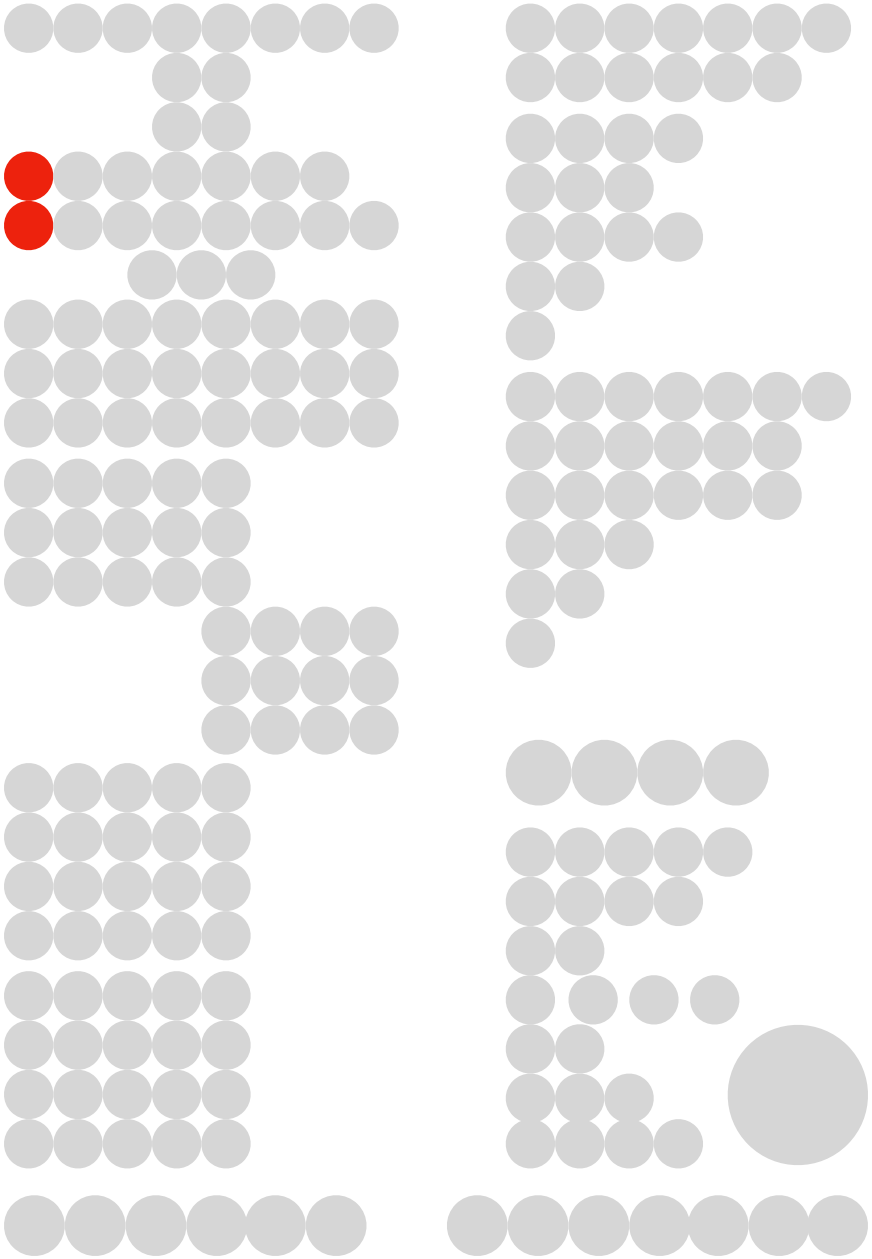

12. Nhĩ thức giới: là 2 tâm nhĩ thức tức là cái biết của tai.

NHĨ THỨC GIỚI

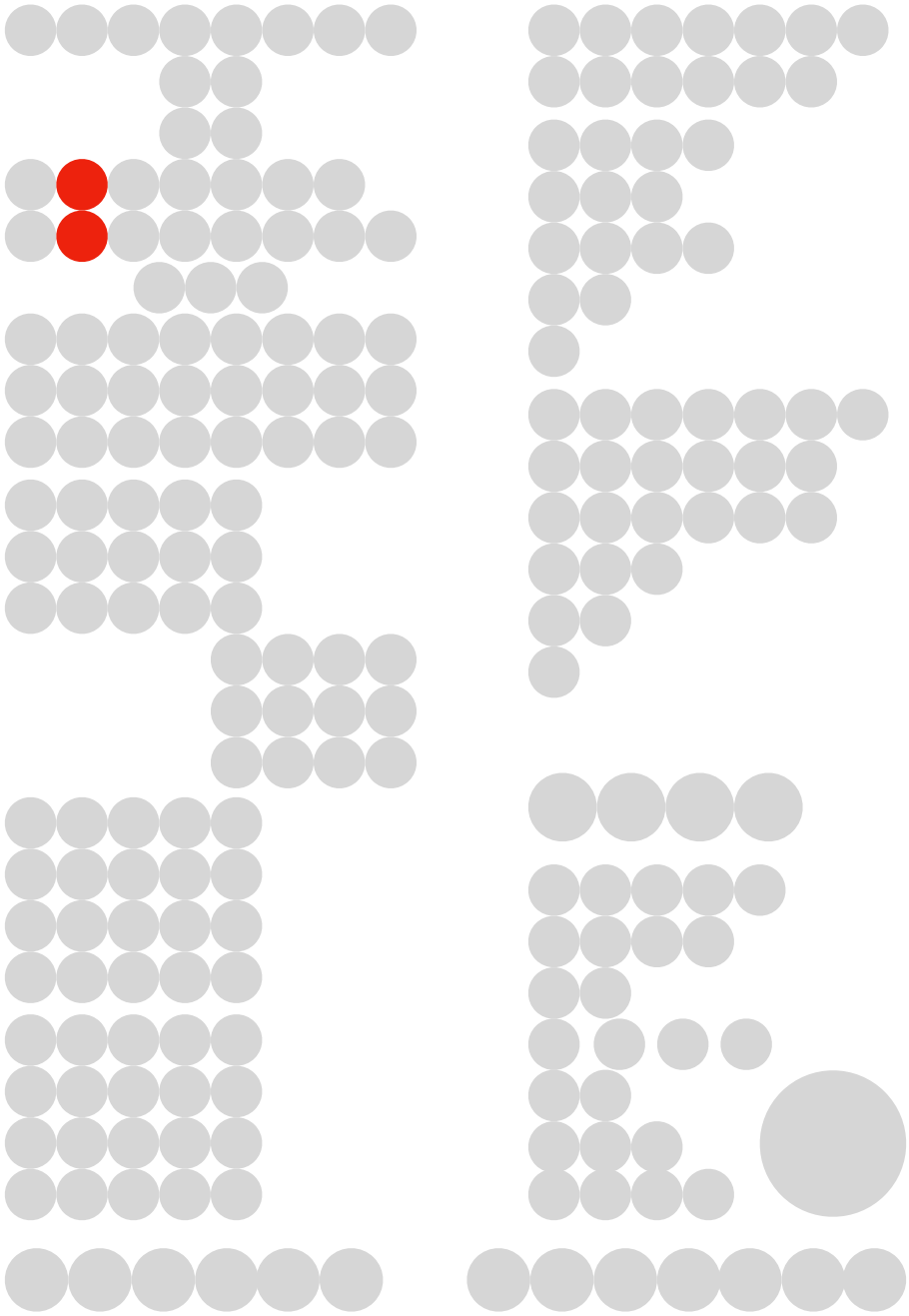

13. Tỷ thức giới: là 2 tâm tỷ thức tức là cái biết của mũi.

TỶ THỨC GIỚI

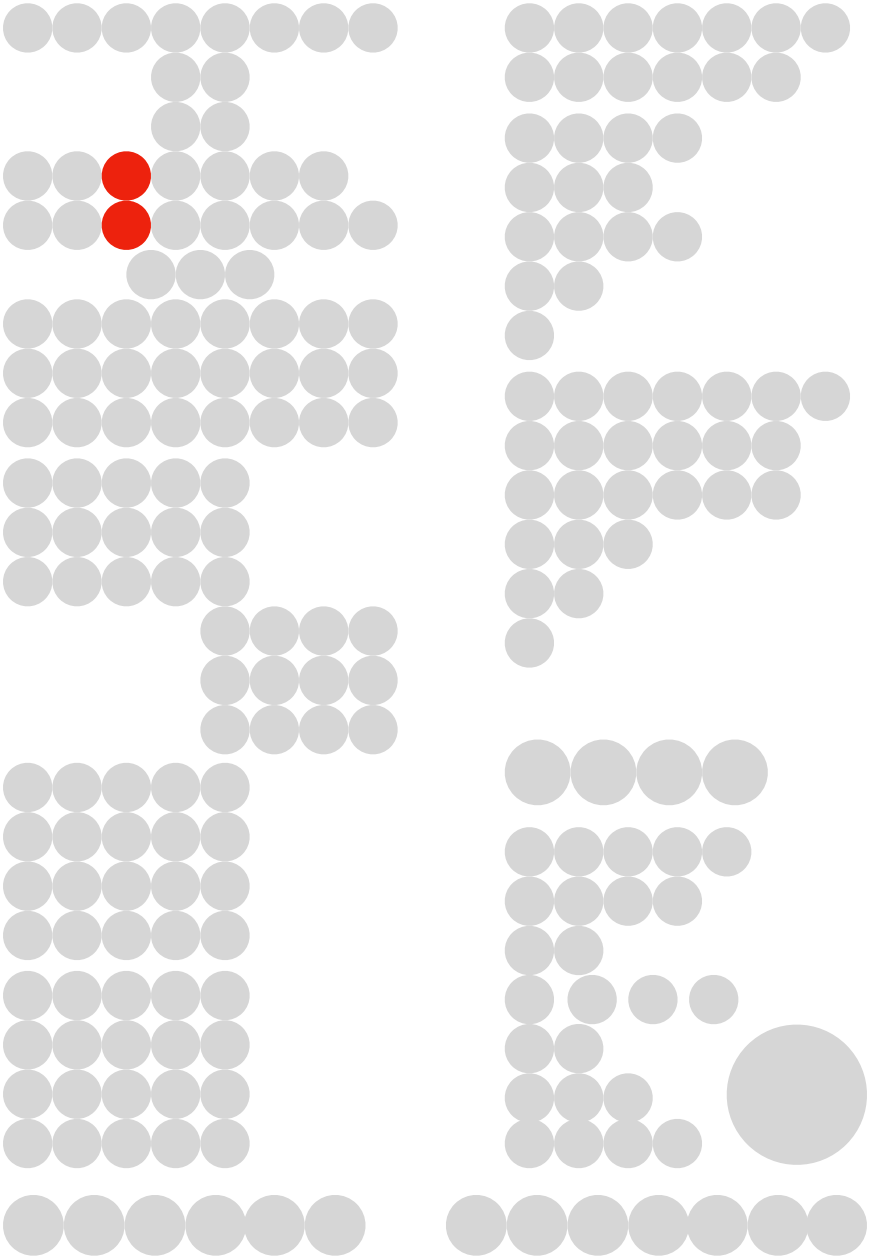

14. Thiệt thức giới: là 2 tâm thiệt thức tức là cái biết của lưỡi.

THIỆT THỨC GIỚI

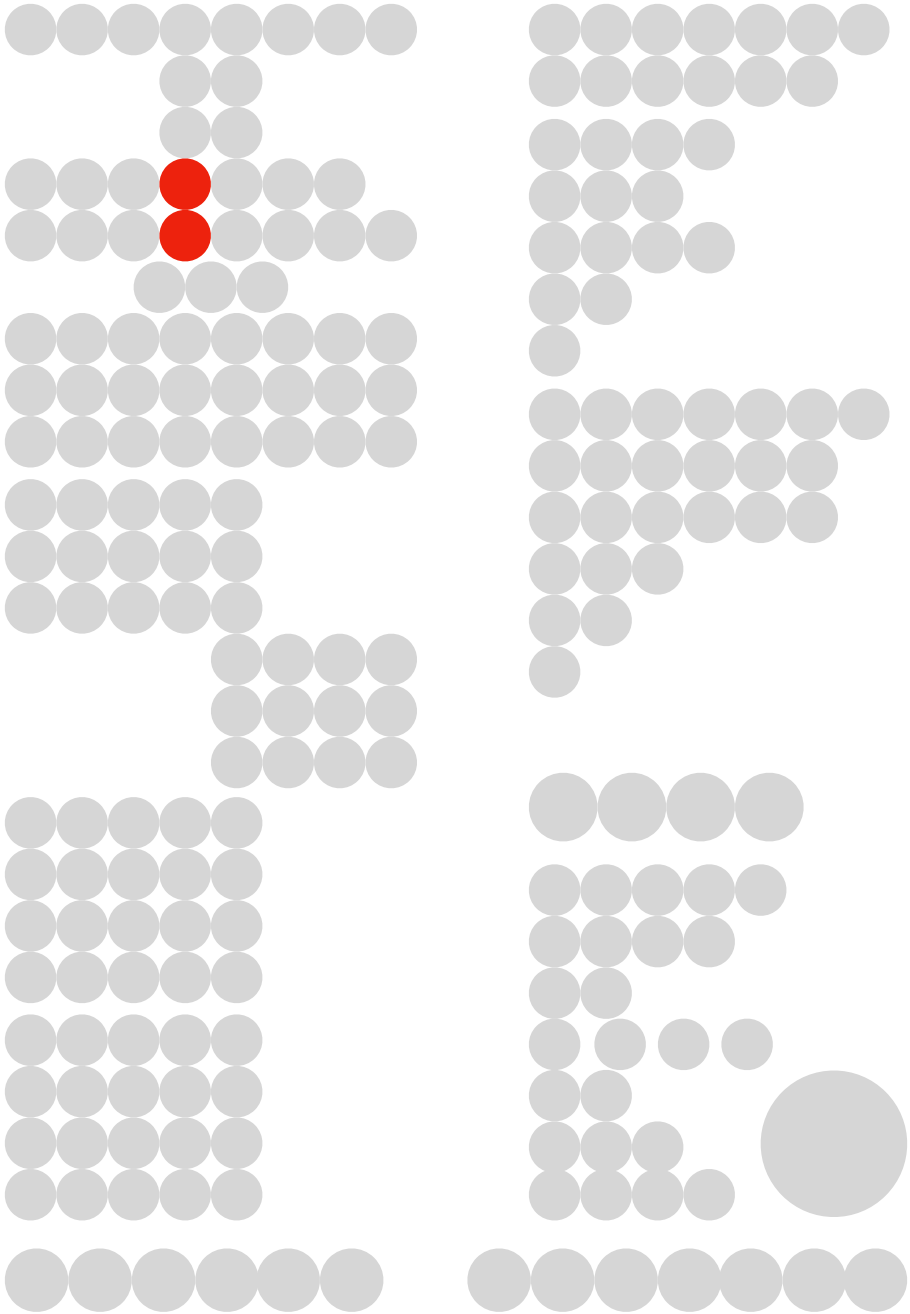

15. Thân thức giới: là 2 tâm thân thức tức là cái biết của thân.

THÂN THỨC GIỚI

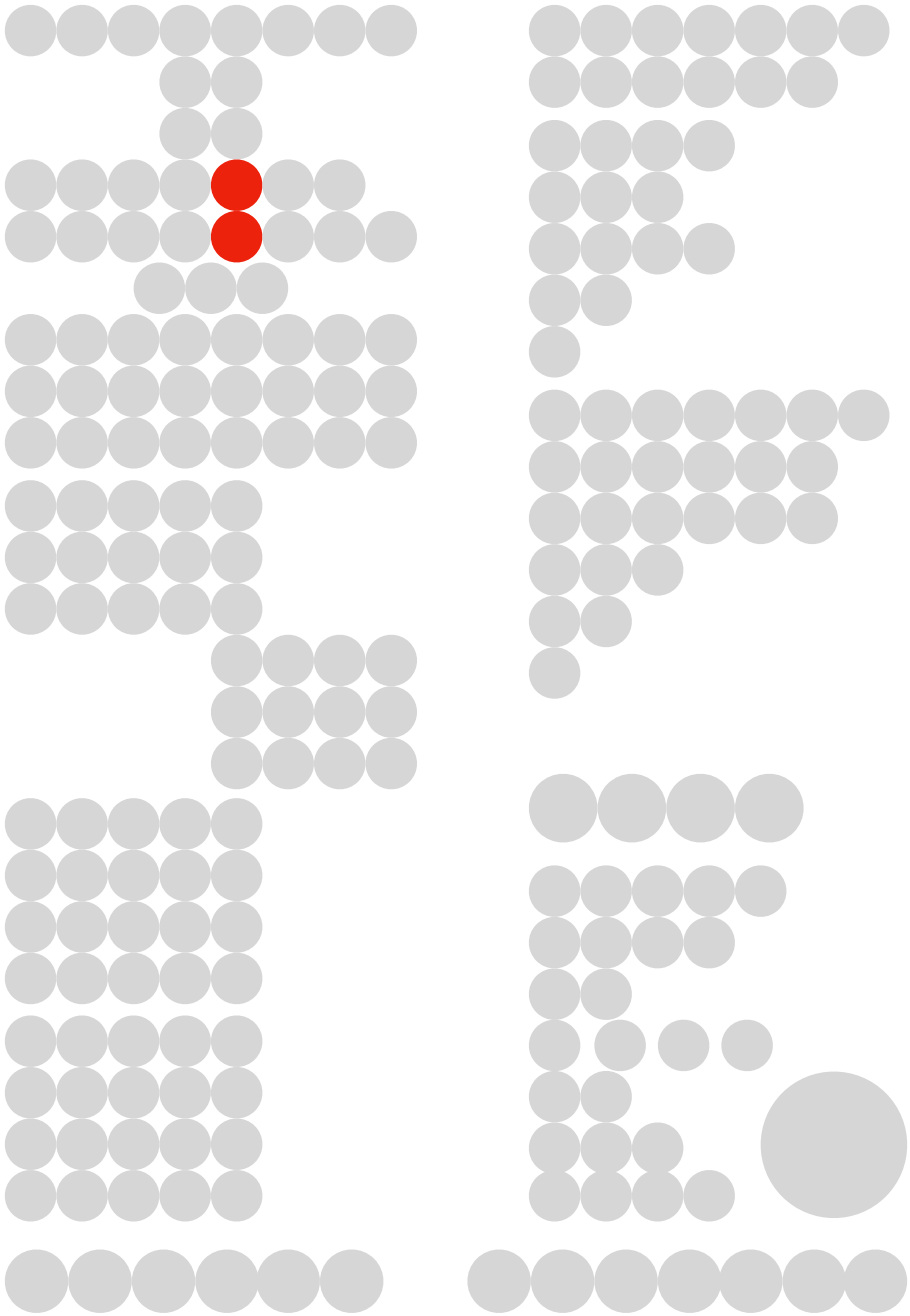

16. Ý giới: là 2 tâm tiếp thâu và tâm khán ngũ môn, biết này thuộc phần ý nhưng bắt cảnh ngũ (sắc, thinh, hương, vị, xúc) chứ không bắt cảnh pháp.

Ý GIỚI

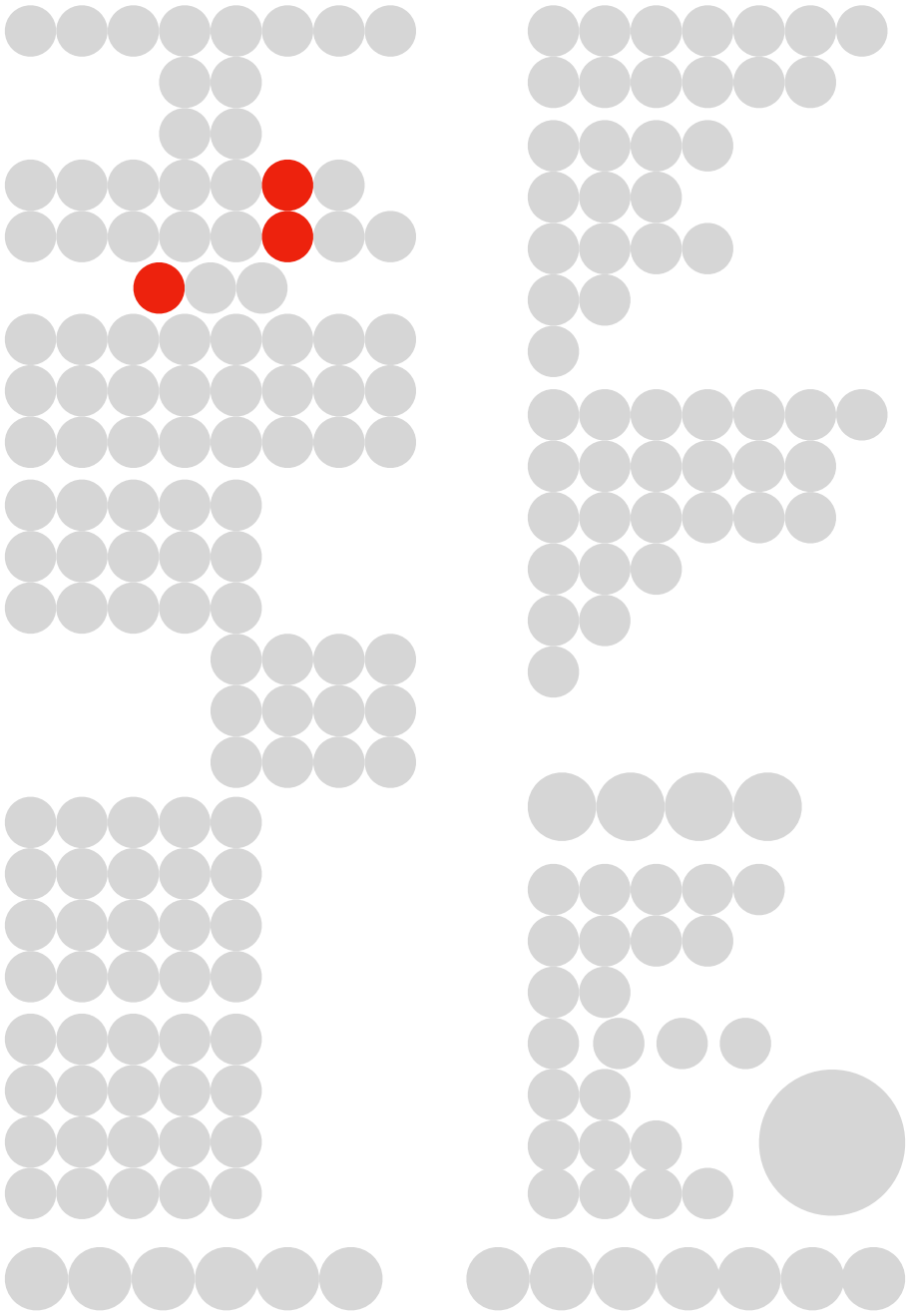

17. Ý thức giới: là 108 tâm còn lại (121 tâm trừ ngũ song thức và 3 ý giới), là cái biết của ý.

Ý THỨC GIỚI

18. Pháp giới: là 52 sở hữu 16 sắc tế và Niết bàn, là đối tượng của ý thức, là vật bị ý thức biết, là cảnh bị ý thức biết.

PHÁP GIỚI

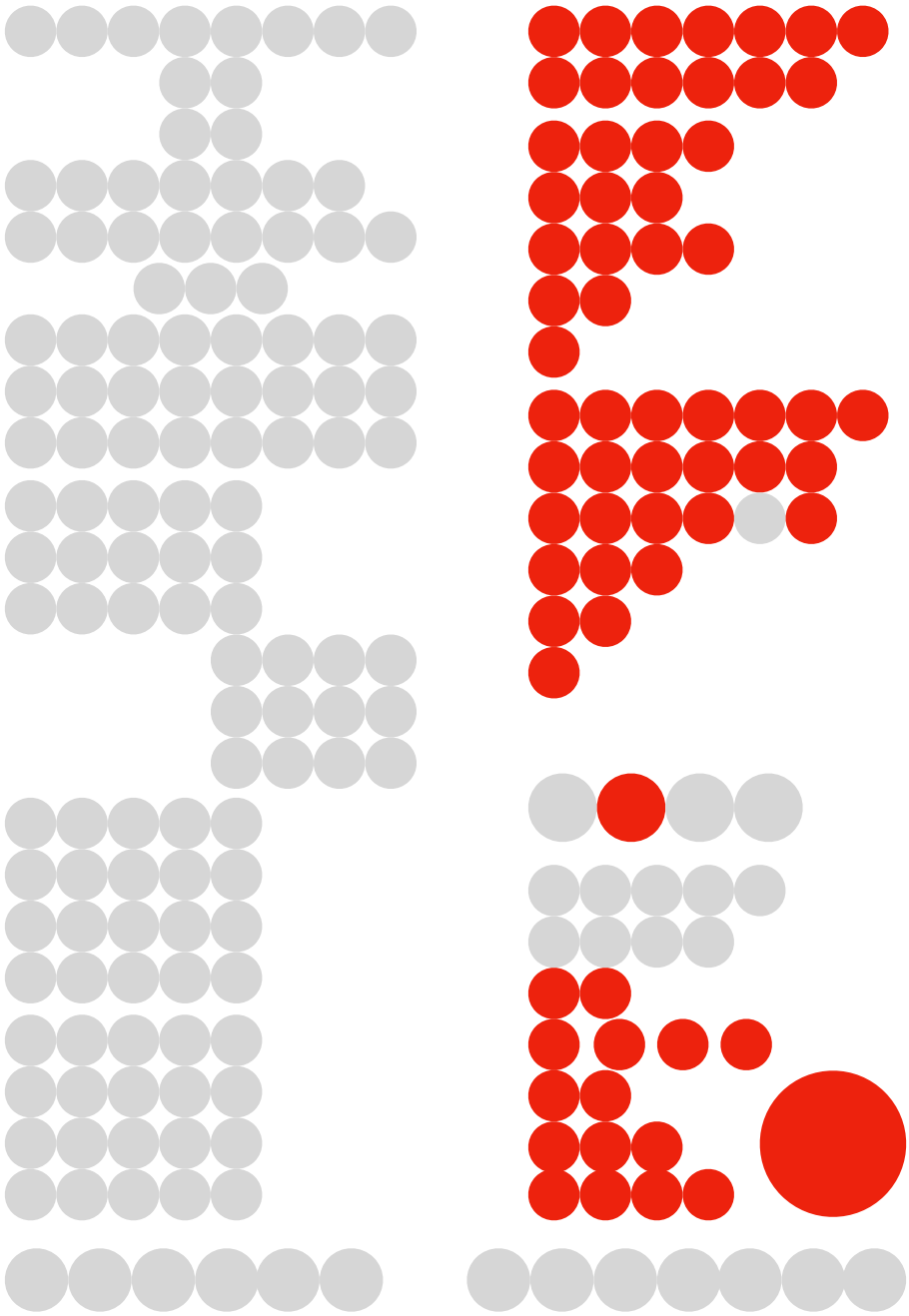

MỤC LỤC

CHƯƠNG I **11**
(BÀI 15) **11**
6 NHÂN
CHƯƠNG II **18**
SƠ ĐỒ NHÂN
CHƯƠNG III **31**
(BÀI 16) **31**
14 SỰ CỦA TÂM
CHƯƠNG IV **45**
SƠ ĐỒ 14 SỰ CỦA TÂM
CHƯƠNG V **77**
(BÀI 17) **77**
6 MÔN
CHƯƠNG VI **83**
SƠ ĐỒ 6 MÔN
CHƯƠNG VII **96**
(BÀI 18) **96**
6 VẬT
CHƯƠNG VIII **101**
SƠ ĐỒ 6 VẬT
CHƯƠNG IX **114**
(BÀI 19) **114**
21 CẢNH
CHƯƠNG X **135**
SƠ ĐỒ 21 CẢNH
CHƯƠNG XI **179**
(BÀI 20) **179**

31 CÕI
CHƯƠNG XII **194**
SƠ ĐỒ 31 CÕI
CHƯƠNG XIII **218**
(BÀI 21) **218**
5 UẨN
CHƯƠNG XIV **223**
SƠ ĐỒ 5 UẨN
CHƯƠNG XV **235**
(BÀI 22) **235**
TỨ ĐẾ
CHƯƠNG XVI **241**
SƠ ĐỒ TỨ ĐẾ
CHƯƠNG XVII **252**
(BÀI 23) **252**
12 XỨ
CHƯƠNG XVIII **255**
SƠ ĐỒ 12 XỨ
CHƯƠNG XIX **269**
(BÀI 24) **269**
18 GIỚI
CHƯƠNG XX **273**
SƠ ĐỒ 18 GIỚI

HẾT TẬP III